

CÔNG TY CPCK SÀI GÒN – HÀ NỘI
SAIGON – HANOI SECURITIES JSC.,

Số/No: 370 /2019/CV - SHS
(V/v: Công bố thông tin
Báo cáo thường niên năm 2018)
(Ref: Information disclosure
of Annual Report of 2019)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2019
Hanoi, April 18th, 2019

Kính gửi/To: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/The State Securities Commission
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/Hanoi Stock Exchange
Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh/Hochiminh Stock Exchange

1. Tên công ty/Organization name: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội/Saigon-Hanoi Securities JSC.,
2. Mã chứng khoán/Securities Code: SHS
3. Mã thành viên/Member code: 069
4. Địa chỉ trụ sở chính/Address of head office: Tầng 1-5, Toà nhà Unimex Hà Nội, số 41, Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội/1st -5th Floors, Unimex Hanoi Building, No. 41, Ngo Quyen road, Hoan Kiem district, Hanoi city.
5. Điện thoại/Telephone: 024.38.181888 Fax/Fax: 024.38.181688
6. Người thực hiện công bố thông tin/ Spokesman: Vũ Đức Tiến – Tổng Giám đốc đồng thời là Người đại diện theo pháp luật/Vu Duc Tien – General Director and Legal Representative
7. Loại thông tin công bố/Information disclosure type: Định kỳ/Periodicity
8. Nội dung của thông tin công bố/Contents of information disclosure:
- Báo cáo thường niên năm 2018/Annual Report of 2018.
9. Địa chỉ website đăng tải thông tin công bố/The website's address of the disclosure::
<https://www.shs.com.vn/News/2019418/1010123/shs-cong-bo-thong-tin-bao-cao-thuong-nien-nam-2018.aspx>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố/We hereby certify that the information provided is true and correct and we will bear the full responsibility to the law.

Trân trọng/Best regards./.

Tài liệu kèm theo/Attached documents:

- Annual Report of 2018.

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên /As stated above;
- Lưu VT, P.PC&QTRR/Kept at Archives
and L&R management department.

CÔNG TY CPCK SÀI GÒN – HÀ NỘI
SAIGON – HANOI SECURITIES JSC.,



VŨ ĐỨC TIẾN
TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR



CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

TOÀN
DIỆN
ĐỔI MỚI
BỀN VỮNG
**THÀNH
CÔNG**

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2018

TOÀN
DIỆN
ĐỔI MỚI,
BỀN VỮNG
THÀNH
CÔNG

MỤC LỤC

PHẦN 1 07

GỚI THIỆU CHUNG

Điểm nhấn 2018
Thông tin chung
Các chỉ số cơ bản

PHẦN 2 25

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Tổng quan nền kinh tế và thị trường chứng khoán năm 2018
Báo cáo của Hội đồng quản trị
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Đánh giá tài chính Công ty tham chiếu quy chế Camel

PHẦN 3 69

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019

Nhận định tổng quan năm 2019
Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2019

PHẦN 4 83

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức bộ máy
Nhân sự chủ chốt
Hội đồng quản trị
Ban Kiểm soát
Kiểm toán nội bộ
Quản trị rủi ro
Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích
Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty
Thông tin dành cho cổ đông
Quan hệ cổ đông
Công bố thông tin
Đánh giá quản trị công ty tham chiếu thẻ điểm Asean và quy chế Camel

PHẦN 5 151

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mục tiêu phát triển bền vững
Báo cáo phát triển bền vững năm 2018
Kế hoạch hành động năm 2019
Đánh giá phát triển bền vững của Công ty theo tiêu chuẩn GRI

PHẦN 6 175

BÁO CÁO ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính được kiểm toán



GIỚI THIỆU CHUNG

Điểm nhấn 2018 ●

Thông tin chung ●

Các chỉ số cơ bản ●

▶ ĐIỂM NHẤN 2018



SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG

235

NGƯỜI



TĂNG

12,4%

DOANH THU VÀ THU NHẬP KHÁC
ĐẠT MỨC CAO NHẤT

1.247,9

TỶ ĐỒNG



TĂNG

14,1%

TỔNG TÀI SẢN
ĐẠT MỨC CAO NHẤT

4.869,0

TỶ ĐỒNG



TĂNG

17,8%

VỐN CHỦ SỞ HỮU
ĐẠT MỨC CAO NHẤT

1.865,3

TỶ ĐỒNG



TĂNG

27,2%

NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

177,9

TỶ ĐỒNG



TĂNG

76,3%

QUẢN LÝ

42.655

TÀI KHOẢN



TĂNG

56,8%

QUẢN LÝ

24.900

TỶ ĐỒNG GIÁ TRỊ CHỨNG KHOÁN

1.100

TỶ ĐỒNG TIỀN GỬI



TĂNG

30,4%

TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
ĐẠT MỨC CAO NHẤT

351,6%



TĂNG

20,5%

THỊ PHẦN MÔI GIỚI

# 4	TẠI SÀN HNX - NIÊM YẾT	# 8	TẠI SÀN HNX - TRÁI PHIẾU CP
# 6	TẠI SÀN HSX - NIÊM YẾT	# 7	TẠI SÀN HSX - TRÁI PHIẾU TPCP
# 7	TẠI SÀN UPCOM		

HOÀN THÀNH SÁP NHẬP
SHBS VÀO SHS

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) trực thuộc UBCKNN, được thành lập từ năm 2007 bởi các cổ đông sáng lập là Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T, Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam, Tập đoàn Cao su Việt Nam... Trong quá trình phát triển, SHS đã kế thừa uy tín, kinh nghiệm và sức mạnh tài chính của các Ngân hàng, Tổng Công ty và Tập đoàn kinh tế hàng đầu Việt Nam.

Tên giao dịch:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Mã cổ phiếu: SHS

Giấy phép thành lập và hoạt động:

66/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 15/11/2007

Mã thành viên: 069

Vốn điều lệ:

1.054 tỷ đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu:

1.125 tỷ đồng

Địa chỉ:

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41, Ngõ Quyển, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại:

84-24-38 181 888

Website:

www.shs.com.vn

Fax:

84-24-3 8181 688



TẦM NHÌN

Trở thành công ty chứng khoán hoạt động đa năng theo mô hình ngân hàng đầu tư hàng đầu Việt Nam và là thương hiệu uy tín trên TTCK Châu Á.



SỨ MỆNH

Tạo ra lợi nhuận tối đa cho các cổ đông; đóng góp, xây dựng và phát triển TTCK Việt Nam an toàn, hiệu quả; tạo môi trường làm việc tốt, thu nhập cao và cơ hội thăng tiến cho cán bộ, nhân viên; cung cấp những dịch vụ tài chính, chứng khoán đa dạng, chất lượng cho khách hàng và đối tác.



SÁNG TẠO

Đánh giá cao sự sáng tạo. Ý tưởng sáng tạo giúp SHS liên tục tự hoàn thiện, giải quyết vấn đề hiệu quả hơn, nâng cao chất lượng dịch vụ và đưa SHS lại gần hơn với khách hàng.



CHÍNH TRỰC

Chính trực bao gồm bảo mật, trung thực và tin cậy là nền tảng để tạo dựng niềm tin và uy tín của SHS. Luôn tuân thủ các chuẩn mực về đạo đức nghề nghiệp thể hiện trong từng hành động của mỗi cán bộ, nhân viên SHS.



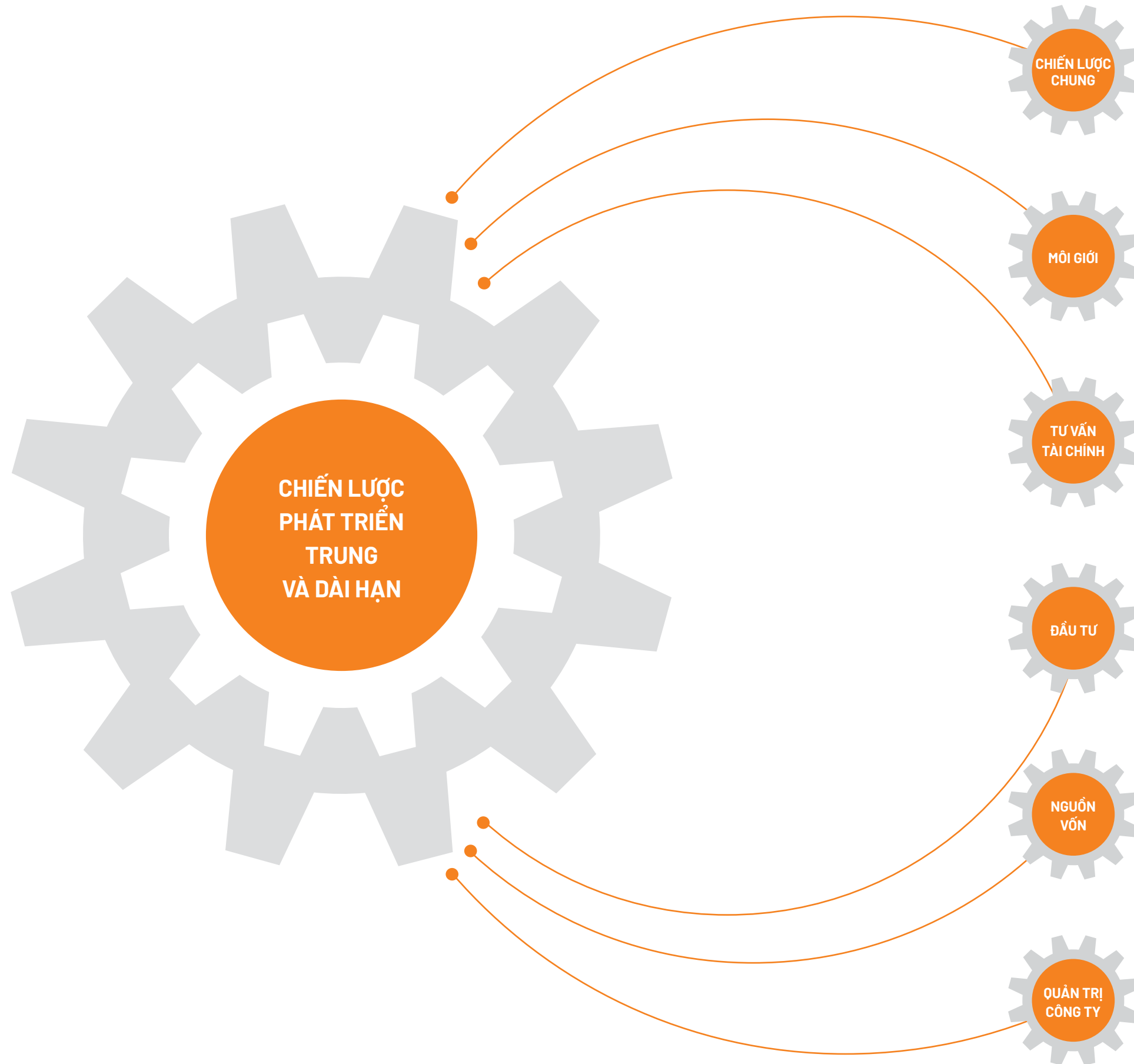
CHUYÊN NGHIỆP

Sự xuất sắc và chuyên nghiệp của từng thành viên trong Công ty là nền tảng để xây dựng SHS trở thành một tập thể vững mạnh.



SỰ HÀI LÒNG CỦA KHÁCH HÀNG

Không ngừng nỗ lực để nâng cao chất lượng dịch vụ. Luôn có thể tìm ra các giải pháp mới, mang tính đột phá để phục vụ khách hàng tốt hơn. Biết ơn và sẵn sàng lắng nghe ý kiến khách hàng để tự hoàn thiện.



Phát triển đồng đều các mảng hoạt động truyền thống của một công ty chứng khoán đa năng lấy hoạt động môi giới và tư vấn tài chính doanh nghiệp làm nền tảng.

Tiếp tục duy trì sự hiện diện trong Top 5 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất trên cả 2 sàn, lấy tăng trưởng giá trị tài sản ròng của khách hàng làm động lực, tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng và chất lượng tư vấn đầu tư trên nền tảng công nghệ hiện đại, tiện dụng, thân thiện với người dùng và hệ thống quản trị rủi ro toàn diện.

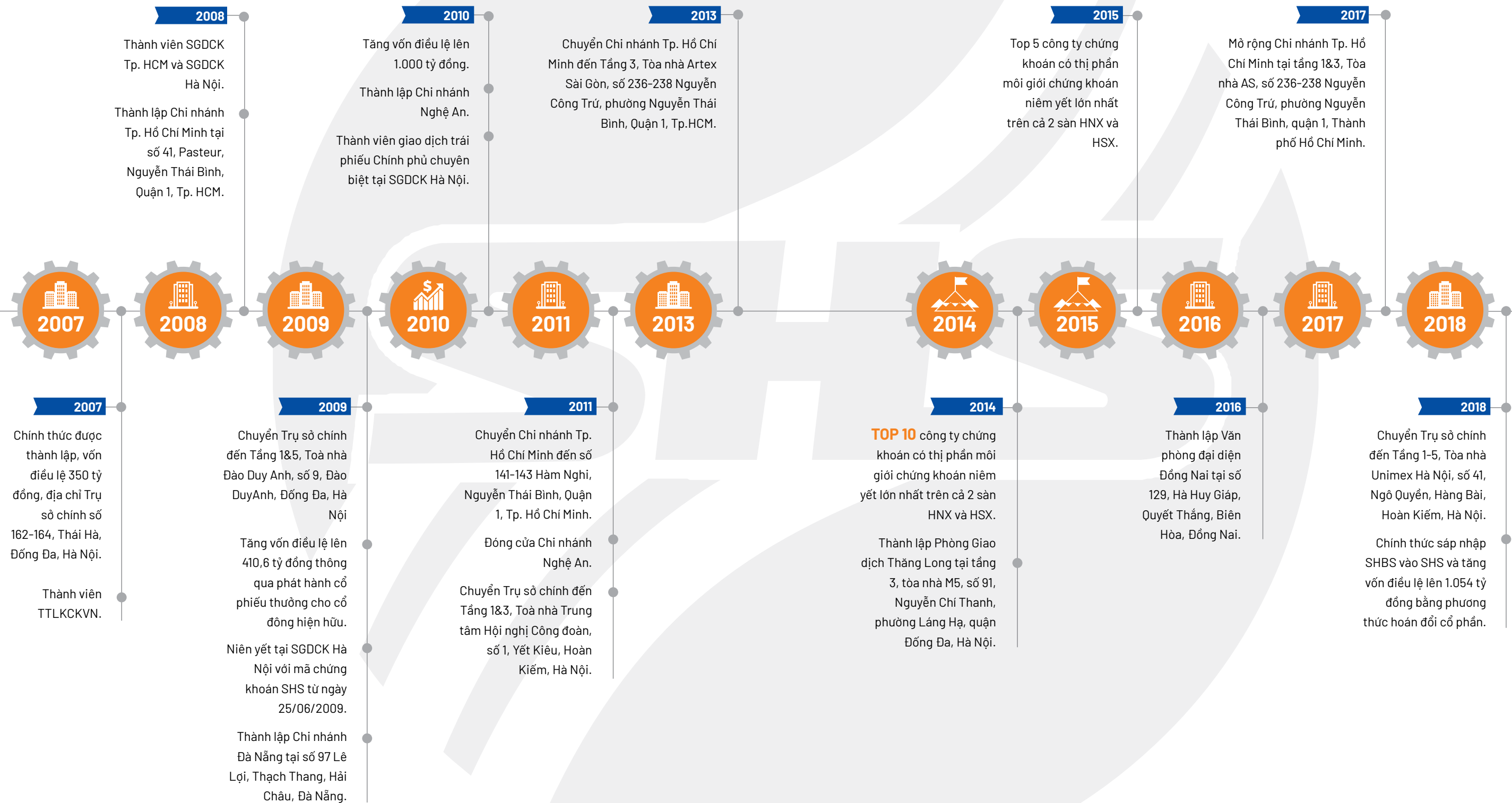
Lấy dịch vụ tư vấn cổ phần hóa và trái phiếu doanh nghiệp làm nền tảng để xây dựng một cơ sở khách hàng chất lượng, bền vững từ đó hướng tới việc cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư có hàm lượng chất xám và giá trị gia tăng cao như bảo lãnh phát hành, mua bán sáp nhập, tái cấu trúc doanh nghiệp qua đó định vị SHS là một trong những nhà tư vấn tài chính và môi giới vốn hàng đầu tại Việt Nam.

Tái cơ cấu quyết liệt danh mục đầu tư theo hướng chuyển dịch tỷ trọng đầu tư dài hạn vào các doanh nghiệp tốt, có nền tảng vững chắc, cung cấp vốn và chuyên gia hàng đầu đồng hành với doanh nghiệp hỗ trợ phát triển bền vững. Danh mục ngắn hạn được đầu tư thuận theo xu hướng thị trường chung và được quản lý rủi ro tốt.

Đa dạng hóa các kênh hợp tác để phân tán rủi ro trên cơ sở tự chủ tài chính bằng cách từng bước nâng cao quy mô vốn chủ sở hữu của Công ty.

Hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp trên cơ sở có sự định hướng chiến lược xuyên suốt theo quy định của pháp luật hiện hành và các thông lệ quản trị hiện đại tốt nhất.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG



DO CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VINH DANH

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bằng khen đã có thành tích trong phong trào thi đua của Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2015, 2016, 2017, 2018.

Bằng khen đã có thành tích trong phong trào chuyên đề nộp ngân sách 2017.

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Giấy khen đã có thành tích đóng góp cho sự phát triển của UBCKNN giai đoạn 1996-2016, năm 2017.

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Top 50 Báo cáo thường niên tốt nhất trao giải năm 2013, 2016, 2017.

Top 30 Báo cáo thường niên tốt nhất và Top 20 Báo cáo quản trị tốt nhất Nhóm vốn hóa vừa trao giải năm 2018.

Công ty chứng khoán tiêu biểu giai đoạn 2017-2018.

BỘ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

Nhà Tư vấn Cổ phần hóa và Thoái vốn DNNN tiêu biểu năm 2015, 2016-2017.

Công ty chứng khoán uy tín năm 2015.

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty chứng khoán tiêu biểu giai đoạn 2005-2015, 2015-2016, 2017-2018.

Doanh nghiệp niêm yết thực hiện quản trị công ty tốt nhất năm 2016-2017.

TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Công ty chứng khoán tiêu biểu trong hoạt động lưu ký chứng khoán năm 2016, 2017.

Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán năm 2018.

DO CÁC ĐƠN VỊ KHÁC VINH DANH

HỘI SỞ HỮU TRÍ TUỆ VIỆT NAM

Top 50 thương hiệu nổi tiếng năm 2016, 2017, 2018.

HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ TP. HÀ NỘI

Doanh nhân, doanh nghiệp tiêu biểu Hà Nội vàng 2015.

PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Top 100 doanh nghiệp đạt chỉ số năng lực quản trị tài chính tốt năm 2016, 2017, 2018.

Công ty đạt chỉ số năng lực quản trị tài chính tốt nhất ngành chứng khoán Việt Nam năm 2018.

CỤC THUẾ HÀ NỘI

Người nộp thuế thực hiện tốt chính sách pháp luật thuế năm 2017

CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

SHS tham gia tất cả các hoạt động kinh doanh chứng khoán trên TTCK Việt Nam bao gồm nhưng không hạn chế ở các hoạt động sau:



MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

SHS cung cấp đa dạng các dịch vụ môi giới chứng khoán như cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ... niêm yết và chưa niêm yết theo quy định của pháp luật hiện hành. SHS cũng là nhà cung cấp các dịch vụ đấu giá dưới nhiều hình thức khác nhau (như trực tiếp tổ chức đấu giá, đại lý đấu giá của Sở GDCK...). Có thể nói, SHS là nhà cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán uy tín, tin cậy của hàng vạn khách hàng cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước bằng công nghệ vượt trội và đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp.



LƯU KÝ VÀ QUẢN LÝ SỔ CỔ ĐÔNG

Lưu ký và quản lý sổ cổ đông là dịch vụ không thể thiếu đối với công ty chứng khoán có dịch vụ môi giới chứng khoán. Do đó, SHS cung cấp đa dạng các dịch vụ lưu ký cho khách hàng bao gồm nhưng không giới hạn ở việc lưu ký và tái lưu ký chứng khoán; thực hiện quyền cho cổ đông; chuyển khoản, tất toán chứng khoán; cho, tặng, thừa kế chứng khoán; phong tỏa và giải tỏa chứng khoán; giao dịch chứng khoán lô lẻ.

SHS cũng là nhà cung cấp dịch vụ quản lý sổ cổ đông chuyên nghiệp cho rất nhiều Tổ chức phát hành góp phần tiết kiệm chi phí và thời gian cho doanh nghiệp, tăng tính thanh khoản của chứng khoán quản lý bằng các dịch vụ điển hình như theo dõi và quản lý chuyển nhượng, thực hiện quyền cho cổ đông...



ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

SHS sử dụng nguồn vốn tự có để thực hiện đầu tư vì mục tiêu lợi nhuận trên cơ sở tuân thủ nguyên tắc tuân thủ pháp luật và không làm xung đột lợi ích với khách hàng. Danh mục đầu tư của SHS rất đa dạng như cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ... niêm yết và chưa niêm yết trong nhiều lĩnh vực, ngành nghề khác nhau, của nhiều doanh nghiệp quy mô khác nhau trên cơ sở có tiềm năng tăng trưởng, tài sản chất lượng tốt, và có khả năng mang lại mức sinh lời cao cho SHS.



PHÂN TÍCH VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Để hỗ trợ cho các hoạt động đầu tư của khách hàng, SHS cung cấp đa dạng các báo cáo phân tích và dịch vụ tư vấn đầu tư thông qua các bản tin sáng, các báo cáo phân tích (báo cáo phân tích vĩ mô, báo cáo nhận định thị trường, báo cáo phân tích ngành, báo cáo phân tích doanh nghiệp, báo cáo phân tích chứng khoán, báo cáo khuyến nghị đầu tư...), các buổi hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư, tổ chức đi thăm và tìm hiểu doanh nghiệp, báo giá chứng khoán...



TƯ VẤN TÀI CHÍNH

SHS cung cấp đa dạng các dịch vụ tư vấn tài chính như tư vấn phát hành (riêng lẻ, ra công chúng), tư vấn niêm yết, tư vấn cổ phần hóa, tư vấn phát hành trái phiếu, tư vấn chuyển đổi hình thức doanh nghiệp, tư vấn thoái vốn và bán đấu giá cổ phần, tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp, tư vấn mua bán, sáp nhập, tư vấn khác (tổ chức ĐHĐCĐ, công bố thông tin, lập báo cáo thường niên, đăng ký công ty đại chúng, đăng ký giao dịch, quản lý cổ đông, huy động vốn...) bởi đội ngũ chuyên gia tư vấn chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm.



BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

Bảo lãnh phát hành là một dịch vụ quan trọng của SHS trong đó SHS cung cấp dịch vụ bảo lãnh phát hành dưới các hình thức khác nhau (như bảo lãnh với cam kết chắc chắn, bảo lãnh với cố gắng cao nhất...). Ngoài ra, SHS cũng cung cấp dịch vụ tư vấn đấu giá dưới các hình thức khác nhau (như trực tiếp tổ chức đấu giá, đại lý đấu giá của Sở GDCK...)



DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

Để đáp ứng nhu cầu vốn cho mục đích đầu tư chứng khoán của khách hàng, SHS cung cấp đa dạng các dịch vụ tài chính như mua quyền nhận tiền bán chứng khoán, cho vay giao dịch ký quỹ, tư vấn đầu tư và quản lý tài sản đảm bảo cho bên thứ ba cung cấp dịch vụ tài chính cho khách hàng của SHS... SHS đảm bảo cung cấp các dịch vụ tài chính với thủ tục và hồ sơ nhanh gọn, linh hoạt, phù hợp với nhiều đối tượng khách hàng.

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG



TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ : Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
số 41, đường Ngô Quyền, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Điện thoại : 84-24-38181 888

Fax : 84-24-38181 688

Email : contact@shs.com.vn

Website : <http://www.shs.com.vn>

Với mạng lưới hoạt động trên cả 3 miền đất nước, SHS có địa bàn hoạt động kinh doanh phủ khắp cả nước.



CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ : Tầng 1&3, Tòa nhà AS số 236-238,
đường Nguyễn Công Trứ, phường
Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 84-28-3945 1368

Fax : 84-28-3915 1369

Email : contact-hcm@shs.com.vn



CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

Địa chỉ : Số 97, đường Lê Lợi, quận Hải Châu,
thành phố Đà Nẵng

Điện thoại : 84-236-3525 777

Fax : 84-236-3525779

Email : contact-dn@shs.com.vn

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN ĐỒNG NAI

Địa chỉ : Số 129, đường Hà Huy Giáp,
phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa,
tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 84-251-3819989

PHÒNG GIAO DỊCH THĂNG LONG

Địa chỉ : Tầng 3, Tòa nhà M5, số 91,
đường Nguyễn Chí Thanh,
quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 84-24-32696 666

Fax : 84-24- 32919 999

Email : contact-thanglong@shs.com.vn

CÁC CHỈ SỐ CƠ BẢN (KPLS)

CÁC CHỈ TIÊU BCĐKT (Đơn vị: tỷ đồng)

CHỈ TIÊU	2014	2015	2016	2017	2018
Tổng tài sản	3.173,0	2.875,6	3.314,4	4.134,5	4.869,0
Nợ phải trả	2.265,2	1.847,6	2.200,9	2.668,5	3.003,6
Nguồn vốn chủ sở hữu	907,8	1.028,0	1.113,5	1.466,0	1.865,3
Vốn điều lệ	1.000,0	1.000,0	1.000,0	1.000,0	1.054,0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cp)	99.845.000	99.845.000	100.000.000	100.000.000	105.395.674

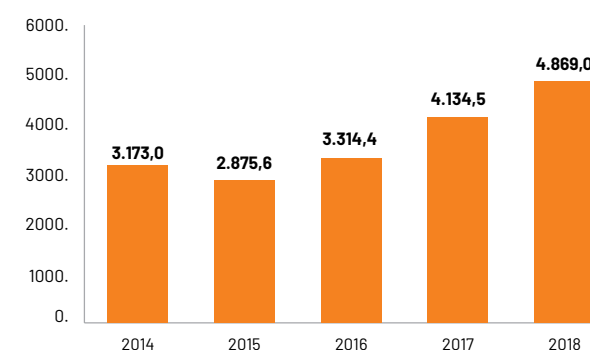
CÁC CHỈ TIÊU BCKQKD (Đơn vị: tỷ đồng)

CHỈ TIÊU	2014	2015	2016	2017	2018
Tổng doanh thu và thu nhập khác	399,8	518,8	566,0	1.093,7	1.247,9
CAGR tổng doanh thu và thu nhập khác	198,4%	96,8%	61,6%	69,0%	56,2%
Tổng chi phí	277,7	400,6	479,4	643,0	837,2
Lợi nhuận kế toán trước thuế	122,1	118,2	86,6	450,7	410,7
Lợi nhuận kế toán sau thuế	122,1	118,2	86,6	369,6	358,1
CAGR lợi nhuận kế toán sau thuế	952,6%	219,2%	95,4%	135,7%	98,6%

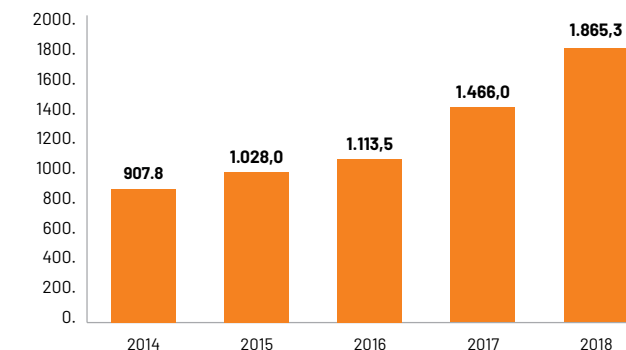
CÁC CHỈ TIÊU ĐẶC THÙ KHÁC

CHỈ TIÊU	2014	2015	2016	2017	2018
Hệ số thanh toán nhanh	70,8%	27,1%	28,7%	4,0%	66,0%
Hệ số thanh toán hiện hành	138,9%	228,2%	261,7%	192,3%	375,5%
Tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)	14,4%	12,2%	8,1%	28,7%	21,5%
Tỷ lệ lợi nhuận trên tài sản (ROA)	4,8%	3,9%	2,8%	9,9%	8,0%
Giá trị sổ sách trên một cổ phiếu (BVPS)	9.078	10.279	11.135	14.659	17.698
Lãi cơ bản trên một cổ phiếu (EPS)	1.223	1.183	866	2.925	2.746
Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng tại 31/12	215,7%	231,0%	236,7%	294,2%	351,6%

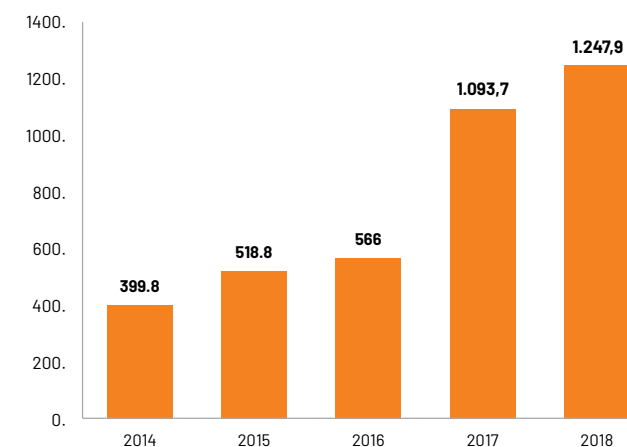
TỔNG TÀI SẢN (TỶ VNĐ)



NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (TỶ VNĐ)

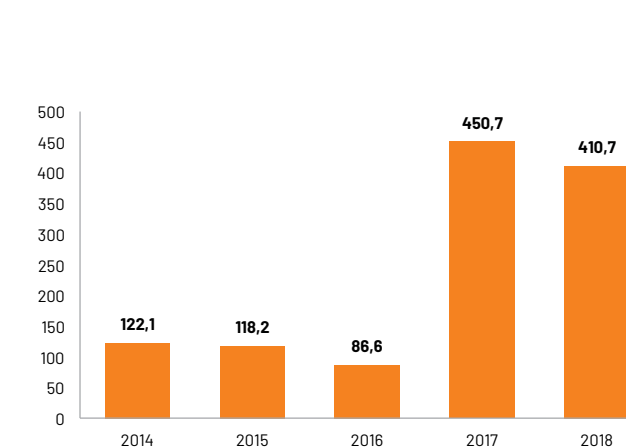


TỔNG DOANH THU VÀ THU NHẬP KHÁC (TỶ VNĐ)

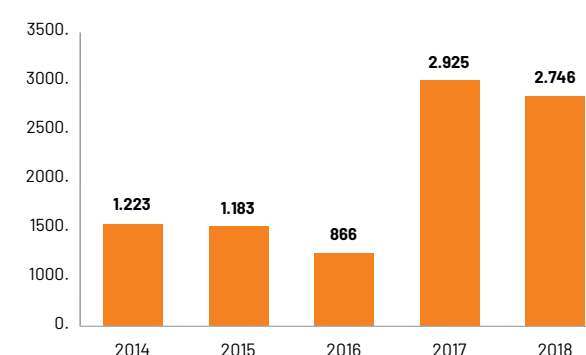


Nguồn: SHS Research

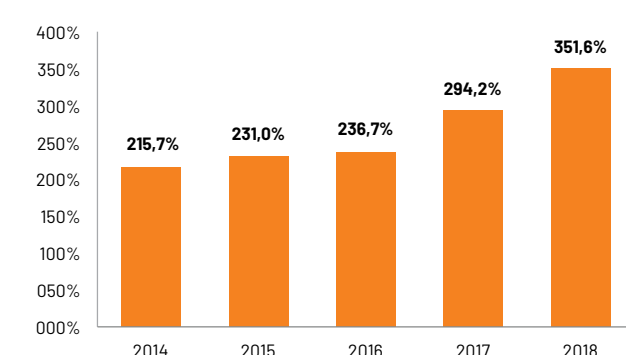
LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (TỶ VNĐ)



LÃI CƠ BẢN TRÊN MỘT CỔ PHIẾU (EPS)



TỶ LỆ AN TOÀN VỐN KHẢ DỤNG TẠI 31/12



Nguồn: SHS



BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

- Tổng quan nền kinh tế và thị trường chứng khoán năm 2018
- Báo cáo của Hội đồng quản trị
- Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- Đánh giá tài chính Công ty tham chiếu quy chế Camel

TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2018

KINH TẾ THẾ GIỚI

Kinh tế thế giới năm 2018 tăng trưởng không như kỳ vọng, đạt 3,7% (theo IMF) và 3,1% (theo WB) so với mức lần lượt là 3,8% và 3,1% của năm 2017. Nguyên nhân chủ yếu là do sự giảm tốc tại khu vực Châu Âu (giảm từ 2,4% xuống còn 1,8% trong năm 2018) và một số nền kinh tế lớn tại Châu Á mà điển hình là Nhật Bản, tăng trưởng giảm xuống 0,8% so với 1,9% của năm 2017. Kinh tế Trung Quốc tiếp tục đà giảm tăng khi chỉ đạt 6,6%, giảm so với mức 6,8% của năm 2017 và năm 2018 cũng là năm ghi nhận mức tăng trưởng thấp nhất của quốc gia này kể từ năm 1990.

Điểm sáng trong năm 2018 là kinh tế Mỹ tiếp tục đà phục hồi, tăng trưởng 2,9% so với mức 2,2% của năm 2017 và là động lực chủ chốt cho nền kinh tế toàn cầu năm 2018. Giá

dầu thế giới trong năm 2018 biến động mạnh dù vẫn trong xu hướng phục hồi sau cú sốc 2015-2016 khi có thời điểm lên tới trên 80\$/thùng trước khi có đợt giảm mạnh tới 38% vào quý 4/2018.

Căng thẳng thương mại Mỹ - Trung là điểm nổi bật trong năm 2018 với việc hai bên liên tục áp thuế trả đũa lên các mặt hàng nhập khẩu của nhau sau nhiều vòng đàm phán không thành công, cụ thể là tới cuối năm 2018 Mỹ đang áp thuế xuất 25% đối với 50 tỷ USD và 10% đối với 200 tỷ USD hàng hóa khác nhập khẩu từ Trung Quốc còn Trung Quốc đang áp thuế xuất 25% đối với 50 tỷ USD và 5%-10% đối với 60 tỷ USD hàng hóa khác nhập khẩu từ Mỹ.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

Trên thị trường tài chính, chịu tác động bởi lo ngại của nhà đầu tư trước những căng thẳng thương mại Mỹ - Trung, diễn biến bất thường của giá dầu, chính sách thắt chặt tiền tệ qua 4 lần nâng lãi suất của FED, khủng hoảng nợ tại Thổ Nhĩ Kỳ, tiến trình Brexit của Anh, thị trường chứng khoán toàn cầu chứng kiến sự biến động mạnh trong năm 2018.

Thị trường chứng khoán Mỹ sau 2 lần thiết lập kỷ lục đã chứng kiến sự sụt giảm mạnh, đặc biệt là giai đoạn quý 4/2018 và

đánh mất toàn bộ đà tăng trong năm 2018 kéo các thị trường khác cũng giảm theo, thậm chí một số chỉ số còn rơi vào thị trường "gấu".

Trong số các thị trường mới nổi, chứng khoán Trung Quốc có mức giảm mạnh nhất tới 25% trong khi chứng khoán Hàn Quốc cũng giảm 17%. Trên thị trường tiền tệ, trong khi đồng USD tăng giá nhờ lãi suất tăng thì đồng Nhân dân tệ giảm giá do căng thẳng thương mại với Mỹ.

DIỄN BIẾN TĂNG TRƯỞNG MỘT SỐ CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN NĂM 2018



KINH TẾ VIỆT NAM

Trong nước, bức tranh kinh tế có nhiều điểm sáng khi GDP năm 2018 tăng trưởng 7,1%, vượt mục tiêu 6,7% và là mức cao nhất kể từ năm 2007 nhờ sự phục hồi của lĩnh vực nông, lâm, thủy sản trong khi lĩnh vực công nghiệp chế tạo vẫn duy trì được đà tăng nhờ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (Samsung, Formosa...). Chỉ số giá tiêu dùng bình quân trong năm 2018 tăng 3,5%, tương đương năm 2016 và thấp hơn so với mục tiêu 4,0%. Thu hút FDI năm 2017 giảm 13,9% về số vốn đăng ký với 25,6 tỷ USD tuy nhiên vốn thực hiện tăng 9,1% đạt 19,1 tỷ USD. Bên cạnh đó, cán cân thương mại đạt thặng dư năm thứ 3 liên tiếp với con số kỷ lục 7,2 tỷ USD, kiều hối duy trì ở mức cao (gần 16 tỷ USD) và dòng vốn ngoại đầu tư gián tiếp tăng 59,8% (9,89 tỷ USD) giúp cho dự trữ ngoại hối của Việt Nam tiếp tục gia tăng lên mức cao 60 tỷ USD, tương đương với trên 12 tuần nhập khẩu qua đó giúp cho tỷ giá cả năm ổn định, chỉ tăng 1,2%. Thanh khoản của hệ thống ngân hàng nhìn chung dồi dào, mặt bằng lãi suất ổn định, tỷ lệ nợ xấu nội bảng tính tới cuối năm 2018 đã giảm xuống 1,9% từ mức 2,0% cuối năm 2017.

Quá trình cổ phần hóa, thoái vốn DNNN cũng diễn ra không đạt kỳ vọng với chỉ 11/85 doanh nghiệp được cổ phần hóa và chỉ có 18 đợt bán thoái vốn so với mục tiêu 181 doanh nghiệp, nguyên nhân chủ yếu là do sự bất cập trong các quy định pháp luật mới ban hành liên quan tới việc bán đấu giá, xác định giá trị doanh nghiệp...



MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2018

Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018	2019 KH
Tăng trưởng GDP	6,7%	6,2%	6,8%	7,1%	6,6% - 6,8%
Lạm phát	0,6%	4,7%	2,6%	3,0%	4,0%
Tăng trưởng tín dụng	17,3%	18,7%	18,2%	14,0%	14,0%
Tỷ giá (USD/VND)	21.890	22.159	22.425	22.825	
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	30,3	40,0	51,5	60,0	
Thâm hụt/thặng dư ngân sách (so với GDP)	-4,3%	-4,3%	-2,3%	-3,6%	

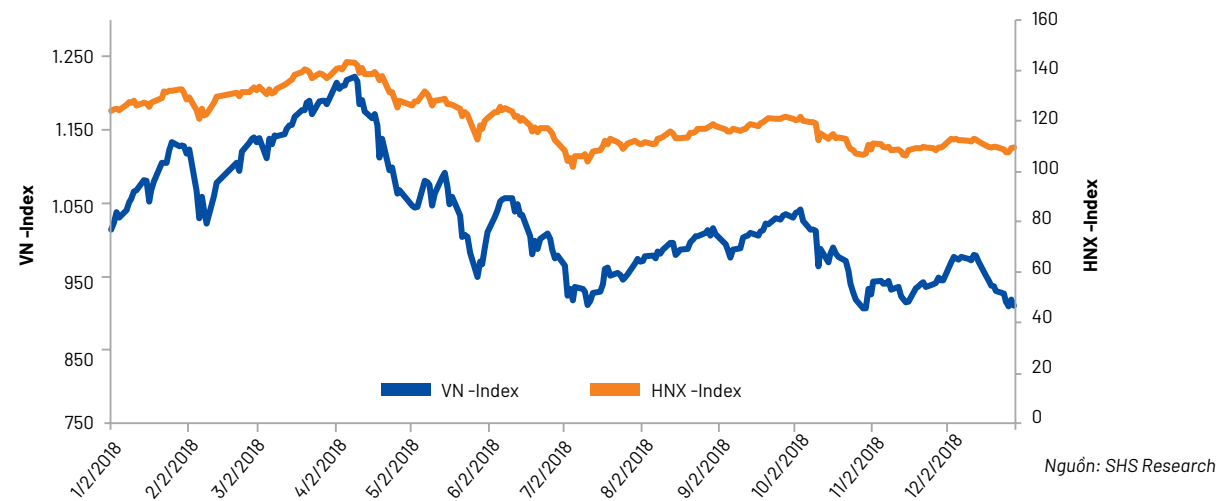
Nguồn: TCTK, WB, HSBC, NHNN, SHS Research

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Thị trường Chứng khoán Việt Nam năm 2018 ghi nhận sự biến động mạnh về điểm số. Tiếp nối đà tăng của năm 2017, Vn-Index có đợt tăng mạnh trong quý 1/2018 và thiết lập mức đỉnh cao mới trong lịch sử ở mức 1.211 điểm. Tuy nhiên, sau đó thị trường đã bước vào nhịp điều chỉnh mạnh trong quý 2/2018 với mức đáy tại 885 điểm. Mặc dù có sự phục hồi trở lại trong quý 3/2018

nhưng tác động xấu từ sự gia tăng cường độ trong cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc đã khiến cho chỉ số này tiếp đà sụt giảm trở lại và đóng cửa cuối năm tại mốc 892,5 điểm, giảm 9,3% so với cuối năm 2017 và đây cũng là năm đầu tiên kể từ năm 2011, VN-Index giảm điểm.

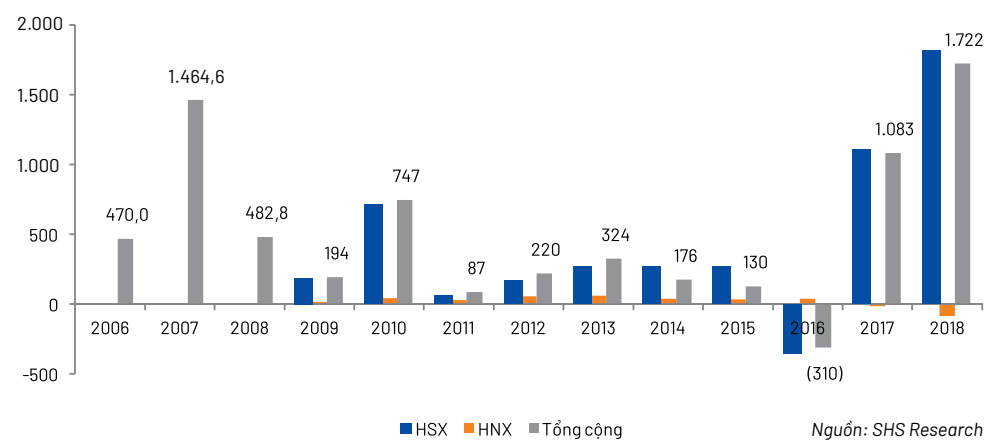
DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM NĂM 2018



Thanh khoản toàn thị trường trong năm 2018 tăng 28,7% so với năm 2017, giá trị giao dịch bình quân đạt gần 6.200 tỷ đồng/phiên. Dòng vốn ngoại tiếp tục đổ mạnh vào thị trường với giá trị mua ròng trên cả 2 sàn lên tới 1,8 tỷ USD, tăng 67% so với năm 2017 và là mức cao nhất trong lịch sử trong đó kỷ lục giao dịch thuộc về VHM với gần 26.000 tỷ đồng và MSN với 13.300 tỷ đồng. Bên cạnh đó, khối ngoại cũng tích cực tham gia các thương vụ phát hành trước khi lên sàn, IPO, thoái vốn nhà nước

với các thương vụ lớn như Techcombank (tổng cộng 29.500 tỷ đồng), PVOil, PVPower, Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)... Giá trị vốn hóa toàn thị trường tại thời điểm cuối năm 2018 đạt 3,9 triệu tỷ đồng, mức cao nhất từ trước tới nay và tương đương với 71,6% GDP. Thị trường Chứng khoán Việt Nam cũng được tổ chức FTSE Russel đưa vào danh sách theo dõi để nâng hạng từ cận biên lên mới nổi loại 2.

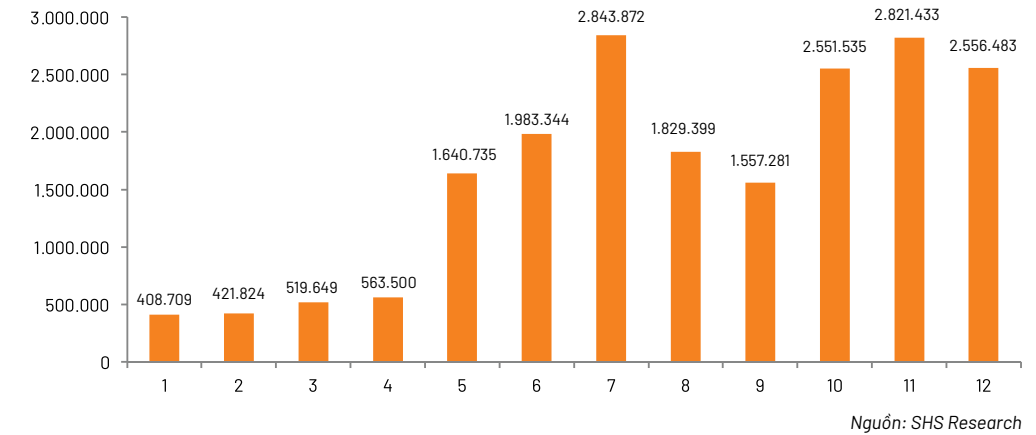
GIÁ TRỊ MUA/BÁN RÒNG CỦA NĐTNN (TRIỆU USD)



Sau khi đi vào hoạt động trong năm 2017, Thị trường Chứng khoán phái sinh có sự phát triển mạnh trong năm 2018 cả về thanh khoản cũng như số tài khoản mở mới. Khối lượng giao dịch bình quân trong năm đạt 78.791 hợp đồng/phiên, tăng gấp 7 lần so với năm 2017, có thời điểm thanh khoản đạt gần 15.000

tỷ đồng quy mô giao dịch (tương đương mức giao dịch thật một phiên đạt khoảng 2.000 tỷ đồng). Số lượng tài khoản giao dịch phái sinh đạt 57.677 tài khoản, gấp 3,4 lần so với thời điểm cuối năm 2017.

SỐ HỢP ĐỒNG PHÁI SINH GIAO DỊCH THEO THÁNG NĂM 2018



Hoạt động niêm yết nhìn chung diễn ra khá trầm lắng khi cả năm chỉ có 29 doanh nghiệp lên niêm yết, giảm 45% so với năm 2017. Hoạt động đăng ký giao dịch trên sàn Upcom của các doanh nghiệp OTC sau cổ phần hóa tiếp tục diễn ra khá nhộn

nhịp với 112 doanh nghiệp mới, qua đó đưa số lượng mã đăng ký trên sàn Upcom lên 804 mã trong đó có một số doanh nghiệp lớn như Viettel Global, Veam, Viettel Post, Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam...

CÁC SỐ LIỆU THỐNG KÊ TTCK VIỆT NAM

	2017	2018	+/- so với 2017
VN-Index	984,2	892,5	-9,3%
HNX-Index	116,9	104,2	-10,8%
Upcom-Index	54,9	52,8	-3,8%
Vốn hóa thị trường cổ phiếu (nghìn tỷ đồng)	3.475	3.960	+14,0%
Vốn hóa / GDP	69,4%	71,6%	
Số lượng tài khoản (triệu tài khoản)	1,9	2,2	+13,5%
Tổng số CP & CCQ niêm yết (tỷ CP&CCQ)	740	754	+1,9%
Hệ số P/E VN-Index	19,4	15,5	-20,3%
Hệ số P/B VN-Index	10,7	4,1	-61,2%
Hệ số P/E VN30-Index	22,9	16,8	-26,8%
Hệ số P/B VN30-Index	6,6	4,8	-27,3%

Nguồn: SHS Research

➤ MỘT SỐ CHÍNH SÁCH QUAN TRỌNG LIÊN QUAN ĐẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2018

Cơ quan ban hành	Số văn bản	Nội dung văn bản	Hiệu lực thi hành
Chính phủ	126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017	Chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần chính thức	01/01/2018
	32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại Doanh nghiệp	01/05/2018
	95/2018/NĐ-CP ngày 30/07/2018	Quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên TTCKVN	01/07/2018
	151/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018	Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Tài Chính trong đó có Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và Nghị định số 86/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 quy định điều kiện đầu tư, kinh doanh chứng khoán	07/11/2018
	163/2018/NĐ-CP ngày 04/12/2018	Quy định khung pháp lý cho thị trường trái phiếu doanh nghiệp	1/2/2019
	165/2018/NĐ-CP ngày 24/12/2018	Quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính	10/02/2019
Bộ Tài chính	134/2017/TT-BTC ngày 19/12/2017	Hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán	01/3/2018 Thay thế Thông tư số 87/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013
	15/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018	Quy định về chi phí phát hành, hoán đổi, mua lại, thanh toán gốc, lãi trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương	01/04/2018
	1468/BTC-CST ngày 05/02/2018	Chính sách thuế đối với chứng quyền có bảo đảm	
	23/2018/TT-BTC ngày 12/03/2018	Hướng dẫn kế toán chứng quyền có bảo đảm đối với công ty chứng khoán là tổ chức phát hành	27/4/2018

Cơ quan ban hành	Số văn bản	Nội dung văn bản	Hiệu lực thi hành
Bộ Tài chính	424/QĐ-BTC ngày 29/03/2018	Công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực chứng khoán thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính về đăng ký cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến	29/03/2018
	803/QĐ-BTC ngày 28/5/2018	Quyết định số 803/QĐ-BTC về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực chứng khoán thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính	28/5/2018
	950/QĐ-BTC ngày 19/6/2018	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 538/QĐ-BTC ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Vụ và Văn phòng thuộc Ủy Chứng khoán Nhà nước	19/6/2018
	111/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018	Hướng dẫn phát hành và thanh toán công cụ nợ của Chính phủ tại thị trường trong nước	01/01/2019 Thay thế: - Thông tư số 111/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 - Thông tư liên tịch số 92/2016/TTLT-BTC-NHNN ngày 27/6/2016 - Một phần Thông tư số 15/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018
	127/2018/TT-BTC ngày 27/12/2018	Quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại SGDCK và TTLKCKVN	15/02/2019 Thay thế Thông tư số 241/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
	128/2018/TT-BTC ngày 27/12/2018	Quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào TTLKCKVN	15/02/2019 Thay thế Thông tư số 242/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.

Cơ quan ban hành	Số văn bản	Nội dung văn bản	Hiệu lực thi hành
Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	1202/QĐ-UBCK ngày 25/12/2017	Ban hành Quy chế thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán của UBCKNN.	1/1/2018
	1205/QĐ-UBCK ngày 27/12/2017	Sửa đổi Quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25/01/2017	02/01/2018
	72/QĐ-UBCK ngày 18/01/2018	Quy chế hướng dẫn chào bán và phòng ngừa rủi ro	18/01/2018
	583/QĐ-UBCK ngày 06/07/2018	Quy chế mẫu về bán đấu giá theo lô chuyển nhượng vốn nhà nước, vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần	06/07/2018 Thay thế Quyết định số 999/QĐ-UBCK ngày 19/11/2015.
	584/QĐ-UBCK ngày 06/07/2018	Quy chế mẫu về bán đấu giá cổ phần giữa các nhà đầu tư chiến lược	06/07/2018
	585/QĐ-UBCK ngày 06/07/2018	Quy chế mẫu về bán đấu giá cổ phần ra công chúng	06/07/2018 Thay thế Quyết định số 895/QĐ-UBCK ngày 29/10/2012
	586/QĐ-UBCK ngày 06/07/2018	Quy chế mẫu về bán đấu giá thông thường chuyển nhượng vốn nhà nước, vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần	06/07/2018
SGDCK Hà Nội	653/QĐ-SGDHN ngày 12/10/2018	Quy chế giao dịch chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	05/11/2018
SGDCK Tp. HCM	66/QĐ-SGDHCM ngày 2/3/2018	Quy chế giao dịch chứng khoán tại SGDCK Tp. HCM	2/3/2018 Thay thế Quyết định số 341/QĐ-SGDHCM ngày 22/8/2016
	67/QĐ-SGDHCM ngày 2/3/2018	Quy định thời gian giao dịch, biên độ giao động giá, đơn vị giao dịch, loại lệnh áp dụng tại SGDCK Tp. Hồ Chí Minh	
	68/QĐ-SGDHCM ngày 2/3/2018	Quy chế hoạt động tạo lập thị trường và phòng ngừa rủi ro của tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm tại SGDCK Tp. HCM	2/3/2018
	69/QĐ-SGDHCM ngày 2/3/2018	Quy chế niêm yết và công bố thông tin đối với CW tại SGDCK Tp. Hồ Chí Minh	2/3/2018
	85/QĐ-SGDHCM ngày 19/3/2018	Ban hành quy chế niêm yết tại SGDCK Tp. HCM	Ban hành quy chế niêm yết tại SGDCK Tp. HCM
	01/QĐLT- SGDHCM- GDHN ngày 28/12/2018	Ban hành quy tắc xây dựng và quản lý Bộ chỉ số VNX-Index	28/12/2018 Thay thế 01/QĐLT- SGDHCM -SGDHN ngày 30/05/2017

Cơ quan ban hành	Số văn bản	Nội dung văn bản	Hiệu lực thi hành
Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	32/QĐ-VSD ngày 15/03/2018	Quy chế hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán giao dịch và thực hiện chứng quyền có bảo đảm	15/03/2018
	54/QĐ-VSD ngày 23/05/2018	Quy định hướng dẫn xử lý các nghiệp vụ qua Cổng giao tiếp trực tuyến của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	23/05/2018 Thay thế Quyết định số 79/QĐ-VSD ngày 19 tháng 06 năm 2015
	87/QĐ-VSD ngày 19/07/2018	Sửa đổi, bổ sung Quy chế ký quỹ, bù trừ và thanh toán chứng khoán phái sinh ban hành kèm theo Quyết định số 96/QĐ-VSD ngày 23/03/ 2017 của Tổng Giám đốc TTLCKVN	01/08/2018
	86/QĐ-VSD ngày 19/07/2018	Sửa đổi, bổ sung Quy chế thành viên bù trừ ban hành kèm theo Quyết định số 95/QĐ-VSD ngày 23 tháng 03 năm 2017 của Tổng Giám đốc TTLCKVN	01/08/2018
	127/QĐ-VS ngày 10/09/2018	Ban hành Quy định về việc tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quỹ mở tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	10/09/2018 Thay thế Quyết định số 151/QĐ-VSD ngày 12/09/2013

Như vậy, hệ thống văn bản pháp lý có hiệu lực ngay trong năm 2018 hoặc đầu năm sau tập trung vào việc tạo hành lang pháp lý cho các vấn đề quan trọng sau:

- Quy chế mẫu về bán đấu giá cổ phần
- Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại Doanh nghiệp
- Quản lý các công cụ nợ của Chính phủ trên TTCKVN
- Thủ tục hành chính trong lĩnh vực chứng khoán
- Điều kiện đầu tư, kinh doanh chứng khoán
- Giao dịch điện tử trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán
- Đào tạo và cấp chứng chỉ nghiệp vụ chứng khoán phái sinh
- Thị trường chứng khoán phái sinh
- Thị trường chứng quyền có bảo đảm
- Thị trường trái phiếu doanh nghiệp

Bên cạnh các văn bản pháp lý đã ban hành, dự thảo sửa đổi Luật Chứng khoán mặc dù đã tạo ra tiếng vang lớn trong năm 2018 và được kỳ vọng sẽ tạo môi trường pháp lý cho sự phát triển ổn định, bền vững của TTCK, đáp ứng yêu cầu hội nhập, góp phần bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, sự an toàn của hệ thống tài chính; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá

nhân tham gia đầu tư và hoạt động trên TTCKVN tuy nhiên, một số điểm quan trọng như liên quan tới việc nói room cho khối ngoại vẫn chưa có hướng giải quyết.

Bên cạnh đó một loạt các chính sách, sản phẩm mới như T+0, chứng quyền có bảo đảm (CW), hợp đồng tương lai với Trái phiếu Chính phủ cũng không được ban hành, triển khai như kỳ vọng.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ PHẦN

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Tính tới cuối năm 2018, số lượng công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam là 75 công ty (giảm được khoảng 29% tổng số công ty chứng khoán đã thành lập tại Việt Nam). Tình hình tài chính của các công ty chứng khoán dần được cải thiện và trở nên lành mạnh hơn, khả năng tiếp cận và huy động vốn cũng có nhiều thuận lợi hơn. Năm 2018 đánh dấu bằng việc hàng loạt các công ty chứng khoán có dự định hoặc chính thức thực hiện tăng vốn chủ sở hữu, đặc biệt là các công ty có nguồn vốn ngoại.

Tuy vậy, hoạt động kinh doanh của các công ty chứng khoán ít nhiều bị ảnh hưởng do diễn biến thị trường kém thuận lợi sau khi chỉ số VN-Index đạt đỉnh cao nhất trong lịch sử vào ngày 10/04/2018.



- Thị phần môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết tiếp tục tập trung cao ở nhóm 10 công ty chứng khoán dẫn đầu (chiếm khoảng 65-70% thị phần). Do đó, khoảng 65 công ty chứng khoán còn lại cạnh tranh giành lấy 30% thị phần còn lại. Mặt khác, đối nghịch với sự sụt giảm trên thị trường chứng khoán cơ sở thì trên thị trường chứng khoán phái sinh có một năm bùng nổ. Do đó, trong top 10, một số công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán phái sinh cao như VND, HCM, MBS vẫn đạt được mức tăng trưởng cao về doanh thu môi giới. Ngược lại, các công ty chứng khoán khác nằm trong top 10 nhưng chưa triển khai dịch vụ này có sự sụt giảm mạnh về doanh thu môi giới.

- Đối với hoạt động đầu tư, mặc dù ít nhiều bị ảnh hưởng bởi diễn biến thị trường nhưng một số công ty chứng khoán vẫn đạt được doanh thu hoạt động đầu tư lớn nhờ có danh mục đầu tư sớm, dài hạn và bền vững (như SSI, HSC, VCSC...), hay đánh giá lại các khoản đầu tư (như FPT.S...)

- Đối với hoạt động tư vấn và bảo lãnh phát hành, các công ty chứng khoán đạt được doanh thu cao tập trung chủ yếu vào các công ty có lợi thế trong mảng bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán (như TCBS...) hoặc có uy tín lâu năm về tư vấn đối với các tổ chức và các quỹ trong và ngoài nước (như SSI, HSC, VCSC...).

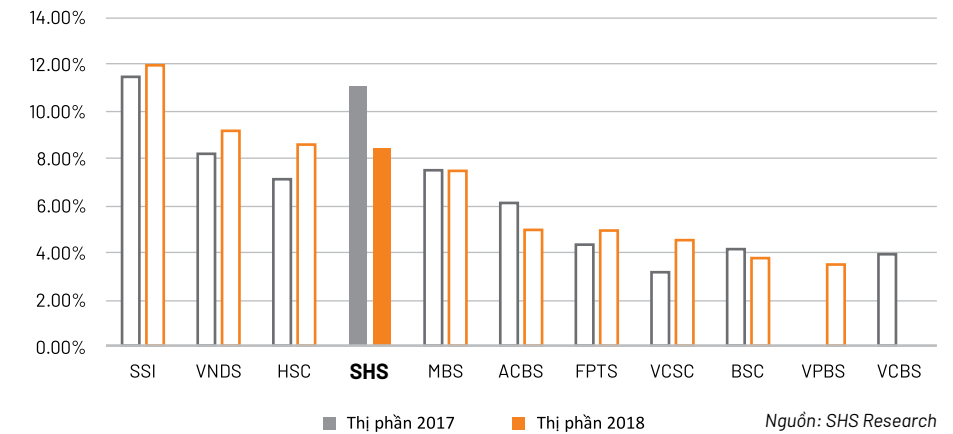
THỊ PHẦN MÔI GIỚI CỦA CÁC CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Thị phần môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết và đăng ký giao dịch

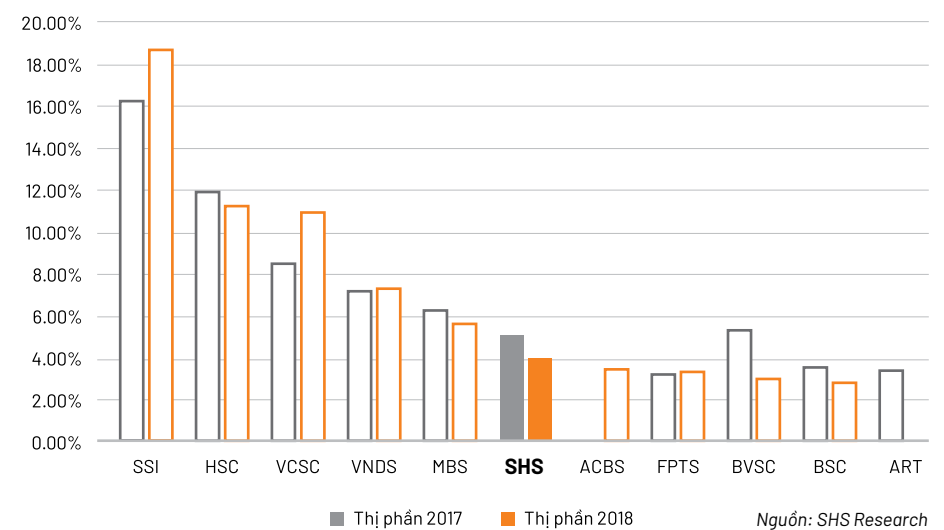
Áp lực cạnh tranh trong năm 2018 tiếp tục gia tăng. Ngoài áp lực đến từ các công ty thường xuyên trong top đầu với lợi thế lớn trong việc cung cấp dịch vụ cho khách hàng tổ chức, một số công ty chứng khoán, đặc biệt là các công ty có vốn ngoại, sau

khi được các cổ đông tăng thêm vốn trong năm 2018 cũng tham gia cạnh tranh gay gắt về thị phần. Hơn nữa, sự phân hóa giữa các công ty chứng khoán đứng đầu về thị phần (SSI) với công ty đứng vị trí cuối cùng của top 10 có xu hướng ngày càng rộng ra.

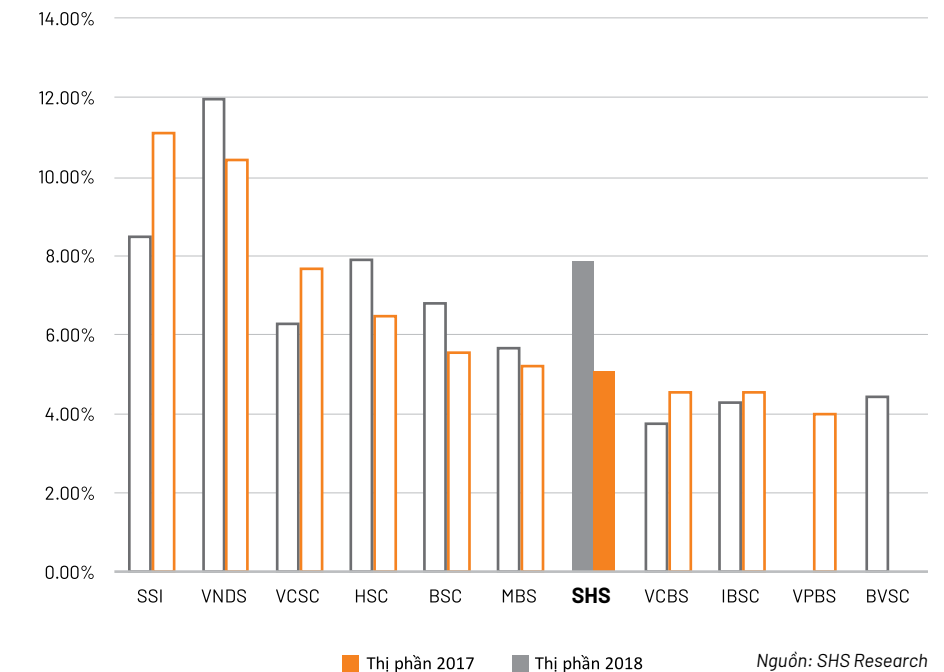
TOP 10 THỊ PHẦN MÔI GIỚI CỔ PHIẾU, CHỨNG CHỈ QUỸ NIÊM YẾT SÀN HNX



TOP 10 THỊ PHẦN MÔI GIỚI CỔ PHIẾU, CHỨNG CHỈ QUỸ NIÊM YẾT SÀN HSX



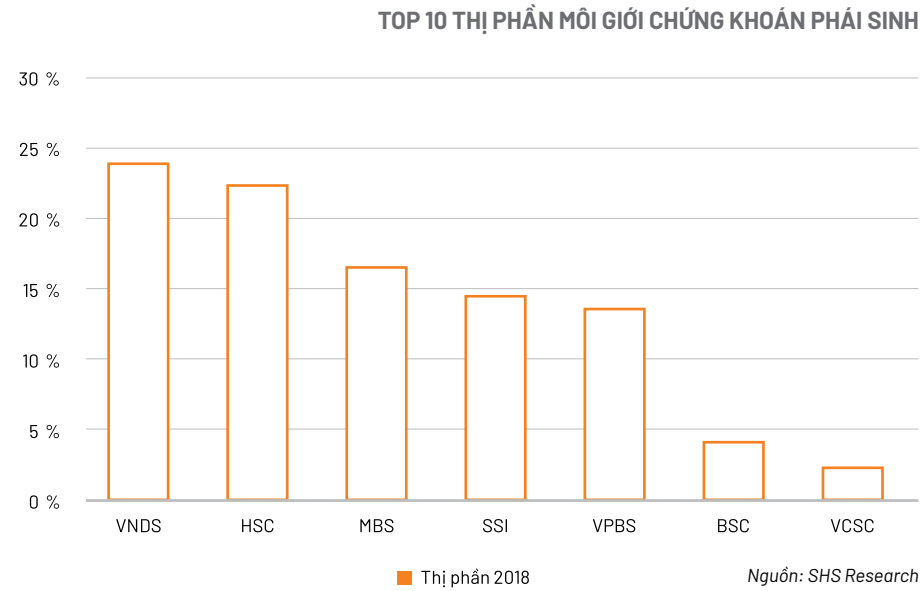
TOP 10 THỊ PHẦN MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TRÊN SÀN UPCOM



THỊ PHẦN MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

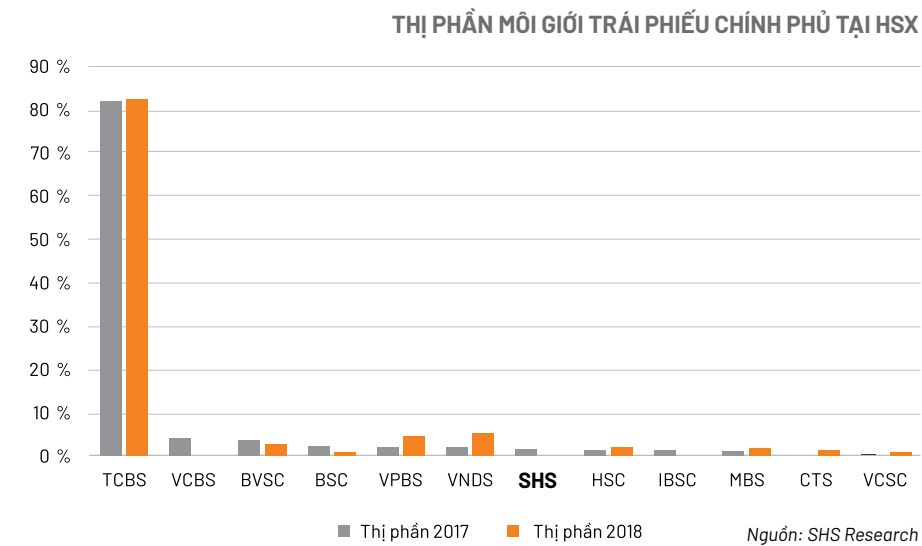
Năm 2018, Thị trường Chứng khoán Việt Nam ghi dấu ấn bằng việc triển khai thị trường chứng khoán phái sinh. Kết thúc năm đã có 13 công ty chứng khoán được cấp phép cung cấp dịch vụ môi giới.

Tuy vậy, 8 công ty top đầu đã nắm giữ 98,8% thị phần. SHS chưa cung cấp dịch vụ này trong năm 2018.



THỊ PHẦN MÔI GIỚI TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ

Thị phần môi giới trái phiếu Chính phủ năm 2018 không có nhiều thay đổi đột biến so với năm trước do đặc thù thị trường này chủ yếu dành cho các khách hàng là các ngân hàng, tổ chức, quỹ đầu tư lớn và các công ty chứng khoán có ngân hàng đứng sau hậu thuẫn. Mặc dù top 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới trái phiếu Chính phủ năm 2018 nắm giữ đến 98,7% thị phần nhưng riêng TCBS đã nắm giữ đến 81,7%. SHS đã quay trở lại bảng xếp hạng top 10 thị phần môi giới trái phiếu Chính phủ sau nhiều năm gần như không tham gia.



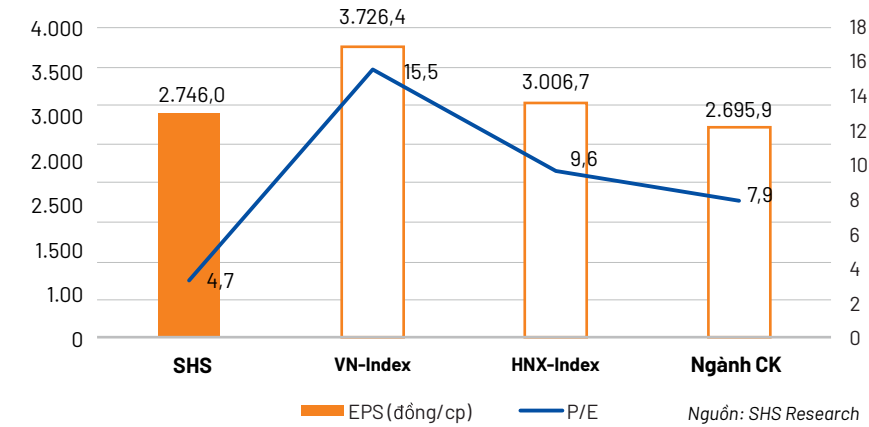
THỊ PHẦN MÔI GIỚI TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ TẠI HNX

Phân nhóm	Năm 2018	Năm 2017
Nhóm có tỷ trọng trên 10%	BSC, BVSC, VCBS, HSC	BSC, VCBS, BVSC, HSC
Nhóm có tỷ trọng trên 5% đến 10%	VCSC	Các công ty còn lại
Nhóm có tỷ trọng từ 5% trở xuống	Các công ty còn lại	

Nguồn: SHS Research

ĐỊNH VỊ SHS

SO SÁNH SHS VỚI THỊ TRƯỜNG VÀ VỚI NGÀNH



So với thị trường chứng khoán và so với ngành chứng khoán, SHS có lợi nhuận sau thuế/1 cổ phần thường chỉ thấp hơn toàn bộ thị trường và mức trung bình trên sàn HNX nhưng cao hơn mức trung bình của ngành chứng khoán. Ngược lại, chỉ số P/E của SHS thấp hơn hẳn mức trung bình của toàn thị trường, sàn HNX cũng như ngành chứng khoán. Điều đó cho thấy giá cổ phiếu của SHS đang được định giá quá thấp và sẽ có nhiều dư địa để tăng trong năm 2019.

SO SÁNH SHS VỚI CÁC CÔNG TY CHỨNG KHOÁN ĐANG HOẠT ĐỘNG TẠI VIỆT NAM

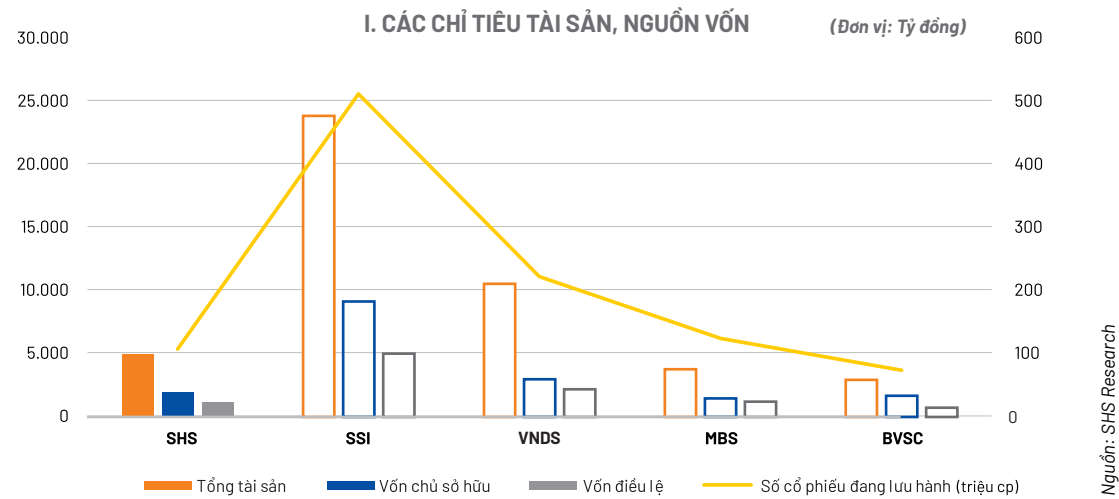
Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ đồng)	Vị trí
Tổng tài sản	4.869,0	7
Tổng nợ	3.003,6	4
Vốn chủ sở hữu	1.865,3	11
Vốn điều lệ	1.054,0	19
Tỷ lệ Nợ/Tổng tài sản	61,7%	3
Tỷ lệ Nợ/Vốn chủ sở hữu	161,0%	3
Tỷ lệ Nợ/Vốn điều lệ	266,9%	4

Nguồn: SHS Research

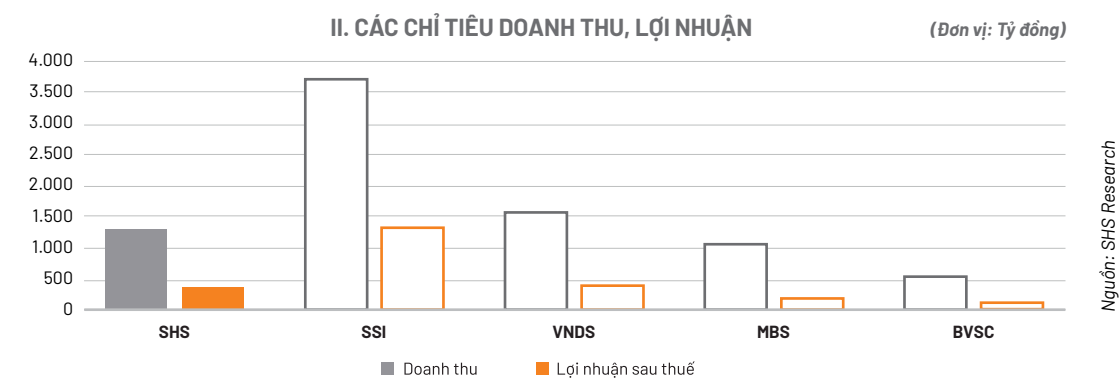
So sánh SHS với 75 công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam về tổng tài sản và vốn cho thấy tổng tài sản và nợ đang ở trong top 10 nhưng vốn điều lệ đứng ở vị trí thứ 19. Điều đó cho thấy vốn điều lệ của SHS hiện nay đang rất thấp cần phải sớm hoàn thành việc tăng vốn để nâng cao năng lực tài chính, hạn chế rủi ro.

SO SÁNH SHS VỚI CÁC CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KHÁC TRONG CÙNG NHÓM

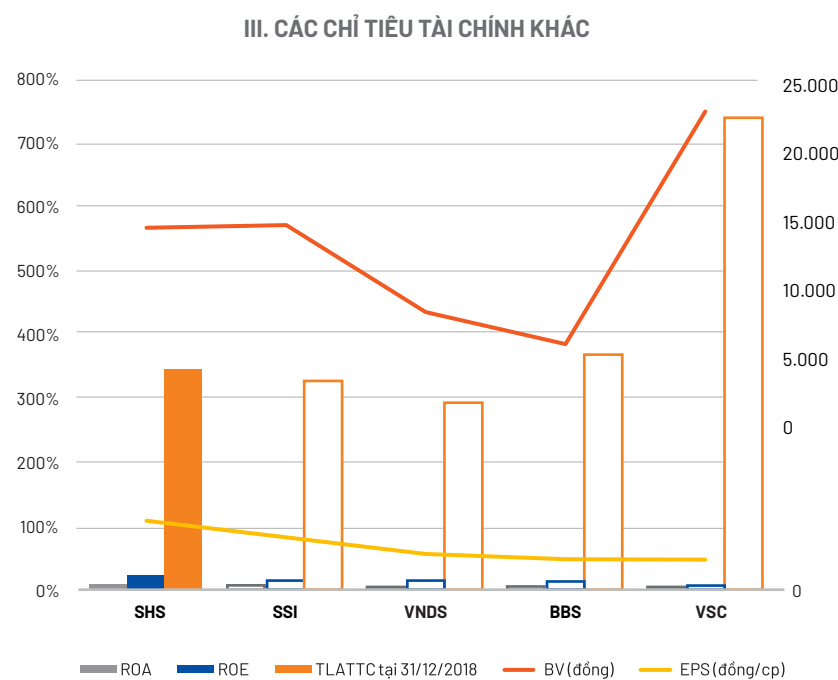
Để tiếp tục xem xét vị thế của SHS, dựa trên một số tiêu chí khác nhau, SHS lựa chọn 4 công ty chứng khoán có nhiều điểm tương đồng với SHS để so sánh. Dưới đây là kết quả so sánh:



Nguồn: SHS Research



Nguồn: SHS Research



Nguồn: SHS Research

Các chỉ tiêu về tổng tài sản, vốn chủ sở hữu, doanh thu, lợi nhuận sau thuế, giá trị sổ sách, tỷ lệ an toàn tài chính, SHS đều đứng ở vị trí thứ 3 trong số nhóm 5 công ty chứng khoán. Tuy nhiên, các chỉ tiêu ROA, ROE, EPS của SHS đều đứng đầu trong nhóm và bỏ xa các công ty chứng khoán còn lại. Điều đó cho thấy mức độ hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của SHS so với một đồng tài sản, 1 đồng vốn bỏ ra hay trên 1 cổ phiếu đang lưu hành. Ngoài ra, giá trị sổ sách của SHS tại 31/12/2018 là 17.698 đồng trong khi cổ phiếu SHS đang giao dịch tại mức giá đóng cửa 12.800 đồng/cổ phiếu. Điều đó cho thấy giá cổ phiếu SHS đang được giao dịch dưới giá trị sổ sách và sẽ có nhiều cơ hội để tăng giá trong năm 2019.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

VIỆC TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH KINH DOANH THEO NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

GIÁ ĐỊNH

- Tình hình kinh tế vĩ mô ổn định
- Giá trị giao dịch bình quân toàn thị trường: **5.000** tỷ đồng/phiên

KẾ HOẠCH NĂM 2018

Thị phần trên	HNX ▶ 11,5%	HSX ▶ 5,2%
Kế hoạch:		
Doanh thu và thu nhập khác:	1.370,0 tỷ đồng	
Tổng chi phí:	909,6 tỷ đồng	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN:	460,4 tỷ đồng	

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018, HĐQT đã chỉ đạo, định hướng cho Ban Tổng Giám đốc chủ động, tích cực nắm bắt cơ hội thị trường, thực hiện đồng bộ các giải pháp để triển khai kế hoạch kinh doanh mà ĐHĐCĐ đã thông qua. Trong quá trình triển khai thực hiện, HĐQT thường xuyên kiểm tra, giám sát đảm bảo BTGD đã thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các chỉ đạo của HĐQT.

Tổng kết năm 2018, trong bối cảnh hết sức phức tạp của TTCK Việt Nam, nhờ đánh giá tương đối đúng tình hình, phản ứng linh hoạt cùng với sự nỗ lực của toàn thể cán bộ, nhân viên Công ty, SHS đã đạt được kết quả kinh doanh tương đối khả quan.

- Thị phần trên HNX là 8,4% đứng thứ 4, giảm 2 bậc và trên HSX là 4,0% đứng thứ 6, tiến một bậc.
- Tổng doanh thu và thu nhập khác đạt 1247,9 tỷ đồng, tăng 14,1% so với năm 2017 và tương đương đạt 91,1% kế hoạch năm.
- Tổng chi phí là 837,2 tỷ đồng, tương đương 95,4%

kế hoạch và tăng 35% so với năm trước.

- Lợi nhuận trước thuế là 410,7 tỷ đồng, đạt 92,0% kế hoạch và giảm 8,0% so với năm trước.
- Lãi trên vốn cổ phần (EPS) đạt 2.746 đồng, lãi trên tổng tài sản (ROA) đạt 8,0%, lãi trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 21,5%, lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần đạt 28,8%.

Kết quả này cho thấy mặc dù chưa hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2018 nhưng SHS đã có nhiều nỗ lực trong hoạt động kinh doanh trước những biến động mạnh của Thị trường Chứng khoán Việt Nam với việc chỉ số VN-Index sau khi thiết lập mức điểm số cao nhất trong lịch sử tại mốc 1.211 điểm vào ngày 10/04/2018 đã có nhiều đợt giảm mạnh sau đó trong năm 2018. Nhiều mã cổ phiếu vốn hóa lớn vốn nằm trong danh mục đầu tư của các tổ chức đều đóng cửa cuối năm thấp hơn cuối năm 2017 dẫn tới phải trích lập dự phòng ở mức cao. Ngoài ra đối với SHS, nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng trong năm 2018 bị giảm sút trong khi lãi suất lại tăng mạnh so với năm trước cũng là một khó khăn không nhỏ cho SHS trong việc thực hiện kế hoạch kinh doanh do ĐHĐCĐ thông qua.

VIỆC HOÀN THIỆN HỆ THỐNG VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO

Trong năm 2018, hoạt động của khối vận hành tuân thủ nghiêm túc quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Công tác hoàn thiện hệ thống quy trình, quy chế nội bộ cũng được chú trọng, bao gồm Điều lệ, Quy chế Quản trị, Quy chế Đầu tư, hệ thống quy trình triển khai các hoạt động kinh doanh và kiểm soát dựa trên những thay đổi của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành. Để tiến tới triển khai các nghiệp vụ chứng khoán phái sinh, Công ty đã và đang dự thảo các quy trình liên quan đến nghiệp vụ này.

Xây dựng mới cơ chế đãi ngộ và đào tạo mang tính cạnh tranh hơn để thu hút nhân lực có trình độ và kinh nghiệm chuyên môn cao cũng được xác định là một nội dung quan trọng của Công ty. Công ty đã tiến hành xây dựng hệ thống KPI nhằm khuyến khích sự đóng góp của cán bộ, nhân viên, tăng hiệu quả lao động và đánh giá chính xác hơn kết quả lao động.

Công ty đã thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao năng lực tài chính của Công ty như tiến hành sáp nhập doanh nghiệp, tăng vốn điều lệ, kiểm soát các rủi ro trọng yếu... Công tác quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ tiếp tục được tăng cường nhằm bảo vệ những thành quả có được của hoạt động kinh doanh.

VIỆC NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH VÀ UY TÍN CỦA DOANH NGHIỆP

BTGD và tập thể cán bộ, nhân viên đã nỗ lực và thực hiện đồng bộ các giải pháp để từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp như tiến hành sáp nhập doanh nghiệp, tăng vốn điều lệ, nắm bắt hiệu quả xu hướng thị trường cũng như tất cả các cơ hội có được từ thị trường để nâng cao hiệu quả đầu tư, hoàn thiện quy trình nghiệp vụ để giảm thiểu hồ sơ, rút ngắn thủ tục tạo điều kiện thuận lợi hơn cho khách hàng, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ. Các sản phẩm, dịch vụ của SHS vẫn duy trì được vị thế tiên phong, đi đầu thị trường bởi sự linh hoạt, đáp ứng đa dạng nhu cầu của nhà đầu tư.

Với kết quả khả quan đạt được trong hoạt động kinh doanh cũng như trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh, Công ty đã từng bước khẳng định thương hiệu và uy tín của mình với khách hàng, đối tác và cơ quan quản lý. Trong năm 2018, Công ty tiếp tục được các cơ quan, tổ chức vinh danh và trao tặng nhiều danh hiệu cao quý, điển hình như:

- Sở GDCK Hà Nội (HNX), Sở GDCK Hồ Chí Minh (HOSE) và Trung tâm lưu ký (VSD) vinh danh SHS là công ty chứng khoán tiêu biểu của năm và được UBND Tp Hà Nội trao tặng bằng khen.
- Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ Hà Nội tặng Bằng khen Doanh nghiệp xuất sắc, có thành tích trong phong trào thi đua của Hiệp hội, có những đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng Doanh nghiệp Thủ đô năm 2019.
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam trao Giấy chứng nhận Công ty đạt chỉ số năng lực quản trị tài chính tốt nhất ngành chứng khoán.

VIỆC THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Năm 2018, Công ty vẫn chú trọng công tác cộng đồng, bảo vệ môi trường và an sinh xã hội trong điều kiện làm việc hàng ngày cũng như tham gia vào các hoạt động điển hình của cộng đồng. Một số chương trình liên quan đến hoạt động cộng đồng trong năm 2018 phải kể đến như: Chương trình "Xuân yêu thương cho trẻ em vùng cao", "Thắp sáng niềm tin cho em", "Ủng hộ Tết vì người nghèo"....

Đối với thế hệ trẻ, bên cạnh việc tạo điều kiện, làm việc với Hợp đồng ngắn hạn, Công ty đã là nhà tài trợ thường xuyên của cuộc thi "Bản lĩnh nhà đầu tư" của Học viện Ngân hàng. Đây là sân chơi bổ ích cho các bạn sinh viên giỏi mong muốn có những trải nghiệm thực sự trong lĩnh vực chứng khoán và góp phần định hướng nghề nghiệp cho thế hệ trẻ.

Đối với các hoạt động phong trào, SHS đã tham gia và đoạt chức vô địch Giải bóng đá Chứng khoán miền Bắc năm 2018, phát triển mạnh mẽ Đội bóng đá Nam, Đội bóng đá Nữ, Đội Tennis, Đội Thể thao vì sức khỏe của Công ty (như chạy bộ, yoga, khiêu vũ thể thao...),

Tuy vậy, cũng phải nhìn nhận khách quan rằng, trong năm 2018, mặc dù SHS đã đạt được nhiều thành công trong hoạt động kinh doanh như hoàn thành nhận sáp nhập SHBS, hoàn thành việc chuyển trụ sở về địa điểm mới, tổng tài sản, vốn chủ sở hữu, tổng doanh thu, lợi nhuận sau thuế, tỷ lệ an toàn tài chính... đạt mức cao nhất trong 11 năm hoạt động nhưng những kết quả này chưa được như mong đợi và chưa bền vững. Cụ thể: thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết giảm, các kế hoạch tăng vốn chủ sở hữu thông qua phát hành ESOP và phát hành thêm, triển khai chứng khoán phái sinh, chứng quyền có bảo đảm, phát triển mạnh thị trường phía Nam và khách hàng tổ chức, đổi mới hệ thống phần mềm lõi giao dịch chứng khoán, đổi mới cơ chế trả lương theo KPI... vẫn chưa thực hiện được theo kế hoạch. Công tác quản trị nói chung mặc dù đã thực hiện tốt hơn so với năm trước nhưng vẫn chưa đạt chuẩn như vẫn để xảy ra tình trạng vi phạm quản lý tiền của nhà đầu tư, chưa thanh toán cổ tức kịp thời cho cổ đông theo thông lệ quốc tế, thành viên HĐQT chưa được cấp chứng chỉ về quản trị công ty... Các kế hoạch và hạn chế này cần tiếp tục được thực hiện và hoàn thiện trong năm 2019.



▶ ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HĐQT ghi nhận những nỗ lực to lớn của BTGD trong việc điều hành và quản trị Công ty; tìm kiếm và phát triển khách hàng, đối tác; thu xếp nguồn vốn, phát triển sản phẩm và cơ cấu danh mục đầu tư mang lại hiệu quả tích cực cho Công ty và cổ đông; ổn định tổ chức và quản trị tốt rủi ro. BTGD đã phát huy vai trò truyền lửa cho đội ngũ cán bộ, nhân viên của Công ty, phát huy tinh sáng tạo và chủ động trong công việc, không ngừng học hỏi kiến thức, tích lũy kinh nghiệm và tiếp cận thị trường, khách hàng, huy động nhiều nguồn lực để bộ máy Công ty vận hành hiệu quả.

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH CỦA HĐQT NĂM 2019

Năm 2019 được xem là một năm có nhiều thuận lợi và khó khăn, cơ hội và thách thức đan xen đối với TTCK Việt Nam nói chung và SHS nói riêng. HĐQT nhận thấy SHS cần có sự thay đổi toàn diện, làm mới tổ chức cả về lượng và chất trên cơ sở nguồn lực sẵn có và giảm thiểu những hạn chế vốn có, khai thác nhiều hơn cơ hội để phát triển, đặc biệt là các mảng hoạt động Môi giới, Dịch vụ tài chính, Đầu tư và Tư vấn. Nguyên nhân là do áp lực cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán ngày càng lớn, đặc biệt là các công ty chứng khoán top đầu và các công ty chứng khoán có yếu tố ngoại. Hơn nữa, do nhận thức của khách hàng về lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán ngày càng cao nên đòi hỏi của khách hàng đối với chất lượng sản phẩm, dịch vụ do công ty chứng khoán cung cấp ngày càng lớn. Một nhân tố quan trọng phải kể đến trong thời đại công nghệ 4.0 đó là công nghệ thay đổi không ngừng, việc áp dụng công nghệ mà không quản trị tốt rủi ro có thể mang đến những rủi ro lớn cho SHS nói chung và các mảng hoạt động môi giới, tư vấn, dịch vụ tài chính... nói riêng. Hoạt động quản lý của cơ quan Nhà nước ngày càng chặt chẽ cũng là một yếu tố quan trọng buộc SHS phải thay đổi toàn diện, đáp ứng đầy đủ hơn yêu cầu của cơ quan quản lý trong hoạt động.

HĐQT định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2019 phải đổi mới toàn diện về mục tiêu hoạt động, con người, hệ thống, công nghệ, tài chính, hoạt động kinh doanh... Cụ thể như sau:

- Hoàn thành triển khai tăng vốn điều lệ với các điều kiện và mốc thời gian hợp lý để gia tăng lợi thế cạnh tranh cho SHS trong bối cảnh chịu nhiều áp lực cạnh tranh từ các công ty chứng khoán khác có nguồn vốn dồi dào hơn;
- Hoàn thiện triển khai nhóm giải pháp gia tăng lợi thế cạnh tranh của SHS thông qua đổi mới, phát triển chất lượng dịch vụ, tiếp tục đầu tư về nhân sự và công nghệ.
- Hoàn thiện triển khai nhóm giải pháp để giữ vững và gia tăng thị phần trong bối cảnh dòng tiền của nhà đầu tư nước ngoài đặc biệt là nhóm khách hàng tổ chức nước ngoài vào thị trường tăng mạnh thời gian gần đây.
- Tìm kiếm và khai thác những giải pháp, dịch vụ mới mẻ trong hoạt động kinh doanh, bứt phá khỏi các hoạt động kinh doanh truyền thống, thị trường truyền thống, sản phẩm truyền thống, khách hàng truyền thống....
- Triển khai phương án kinh doanh chứng khoán phái sinh và chứng quyền có bảo đảm, các hoạt động đầu tư, tư vấn, môi giới khai thác phát triển sản phẩm trái phiếu.
- Tiếp tục đầu tư chứng khoán niêm yết, hiện thực hóa các khoản đầu tư chưa niêm yết, cơ cấu danh mục đầu tư thông qua việc tham gia đấu giá cổ phần hóa, IPO các DNNN, thoái vốn ngoài ngành của các tập đoàn, tổng công ty, hoạt động tái cơ cấu nợ của các ngân hàng. Bên cạnh đó, hoạt động phát hành và niêm yết cổ phiếu được đánh giá sẽ tiếp tục được đẩy mạnh qua đó tạo ra cơ hội lớn cho các hoạt động Đầu tư, Môi giới, Tư vấn và Bảo lãnh phát hành của SHS.
- Hoàn thiện triển khai nhóm giải pháp liên quan đến kiểm soát chi phí hoạt động và chỉ tiêu an toàn tài chính của SHS trong bối cảnh quá trình tái cơ cấu ngành chứng khoán diễn ra cùng với nhiều quy định mới.
- Hoàn thiện triển khai các giải pháp đối phó với những thách thức tiềm ẩn, đảm bảo hoạt động của Công ty linh hoạt, nhanh nhạy, nắm bắt được tốt cơ hội.

Năm 2019, SHS kiên định mục tiêu “Tất cả vì tăng trưởng tài sản ròng của khách hàng”, tiếp tục giữ vững vị thế là một trong số những Nhà môi giới chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam, nằm trong Top 5 công ty chứng khoán và phần đầu nằm trong Top 3 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán niêm yết lớn nhất, duy trì vị thế đứng đầu tại HNX về thị phần môi giới, công ty tiếp tục phát triển bền vững, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tài chính đa dạng và độc đáo. HĐQT chỉ đạo BTGD tiếp tục triển khai các nhiệm vụ sau:

- Thực hiện tốt các mục tiêu chiến lược mà ĐHĐCĐ đã thông qua, tuân thủ đúng quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và định hướng hoạt động của Cơ quan quản lý Nhà nước.
- Tiếp tục áp dụng các biện pháp nâng cao năng lực quản trị điều hành theo các chuẩn mực quốc tế về quản trị công ty, quản trị rủi ro và an toàn tài chính;
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình nghiệp vụ, tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động kinh doanh của Công ty trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật và nâng cao tính chuyên nghiệp.
- Đề cao tinh thần Chính trực – Đoàn kết – Trách nhiệm – Kỷ luật của mỗi cán bộ, nhân viên trong Công ty nhằm tạo dựng và duy trì sức mạnh tập thể.
- Phát triển SHS bền vững, chú trọng công tác cộng đồng, bảo vệ môi trường và an sinh xã hội, thể hiện trách nhiệm cao đối với xã hội và cộng đồng.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

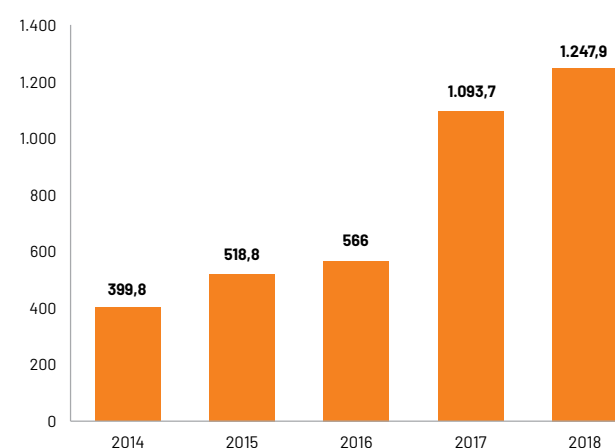
BÁO CÁO PHÂN TÍCH KẾT QUẢ KINH DOANH

(Đơn vị: tỷ đồng)

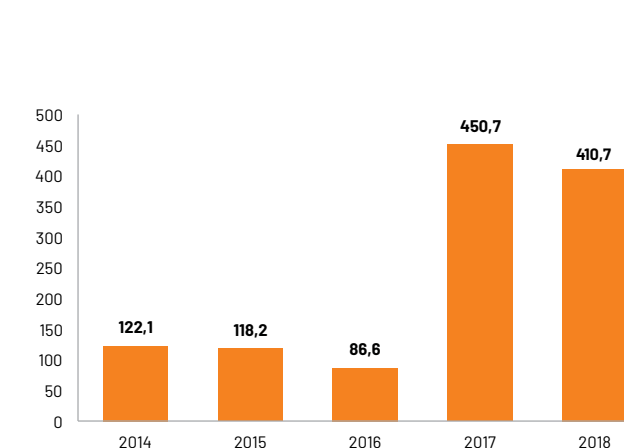
Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2017	So sánh TH 2018/ KH 2018		So sánh TH 2018/ TH 2017	
				Số tiền	%	Số tiền	% tăng
I. TỔNG DOANH THU trong đó:	1.370,0	1.247,9	1.093,8	(122,1)	91,1%	154,1	14,1%
1. Doanh thu hoạt động	1.370,0	1.243,6	1.089,6	(126,4)	90,8%	154,0	14,1%
- Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	514,2	484,6	416,8	(29,6)	94,2%	67,8	16,3%
- Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	0,0%	-	0,0%
- Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	416,0	375,1	337,5	(40,9)	90,2%	37,6	11,1%
- Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	-	0,0%	-	0,0%
- Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro	-	-	-	-	0,0%	-	0,0%
- Doanh thu môi giới chứng khoán	295,0	245,8	248,4	(49,2)	83,3%	(2,6)	-1,0%
- Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	15,5	50,2	3,0	34,7	323,9%	47,2	1.573,3%
- Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	93,0	59,7	58,2	(33,3)	64,2%	1,5	2,6%
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	13,3	18,7	13,3	5,4	140,6%	5,4	40,6%
- Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	6,5	8,3	11,3	1,8	127,7%	(3,0)	-26,5%
- Doanh thu hoạt động khác	16,5	1,2	0,9	(15,3)	7,3%	0,3	33,3%
2. Doanh thu tài chính	-	3,2	3,7	3,2	0,0%	(0,5)	-13,5%
3. Thu nhập khác	-	1,1	0,5	1,1	0,0%	0,6	120,0%

II. TỔNG CHI PHÍ trong đó:	909,6	837,2	643,0	(72,4)	92,0%	194,2	30,2%
1. Chi phí hoạt động	861,9	581,1	452,8	(280,8)	67,4%	128,3	28,3%
2. Chi phí bán hàng	-	-	-	-	0,0%	-	0,0%
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp	47,7	53,1	41,2	5,4	111,3%	11,9	28,9%
4. Chi phí tài chính	-	202,7	149,0	202,7	0,0%	53,7	36,0%
5. Chi phí khác	-	0,3	0,0	0,3	0,0%	0,3	136.397,7%
III. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ TNDN	460,4	410,7	450,7	(49,7)	89,2%	(40,0)	-8,9%
IV. CHI PHÍ THUẾ TNDN trong đó:	-	52,6	81,1	52,6	0,0%	(28,5)	-35,1%
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	52,7	69,8	52,7	0,0%	(17,1)	-24,5%
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	(0,1)	11,3	(0,1)	0,0%	(11,4)	-100,9%
V. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	460,4	358,1	369,6	(102,3)	77,8%	(11,5)	-3,1%
VI. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	-	-	68,9	-	0,0%	(68,9)	0,0%

TỔNG DOANH THU VÀ THU NHẬP KHÁC (TỶ VNĐ)



LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (TỶ VNĐ)



Nguồn: SHS Research

VỀ DOANH THU

Tổng doanh thu các hoạt động của Công ty trong năm 2018 đạt 1.247,9 tỷ đồng, tăng 14,1% so với cùng kỳ năm trước và hoàn thành 91,1% so với kế hoạch.

So với năm trước, hầu hết các mảng hoạt động đều tăng trừ doanh thu tư vấn tài chính và doanh thu tài chính giảm lần lượt là 26,5% và 13,5%. Trong số các mảng hoạt động tăng, hoạt động bảo lãnh và đại lý phát hành tăng nhiều nhất (tăng 47,2 tỷ đồng hay 1.573,3%).

So với kế hoạch, chỉ có hoạt động lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán hoàn thành vượt kế hoạch, lần lượt vượt 40,6%, 27,7%, 223,9%.

Nguyên nhân là do TTCKVN năm 2018 đã phần nào suy giảm trái với nhận định ban đầu của SHS về xu hướng tiếp tục tích cực mặc dù còn nhiều thách thức tại thời điểm lập kế hoạch kinh doanh năm 2018. Ngoài ra, trong năm 2018, các công ty chứng khoán khác đẩy mạnh hoạt động môi giới chứng khoán phái sinh đã thu hút một lượng lớn Nhà đầu tư chuyển từ đầu tư cổ phiếu cơ bản sang đầu tư chứng khoán phái sinh trong khi SHS chưa cung cấp dịch vụ này. Các công ty chứng khoán có dòng vốn ngoại cũng cạnh tranh gay gắt với SHS trong mảng môi giới và dịch vụ tài chính do lãi suất cho vay rẻ hơn đã hút một lượng khách hàng không nhỏ của SHS chuyển sang các công ty đó giao dịch. Tuy vậy, do trong năm 2018, SHS thành lập bộ phận môi giới, tư vấn và đầu tư trái phiếu doanh nghiệp do đó SHS đẩy mạnh các hoạt động cung cấp dịch vụ trọn gói từ môi giới, tư vấn tài chính, đại lý phát hành, bảo lãnh phát hành cho đến hỗ trợ tìm đối tác mua liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp và trái phiếu ngân hàng thương mại. Đây là mảng hoạt động hứa hẹn có nhiều tiềm năng trong năm 2018 và trong tương lai, nhất là khi các Sở GD&ĐT đang nỗ lực đưa trái phiếu doanh nghiệp chính thức niêm yết trên thị trường chứng khoán tập trung từ năm 2019. Ngoài ra, SHS cũng đẩy mạnh các hoạt động bán đấu giá cổ phần cho các doanh nghiệp tổ chức tại SHS do đó doanh thu dưới dạng phí đại lý tổ chức bán đấu giá tại SHS đã tăng lên đáng kể.

VỀ CHI PHÍ

Nhờ các biện pháp kiểm soát tốt chi phí nên tổng chi phí năm 2018 của Công ty là 837,2 tỷ đồng, mặc dù tăng 30,2% so với năm trước nhưng chỉ bằng 92,0% kế hoạch. Chi phí năm 2018 của Công ty tăng chủ yếu do tăng lãi vay từ huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu doanh nghiệp để tài trợ cho các hoạt động như đầu tư, cho vay của Công ty; tăng trích trước vào chi phí cơ hội phải trả của Hợp đồng MGCK; trích lập thêm dự phòng trong khi năm trước Công ty được hoàn nhập; hạch toán vào chi phí toàn bộ giá trị còn lại của tài sản, công cụ dụng cụ nhận về từ SHBS do sáp nhập nhưng không thể sử dụng cần bán thanh lý.

VỀ LỢI NHUẬN

Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2018 là 410,7 tỷ đồng, giảm 8,9% so với năm trước và đạt 89,2% so với kế hoạch. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của Công ty chỉ đạt 358,1 tỷ đồng, giảm 3,1% so với năm trước và đạt 77,8% so với kế hoạch. Nguyên nhân là mặc dù tổng doanh thu đã tăng 14,1% tuy nhiên tổng chi phí đã tăng 30,2% so với năm trước và năm 2018, Công ty đã hạch toán giảm 11,5 tỷ đồng chi phí thuế TNDN hoãn lại và giảm 68,9 tỷ đồng thu nhập toàn diện sau thuế TNDN so với năm trước.

**BÁO CÁO PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH****PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI SẢN**

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	31/12/2018		31/12/2017		Thay đổi	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	% tăng
TÀI SẢN NGẮN HẠN	4.773,9	98,0%	4.104,8	99,3%	669,1	16,3%
Tiền và các khoản tương đương tiền	838,8	17,2%	85,9	2,1%	752,9	876,5%
Các khoản đầu tư ngắn hạn	1.006,5	20,7%	897,7	21,7%	108,8	12,1%
Các khoản phải thu	2.924,0	60,1%	3.091,0	74,8%	(167,0)	-5,4%
Tài sản ngắn hạn khác	4,6	0,1%	30,2	0,7%	(25,6)	-84,8%
TÀI SẢN DÀI HẠN	95,1	2,0%	29,7	0,7%	65,4	220,2%
Tài sản cố định	2,9	0,1%	2,3	0,1%	0,6	26,1%
Các khoản đầu tư dài hạn	-	0,0%	-	0,0%	-	0,0%
Tài sản dài hạn khác	92,2	1,9%	27,4	0,7%	64,8	236,5%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	4.869,0	100,0%	4.134,5	100,0%	734,5	17,8%

VỀ CƠ CẤU TÀI SẢN

Tài sản của Công ty chủ yếu hình thành từ tài sản ngắn hạn. Năm 2018, tài sản ngắn hạn chiếm 98,0% tổng tài sản, giảm tỷ trọng 1,2% so với năm 2017. Tài sản ngắn hạn năm 2018 của Công ty chủ yếu là:

- Các khoản phải thu ngắn hạn bao gồm phải thu từ cho vay các dịch vụ tài chính, trả trước cho người bán, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi và phải thu khác. Các khoản phải thu ngắn hạn của Công ty chiếm 60,1% tổng tài sản, giảm tỷ trọng 14,7% so với năm trước. Nguyên nhân là do mặc dù tổng tài sản của Công ty tăng nhiều so với năm trước nhưng quy mô cho vay năm nay của Công ty không tăng.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản tiền đầu tư ngắn hạn, các khoản đầu tư tự doanh chứng khoán niêm yết

và chưa niêm yết như cổ phiếu, trái phiếu chính phủ và doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi của các ngân hàng. Các khoản đầu tư ngắn hạn của Công ty năm 2018 chiếm 20,7% tổng tài sản, giảm tỷ trọng 1,0% so với năm trước.

- Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng dưới dạng tài khoản thanh toán, tài khoản tiền gửi dưới 3 tháng, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành, tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán... Tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty năm 2018 chiếm 17,2% tổng tài sản, tăng tỷ trọng 15,1% so với năm trước. Nguyên nhân là do cuối năm Công ty thu về 500 tỷ đồng phát hành trái phiếu doanh nghiệp đợt 4/2018 và gia tăng nắm giữ tiền gửi ngân hàng để sẵn sàng cho các hoạt động đầu tư, cho vay nếu thị trường thay đổi tích cực.

VỀ BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN SO VỚI NĂM TRƯỚC

Tổng tài sản năm 2018 của Công ty là 4.869,0 tỷ đồng, tăng 17,8% so với năm trước trong đó tài sản ngắn hạn là 4.773,9 tỷ đồng, tăng 16,3% và tài sản dài hạn là 95,1 tỷ đồng, tăng 220,4%. Nguyên nhân là do năm 2018 thị trường tiếp tục có nhiều thuận lợi nên Công ty tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh.

Đối với tài sản ngắn hạn, trong khi phải thu ngắn hạn và tài sản ngắn hạn khác giảm so với năm trước thì các khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn tăng lên đáng kể. Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 752,9 tỷ

đồng tương đương tăng 875,9% so với năm trước. Các khoản đầu tư ngắn hạn tăng 108,8 tỷ đồng tương đương tăng 12,1% so với năm trước là do Công ty tăng đầu tư tự doanh khoảng 220 tỷ đồng và trích lập dự phòng 21,7 tỷ đồng trong khi năm trước Công ty đánh giá tăng 88,2 tỷ đồng.

Tài sản dài hạn tăng chủ yếu là do tăng tài sản dài hạn khác 65,2 tỷ đồng tương đương tăng 238,2% mà nguyên nhân là do Công ty hạch toán tăng lợi thế thương mại hơn 64 tỷ đồng và tăng tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán khoảng 2,7 tỷ đồng do sáp nhập SHBS.

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN**CƠ CẤU NGUỒN VỐN**

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	31/12/2018		31/12/2017		Thay đổi	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	% tăng
NỢ PHẢI TRẢ	3.003,6	61,7%	2.668,5	64,5%	335,1	12,6%
Nợ phải trả ngắn hạn	1.271,4	26,1%	2.134,2	51,6%	-862,8	-40,4%
Nợ phải trả dài hạn	1.732,2	35,6%	534,3	12,9%	1.197,9	224,2%
VỐN CHỦ SỞ HỮU	1.865,3	38,3%	1.466,0	35,5%	399,3	27,2%
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.125,5	23,1%	1.000,3	24,2%	125,2	12,5%
Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	739,8	15,2%	465,7	11,3%	274,1	58,9%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	4.869,0	100,0%	4.134,5	100,0%	734,5	17,8%

VỀ CƠ CẤU NGUỒN VỐN

Nguồn vốn của Công ty hình thành từ nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Năm 2018, nợ phải trả chiếm 61,7% tổng nguồn vốn, giảm tỷ trọng 2,9% so với năm 2017, vốn chủ sở hữu chiếm 38,3%, tăng tỷ trọng 2,9% so với năm trước. Điều đó cho thấy năm 2018 Công ty đã có nhiều nỗ lực để chủ động nguồn vốn tự có hơn thay vì phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn đi vay.

Nợ phải trả của Công ty bao gồm:

- Nợ phải trả ngắn hạn bao gồm vay nợ ngân hàng ngắn hạn, phát hành trái phiếu dài hạn nhưng thời hạn chỉ còn dưới 1 năm, phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả thuế và các khoản nhà nước, phải trả cho người lao động, chi phí phải trả ngắn hạn, phải trả nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, phải trả quỹ khen thưởng phúc lợi, phải trả, phải nộp khác... Nợ phải trả ngắn hạn của Công ty chiếm 26,1% tổng nguồn vốn, giảm tỷ trọng 25,5% so với năm trước. Nguyên nhân là do Công ty chủ động được nguồn vốn từ phát hành trái phiếu doanh nghiệp dài hạn với lãi vay rẻ hơn nên đã giảm nợ vay ngân hàng khoảng 500 tỷ đồng, giảm phải trả trái phiếu dài hạn nhưng thời hạn chỉ còn dưới 1 năm khoảng 160 tỷ đồng, giảm phải trả tiền đặt cọc hợp đồng môi giới chứng khoán khoảng 230 tỷ đồng.

- Nợ phải trả dài hạn bao gồm phải trả trái phiếu phát hành dài hạn, phải trả người bán dài hạn, phải trả nhận ký quỹ, ký cược dài hạn. Nợ phải trả dài hạn của Công ty chiếm 35,6% tổng nguồn vốn, tăng tỷ trọng 22,7% so với năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty đẩy mạnh phát hành trái phiếu doanh nghiệp dài hạn, tăng khoảng 1.200 tỷ đồng so với năm trước.

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu bao gồm vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần. Vốn đầu tư của chủ sở hữu chiếm 23,1% tổng nguồn vốn của Công ty, giảm tỷ trọng 1,1% so với năm trước do Công ty phát hành thêm cổ phiếu để hoán đổi lấy cổ phiếu SHBS 53,9 tỷ đồng và hạch toán thặng dư vốn cổ phần 71,5 tỷ đồng do nhận sáp nhập SHBS vào SHS làm cho vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng 125,5 tỷ đồng.

- Các quỹ là lợi nhuận chưa phân phối bao gồm quỹ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ, lợi nhuận chưa phân phối. Các quỹ là lợi nhuận chưa phân phối của Công ty chiếm 15,2% tổng nguồn vốn của Công ty, tăng tỷ trọng 3,9% so với năm trước. Nguyên nhân là do năm 2018, Công ty kinh doanh có lãi làm lợi nhuận chưa phân phối tăng lên đáng kể. Ngoài ra, trong năm 2018, Công ty cũng trích lập các quỹ bổ sung vốn điều lệ, dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2018 liên quan đến phân phối lợi nhuận năm tài chính 2017.

**VỀ BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN SO VỚI NĂM TRƯỚC**

Tổng nguồn vốn cuối năm 2018 của Công ty là 4.869,0 tỷ đồng, tăng 17,8% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do tăng nợ phải trả 12,6% và tăng vốn chủ sở hữu 27,2% so với năm trước.

Nợ phải trả tăng chủ yếu là do tăng nợ phải trả dài hạn 224,2% dưới dạng phát hành trái phiếu dài hạn 4 đợt với quy mô phát hành là 2.300 tỷ đồng trong năm 2018. Ngược lại, nợ phải trả ngắn hạn giảm 40,4% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do Công ty đã có nguồn tiền từ phát hành trái phiếu doanh nghiệp với lãi suất vay rẻ hơn nên Công ty giảm nợ vay ngân hàng.

Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tăng là do tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu 12,5% và tăng các quỹ, lợi nhuận chưa phân phối 58,9%. Trong đó, vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng là do Công ty phát hành thêm cổ phiếu để hoán đổi lấy cổ phiếu SHBS làm cho vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng thêm 53,9 tỷ đồng và hạch toán thặng dư vốn cổ phần 71,5 tỷ đồng do nhận sáp nhập SHBS vào SHS. Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối của Công ty năm 2018 tăng chủ yếu là do Công ty kinh doanh có lãi làm tăng lợi nhuận chưa phân phối.

BÁO CÁO PHÂN TÍCH CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUAN TRỌNG

Chỉ tiêu	2018	2017	% tăng giảm
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN			
Hệ số thanh toán nhanh	66,0%	4,0%	61,9%
Hệ số thanh toán hiện hành	372,0%	192,3%	180,0%
CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	61,7%	64,5%	-2,9%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	161,0%	182,0%	-21,0%
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG			
Vòng quay các khoản phải thu	41,3%	40,7%	0,6%
Vòng quay vốn lưu động	45,4%	54,4%	-8,9%
Vòng quay tổng tài sản	27,6%	29,3%	-1,6%
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI			
Tỷ lệ Lợi nhuận HĐKD/Doanh thu thuần	53,3%	58,4%	-5,2%
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	33,0%	41,4%	-8,3%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	28,8%	33,9%	-5,1%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	19,2%	28,7%	-9,5%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	7,9%	9,9%	-2,0%
Lãi cơ bản trên một cổ phiếu (EPS)	3.442	3.696	(254)
CHỈ TIÊU VỀ AN TOÀN VỐN			
Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng tại 31/12	351,6%	294,2%	57,4%

Các chỉ tiêu đánh giá khả năng thanh toán của SHS trong năm 2018 đều tăng lên đáng kể so với năm trước cho thấy Công ty đã chú trọng hơn vào các tài sản ngắn hạn, thanh khoản, dễ chuyển đổi thành tiền để đảm bảo khả năng thanh toán cho những khoản nợ đến hạn và thanh toán ngay khi cần thiết. Ngoài ra, tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp đợt 4/2018 vào cuối tháng 12/2018 cũng góp phần không nhỏ làm tăng các hệ số thanh toán của SHS trong năm 2018.

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của SHS trong năm 2018 đều giảm xuống cho thấy mức độ chủ động hơn về vốn tự có của Công ty so với năm trước. Đối chiếu với thực tế, trong năm 2018, SHS đã thực hiện nhận sáp nhập SHBS thông qua việc phát hành thêm cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu SHBS, nhờ đó đã nâng cao năng lực vốn tự có của SHS.

Vòng quay các khoản phải thu tăng nhẹ trong khi vòng quay vốn lưu động và vòng quay tổng tài sản tăng nhẹ cho thấy năng lực hoạt động của Công ty tương đối ổn định so với năm trước.

Các chỉ tiêu đánh giá khả năng sinh lời của SHS trong năm 2018 đều giảm so với năm trước từ 2%-10% cho thấy việc tăng vốn tự có trong năm 2018 từ việc nhận sáp nhập SHBS chưa kịp có những tác động tích cực vào lợi nhuận sau thuế của SHS trong năm 2018. Hơn nữa, việc hạch toán tăng chi phí thuế TNDN hoãn lại trong năm 2018 trong khi năm trước được ghi giảm cũng là một nguyên nhân làm các chỉ tiêu này giảm đáng kể.

Tỷ lệ ATTC tại 31/12/2018 đã tăng lên đáng kể, đạt 351,6% thay vì 294,2% của cùng kỳ năm trước cho thấy tình hình tài chính của Công ty ngày càng lành mạnh. Bên cạnh việc đạt được kết quả tốt trong kinh doanh, Công ty đã kiểm soát tốt hơn các rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán và rủi ro hoạt động.

BÁO CÁO VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

MÔI GIỚI VÀ LƯU KÝ

Trong năm 2018, mặc dù nguồn vốn chung cho hoạt động đầu tư chứng khoán tiếp tục gặp khó khăn, lãi suất có xu hướng tăng cùng với đó là sự cạnh tranh gay gắt của các công ty chứng khoán top đầu và các công ty chứng khoán có nguồn vốn ngoại, sự phát triển mạnh của thị trường chứng khoán phái sinh trong khi SHS chưa đủ điều kiện tham gia thị trường này nhưng thì doanh thu Môi giới (gồm cả lưu ký, ủy thác đầu giá)

đạt 264,5 tỷ đồng, hoàn thành 85,8% kế hoạch và bằng 101,1% so với năm trước. Tuy vậy, chi phí môi giới năm 2018 tăng mạnh so với kế hoạch do Công ty đẩy mạnh các hoạt động nhằm tăng cường vị thế cạnh tranh trong hoạt động môi giới. Tổng lợi nhuận của hoạt động Môi giới trong năm 2017 đạt 73,1 tỷ đồng, bằng 110,9% so với năm 2017 và hoàn thành 30,5% kế hoạch lợi nhuận của năm.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

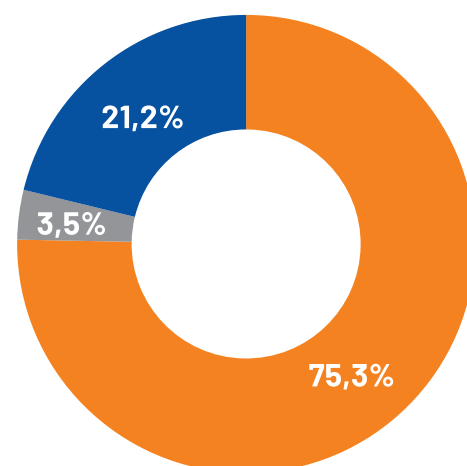
Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018		Thay đổi	
	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	% thay đổi so với cùng kỳ	% thay đổi so kế hoạch
Doanh thu (tỷ đồng)	261,7	308,3	264,5	101,1%	85,8%
Môi giới	248,4	295,0	245,8	99,0%	83,3%
Lưu ký	13,3	13,3	18,7	140,6%	140,6%
Chi phí (tỷ đồng)	195,8	68,67	191,4	97,8%	278,7%
Môi giới	184,6	55,67	176,8	95,8%	317,6%
Lưu ký	11,2	13,0	14,6	130,4%	112,3%
Lợi nhuận (tỷ đồng)	65,9	239,63	73,1	110,9%	30,5%
Môi giới	63,8	239,33	69,0	108,2%	28,8%
Lưu ký	2,1	0,3	4,1	195,2%	1.366,7%

So sánh với các công ty chứng khoán khác

Chỉ tiêu	SHS	SSI	VNDS	MBS	BVSC
Môi giới	245,9	1.130,9	520,2	398,7	171,6
Lưu ký	18,7	16,2	11,2	11,5	6,5
Tổng doanh thu	264,6	1.147,1	531,4	410,2	178,1
Vị trí	4	1	2	3	5

Như vậy, tổng doanh thu môi giới và phí lưu ký của SHS năm 2018 là **264,56 tỷ đồng**, đứng thứ 4 trong số 5 công ty.

CƠ CẤU DOANH THU MÔI GIỚI NĂM 2018



■ Hối sở ■ Chi nhánh HCM ■ Chi nhánh Đà Nẵng

Cơ cấu doanh thu môi giới

Doanh thu môi giới Hội sở là 185,1 tỷ đồng, chiếm 75,3%, Chi nhánh Hồ Chí Minh là 52,1 tỷ đồng và chi nhánh Đà Nẵng là 8,6 tỷ đồng chiếm 21,2% và Chi nhánh Đà Nẵng chiếm 3,5%.

Thị phần

Thị phần môi giới của SHS trong năm 2018 có sự sụt giảm tuy nhiên, SHS vẫn đạt thị phần 8,44% và đứng thứ 4 tại sàn HNX (giảm 2 bậc), đạt thị phần 4,0% giữ vững vị trí thứ 6 tại sàn HSX về môi giới chứng khoán (cổ phiếu, chứng chỉ quỹ) niêm yết.

Thị phần trên sàn Upcom và thị trường trái phiếu Chính phủ của SHS có sự sụt phá mạnh mẽ so với năm trước. Từ chỗ không lọt trong top 10, SHS đã đứng vị trí thứ 7 với thị phần 5,1% tại sàn UPCOM, đứng vị trí thứ 8 với thị phần trong nhóm dưới 5% tại thị trường trái phiếu Chính phủ - HNX và đứng thứ 7 với thị phần 1,3% tại thị trường trái phiếu Chính

phủ - HSX. Nguyên nhân là do SHS đã có sự định hướng chiến lược đúng đắn khi tập trung khai thác các dịch vụ môi giới phát sinh từ hoạt động tư vấn và bảo lãnh phát hành của Công ty cũng như khai thác triệt để uy tín, thương hiệu, các mối quan hệ trong hệ thống tài chính để phát triển hoạt động môi giới trái phiếu chính phủ.

Sàn	Năm 2018					Năm 2017
	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Cả năm	Cả năm
HNX						
Thị phần	8,6%	9,5%	7,3%	7,9%	8,4%	11,0%
Vị trí	4	2	5	3	4	2
HSX						
Thị phần	4,2%	3,7%	3,9%	4,5%	3,9%	4,0%
Vị trí	6	6	6	6	6	6
UPCOM						
Thị phần	4,2%	4,7%	6,2%		5,1%	
Vị trí	10	7	4		7	
Trái phiếu Chính phủ - HNX						
Thị phần			<5,0%	<5,0%	<5,0%	
Vị trí			8	4	8	
Trái phiếu Chính phủ - HSX						
Thị phần				2,9%	1,3%	
Vị trí				3	7	

Số lượng tài khoản

Số lượng tài khoản năm 2018 là 42.655 tài khoản, đã tăng 15.445 tài khoản tương đương tăng 56,8% so với năm trước một phần nguyên nhân là do SHS tiếp nhận thêm hàng vạn tài khoản nhà đầu tư do nhận sáp nhập SHBS.

Số lượng tài khoản có giao dịch trong năm 2018 là 13.895 tài khoản, chiếm 32,6% số lượng tài khoản tại Công ty. Trong khi đó số lượng tài khoản có giao dịch trong năm 2017 chỉ là 6.252 tài khoản, chiếm 23,0% số lượng tài khoản tại Công ty. So với năm 2017, số lượng tài khoản có giao dịch trong năm 2018 đã tăng 7.643 tài khoản, tương đương tăng 122,2%. Điều đó cho thấy không chỉ nỗ lực mở mới tài khoản, Công ty đã có nhiều nỗ lực để kích hoạt các tài khoản giao dịch, làm tăng tính thanh khoản và giao dịch của thị trường.

Loại khách hàng	Số lượng tài khoản			Số lượng tài khoản có giao dịch			
	Năm 2017	Năm 2018	% thay đổi	Năm 2017	Năm 2018	% thay đổi	
Trong nước	Cá nhân	26.930	42.289	157,0%	6.183	13.790	223,0%
	Tổ chức	254	310	122,0%	65	94	144,6%
Nước ngoài	Cá nhân	19	45	236,8%	3	9	300,0%
	Tổ chức	7	11	157,1%	1	2	200,0%
Tổng	27.210	42.655	156,8%	6.252	13.895	222,2%	

Kết quả khác

Năm 2018, Trung tâm Môi giới Chứng khoán đã phối hợp cùng với Phòng Tư vấn và Bảo lãnh phát hành để phát triển thêm các khách hàng là cổ đông của những Tập đoàn, DNNN mà SHS tư vấn IPO, niêm yết mở tài khoản đăng ký giao dịch tiêu biểu là các doanh nghiệp thuộc tập đoàn Than khoáng sản, Bộ GTVT, Tập đoàn Dầu khí, Bộ Công thương...

HẠN CHẾ

- Chưa triển khai được dịch vụ môi giới chứng khoán phái sinh do SHS chỉ đáp ứng điều kiện kể từ tháng 7/2018 nhưng vướng quá trình sáp nhập SHBS chưa thực hiện xong nên chưa thể xin cấp phép để triển khai cung cấp dịch vụ trong năm 2018.
- Năng lực và chất lượng môi giới trong công tác tư vấn, quản trị đánh giá và theo dõi khách hàng còn hạn chế, đặc biệt là khách hàng tổ chức và khách hàng nước ngoài.
- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc nâng cao hoạt động tư vấn cho khách hàng và gia tăng giao dịch của khách hàng và phát triển khách hàng vắng lai trên nền tảng công nghệ tiên tiến còn hạn chế.
- Chưa khai thác hết lợi thế và tiềm năng của Thị trường phía Nam.

KẾ HOẠCH NĂM 2019

- Định hướng lại mục tiêu trọng tâm của hoạt động môi giới là quản lý tài sản thay vì môi giới chứng khoán đơn thuần do những thay đổi trong quy định của Bộ Tài Chính về phí môi giới.
- Duy trì vị thế top 5 trên cả 2 sàn, mục tiêu phấn đấu lọt vào top 3.
- Tận dụng, khai thác các lợi thế và tiềm năng của Thị trường phía Nam bằng việc đẩy mạnh hoạt động tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành ở thị trường này trên cơ sở đó khai thác các hoạt động môi giới trên nền tảng khách hàng phát triển được từ hoạt động tư vấn và bảo lãnh phát hành.
- Nhanh chóng hoàn thành việc xây dựng KPI để sớm áp dụng, triển khai nhằm đổi mới toàn diện cơ chế trả lương cho môi giới theo hướng cạnh tranh với 5 công ty chứng khoán top đầu.
- Nhanh chóng triển khai dịch vụ môi giới chứng khoán phái sinh.
- Nâng cao số lượng, chất lượng môi giới, đặc biệt là môi giới khách hàng tổ chức và môi giới khách hàng nước ngoài.
- Nhanh chóng hoàn thành việc đổi mới hệ thống phần mềm lõi giao dịch chứng khoán đáp ứng tốt hơn nhu cầu phát triển khách hàng và giao dịch trong đó tập trung ưu tiên phát triển các ứng dụng công nghệ thông tin trên nền tảng công nghệ tiên tiến, hiện đại.

ĐẦU TƯ

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2018, trước tình hình thị trường biến động phức tạp khó lường nhưng nhờ sự thích ứng kịp thời, bán ra các cổ phiếu trong danh mục đúng thời điểm, nên hoạt động đầu tư đã đảm bảo có lãi và đóng góp tích cực vào kết quả chung của toàn Công ty. Cụ thể mảng đầu tư ghi nhận 515,3 tỷ đồng doanh thu, thực hiện được 100,2% kế hoạch năm và tăng 23,6% so với kết quả của năm 2017. Chi phí kinh doanh của hoạt động là 185,2 tỷ đồng, thực hiện 103,3% kế hoạch và tăng 5,6% so với năm 2017 do Công ty phải trích lập dự phòng thay vì được hoàn nhập như năm trước. Lãi trước thuế ghi nhận 330,1 tỷ đồng, bằng 98,6% so với kế hoạch và tăng 36,7% so với năm 2017.

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		Thay đổi	
	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	% thay đổi so với cùng kỳ	% thay đổi so kế hoạch	
Doanh thu (tỷ đồng)	416,8	514,2	515,3	123,6%	100,2%	
Chi phí (tỷ đồng)	175,4	179,3	185,2	105,6%	103,3%	
Lợi nhuận (tỷ đồng)	241,4	334,9	330,1	136,7%	98,6%	

So sánh với các công ty chứng khoán khác

Chỉ tiêu	SHS	SSI	VNDS	MBS	BVSC
Doanh thu tự doanh (tỷ đồng)	515,3	1.572,4	544,3	185,8	167,1
Vị trí	3	1	2	4	5

Như vậy, doanh thu tự doanh của SHS năm 2018 là **515,3** tỷ đồng, đứng thứ 3 trong số 5 công ty.

Biến động tăng, giảm đầu tư năm 2018

Hoạt động đầu tư trong năm 2018 có sự dịch chuyển mạnh mẽ theo đó Công ty dành một lượng tiền không nhỏ cho hoạt động kinh doanh trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và các công cụ thị trường tiền tệ đang có nhiều cơ hội trong năm 2018. Đồng thời, Công ty cũng ưu tiên đẩy mạnh đầu tư thông qua hoạt động đấu giá, M&A theo kế hoạch. Đây là các thị trường đầy tiềm năng vốn chỉ dành cho các tổ chức tài chính và có uy tín. Các khoản đầu tư này hầu hết đã được hiện thực hóa lợi nhuận trong năm 2018 và đã góp phần không nhỏ vào kết quả kinh doanh chung của Công ty.

Đối với cổ phiếu niêm yết, Công ty đã thực hiện được đúng kế hoạch theo đó giữ nguyên hoặc giảm dần đầu tư vào cổ phiếu niêm yết do dư địa tăng không nhiều. Trong trường hợp đầu tư thì chủ trọng đầu tư danh mục cổ phiếu niêm yết có tiềm năng tăng trưởng với chủ trương nắm giữ dài hạn và tỷ trọng cao.

(Đơn vị: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2017	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Tại 31/12/2018
Tài sản FVTPL	660,9	29.506,9	29.139,6	1.028,2
Cổ phiếu niêm yết	521,8	3.447,7	3.202,4	767,1
Cổ phiếu chưa niêm yết	139,1	448,4	471,4	116,1
Trái phiếu niêm yết	-	15.227,5	15.227,5	-
Trái phiếu chưa niêm yết	-	5.277,0	5.277,0	-
Công cụ thị trường tiền tệ	-	5.106,3	4.961,3	145
Tài sản AFS	148,6	573,6	722,2	-
Cổ phiếu niêm yết	148,6	573,6	722,2	-
Tổng cộng	809,5	30.080,5	29.861,8	1.028,2

Kết quả khác

- Về cơ bản, Công ty đã tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật hiện hành về hạn chế đầu tư quy định tại Thông tư 210 và Thông tư 07.
- Danh mục đầu tư tiếp tục được tái cơ cấu và tập trung vào các khoản đầu tư thông qua Private Equity (PE), đấu giá, M&A với nhiều mã cổ phiếu tiềm năng...
- Tại vùng đỉnh của thị trường năm 2018, hoạt động Đầu tư đã chủ động chốt lãi, tất toán một phần đáng kể danh mục cổ phiếu niêm yết, giúp giữ lại lợi nhuận đầu tư và giảm thiểu những khoản lỗ từ xu hướng thị trường rơi mạnh từ giữa tháng 4 và giữa tháng 10 năm 2018.
- Đối với một số doanh nghiệp mà Công ty nắm giữ có giá trị lớn, Công ty đã thường xuyên chủ động cập nhật, nắm bắt các thông tin, tham gia sâu hơn vào hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, thậm chí cử chuyên gia tham gia trực tiếp vào công việc điều hành, để đảm bảo quyền lợi của SHS. Về điều này, Công ty đã thực hiện tốt theo kế hoạch đã đề ra.
- Nhân sự của hoạt động đầu tư đã được bổ sung thêm 04 cán bộ theo kế hoạch trong đó có 01 phó phòng tại Hà Nội, 01 cán bộ tại Tp.HCM để đảm bảo đầu mối tiếp cận với các doanh nghiệp phía Nam, 01 cán bộ trực tiếp phụ trách theo dõi, tổng hợp báo cáo giúp cho công tác quản trị hoạt động đầu tư được chính xác, kịp thời hơn.
- Công tác quản trị hoạt động đầu tư ngày càng được chuẩn hóa về mặt thủ tục, giấy tờ đảm bảo tuân thủ các quy trình của pháp luật hiện hành và quy định nội bộ của Công ty.

HẠN CHẾ

- Mặc dù về cơ bản, Công ty đã tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật hiện hành về hạn chế đầu tư. Tuy nhiên, Công ty vẫn để xảy ra 1 lần vi phạm do sai sót trong công tác tính toán và theo dõi của chuyên viên đầu tư.
- Mặc dù đã thực hiện tái cơ cấu mạnh mẽ, tận dụng các tốt các cơ hội thị trường tuy nhiên chưa xử lý dứt điểm được các mã chứng khoán không tiềm năng trong danh mục đầu tư như kế hoạch.
- Chưa xây dựng được hiệu quả cơ chế giao khoán, giám sát và đánh giá đối với từng nhân viên.
- Việc nghiên cứu và đề xuất các kênh đầu tư mới chưa tốt.
- Kinh nghiệm và kỹ năng nắm bắt các cơ hội trên thị trường của nhân sự hoạt động đầu tư còn hạn chế.

KẾ HOẠCH NĂM 2019

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật hiện hành về hạn chế đầu tư.
- Cân đối nguồn vốn hợp lý để thực hiện các cơ hội có được về đầu tư.
- Tiếp tục tái cơ cấu danh mục đầu tư theo hướng xử lý dứt điểm các khoản đầu tư không tiềm năng.
- Đẩy mạnh tìm kiếm cơ hội đầu tư bằng nghiệp vụ M&A, PE phù hợp với khả năng của SHS và thực hiện các kênh đầu tư khác mà pháp luật và Điều lệ Công ty cho phép.
- Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng hiệu quả cơ chế giao khoán, giám sát và đánh giá đối với từng nhân viên.
- Tiếp tục tuyển dụng và đào tạo nhân sự có kinh nghiệm và kỹ năng để tăng cường khả năng nắm bắt các cơ hội trên thị trường chứng khoán.
- Mục tiêu:** tận dụng được các cơ hội để tìm kiếm lợi nhuận ngắn hạn kết hợp với việc xây dựng danh mục đầu tư có mức sinh lời kỳ vọng tốt, bền vững và dài hạn.

DỊCH VỤ TÀI CHÍNH**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Trong năm 2018, mặc dù nguồn vốn chung cho hoạt động đầu tư chứng khoán tiếp tục gặp khó khăn và lãi suất tăng cùng với sự cạnh tranh gay gắt của các công ty chứng khoán có nguồn vốn ngoại với lãi suất cho vay thấp hơn, doanh thu dịch vụ tài

chính vẫn đạt 375,1 tỷ đồng, bằng 90,2% kế hoạch và tăng 11,1% so với năm trước. Tuy nhiên, chi phí cho hoạt động tăng mạnh nên lợi nhuận của hoạt động chỉ đạt 178,4 tỷ đồng, đạt 78,3% so với kế hoạch và bằng 66,4% so với năm trước.

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018		Thay đổi	
	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	% thay đổi so với cùng kỳ	% thay đổi so kế hoạch
Doanh thu (tỷ đồng)	337,5	416,0	375,1	111,1%	90,2%
Chi phí (tỷ đồng)	68,7	188,2	196,7	286,3%	104,5%
Lợi nhuận (tỷ đồng)	268,8	227,8	178,4	66,4%	78,3%

So sánh với các công ty chứng khoán khác

Chỉ tiêu	SHS	SSI	VNDS	MBS	BVSC
Doanh thu dịch vụ tài chính (tỷ đồng)	375,1	710,9	434,9	309,6	168,8
Vị trí	3	1	2	4	5

Như vậy, doanh thu dịch vụ tài chính của SHS năm 2018 là **375,1** tỷ đồng, đứng thứ 3 trong số 5 công ty.

Kết quả khác

Công tác quản trị rủi ro trong hoạt động dịch vụ tài chính vẫn được chú trọng và duy trì tốt. Năm 2018, tại SHS không phát sinh thêm các khoản nợ xấu từ hoạt động dịch vụ tài chính.

Các sản phẩm dịch vụ tài chính của Công ty được duy trì với nhiều loại sản phẩm và có tính cạnh tranh trên thị trường giúp cho khách hàng linh hoạt sử dụng.

Trong năm 2018, Công ty đã đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động dịch vụ tài chính giúp cho quá trình báo cáo và quản lý khách hàng được tốt hơn, đặc biệt là đối với đối tượng khách hàng lớn, khách hàng tổ chức.

HẠN CHẾ

- Công tác quản trị rủi ro tính dụng vẫn còn những hạn chế mặc dù trong năm 2018 không phát sinh thêm nợ xấu từ hoạt động dịch vụ tài chính.
- Một số quy trình nghiệp vụ còn chưa được chuẩn hóa, hồ sơ, thủ tục đã được cắt giảm nhưng vẫn còn phức tạp, vừa gây khó khăn cho khách hàng vừa rủi ro cho Công ty.
- Việc nghiên cứu và xây dựng các sản phẩm mới, đi đầu thị trường, đáp ứng yêu cầu của nhà đầu tư còn hạn chế.

KẾ HOẠCH NĂM 2019

- Kiểm soát rủi ro tín dụng và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- Chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ theo từng sản phẩm, giảm thiểu hồ sơ, thủ tục không cần thiết.
- Duy trì sự ổn định của sản phẩm nhưng đa dạng hóa các hình thức cung cấp dịch vụ. Bên cạnh đó, cải tiến các sản phẩm theo hướng linh hoạt, thuận tiện với khách hàng nhưng vẫn đảm bảo an toàn cho Công ty.
- Xem xét thực hiện bán chéo sản phẩm với ngân hàng, công ty chứng khoán có ưu thế về vốn và lãi suất phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.
- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động dịch vụ tài chính giúp cho quá trình báo cáo và quản lý khách hàng được tốt hơn, đặc biệt là đối với khách hàng lớn, khách hàng tổ chức.
- Mục tiêu:** phát triển các sản phẩm tài chính linh hoạt, thuận tiện, quản trị tốt rủi ro trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật và Điều lệ của Công ty.

TƯ VẤN TÀI CHÍNH VÀ BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2018, hoạt động tư vấn của các công ty chứng khoán nói chung và SHS nói riêng tiếp tục chịu nhiều ảnh hưởng do sự thay đổi chính sách của cơ quan quản lý nhà nước, cụ thể là chính sách liên quan tới cổ phần hóa & thoái vốn DNNN. Do vậy doanh thu tư vấn truyền thống chỉ bằng 73,5% so với năm 2017, đạt 8.3 tỷ đồng.

Tuy nhiên, nhờ chính sách chuyển dịch cơ cấu dịch vụ được triển khai mạnh mẽ nên doanh thu từ hoạt động tư vấn chuyên sâu đặc

biệt là tư vấn và bảo lãnh phát hành trái phiếu doanh nghiệp đã cho thấy sự phát triển vượt bậc với giá trị ghi nhận đạt trên 50,2 tỷ đồng, bằng 323,9% kế hoạch và bằng 1.673,3% so với 2017.

Tính chung, hoạt động tư vấn và bảo lãnh phát hành đạt 58.5 tỷ đồng doanh thu, bằng 409,1% so với thực hiện năm 2017 và đạt 265,9% so với kế hoạch năm. Lợi nhuận đạt 45,9%, bằng 3530,8% so với thực hiện năm 2017 và đạt 208,6% so với kế hoạch năm.

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018		Thay đổi	
	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	% thay đổi so với cùng kỳ	% thay đổi so kế hoạch
Tư vấn tài chính					
Doanh thu (tỷ đồng)	11,3	6,5	8,3	73,5%	127,7 %
Chi phí (tỷ đồng)	15,6	-	12,6	80,8%	0,0%
Lợi nhuận (tỷ đồng)	(4,3)	6,5	(4,3)	100,0%	-66,2%
Bảo lãnh và đại lý phát hành					
Doanh thu (tỷ đồng)	3,0	15,5	50,2	1.673,3%	323,9%
Chi phí (tỷ đồng)	-	-	-	0,0%	0,0%
Lợi nhuận (tỷ đồng)	3,0	15,5	50,2	1.673,3%	323,9%
Tổng cộng					
Doanh thu (tỷ đồng)	14,3	22,0	58,5	409,1%	265,9%
Chi phí (tỷ đồng)	15,6	-	12,6	80,8%	0,0%
Lợi nhuận (tỷ đồng)	(1,3)	22,0	45,9	-3.530,8%	208,6%

So sánh với các công ty chứng khoán khác

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	SHS	SSI	VNDS	MBS	BVSC
Doanh thu tư vấn tài chính	8,3	125,2	0	0,2	0,3
Doanh thu bảo lãnh và đại lý phát hành	50,2	2,3	17,9	88,5	7,3
Tổng cộng	58,5	127,5	17,9	88,7	7,6
Vị trí	3	1	4	2	5

Như vậy, doanh thu tư vấn tài chính và bảo lãnh, đại lý phát hành của SHS năm 2018 là **58,5 tỷ đồng**, đứng thứ 3 trong số 5 công ty.



Kết quả khai thác hợp đồng

Doanh thu khai thác trong năm 2018 tiếp tục tăng trưởng so với năm 2017. Nếu như năm 2017, giá trị doanh thu khai thác đạt 29,3 tỷ đồng với số lượng hợp đồng là 114 thì năm 2018 doanh thu khai thác đạt 48,8 tỷ đồng với số lượng hợp đồng là 93. Như vậy, giá trị bình quân mỗi hợp đồng khai thác trong năm 2018 vẫn tăng trưởng 2 lần so với năm 2017. Điều này cũng phù hợp với định hướng đã được triển khai những năm gần đây là từng bước chuyển dịch sang các nghiệp vụ tư vấn chuyên sâu.

Kết quả khác

Đội ngũ nhân sự tư vấn cũng đã có sự chuyên môn hóa rõ rệt theo hai nghiệp vụ chính là tư vấn tài chính truyền từ hoạt động tư vấn chuyên sâu đạt hơn 80% tổng doanh thu khai thác (chưa bao gồm phí tư vấn theo khả năng thành công của các thương vụ M&A và thoái vốn).

Bên cạnh nghiệp vụ chính, hoạt động tư vấn trong năm 2018 đã hỗ trợ tích cực cho các hoạt động khác của Công ty với tư cách là hoạt động tạo hàng cho hoạt động đầu tư, phát triển mạng lưới khách hàng cho hoạt động môi giới, dịch vụ tài chính, lưu ký, quản lý sổ cổ đông, nguồn vốn...

Cơ sở khách hàng và uy tín tư vấn của SHS ngày càng tăng.

HẠN CHẾ

- Khả năng khai thác hợp đồng của một số cán bộ, nhân viên tư vấn vẫn còn hạn chế.
- Mối quan hệ với các đối tác, tổ chức tài chính lớn đã cải thiện đáng kể nhưng vẫn còn hạn chế.
- Chưa khai thác tốt thị trường trái phiếu doanh nghiệp và thị trường phía Nam.

KẾ HOẠCH NĂM 2019

- Tiếp tục nâng cao chất lượng tư vấn và đội ngũ chuyên gia tư vấn.
- Duy trì triển khai các dịch vụ tư vấn truyền thống làm nền tảng tạo hàng và phát triển mạng lưới khách hàng cho các hoạt động khác của Công ty.
- Chú trọng khai thác các nghiệp vụ tư vấn và bảo lãnh phát hành liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp.
- Tư vấn và làm trung gian thu xếp vốn cùng các nghiệp vụ IB khác.
- Tận dụng, khai thác các lợi thế và tiềm năng của Thị trường phía Nam.
- **Mục tiêu:** phát triển SHS trở thành tổ chức hàng đầu về tư vấn tại Việt Nam.

NGUỒN VỐN

HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ CÂN ĐỐI NGUỒN

Công ty đã đảm bảo về thanh khoản cho toàn bộ hệ thống của Công ty trong năm 2018.

Đã đáp ứng được nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty và hỗ trợ tài chính cho Nhà đầu tư.

Đã hạn chế được tình trạng dư thừa vốn bằng việc đẩy mạnh sử dụng nguồn vốn cho hoạt động cho vay phù hợp với thực trạng quy mô vốn tại các thời điểm khác nhau.

HOẠT ĐỘNG HUY ĐỘNG NGUỒN

Nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng chiếm tỷ trọng 14,9% tổng nguồn vốn huy động toàn Công ty. Bên cạnh vẫn giữ được mối quan hệ với các đối tác truyền thống như: SHB, Ngân hàng An Bình, Ngân hàng OCB..., Công ty đã mở rộng ra một số đối tác mới như: VPBank, CTBC, Indovinabank...

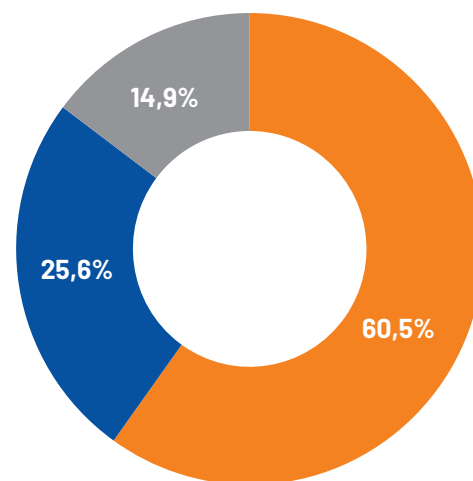
Nguồn vốn huy động từ phát hành trái phiếu chiếm 25,6% tổng nguồn vốn huy động. Do ảnh hưởng của Thông tư 36, khả năng huy động nguồn từ các tổ chức tín dụng đã bị hạn chế thì việc đẩy mạnh phát hành trái phiếu doanh nghiệp là giải pháp kịp thời để bổ sung nguồn vốn dài hạn cho các hoạt động của Công ty. Theo đó, Công ty đã phát hành 4 đợt trái phiếu mới với quy mô 2.300 tỷ đồng để bù đắp dần cho luồng trái phiếu đến hạn thanh toán theo thỏa thuận.

Nguồn vốn tự có chiếm khoảng 25,0% và nguồn vốn huy động từ các hình thức khác cũng đóng góp không nhỏ giúp Công ty duy trì nguồn vốn ổn định cho hoạt động kinh doanh cũng như hỗ trợ tài chính cho Nhà đầu tư, góp phần giảm chi phí vốn của Công ty.

HOẠT ĐỘNG SỬ DỤNG NGUỒN

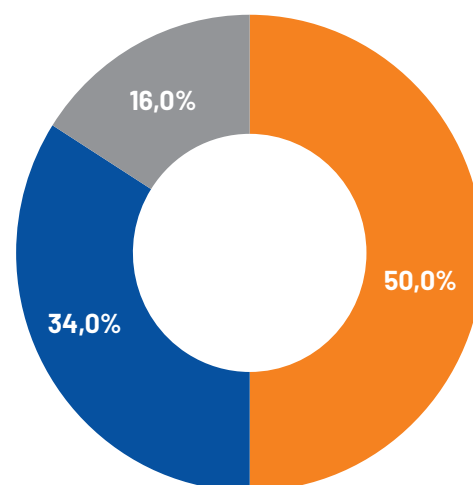
Nguồn vốn của Công ty được sử dụng chủ yếu cho hoạt động hỗ trợ tài chính cho Nhà đầu tư (khoảng 50%), hoạt động Đầu tư (chiếm khoảng 34%), còn lại cho các hoạt động khác. Hoạt động sử dụng nguồn vốn trong năm 2018 có thể nói là tương đối hiệu quả, góp phần vào việc tăng mạnh doanh thu của Công ty.

CƠ CẤU NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG



- Vốn tự có và vốn khác
- Trái phiếu doanh nghiệp
- Vay vốn tín dụng

CƠ CẤU SỬ DỤNG NGUỒN



- Hỗ trợ tài chính
- Đầu tư
- Khác

Nguồn: SHS Research

HẠN CHẾ

- Các nguồn vốn huy động trọng yếu phục vụ cho hoạt động kinh doanh vẫn là nguồn vốn ngắn hạn thiếu tính ổn định, cơ cấu nguồn dài hạn chiếm tỷ trọng thấp. Hơn nữa, nguồn vốn cho hoạt động chủ yếu là vốn huy động vay trên thị trường với lãi suất đầu vào cao và phụ thuộc vào biến động của thị trường. Từ đó, lãi suất đầu ra khó cạnh tranh với các công ty chứng khoán khác, đặc biệt là các công ty có nguồn vốn ngoại, giá rẻ.
- Kế hoạch tăng vốn trong năm 2018 mà trọng tâm là tăng vốn chủ sở hữu góp phần chủ động nguồn vốn kinh doanh, tăng sức cạnh tranh, giảm chi phí vốn, tăng tỷ lệ an toàn tài chính...vẫn chưa thực hiện được theo kế hoạch.
- Kế hoạch xây dựng các phương án dự phòng đối với nguồn vốn của Công ty đã từng bước được thực hiện nhưng chưa toàn diện.

KẾ HOẠCH NĂM 2019

- Theo dõi cân đối nguồn vốn đảm bảo an toàn về tính thanh khoản của toàn Công ty.
- Mở rộng thêm quan hệ tín dụng với nhiều ngân hàng thương mại để đảm bảo quy mô vay vốn.
- Triển khai đồng bộ các giải pháp hợp lý để tiếp tục bổ sung nguồn vốn cho các hoạt động của Công ty trong đó chú trọng phát triển các nguồn vốn dài hạn, lãi suất hợp lý, đặc biệt là vốn chủ sở hữu.
- Xem xét phát hành chứng quyền có bảo đảm với lộ trình hợp lý nhằm tăng doanh thu và phòng ngừa rủi ro.
- Bám sát thị trường, dự báo các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động nguồn vốn của Công ty.
- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các phương án dự phòng đối với nguồn vốn của Công ty góp phần quản trị tốt rủi ro thanh khoản.
- **Mục tiêu:** Đáp ứng đầy đủ nhu cầu vốn cho các hoạt động kinh doanh của Công ty trên cơ sở chi phí vốn tối ưu, quản trị tốt rủi ro thanh khoản và tuân thủ các quy định của pháp luật.

HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Trong năm 2018, phần mềm core của Công ty duy trì hoạt động tương đối ổn định, cập nhật đầy đủ, đúng thời hạn những thay đổi của các SGDCK và VSD. Các phần mềm nội bộ CRM, HRM, hệ thống báo cáo Open Report vẫn được cập nhật theo yêu cầu công việc. Bên cạnh đó, Công ty đã phát triển phần mềm quản lý danh mục cho phòng Đầu tư thay thế phần mềm cũ.

Liên quan đến việc chuyển Trụ sở chính vào tháng 1/2018, Trung tâm dữ liệu của Công ty đã được chuyển từ Yết Kiêu sang Ngõ Quyền thành công. Hệ thống hạ tầng/mạng/bảo mật cơ bản đáp ứng được nhu cầu của khách hàng và người sử dụng

Đã thực hiện chuyển đổi hệ thống thoại của công ty sang hạ tầng VoIP thành công. Ngoài ra, đã tích hợp thành công toàn bộ thiết bị IP Phone Cisco nhận từ SHBS về - giúp tiết kiệm lượng lớn kinh phí thiết bị đầu cuối VoIP cho công ty. Hiện tại, hệ thống đã hoạt động ổn định.

Đối với phần cứng, các dự án theo kế hoạch năm đã được điều chỉnh cho phù hợp với tiến độ sát nhập lượng lớn tài sản công nghệ thông tin từ SHBS về nhằm đảm bảo tận dụng tối đa tài nguyên và quy mô mở rộng của hệ thống sau sát nhập.

Đã thực hiện gia hạn bảo hành/cập nhật nâng cấp phần cứng/phần mềm hệ thống/phần mềm an ninh bảo mật đảm bảo hoạt động ổn định của hệ thống CNTT.

Triển khai nhiều biện pháp giám sát hệ thống phần mềm lõi, mạng và các thông số hệ thống quan trọng khác qua email và màn hình giám sát cho quản trị viên.

Bổ sung một số quy trình nghiệp vụ phục vụ hoạt động vận hành hệ thống CNTT.

Tuy vậy, dự án triển khai phần mềm giao dịch chứng khoán phái sinh và nâng cấp phần mềm lõi chứng khoán đã được xây dựng như kế hoạch nhưng vẫn chưa được phê duyệt để triển khai. Tính ổn định của hệ thống dù đã được cải thiện nhưng cần tiếp tục nâng cao hơn nữa đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.

Do đó, trọng tâm trong kế hoạch năm 2019 của Công ty là tập trung đánh giá phần mềm lõi hiện tại, đề xuất phương án xử lý để hỗ trợ tốt hơn cho hoạt động môi giới. Nhanh chóng triển khai phần mềm lõi chứng khoán mới ngày khi được phê duyệt. Chú trọng công tác phát triển sản phẩm cho nhà đầu tư trên điện thoại thông minh và tiếp tục chú trọng công tác bảo mật, quản lý hệ thống. Ngoài ra, hiện nay, SGDCK Tp.HCM có kế hoạch nâng cấp phần mềm lõi mới, dự kiến đưa vào hoạt động trong năm 2019. Công ty sẽ thực hiện theo dõi sát tiến độ triển khai của SGDCK Tp.HCM để bố trí kế hoạch kéo đường truyền kết nối cho phù hợp và tiết kiệm.

PHÂN TÍCH

Trong năm 2018, hoạt động phân tích của Công ty được đẩy mạnh và tập trung vào việc phân tích, đánh giá doanh nghiệp hỗ trợ cho các bộ phận kinh doanh như Môi giới, Tư vấn. Hoạt động đánh giá thị trường hàng ngày/tuần được duy trì tốt. Bên cạnh các buổi họp trực tuyến 3 miền để tổng hợp nhận định đánh giá xu hướng thị trường, tư vấn cổ phiếu cho hoạt động môi giới hàng tuần, hoạt động đánh giá và khuyến nghị cổ phiếu được triển khai ngay trong phiên giao dịch và hàng ngày qua đó kịp thời cập nhật những biến động của thị trường tới khách hàng. Những nhận định nhìn chung có chất lượng tốt được ghi nhận đặc biệt trong giai đoạn thị trường điều chỉnh.

Năm 2018, Công ty cũng tiếp tục thực hiện khai thác nhu cầu cung cấp sản phẩm phân tích đánh giá các mã cổ phiếu theo nhu cầu của khách hàng tổ chức.

Bên cạnh đó, hoạt động phân tích cũng tập trung vào các nhu cầu nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động khác và phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của BTGD như nghiên cứu đánh giá doanh nghiệp phục vụ hoạt động đầu tư, phối hợp với hoạt động Tư vấn để cung cấp các dịch vụ cho khách hàng, thực hiện các hoạt động liên quan tới xây dựng và quản lý danh mục cho vay ký quỹ ...

Tuy vậy, hoạt động phân tích trong năm 2018 vẫn còn những tồn tại và cần hoàn thiện trong năm 2019 như:

- Các sản phẩm cung cấp cho hoạt động môi giới, đầu tư, BTGD cần nâng cao hơn nữa về chất lượng.
- Các sản phẩm phân tích vĩ mô, ngành, doanh nghiệp hay đánh giá tác động của chính sách mới còn ít, chưa đáp ứng yêu cầu.
- Hình thức, tần suất và chất lượng sản phẩm cần cải thiện hơn nữa để tạo sức hấp dẫn với khách hàng.
- Nhân sự của hoạt động còn mỏng và cần tiếp tục nâng cao hơn nữa về kiến thức.

XỬ LÝ NỢ XẤU

Tổng giá trị phải thu khó đòi tại 31/12/2018 là 495,5 tỷ đồng trong đó Công ty đã trích lập dự phòng 432,8 tỷ đồng.

Công tác xử lý nợ xấu trong năm 2018 tiếp tục tập trung vào việc hoàn thiện hồ sơ, hoàn thiện công tác theo dõi xử lý nợ xấu, đơn đốc khách hàng trả nợ mặc dù Công ty đã trích lập hầu như đầy đủ dự phòng. Đối với các khoản nợ đã khởi kiện, Công ty tiếp tục thực hiện cung cấp thông tin và thực hiện các thủ tục tố tụng theo thông báo và diễn biến xử lý của các cấp Tòa án.

Tuy vậy, công tác xử lý nợ xấu trong năm 2018 vẫn chưa đạt được kết quả như mong muốn như thời gian tố tụng kéo dài, giá trị nợ xấu thu hồi được chưa nhiều, số lượng và trình độ tố tụng của cán bộ, chuyên viên pháp chế còn hạn chế...

Do đó, trong năm 2019, Công ty tập trung nâng cao trình độ tố tụng của cán bộ, chuyên viên pháp chế đồng thời mở rộng hợp tác với các văn phòng luật sư có uy tín và kinh nghiệm tham gia tố tụng trong các vụ án kinh tế để đẩy mạnh công tác xử lý nợ xấu, đảm bảo xử lý hiệu quả các khoản nợ xấu của Công ty.



➤ BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN**Đầu tư tài chính**

Năm 2018, hoạt động đầu tư của SHS có sự thay đổi cả về lượng và chất. Nguồn vốn phân bổ cho hoạt động đầu tư tăng lên đáng kể. Nếu như trước đây cơ cấu đầu tư của SHS hầu như chỉ có cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết thì nay có sự đa dạng hóa và phân bổ nguồn vốn lớn cho đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết, trái phiếu các loại và các công cụ trên thị trường tiền tệ, góp phần nâng cao mạnh mẽ hiệu quả đầu tư của SHS trong năm 2018.

Tình hình tăng, giảm đầu tư tài chính tại 31/12/2018 so với cùng kỳ năm trước

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2018	Tại 31/12/2017	Thay đổi	
			Số tiền	%
Tài sản FVTPL	1.006,5	680,2	326,3	48,0
Tài sản AFS	-	217,5	(217,5)	-100,0
Tổng cộng	1.006,5	897,7	108,8	12,1

Biến động tăng, giảm đầu tư tài chính trong năm 2018

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2017	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Tại 31/12/2018
Tài sản FVTPL	680,2	29.543,1	29.216,8	1.006,5
Giá mua	660,9	29.506,9	29.139,6	1.028,2
Chênh lệch đánh giá lại	19,3	36,2	77,2	(21,7)
Tài sản AFS	217,5	504,7	722,2	-
Giá mua	148,6	573,6	722,2	-
Chênh lệch đánh giá lại	68,9	(68,9)	-	-
Tổng cộng	897,7	30.047,8	29.939,0	1.006,5

Cơ cấu đầu tư tài chính của SHS trong năm và tại thời điểm đầu năm, cuối năm năm 2018

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2017	Đầu tư trong năm	Tại 31/12/2018
Cổ phiếu niêm yết	83%	213%	75%
Cổ phiếu chưa niêm yết	17%	1%	11%
Trái phiếu niêm yết	-	51%	-
Trái phiếu chưa niêm yết	-	18%	-
Công cụ thị trường tiền tệ	-	17%	14%
Tổng cộng	100%	100%	100%

Một số khoản đầu tư tài chính lớn (từ 20 tỷ đồng trở lên) trong năm

Mã cổ phiếu	Giá trị đầu tư trong năm	Giá trị tất toán trong năm
Cổ phiếu		
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	282,0	198,5
TCT Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp VN - TNHH MTV	89,3	89,3
TCT Cổ Phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	51,8	51,1
TCT VIGLACERA - CTCP	58,9	91,2
TCT CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu Khí	95,3	170,6
TCT CP ĐT PT Xây dựng DIG	28,8	28,8
Ngân hàng TMCP Công thương VN	25,8	25,8
Ngân hàng TMCP Á Châu	60,3	60,3
Ngân hàng TMCP Quân Đội	42,0	42,0
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt	68,9	16,0
Công ty TNHH MTV Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	32,4	-
CTCP XL & Địa ốc Vũng Tàu	50,1	2,9
CTCP Tập đoàn Hòa Phát	56,1	39,3
CTCP KS & XD Bình Dương	44,5	60,7
CTCP Hà Đô	60,4	52,2
CTCP Chứng khoán NHĐT & PT VN	36,6	-
CTCP Đầu tư Hải Phát	67,3	107,8
CTCP Bao bì Biên Hoà	22,8	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiến Bộ	31,0	30,9
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hà Thành	210,0	-
Công ty CP Đóng tàu và Dịch vụ Cảng Mỹ Xuân	75,0	-
CTCP Du lịch Thương mại Nha Trang	26,0	18,1
Trái phiếu		
Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh phát hành	1.368,3	1.368,3
Trái phiếu Chính phủ đầu thầu	12.044,2	12.044,2
Trái phiếu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản VN	100	100
Trái phiếu Tổng Công ty Truyền tải điện quốc gia	303,4	303,4
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	500,0	500,0
Trái phiếu Ngân hàng TMCP ĐT&PT	3.730,9	3.730,9
Trái phiếu Ngân hàng Phát triển Việt Nam	384,4	384,4
Trái phiếu Ngân hàng Chính sách Xã hội	801,8	801,8
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Quốc Dân	450,0	450,0
Trái Phiếu Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	200,0	200,0
Trái phiếu CTCP Tập đoàn Đất Xanh	180,0	180,0
Trái phiếu Công ty CP Tập đoàn Tiến Bộ	300,0	300,0
Trái phiếu Công ty CP Tập đoàn Masan	50,5	50,5
Công cụ thị trường tiền tệ		
Chúng chỉ tiền gửi của các Ngân hàng	5.106,3	4.961,3

Đầu tư dự án

Công ty không có các khoản đầu tư dự án nào trong năm 2018.

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty không có bất kỳ công ty con, công ty liên kết nào.

➤ NHỮNG TIẾN BỘ TRONG NĂM**HOÀN THÀNH VIỆC SÁP NHẬP SHBS VÀO SHS**

SHS đã hoàn thành việc sáp nhập SHBS vào SHS chỉ trong một thời gian ngắn trong đó có việc chuyển giao thành công hàng vạn tài khoản khách hàng và xử lý rất nhiều vấn đề phức tạp liên quan đến tài sản, tài chính, công nợ của SHBS. Việc sáp nhập thành công đã góp phần đóng góp quan trọng vào định hướng nâng cao năng lực các công ty chứng khoán của cơ quan quản lý Nhà nước. Đây là thương vụ sáp nhập công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam thực hiện sáp nhập giữa một công ty chứng khoán đã niêm yết với một công ty chứng khoán chưa niêm yết.

DUY TRÌ ĐƯỢC MỨC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG CAO

Mặc dù chỉ hoàn thành 89,2% kế hoạch lợi nhuận trước thuế do năm 2018 thị trường diễn biến bất lợi hơn so với dự đoán của SHS tuy nhiên SHS vẫn duy trì được mức độ tăng trưởng cao. Doanh thu và lợi nhuận đạt được là cao nhất trong lịch sử hơn 10 năm hoạt động của Công ty. Lợi nhuận bình quân trên một cổ phiếu năm 2018 vẫn đạt mức 2.746 đồng/cổ phiếu.

DUY TRÌ THỊ PHẦN VÀ ĐỊNH VỊ DẪN VỊ THỂ TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Năm 2018, SHS đứng vị trí thứ 4 thị phần môi giới cổ phiếu niêm yết tại HNX và thứ 6 tại HOSE. Tổng hợp cả 2 sàn, SHS vẫn nằm trong top 5 mặc dù năm 2018 chứng kiến sự cạnh tranh gay gắt của các công ty chứng khoán.

Điểm sáng trong năm 2018 chính là việc SHS ngày càng định vị dẫn vị trí của mình trên thị trường trái phiếu Chính phủ niêm yết và thị trường trái phiếu doanh nghiệp. SHS đã quay lại top 10 thị phần môi giới trái phiếu Chính phủ tại HNX sau gần 2 năm vắng bóng và tại sàn HSX sau gần 4 năm vắng bóng. Hoạt động tư vấn dịch chuyển dần sang tư vấn chuyên sâu, đặc biệt là tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp đã mang lại doanh thu khả quan trong năm 2018 cho mảng tư vấn và bảo lãnh phát hành. Hoạt động đầu tư đã có sự thay đổi mạnh mẽ khi dành một tỷ trọng đáng kể đầu tư vào thị trường trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và các công cụ thị trường tiền tệ cho thấy việc nắm bắt cơ hội kịp thời và sự phát triển vượt bậc của SHS về mặt định hướng chiến lược.

Năm 2018, SHS cũng đã thực hiện chuyển Trụ sở chính từ địa chỉ số 1 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội về địa chỉ số 41 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội với mục tiêu xuyên suốt là định vị SHS trở thành một công ty chứng khoán chuyên nghiệp, uy tín hàng đầu tại Việt Nam. Địa chỉ mới là một con phố sầm uất, trung tâm, xung quanh quy tụ rất nhiều ngân hàng, công ty chứng khoán và các tổ chức tài chính lớn đã góp phần nâng tầm vị thế của SHS trên TTCK.

TỰ CHỦ HƠN VỀ NGUỒN VỐN

Thông qua việc phát hành thêm để hoán đổi cổ phiếu do sáp nhập SHBS đã góp phần nâng cao sự tự chủ về nguồn vốn của SHS. Hơn nữa, trong năm SHS đã phát hành thành công 4 đợt trái phiếu doanh nghiệp với quy mô huy động 2.300 tỷ đồng với lợi thế lãi vay rẻ hơn trước và rẻ hơn vay vốn tín dụng ngân hàng đã góp phần giảm chi phí lãi vay, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của SHS.

NGÀY Càng KHẲNG ĐỊNH UY TÍN, THƯƠNG HIỆU TRÊN THỊ TRƯỜNG

Việc phát hành thành công cả 4 đợt trái phiếu doanh nghiệp với quy mô huy động lớn lên đến 2.300 tỷ đồng cho thấy SHS ngày càng khẳng định uy tín trên TTCKVN. Nhiều khách hàng, đối tác lớn trên thị trường tài chính và nước ngoài đã tìm đến SHS để bày tỏ mong muốn hợp tác dưới nhiều tư cách khác nhau như đối tác chiến lược, cổ đông lớn, hợp tác đầu tư, cung cấp sản phẩm, dịch vụ, cho vay... Thực tế cho thấy trong năm 2018, SHS đã thực hiện thành công nhiều thương vụ lớn chưa từng có trong lịch sử Công ty liên quan đến môi giới, đầu tư, bảo lãnh, đấu giá với các đối tác mới cũng như truyền thống cho thấy SHS ngày càng khẳng định thương hiệu trên TTCK. Nhiều bằng khen của các cơ quan, ban ngành trong đó là bằng khen trong nhiều năm của UBCKNN, 2 SGDCK và TTLCK đã minh chứng cho niềm tin của các khách hàng và đối tác đối với SHS mà còn của cả cơ quan quản lý Nhà nước.

➤ NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Trong năm 2018, SHS đã bước đầu xây dựng được hệ thống đánh giá công việc (KPI) và dự kiến sẽ triển khai áp dụng trong năm 2019. Hội đồng xây dựng KPI do PTGD Trần Thị Thu Thanh đã có kinh nghiệm xây dựng hệ thống KPI chủ trì và các thành viên là phụ trách của tất cả các phòng ban trong Công ty. Hội đồng đã làm việc nghiêm túc trên cơ sở lắng nghe, phân tích, đánh giá. Hệ thống KPI được kỳ vọng sẽ nâng cao hơn nữa hiệu quả công việc của cán bộ, nhân viên vốn được đánh giá là hiệu quả trên thị trường đồng thời khuyến khích cán bộ, nhân viên làm việc, gắn bó với Công ty trên cơ sở đánh giá chính xác công sức đóng góp của từng cá nhân cho sự phát triển chung của Công ty.

➤ GIẢI TRÌNH VỀ Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Năm 2018, Kiểm toán độc lập đưa ý kiến chấp nhận toàn bộ đối với Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Do đó, không có giải trình nào của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến của Kiểm toán độc lập.

➤ ĐÁNH GIÁ TÀI CHÍNH CÔNG TY THAM CHIẾU QUY CHẾ CAMEL

Quyết định số 617/QĐ-UBCK ngày 09/10/2013 của UBCKNN ban hành quy chế xếp loại công ty chứng khoán nhằm mục đích đánh giá, xếp loại công ty chứng khoán tại Việt Nam trên hai phương diện tài chính và quản trị. Quyết định này sử dụng các yếu tố mức độ đủ vốn; chất lượng tài sản; khả năng sinh lời; chất lượng thanh khoản để đánh giá tài chính công ty chứng khoán.

Dựa trên Quyết định này, SHS tự thực hiện đánh giá hoạt động của Công ty trong năm 2018 đồng thời so sánh với năm trước để thấy được mức độ thay đổi về mặt tài chính Công ty, từ đó đưa ra các giải pháp quản lý phù hợp. Kết quả tự đánh giá như sau:

BẢNG CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

STT	Tên tiêu chí	Giá trị	Điểm	Trọng số	Tổng điểm 2018	Tổng điểm 2017
I.	Mức độ đủ vốn					
1	Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	Từ 0% đến dưới 51%	20	10%	2	2
2	Vốn chủ sở hữu/Vốn pháp định	Từ 200% trở lên	100	10%	10	10
3	Tỷ lệ vốn khả dụng	Từ 300% trở lên	100	10%	10	8
II.	Chất lượng tài sản					
4	Tỷ lệ giá trị tổng tài sản sau khi điều chỉnh rủi ro/ Tổng tài sản (không bao gồm tài sản cố định)	Từ 80% đến 90%	80	5%	4	4
5	Tỷ lệ dự phòng/(đầu tư ngắn hạn + đầu tư dài hạn + phải thu)	Từ 10% trở lên	0	10%	0	5
6	Tỷ lệ các khoản phải thu/Tổng tài sản	Từ 50% đến 75%	50	10%	5	0,2
III.	Khả năng sinh lời					
7	Lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu	Từ 20% trở lên	100	10%	10	10
8	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	Từ 5% đến dưới 25%	70	10%	7	10
IV.	Chất lượng thanh khoản					
9	Tỷ lệ tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Từ 150% trở lên	100	15%	15	15
10	Tỷ lệ tiền và tương đương tiền/Nợ ngắn hạn	Từ 30% trở lên	100	10%	10	0
	Tổng cộng				73	64

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH:

TĂNG TỪ 64 ĐIỂM LÊN 73 ĐIỂM

Kết quả tự đánh giá tài chính của Công ty theo quy chế Camel cho thấy hệ thống các chỉ tiêu tài chính của Công ty có sự tiến bộ vượt bậc, tăng 9 điểm so với năm trước chủ yếu do Công ty tích cực tăng cường nắm giữ các tài sản có tính thanh khoản cao, giảm tương đối các khoản phải thu trên tổng tài sản và nâng cao tỷ lệ an toàn tài chính. Tuy vậy, năm nay tỷ lệ dự phòng trên các khoản đầu tư và phải thu đã tăng lên, tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân có phần suy giảm, một yếu tố quan trọng do tác động trực tiếp của tình hình thị trường chứng khoán biến động mạnh nửa cuối năm 2018.



KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019

- Nhận định tổng quan năm 2019
- Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2019

➤ NHẬN ĐỊNH TỔNG QUAN NĂM 2019

➤ MÔI TRƯỜNG VĨ MÔ

CHÍNH TRỊ

Sự ổn định chính trị là một trong những yếu tố không thể thiếu góp phần giúp Việt Nam có được hòa bình và sự thịnh vượng đồng thời có thể kiên trì chính sách phát triển kinh tế. Nếu nhìn sang một số quốc gia khác trong khu vực, dễ thấy rằng, trừ Singapore thì từ năm 1990 trở lại đây hầu hết các nước đều trải qua các biến động hay khủng hoảng chính trị. Trong khi đó, nền chính trị của Việt Nam luôn ổn định, đây là một bảo đảm cho sự thành công của sự nghiệp Đổi mới kinh tế ở Việt Nam.

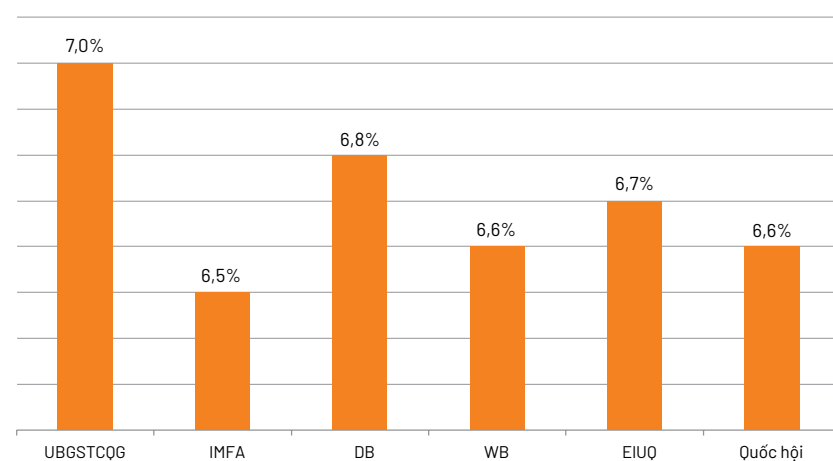
KINH TẾ

Tốc độ tăng trưởng GDP

Tăng trưởng kinh tế thế giới trong năm 2019 được đánh giá là sẽ chậm lại so với năm 2018. Theo IMF, tăng trưởng kinh tế thế giới giảm 0,2% xuống còn 3,5% do sự giảm tốc ở hầu hết các khu vực/nền kinh tế lớn như Mỹ, Nhật, Châu Âu và các nền kinh tế mới nổi trong đó có Trung Quốc tác động của sự sụt giảm thương mại toàn cầu, sự giảm dần các chính sách tiền tệ và tài khóa để thúc đẩy tăng trưởng tại nhiều quốc gia và những ảnh hưởng gián tiếp của cuộc chiến tranh thương mại giữa các nền kinh tế lớn như Mỹ- Trung Quốc, Mỹ - EU.

Với những kết quả đạt được trong năm 2018, kinh tế Việt Nam dù đã được đánh giá thận trọng hơn nhưng vẫn duy trì sự tích cực trong năm 2019 và nằm trong những quốc gia có mức tăng trưởng cao trong khu vực cũng như trên thế giới. Tăng trưởng năm 2019 được đánh giá sẽ tiếp tục duy trì ở mức tích cực 6,6% - 6,8%. Động lực cho nền kinh tế năm 2019 sẽ đến từ việc cầu nội địa tăng trưởng, xuất khẩu và lĩnh vực công nghiệp chế tạo sẽ được hưởng lợi từ quá trình gia tăng FDI và dịch chuyển dòng vốn đầu tư từ các quốc gia gặp bất lợi từ các cuộc chiến thương mại, sự phục hồi của khu vực nông, lâm, thủy sản, sự gia tăng hội nhập và cơ hội cho các sản phẩm mà Việt Nam có lợi thế cạnh tranh khi các hiệp định thương mại tự do (FTA) được thực thi.

MỘT SỐ DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2019



Nguồn: SHS Research



Lạm phát

Lạm phát trong năm 2019 dự báo sẽ tăng cao hơn so với năm 2018 nhưng vẫn dưới mức 4,0% do chịu áp lực từ lãi suất trên thị trường thế giới có xu hướng tăng và việc điều chỉnh giá một số các dịch vụ công trong nước như y tế, giáo dục, điện...

Lãi suất - tỷ giá

Trong năm 2019, thị trường tài chính - tiền tệ trong nước sẽ không chịu tác động nào quá đột biến từ các động thái của FED do mới đây chủ tịch FED - Jerome Powel đã tuyên bố: dự kiến FED sẽ không tăng lãi suất trong năm 2019 (trong khi theo tuyên bố vào cuối năm 2018 là sẽ tăng 2 lần trong năm 2019). Lãi suất tín dụng năm 2019 được dự báo sẽ tiếp tục được kiểm soát với mục tiêu tăng trưởng 14,0% tương đương như năm 2018 do ảnh hưởng của việc lạm phát có xu hướng tăng và chính sách kiểm soát vốn đầu tư vào các lĩnh vực rủi ro, tuy nhiên mặt bằng lãi suất dự báo sẽ ổn định.

Nhìn chung trong năm 2019, đồng USD được dự báo sẽ tiếp

tục mạnh lên đồng nghĩa với tỷ giá USD/VND trong nước sẽ tiếp tục chịu áp lực tăng giá. Áp lực này cũng đồng thời gián tiếp đến từ biến động của đồng Nhân dân tệ trong bối cảnh diễn biến thị trường quốc tế tiếp tục biến động khó lường. Tuy vậy, các nguồn vốn ngoại chảy vào đang ở mức tích cực và dự trữ ngoại hối tăng nhanh (60 tỷ USD), do đó tỷ giá dự báo sẽ không biến động mạnh mà chỉ được điều chỉnh trong phạm vi 2,0%.

Ngoài ra, Ngân hàng nhà nước (NHNN) đã có những biện pháp điều hành chính sách linh hoạt thông qua các công cụ và sản phẩm trên cả kênh tỷ giá và lãi suất để ổn định thị trường lãi suất và tỷ giá.

Cổ phần hóa DNNN và xử lý nợ xấu

Quá trình sắp xếp, cổ phần hóa DNNN, thoái vốn đầu tư ngoài ngành, quá trình xử lý nợ xấu của VAMC sẽ tiếp tục được triển khai quyết liệt. Đối với lĩnh vực ngân hàng, ngoài việc tiếp tục đẩy mạnh quá trình xử lý nợ xấu, công tác tăng cường kiểm soát chất lượng tín dụng cũng được chú trọng.

XÃ HỘI

Dân số và tốc độ tăng trưởng dân số

Dân số của Việt Nam là 97.169.729 người vào ngày 22/03/2019 theo số liệu mới nhất từ Liên Hợp Quốc. Dân số Việt Nam hiện chiếm 1,3% dân số thế giới, đứng thứ 14 trong bảng xếp hạng dân số các nước và vùng lãnh thổ. Hiện tại, 35,9% dân số Việt Nam sống ở thành thị. Độ tuổi trung bình ở Việt Nam là 31 tuổi và Việt Nam nằm trong nhóm các quốc gia có dân số trẻ.

Dự báo, trong năm 2019, dân số của Việt Nam sẽ tăng 937.915 người và tổng số dân sẽ là 97.894.859 người vào đầu năm 2020. Gia tăng dân số tự nhiên được dự báo là gần 1,0% mỗi năm.

Tỷ lệ dân số có tài khoản chứng khoán

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) thông báo về số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư trong nước và nước ngoài tại ngày 31/12/2018 là 2.182.327 tài khoản, tăng 13,6% so với năm trước. Theo số liệu dân số Việt Nam cuối năm 2018 là 96,98 triệu người, như vậy chỉ có hơn 2,2% người dân có tài khoản chứng khoán. Đây là một con số rất thấp nếu so với thị trường chứng khoán Mỹ nơi có khoảng gần 50% hộ gia đình đầu tư vào cổ phiếu (theo số liệu mà Quỹ Dự trữ Liên bang Mỹ công bố vào tháng 9/2014 thì có 48,8% hộ gia đình ở Mỹ sở hữu cổ phiếu) và 87,0% trong số đó mua cổ phiếu qua các tài khoản hưu trí, chẳng hạn tài khoản IRA hoặc 401(k). Do đó, dư địa để gia tăng số lượng người dân có sở hữu tài khoản chứng khoán còn nhiều.

Thu nhập bình quân đầu người

Thu nhập bình quân đầu người năm 2018 của Việt Nam ước tính đạt 58,5 triệu đồng, tương đương 2.587 USD, tăng 198 USD so với năm 2017. So với dự kiến của Chính phủ, thu nhập bình quân đầu người năm 2018 cao hơn 47 USD, do GDP cả năm 2018 tăng 7,1% so với năm ngoái. Trong khi đó, báo cáo của Tổng cục Thống kê cho biết, năng suất lao động của toàn nền kinh tế theo giá hiện hành năm 2018 ước tính đạt 102 triệu đồng/lao động, tương đương 4.512 USD/lao động, tăng 346 USD so với năm 2017. Năng suất lao động năm 2018 tăng 5,9% so với năm 2017, cao hơn nhiều mức tăng 5,3% của năm 2016 và xấp xỉ mức tăng 6,0% của năm 2017. Nguyên nhân được cho là do lực lượng

KỸ THUẬT – CÔNG NGHỆ

Cách mạng 4.0 đang thay đổi thị trường tài chính toàn cầu hàng ngày. Nền móng mới đang dần thay thế hệ thống truyền thống như blockchain, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, tự động hóa nhờ robot...

Cách mạng 4.0 đang thay đổi thị trường tài chính toàn cầu hàng ngày dựa trên 3 trụ cột chính: kỹ thuật số, công nghệ sinh học, vật lý. Các yếu tố cốt lõi của cách mạng công nghệ 4.0 là: Trí tuệ nhân tạo (AI), Vạn vật kết nối - Internet of Thing (IoT), Dữ liệu lớn (Big data), Robot, 3D.

Tại Việt Nam, cách mạng 4.0 trong lĩnh vực tài chính vẫn còn

lao động được bổ sung và số lao động có việc làm năm 2018 tăng cao.

Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới (WB) trong năm 2018, 70% người dân VN đã được đảm bảo về mặt kinh tế, trong đó có 13,0% dân số tương ứng với 12,4 triệu người thuộc tầng lớp trung lưu theo chuẩn thế giới (tiêu dùng trên 15 USD mỗi ngày). Đến năm 2020, tầng lớp trung lưu VN dự báo sẽ cán mốc 33 triệu người tương ứng với 33,5% dân số. Sự gia tăng nhanh chóng của tầng lớp trung lưu cho thấy thị trường Việt Nam đang có tiềm năng phát triển rất lớn. Việc tăng nhanh tầng lớp trung lưu sẽ tạo ra sức mua, đột phá tiêu dùng rất lớn trong tương lai, bởi đây là tầng lớp có tỉ lệ gia tăng về chi tiêu cao hơn so với các tầng lớp còn lại.

Tỷ lệ tiết kiệm

Theo báo cáo về Chỉ số niềm tin người tiêu dùng Việt Nam của Công ty nghiên cứu thị trường Nielsen trong quý 2/2018, người tiêu dùng Đông Nam Á đang dẫn đầu trong việc tiết kiệm. Trong đó, Philippines là quốc gia có tỷ lệ tiết kiệm cao nhất thế giới (71,0%), tiếp theo là Việt Nam (70,0%), Singapore (69,0%) và Indonesia (66,0%). Người tiêu dùng Việt Nam tiếp tục lạc quan về tình trạng tài chính cá nhân của mình, với 76% số người tham gia khảo sát cho rằng tình trạng tài chính cá nhân của họ tốt hoặc tốt hơn nhiều trong 12 tháng tới, nhưng gần một nửa số người được hỏi cho rằng đây không phải là thời điểm tốt để mua sắm chi tiêu.

Ở Việt Nam, chứng khoán vẫn còn là một kênh đầu tư tương đối xa lạ ngoài các thành phố lớn và những kế hoạch về hưu vẫn gắn liền với những khoản tiền mặt tiết kiệm, hoặc vàng, ngoại tệ cất kỹ trong nhà. Vì vậy, sẽ cần một khoảng thời gian không nhỏ để thay đổi tập quán này, bắt đầu từ những khuyến khích do luật pháp tạo ra đối với các tài khoản tiết kiệm đầu tư vào chứng khoán được miễn thuế thu nhập và những ưu đãi cho ngành quản lý quỹ. Vì nếu nhìn về dài hạn hơn qua các nghiên cứu trong lịch sử, những khoản đầu tư vào chứng khoán trong thời gian dài luôn mang lại lợi suất tốt hơn các khoản tiết kiệm gửi ngân hàng vốn chỉ đủ để chống chịu lại với lạm phát.

khá xa lạ. Tuy vậy, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 165/2018/NĐ-CP ngày 24/12/2018 về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 10/02/2019, nhằm thay thế Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/02/2007 và Nghị định số 156/2016/NĐ-CP ngày 21/11/2016. Với các quy định cụ thể về chứng từ điện tử, sử dụng chữ ký số, chữ ký điện tử... Nghị định số 165/2018/NĐ-CP sẽ tạo căn cứ pháp lý vững chắc, thuận lợi cho việc mở rộng triển khai giao dịch điện tử tại Việt Nam, đặc biệt là trong lĩnh vực tài chính.

MÔI TRƯỜNG NGÀNH

Việc xem xét nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam

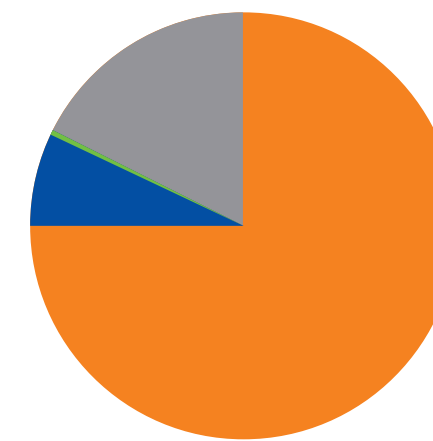
Trong đợt rà soát vào tháng 9-2018, Thị trường Chứng khoán Việt Nam đã được FTSE đưa vào danh sách theo dõi nâng hạng thị trường mới nổi thứ cấp (secondary emerging) trong vòng ít nhất 1 năm. Khi được nâng hạng lên thị trường mới nổi, thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam có thể thu hút thêm trên 1,2 tỷ USD từ các quỹ hiện đang đầu tư theo hai chỉ số FTSE và MSCI. Bên cạnh đó, việc nâng hạng còn giúp Việt Nam thu hút thêm được nhiều nhà đầu tư và quỹ mới.

Các nút thắt đối với thị trường chứng khoán hiện nay và các chính sách hỗ trợ

Các nút thắt đối với thị trường chứng khoán hiện nay phải kể đến như:

- Quy mô của Thị trường Chứng khoán Việt Nam vẫn còn nhỏ so với các nước trong khu vực mặc dù vốn hóa thị trường tăng nhanh và đạt 112% GDP trong năm 2018. Chỉ số VN-Index trong năm 2018 cũng tăng giảm thất thường, chưa đảm bảo sự bền vững. Đi kèm với đó là tâm lý nhà đầu tư còn nhiều bất ổn.
- Tài chính của các tổ chức trung gian và tổ chức hỗ trợ thị trường còn nhiều bất cập. Mặc dù các công ty chứng khoán đã phát hành thêm cổ phiếu để tăng quy mô vốn điều lệ từ các chủ sở hữu vốn (đối với các công ty chứng khoán trực thuộc ngân hàng thương mại), nhưng nhìn chung vốn điều lệ vẫn chưa cao, điều đó đã ảnh hưởng đến khả năng tham gia thị trường của các công ty. Hơn nữa, các công ty cũng phải đối mặt với các rủi ro do mức vốn khả dụng thấp.
- Cơ sở vật chất, kỹ thuật và hạ tầng công nghệ thông tin của các công ty chứng khoán còn hạn chế. Đội ngũ nhân sự hành nghề chứng khoán, đặc biệt là nhân sự cấp cao trong công ty chứng khoán còn thiếu và yếu về chuyên môn nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán cũng như kiến thức pháp luật.
- Tuy số lượng tài khoản mở mới tăng nhanh nhưng chủ yếu là tài khoản cá nhân, mua bán cổ phiếu ngắn hạn và bị tác động, chi phối bởi các nhà đầu tư lớn trên thị trường. Phần lớn nhà đầu tư cá nhân thiếu kỹ năng phân tích đầu tư, phân tích thị trường do vậy ảnh hưởng tới sự ổn định của thị trường nói chung. Những nhà đầu tư chuyên nghiệp chiếm tỷ trọng còn khiêm tốn khoảng 25% (trong đó tổ chức nước ngoài chiếm 17,4% và tổ chức trong nước chiếm 7,6%).
- Hệ thống pháp luật về thị trường chứng khoán còn nhiều bất cập và chưa được hoàn thiện đồng thời thiếu sự đồng bộ, phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, như Luật doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng, Luật kinh doanh bảo hiểm...
- Các cơ quan quản lý Nhà nước về thị trường chứng khoán cũng như các thành viên tham gia thị trường còn thiếu nhiều kinh nghiệm thực tiễn trong công tác quản lý, điều hành hoạt động.

CƠ CẤU GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN



TỔNG GTGD (MUA + BÁN)

Nguồn: Finnpro

Các chính sách hỗ trợ Thị trường Chứng khoán Việt Nam:

- **Về giải pháp trước mắt:** Phát triển quy mô, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các loại hàng hóa để đáp ứng nhu cầu thị trường; từng bước hoàn chỉnh cấu trúc của thị trường vốn đảm bảo khả năng quản lý, giám sát của Nhà nước; Phát triển các định chế trung gian và dịch vụ thị trường; Phát triển hệ thống nhà đầu tư trong nước và ngoài nước; Hoàn thiện khung pháp lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, giám sát của nhà nước; Đảm bảo an ninh tài chính quốc gia.
- **Về giải pháp dài hạn:** phát triển thị trường vốn theo hướng hiện đại, hoàn chỉnh về cấu trúc. Phát triển mạnh các kênh cung cấp vốn cả trong và ngoài nước cho thị trường, mở rộng hệ thống các nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư có tổ chức; phát triển đầy đủ các định chế trung gian; đa dạng hóa các dịch vụ cung cấp...đảm bảo đầy đủ các yếu tố cấu thành một thị trường vốn phát triển trong khu vực; kết hợp chặt chẽ giữa chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa; hài hòa giữa mục tiêu huy động vốn cho tăng trưởng kinh tế, phát triển bền vững thị trường vốn với ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm chế lạm phát, đảm bảo an ninh tài chính quốc gia. Tăng cường quản lý Nhà nước, thực hiện có hiệu quả chức năng thanh tra, kiểm tra giám sát việc tuân thủ pháp luật của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trên thị trường.

Các xu hướng cạnh tranh

Có thể dễ dàng nhận thấy các công ty chứng khoán hiện nay đang sử dụng một số chiến lược cạnh tranh khác nhau gồm chiến lược khác biệt hóa, chiến lược dẫn đầu về chi phí và chiến lược tập trung hóa. Công ty chứng khoán có thể sử dụng một hoặc kết hợp một số chiến lược cạnh tranh khác nhau trong hoạt động. Trong đó:

- Chiến lược khác biệt hóa tập trung chủ yếu vào mảng phân tích, tư vấn đầu tư và cung cấp dịch vụ tài chính trong đó tạo ra sự khác biệt về sản phẩm, dịch vụ phân tích, tư vấn đầu tư và tài chính so với các đối thủ cạnh tranh khác trên thị trường. Các công ty chứng khoán có đội ngũ nhân sự giỏi, giàu kinh nghiệm và chuyên nghiệp như HSC, VCSC... thường có xu hướng tập trung cạnh tranh bằng chiến lược này.



- Chiến lược tập trung hóa tập trung trong mảng môi giới hoặc tư vấn và bảo lãnh phát hành. Theo đó, công ty chứng khoán tập trung vào phục vụ thật tốt một mục tiêu cụ thể, chẳng hạn như một nhóm khách hàng, một phân khúc sản phẩm, phân khúc thị trường, một vị trí địa lý cụ thể...Điển hình về công ty chứng khoán áp dụng chiến lược này là TCBS...

- Chiến lược dẫn đầu về chi phí tập trung trong mảng môi giới. Theo đó, các công ty chứng khoán sẽ cạnh tranh với nhau quyết liệt bằng việc giảm phí môi giới. Tuy nhiên, chiến lược này được thực hiện theo 2 phương thức khác nhau đó là giảm phí bằng mọi giá để giành thị phần và giảm phí bằng việc nâng cao hiệu quả quản trị, áp dụng công nghệ thông tin hiện đại. Các công ty chứng khoán thực hiện chiến lược theo phương thức thứ nhất thường là các công ty chứng khoán top dưới, nắm giữ thị phần không đáng kể. Các công ty chứng khoán thực hiện chiến lược theo phương thức thứ hai thường là các công ty chứng khoán đã chú trọng quản trị công ty cũng như áp dụng công nghệ thông tin hiện đại, thông thường là các công ty chứng khoán có yếu tố ngoại.

Quy định về giá dịch vụ chứng khoán

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 128/2018/TT-BTC (Thông tư 128), thay thế cho Thông tư số 242/2016/TT-BTC quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào Thị trường Chứng khoán Việt Nam. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2019 trong đó có một số điểm quan trọng sau:

- Giá dịch vụ bảo lãnh phát hành khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước: Từ 0,5% đến 2% tổng giá trị bảo lãnh phát hành đối với cổ phiếu.
- Giá dịch vụ môi giới mua, bán cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm (áp dụng cho chứng khoán niêm yết và chứng khoán đăng ký giao dịch): Tối đa 0,5% giá trị giao dịch. Trước đó, theo thông tư 242/2016/TT-BTC, biểu giá tối thiểu được áp dụng là 0,15% và tối đa 0,5%.
- Giá dịch vụ môi giới mua, bán cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết/đăng ký giao dịch, chứng quyền có bảo đảm trong trường hợp bán (thoái) phần vốn của nhà nước và vốn của doanh nghiệp nhà nước qua hệ thống giao dịch của SGDCK: Tối đa 0,03% giá trị giao dịch và tối đa không quá 3 tỷ đồng/01 lần giao dịch/01 tổ chức bán (thoái) vốn, mức giá trên chưa bao gồm khoản tiền mà công ty chứng khoán nộp cho Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán theo quy định.
- Giá dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng: Tối đa 2%/giá trị tài sản ròng của quỹ (NAV) hoặc giá trị tài sản ròng của danh mục/năm.
- Giá dịch vụ phát hành chứng chỉ quỹ mở, quỹ ETF: Tối đa 5%/ giá trị giao dịch.
- Giá dịch vụ mua lại, chuyển đổi chứng chỉ quỹ mở, quỹ ETF: Tối đa 3%/giá trị giao dịch.
- Giá dịch vụ môi giới hợp đồng tương lai: Tối đa 15.000 đồng/Hợp đồng tương lai chỉ số; Tối đa 25.000 đồng/Hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ (các mức giá trên chưa bao gồm khoản tiền giá dịch vụ giao dịch chứng khoán phái sinh, dịch vụ quản lý vị thế, dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ mà công ty chứng khoán nộp cho Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán theo quy định).

Thông tư này đã bổ sung các quy định còn thiếu về giá dịch vụ trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam cũng như đáp ứng các yêu cầu của thành viên thị trường liên quan đến chính sách giá dịch vụ. Mặt khác, việc Bộ Tài Chính bãi bỏ quy định về giá tối thiểu đối với hoạt động môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết sẽ dẫn đến cuộc đua giảm phí môi giới của các công ty chứng khoán. Để đảm bảo doanh thu phí môi giới, các công ty chứng khoán sẽ có xu hướng tăng thu phí quản lý tài sản trong hoạt động môi giới.

Xu hướng điện tử hóa hệ thống giao dịch chứng khoán

Tại Việt Nam, công nghệ mới dần định hình các dịch vụ chứng khoán, trong đó có 3 xu hướng chính là: công nghệ giúp giảm chi phí giao dịch, kết nối các nguồn lực nhân rỗi xã hội và hình thành hệ sinh thái khép kín.

- Sử dụng công nghệ để hỗ trợ mô hình kinh doanh không còn mới tại các công ty chứng khoán trên thị trường, nhưng mô hình kinh doanh được quyết định bởi công nghệ thì mới bắt đầu xuất hiện thời gian gần đây. Công nghệ tự động từ khâu mở tài khoản tới việc chăm sóc, tư vấn cho khách hàng... và ứng dụng công nghệ Blockchain trong đó tiền được mã hóa, thay đổi phương thức thanh toán, chuyển tiền và lưu trữ tài sản góp phần đẩy nhanh tốc độ giao dịch của các dịch vụ, triệt tiêu các chi phí vận hành và hành chính, từ đó giảm chi phí thực tế trên mỗi khách hàng và mang lại độ bảo mật cao.



- Trên thị trường vốn đang đề ngỏ bài toán kết nối các nguồn lực nhân rỗi trong xã hội. Nhu cầu tối ưu trí tuệ và nguồn vốn luôn tồn tại. Lấy kinh nghiệm của Uber/Grab, công ty chứng khoán tạo ra nền tảng kết nối tương tự trong đó chuyên gia tư vấn có kiến thức, kinh nghiệm và công nghệ giống như tài xế Uber/Grab. Nhà đầu tư giống như hành khách có nhu cầu đưa nguồn vốn tài chính từ thấp lên cao. Khách hàng và chuyên gia tư vấn đều có mã số định danh riêng. Khách hàng lựa chọn chuyên gia tư vấn hoặc giới thiệu cho bạn bè, người thân của mình sử dụng thông qua mã định danh. Mỗi mã giới thiệu được tích điểm thưởng. Với mô hình này, công ty chứng khoán không sở hữu, nhưng lại có hàng trăm, nghìn khách hàng và chuyên gia tư vấn trên thị trường. Nhờ đó, công ty chứng khoán không chỉ kết nối các nguồn lực nhân rỗi trong xã hội mà còn giảm thiểu chi phí, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Hệ sinh thái khép kín là hướng đi mới trên thị trường tài chính theo đó, mỗi định chế đều cố gắng xây dựng hệ sinh thái sản phẩm đầu tư đa dạng. Tuy nhiên, khác với sản phẩm tài chính đơn thuần, công nghệ tạo ra sự hiệu quả về mặt chi phí vượt trội. Theo đó, công ty chứng khoán sử dụng công nghệ để khơi thông các dòng chảy vốn bằng cách liên kết với các ngân hàng, công ty bảo hiểm.... để nhà đầu tư chỉ cần một lần đăng nhập vào vào bất kỳ hệ thống nào đều có thể thực hiện được tất cả các hoạt động liên quan của các tài khoản ngân hàng, tài khoản chứng khoán...giúp tối ưu dòng tiền và lợi suất đầu tư của khách hàng. Dòng tiền của khách hàng sẽ sinh lời thông qua kênh này.

Xu hướng sử dụng robot thay thế con người (đặc biệt là trong hoạt động tư vấn đầu tư)

Về cơ bản, tư vấn tự động sử dụng robot là hệ thống phần mềm được viết ra để giúp các khách hàng của các định chế tài chính đưa ra các quyết định về danh mục đầu tư của mình. Robot tư vấn cung cấp các lời tư vấn về tài chính hay quản lý danh mục đầu tư thông qua Internet hay ứng dụng cho điện thoại thông minh. Thay vì sử dụng con người để xây dựng danh mục đầu tư, người ta sẽ dùng đến những thuật toán để xác định đâu là lĩnh vực đáng để đầu tư và chọn lọc các mã chứng khoán phù hợp tiêu chí sinh lời/quản trị rủi ro. Trong khi đó, người sử dụng cũng dễ dàng tiếp cận nền tảng công nghệ này thông qua việc bỏ ra vài phút để lập tài khoản và thiết lập các điều kiện đầu tư. Sự tiện dụng sẽ giúp dịch vụ tư vấn tài chính này trở nên phổ biến và tăng trưởng mạnh. Trong lĩnh vực quản lý tài sản, cách làm này được thể hiện rõ nét nhất ở các quỹ ETF. Lợi ích của cách làm này là việc loại bỏ yếu tố con người giúp tiết kiệm chi phí nhờ việc không sử dụng chuyên viên tư vấn tài chính/môi giới, tiếp cận 24/7 thay vì việc phụ thuộc vào giờ làm việc của chuyên viên tư vấn... và loại bỏ yếu tố cảm xúc trong quá trình tư vấn dẫn tới việc đưa ra một danh mục đầu tư mang tính chủ quan. Tuy nhiên, thay vì dựa hẳn vào con người hoặc robot, một mô hình lai có thể được sử dụng. Đó là: chuyên viên tư vấn sử dụng các công cụ số hóa để nâng cao chất lượng tư vấn của mình.

MÔI TRƯỜNG BÊN TRONG

NHÂN LỰC

Tổng số cán bộ, nhân viên của Công ty đến cuối năm 2018 là 235 người, chủ yếu có độ tuổi từ 25 đến 40. Độ ngũ nhân sự mặc dù trẻ, có trình độ và kinh nghiệm nhưng chưa thực sự chuyên nghiệp và chuẩn hóa.

TÀI CHÍNH

Tại 31/12/2018, SHS có tổng tài sản là 4.869,3 tỷ đồng, đứng vị trí thứ 7, vốn điều lệ là 1.054,0 tỷ đồng, đứng vị trí thứ 19 nhưng tổng nợ là 3.003,6 tỷ đồng, đứng vị trí thứ 4 trong tổng số 75 công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam. Như vậy, vốn điều lệ của Công ty hiện nay rất thấp. Hoạt động kinh doanh chủ yếu sử dụng vốn vay, do đó tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Tỷ lệ nợ/tổng tài sản, nợ/vốn chủ sở hữu, nợ/vốn điều lệ của SHS tại 31/12/2018 lần lượt là 61,7%, 161,0% và 266,9% thuộc loại cao trên thị trường (đứng vị trí thứ 3 đến 4 trên thị trường). Do đó, những biến động về lãi suất trên thị trường sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động kinh doanh.

Trong cơ cấu tài sản, một số khoản mục đầu tư và phải thu tồn đọng trước đây và nhận sáp nhập từ SHBS cần tiếp tục phải xử lý.

Công ty có sự tăng trưởng mạnh về doanh thu, lợi nhuận trong những năm gần đây tuy nhiên chưa bền vững.

CÔNG NGHỆ

Công ty áp dụng phần mềm giao dịch chứng khoán của hãng Tong Yang HPT (Hàn Quốc) từ năm 2011, một trong các phần mềm tiên tiến, hiện đại của Hàn Quốc lúc bấy giờ. Tuy nhiên, sau 7 năm đưa vào sử dụng, hệ thống phần mềm này đã đến điểm tới hạn, đã bộc lộ nhiều bất cập, đặc biệt trong hoạt động theo dõi, quản trị khách hàng, sản phẩm, dịch vụ. Điều đó buộc Công ty phải xây dựng nhiều ứng dụng bên ngoài để theo dõi, quản trị khách hàng, sản phẩm, dịch vụ làm tăng chi phí công ty, giảm hiệu quả lao động, tăng thời gian xử lý nghiệp vụ. Hơn nữa, việc phát triển các ứng dụng trên nền tảng công nghệ hiện đại để bắt kịp xu hướng của cuộc cách mạng 4.0 gặp khó khăn. Do đó, Công ty cần phải đánh giá để xem xét tiếp tục sử dụng phần mềm lỗi hiện tại hay thay mới.

Website Công ty mặc dù được định kỳ nâng cấp nhưng ngày càng thiếu tiện ích, thiếu sự chuyên nghiệp, khó tìm kiếm, tra cứu. Do đó, giảm hiệu quả về mặt công bố thông tin và truyền thông.

CƠ SỞ VẬT CHẤT

Công ty có Trụ sở chính và 1 Phòng Giao dịch tại Hà Nội, 2 chi nhánh tại Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh, 1 văn phòng đại diện tại Đồng Nai đáp ứng các tiêu chuẩn về cơ sở vật chất để triển khai đầy đủ các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán theo quy định của UBCKNN.

KHẢ NĂNG LIÊN KẾT

SHS nhận được sự hỗ trợ lớn từ T&T, SHB về nguồn lực tài chính, hệ thống khách hàng, định hướng chiến lược và năng lực quản trị. Đây là lợi thế cạnh tranh lớn của SHS trong môi trường cạnh tranh hiện tại.

Với định hướng phát triển hoạt động bán buôn, SHS đang từng bước mở rộng liên kết với các công ty chứng khoán, các doanh nghiệp, tổ chức, quỹ đầu tư lớn để tìm kiếm cơ hội hợp tác và tận dụng lợi thế của nhau.

THƯƠNG HIỆU

SHS là thương hiệu lâu năm với 11 năm hình thành và phát triển. Công ty hiện quản lý 42.655 tài khoản khách hàng trong đó 99,2% là khách hàng cá nhân. Thị phần luôn nằm trong top 10 công ty chứng khoán.

QUẢN TRỊ

Công ty đã chú trọng nâng cao quản trị Công ty. Tuy vậy, mặc dù công tác quản trị công ty đã tốt nhưng chưa hoàn toàn đạt chuẩn theo các thông lệ quốc tế.

Hệ thống quản trị rủi ro đã được xây dựng và từng bước hoàn thiện tuy nhiên chưa được quy chuẩn.

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG TỚI HOẠT ĐỘNG CỦA SHS



CƠ HỘI

- Chính trị, kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá... ổn định góp phần tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp nói chung và SHS nói riêng. Hoạt động kinh doanh chứng khoán tiếp tục có triển vọng tiếp tục tăng trưởng cao cùng với tăng trưởng GDP, vốn hóa thị trường và nâng hạng thị trường.
- Với các chính sách hỗ trợ giải quyết các nút thắt của thị trường chứng khoán và việc tiếp tục nâng cao tiêu chí kiểm soát hoạt động của các công ty chứng khoán, cùng quá trình đào thải mạnh mẽ của thị trường sẽ làm giảm số lượng các công ty chứng khoán, đặc biệt các công ty chứng khoán yếu kém, giảm số lượng khách hàng không chuyên nghiệp nhờ đó làm lành mạnh hóa thị trường, hỗ trợ hoạt động của các công ty chứng khoán còn lại trong đó có SHS.
- Với việc xem xét nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam, cơ hội hợp tác với các đối tác nước ngoài về vốn, công nghệ, phát triển khách hàng sẽ được nâng cao.
- Dân số trẻ, tốc độ tăng trưởng dân số cao, thu nhập bình quân đầu người có xu hướng tăng nhanh, tỷ lệ tiết kiệm cao, tỷ lệ dân số có tài khoản chứng khoán còn thấp sẽ tạo ra cơ hội lớn để phát triển thị trường mới, khách hàng mới ở cả trong và ngoài nước.
- Cách mạng công nghệ 4.0 mở ra các cơ hội trong hoạt động kinh doanh của SHS như:
 - + Cơ hội nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ từ ứng dụng cách mạng công nghệ 4.0.
 - + Nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro, chăm sóc khách hàng, phát triển khách hàng trên nền tảng ứng dụng Big data.
 - + Cơ hội tạo ra các công cụ mới, sản phẩm mới từ ứng dụng Robot, Blockchain.
- TTCK sau năm 2018 biến động mạnh được dự báo sẽ bình ổn hơn trong năm 2019 qua đó có nhiều cơ hội cho các hoạt động môi giới, đầu tư, tư vấn, dịch vụ tài chính của SHS. Hơn nữa, quá trình sắp xếp, cổ phần hóa DNNN, thoái vốn đầu tư ngoài ngành, quá trình xử lý nợ xấu của VAMC sẽ tiếp tục được triển khai quyết liệt góp phần tạo cơ hội mạnh mẽ cho hoạt động đầu tư, tư vấn và bảo lãnh phát hành cũng như khuyến khích các tổ chức nước ngoài tham gia mạnh mẽ vào quá trình sắp xếp, cổ phần hóa DNNN và xử lý nợ xấu. Với những kết quả đã đạt được và triển vọng thị trường tích cực, hoạt động đầu tư của SHS được kỳ vọng sẽ tiếp tục ghi nhận được những kết quả tốt thông qua hoạt động đầu tư niêm yết, hiện thực hóa các khoản đầu tư chưa niêm yết, cơ cấu danh mục thông qua việc tham gia đầu tư cổ phần hóa, IPO các DNNN, thoái vốn ngoài ngành của các tập đoàn, tổng công ty, hoạt động tái cơ cấu nợ của các ngân hàng. Bên cạnh đó hoạt động phát hành và niêm yết cổ phiếu được đánh giá sẽ tiếp tục được đẩy mạnh qua đó tạo ra cơ hội cho các hoạt động đầu tư, môi giới, tư vấn và bảo lãnh phát hành.

THÁCH THỨC

- Thông tư 36 và Thông tư 07 tiếp tục ảnh hưởng tới nguồn vốn tín dụng cho hoạt động đầu tư và kinh doanh chứng khoán trong đó có SHS. Nếu UBCKNN không chấp thuận cho các công ty chứng khoán triển khai nghiệp vụ hợp tác 3 bên cho vay chứng khoán thì các công ty chứng khoán như SHS sẽ gặp rất nhiều bất lợi.
- Áp lực cạnh tranh từ các công ty chứng khoán khác đang gia tăng mạnh khi nhiều công ty đã và đang lên kế hoạch tăng vốn để đáp ứng những yêu cầu mới về vốn kinh doanh, cung cấp các sản phẩm mới liên quan đến chứng khoán phái sinh. Với nguồn vốn mới được tăng thêm cực lớn đặc biệt là từ các công ty chứng khoán có vốn nước ngoài, sự cạnh tranh về sản phẩm, lãi suất cho vay giao dịch ký quỹ và đặc biệt là phí giao dịch giảm mạnh cho cả thị trường cơ sở và phái sinh (sau khi quy định về mức sàn phí môi giới đã được bãi bỏ) sẽ tăng mạnh.
- Trong bối cảnh dòng tiền của nhà đầu tư nước ngoài đặc biệt là nhóm khách hàng tổ chức nước ngoài vào thị trường tăng mạnh thời gian gần đây, những công ty chứng khoán thuộc nhóm dưới sẽ gặp rất nhiều thách thức trong việc duy trì thị phần trong năm 2019 trong đó có SHS do những công ty chứng khoán thuộc top 3 (SSI, HSC, Bản Việt) hiện tại đang nắm giữ gần như toàn bộ thị phần của nhóm khách hàng này.
- Quá trình tái cơ cấu ngành chứng khoán diễn ra cùng với nhiều quy định mới sẽ có những tác động đến chi phí hoạt động, chỉ tiêu an toàn tài chính của SHS qua đó ảnh hưởng đến khả năng linh hoạt trong công tác quản trị, điều hành các hoạt động của SHS.
- Áp lực cạnh tranh gia tăng khi đối thủ đầu tư lớn vào công nghệ. Xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh tiềm ẩn, các sản phẩm thay thế cạnh tranh với mô hình truyền thống. Chi phí đầu tư vào công nghệ rất lớn và mang tính mạo hiểm cao.
- Sự cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán bên cạnh việc mở rộng quy mô vốn và hoạt động còn tiếp tục đi vào chiều sâu bằng việc nâng cao chất lượng dịch vụ và áp dụng công nghệ thông tin hiện đại. Áp lực cạnh tranh gia tăng khi đối thủ đầu tư lớn vào công nghệ. Xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh tiềm ẩn, các sản phẩm thay thế cạnh tranh với mô hình truyền thống. Chi phí đầu tư vào công nghệ rất lớn và mang tính mạo hiểm cao. Điều đó đòi hỏi SHS phải tiếp tục đầu tư về nhân sự và công nghệ hơn nữa để duy trì và nâng cao thị phần, hình ảnh, vị thế. Điều này sẽ khiến chi phí hoạt động của Công ty có thể tăng lên, tạo sức ép với công ty trong ngắn hạn.

ĐIỂM MẠNH

- SHS là công ty chứng khoán có thương hiệu và uy tín lâu năm trên thị trường.
- Hệ thống khách hàng lớn với 42.655 tài khoản.
- Có sự hỗ trợ mạnh mẽ của SHB và Tập đoàn T&T về nguồn lực tài chính, hệ thống khách hàng, định hướng chiến lược và năng lực quản trị.
- Đội ngũ nhân sự có trình độ và kinh nghiệm.

ĐIỂM YẾU

- Đội ngũ nhân sự mặc dù có trình độ và kinh nghiệm nhưng chưa chuyên nghiệp và chuẩn hóa.
- Tăng trưởng kinh doanh chưa bền vững.
- Kết quả kinh doanh các nghiệp vụ chính như môi giới, dịch vụ tài chính, đầu tư, tư vấn... phụ thuộc lớn vào biến động thị trường.
- Tổng tài sản và vốn điều lệ không lớn, nợ vay cao do đó tiềm ẩn rủi ro về thanh khoản và kết quả kinh doanh phụ thuộc rất lớn vào biến động lãi suất trên thị trường.
- Một số khoản mục đầu tư và phải thu tổn đọng tiếp tục cần phải xử lý.
- Mặc dù quản lý số lượng khách hàng lớn, tuy nhiên 99,2% là khách hàng cá nhân. Do đó, hạn chế trong việc thực hiện chiến lược tập trung hóa.
- Hệ thống phần mềm giao dịch hiện tại đã đến điểm tới hạn, bộc lộ nhiều bất cập trong hoạt động theo dõi, quản trị khách hàng, sản phẩm, dịch vụ cũng như khó khăn trong việc nâng cấp, phát triển các ứng dụng để bắt kịp xu hướng của cuộc cách mạng 4.0.
- Website Công ty còn thiếu tiện ích, thiếu sự chuyên nghiệp, khó tìm kiếm, tra cứu. Do đó, giảm hiệu quả về mặt công bố thông tin và truyền thông.
- Hệ thống quản trị công ty đã tốt nhưng chưa đạt chuẩn theo các thông lệ quốc tế.
- Hệ thống quản trị rủi ro chưa được quy chuẩn.

CÁC ƯU TIÊN TRONG KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2019

Trên cơ sở đánh giá các yếu tố bên trong, bên ngoài tác động đến hoạt động của Công ty và đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức của Công ty, Công ty nhận thấy cần phải đổi mới toàn diện 5 yếu tố chính là mục tiêu, tài chính, tư duy - con người, công nghệ và hệ thống để hướng tới sự phát triển bền vững trong tương lai. Cụ thể:

- Đổi mới mục tiêu hoạt động dựa trên cơ sở mục tiêu đã có nhưng điều chỉnh để đáp ứng sự phát triển trong thời kỳ mới. Ví dụ đối với hoạt động môi giới: Phát triển hoạt động môi giới không phải là môi giới thuần túy mà là môi giới quản lý tài sản khách hàng dựa trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại.
- Đổi mới tài chính dựa trên cơ sở chú trọng phát triển nguồn vốn tự có, hiệu quả cao trong sử dụng vốn, đảm bảo các tỷ lệ an toàn tài chính và quản trị tốt rủi ro.
- Đổi mới tư duy - con người dựa trên hai nền tảng căn bản là đổi mới tư duy và đổi mới con người theo đó chú trọng đổi mới tư duy chiến lược, tư duy tạo sự khác biệt và đổi mới con người chuyên nghiệp, chuẩn hóa, chú trọng xây dựng văn hóa công ty.
- Đổi mới hệ thống bao gồm đổi mới hệ thống quản lý, hệ thống kiểm soát và hệ thống quản trị rủi ro theo các thông lệ tiên tiến, hiện đại.
- Đổi mới công nghệ bao gồm đổi mới hệ thống giao dịch đáp ứng yêu cầu nhanh, giảm thiểu chi phí hoạt động và vận hành, thuận tiện cho khách hàng, có khả năng liên kết cao, bảo mật theo xu hướng của cuộc cách mạng 4.0.

Công ty đề ra các mục tiêu ưu tiên trong kế hoạch kinh doanh năm 2019 như sau:

- Giữ vững và củng cố vị thế môi giới thông qua đẩy mạnh phát triển theo cả bề rộng về quy mô và chiều sâu về chất lượng. Nhiệm vụ quan trọng là nâng cao chất lượng của môi giới đặc biệt là nhân viên tư vấn đầu tư và hệ thống phần mềm hỗ trợ tư vấn đầu tư. Bên cạnh đó phải giữ được sự ổn định nguồn tài chính phục vụ cho nhu cầu nhà đầu tư. Mục tiêu năm 2019 của SHS là duy trì trong top 5 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất trên cả 3 sàn HNX, HSX, Upcom.
- Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để triển khai nghiệp vụ chứng khoán phái sinh và chứng quyền có bảo đảm trong năm 2019.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ tài chính, nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới mang tính cạnh tranh so với thị trường và phù hợp với các phân khúc khách hàng.
- Chú trọng khai thác các dịch vụ trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp do trái phiếu sẽ dần trở thành kênh huy động vốn dài hạn quan trọng cho đầu tư phát triển kinh tế và đang được Cơ quan Nhà nước khuyến khích phát triển.
- Tận dụng các cơ hội có được trên thị trường đối với hoạt động đầu tư chứng khoán niêm yết. Tìm kiếm cơ hội đầu tư giá trị thông qua việc tham gia làm cổ đông chiến lược, đấu giá các DNNN sẽ IPO... trong các năm 2019.
- Tăng cường nhân sự có chất lượng cho các mảng hoạt động, đặc biệt nhân sự cho hoạt động tư vấn IPO, M&A; tư vấn tái cấu trúc.
- Hoàn thành và triển khai áp dụng hệ thống đánh giá công việc và trả lương theo KPI.
- Tăng cường hợp tác, liên kết với ngân hàng, bảo hiểm, các tổ chức, các công ty chứng khoán khác ... nhằm tận dụng các lợi thế của nhau.
- Hoàn thành việc tăng vốn nhằm tăng cường nguồn lực tài chính hướng tới Công ty sẽ có các chỉ số an toàn tài chính tốt đáp ứng yêu cầu của UBCK và có đủ nguồn vốn cho các hoạt động.
- Tiếp tục nghiên cứu, đầu tư công nghệ thông tin hiện đại theo xu hướng của cuộc cách mạng 4.0 để làm nền tảng nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Công tác kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tăng cường an toàn tài chính, phát triển tư duy và văn hóa Công ty vẫn phải được chú trọng trong suốt quá trình triển khai hoạt động kinh doanh.

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2019

GIÁ ĐỊNH

Tình hình kinh tế, vĩ mô ổn định

Một số giả định liên quan tới TTCK

	2018	Ước 2019	2019/2018
Giá trị giao dịch toàn thị trường (tỷ đồng/phiên)	6.200	5.580	90%
Thị phần SHS			
HSX	4,02%	3,82%	
HNX	8,44%	8,02%	

Kế hoạch kinh doanh năm 2019

(Đơn vị: Tỷ đồng)

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	% so với thực hiện năm 2018
1	Tổng doanh thu	1.246,8	1.291,0	103,6%
2	Tổng chi phí	836,1	870,7	104,1%
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	410,7	420,3	102,3%



QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức bộ máy
 - Nhân sự chủ chốt
 - Hội đồng quản trị
 - Ban Kiểm soát
 - Kiểm toán nội bộ
 - Quản trị rủi ro
- Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích
- Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty
 - Thông tin dành cho cổ đông
- Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích
- Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty
 - Thông tin dành cho cổ đông

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY



NHÂN SỰ CHỦ CHỐT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị SHS

tính đến ngày 31/12/2018 gồm 5 thành viên như sau:



ÔNG ĐỖ QUANG HIẾN

Chủ tịch HĐQT

Thành viên HĐQT không độc lập, không điều hành

Ngày bổ nhiệm đầu tiên:	03/12/2007
Ngày tái bổ nhiệm lần 1:	06/04/2012
Ngày tái bổ nhiệm lần 2:	26/04/2017
Sinh ngày:	29/10/1962
Học vấn:	Kỹ sư vật lý vô tuyến - Đại học Tổng hợp Hà Nội
Sở hữu:	25.000 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,025%)

Kinh nghiệm làm việc

1984 - 1987	Kỹ sư vật lý vô tuyến, Tổ trưởng Tổ lắp ráp Xí nghiệp Sửa chữa máy thu hình - Đài phát thanh Hà Nội
1987 - 1988	Kỹ sư vật lý vô tuyến, Tổ trưởng Tổ lắp ráp - Công ty điện tử Hà Nội
1988 - 1993	Kỹ sư vật lý, Cán bộ Xí nghiệp Công nghệ Quang học Viện nghiên cứu Công nghệ Quốc gia
2012 - 2015	Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Thủy sản Bình An
2008 - 2016	Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Quản lý Quỹ Sài Gòn - Hà Nội
2005 - nay	Phó Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2007 - nay	Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
1993 - nay	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc - Công ty CP Tập đoàn T&T
2012 - nay	Chủ tịch HĐQT - Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội
2010 - nay	Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Phát triển đô thị và Khu công nghiệp SHB
2007 - nay	Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Khai thác chế biến khoáng sản T&T Hà Giang
2015 - nay	Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Bệnh viện Giao thông Vận tải

Các chức vụ hiện tại tại các công ty khác

Tại các công ty niêm yết:

Chủ tịch HĐQT - Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội

Tại các công ty khác:

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Công ty CP Tập đoàn T&T

Chủ tịch HĐQT - Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội

Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Phát triển đô thị và Khu công nghiệp SHB

Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Khai thác chế biến khoáng sản T&T Hà Giang

Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Bệnh viện Giao thông Vận tải



ÔNG LÊ ĐĂNG KHOA

Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành

Ngày bổ nhiệm đầu tiên:	22/03/2013
Ngày tái bổ nhiệm lần 1:	26/04/2017
Sinh ngày:	18/08/1974
Học vấn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Đại học Kinh tế Quốc dân Cử nhân Kế toán - Học viện Ngân hàng
Sở hữu:	0 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0%)

Kinh nghiệm làm việc

2009	Phó trưởng phòng, Trưởng phòng, Giám đốc Kinh doanh Tiền tệ - Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
2009 - nay	Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2014 - nay	Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội
2013 - nay	Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Các chức vụ hiện tại tại các công ty khác

Tại các công ty niêm yết:

Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội

Tại các công ty khác:

Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội

**ÔNG VŨ ĐỨC TIẾN**

Thành viên HĐQT

Tổng Giám đốc

Ngày bổ nhiệm đầu tiên:	15/09/2014
Ngày tái bổ nhiệm lần 1:	26/04/2017
Sinh ngày:	02/09/1973
Học vấn:	Cử nhân Tài chính Ngân hàng - Học viện Ngân hàng Cử nhân tiếng Anh - Đại học Ngoại ngữ Hà Nội Chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính - UBCKNN cấp
Sở hữu:	79.400 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,0079%)

Kinh nghiệm làm việc

1995 - 1998	Phó Trưởng phòng Tín dụng - Ngân hàng TMCP Châu Á - Thái Bình Dương
1998 - 2000	Phó Trưởng phòng XNK 5 - Công ty CP XNK Than TKV (COALIMEX)
2000 - 2008	Giám đốc - Công ty CP Du lịch Thương mại Thanh Nhân
2008 - 2017	Chánh văn phòng HĐQT - Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
2012 - 2014	Phó Tổng Giám đốc - Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
2014 - nay	Tổng Giám đốc - Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
2012 - nay	Thành viên HĐQT - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội
01/2019 - nay	Thành viên HĐQT - Công ty Bao bì Biên Hòa
2015 - nay	Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa
2014 - nay	Thành viên HĐQT - Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu

Các chức vụ hiện tại tại các công ty khác**Tại các công ty niêm yết:**

Không

Tại các công ty khác:

Thành viên HĐQT - Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội
Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa
Thành viên HĐQT - Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu

**ÔNG MAI XUÂN SƠN**

Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT không độc lập, không điều hành

Ngày bổ nhiệm đầu tiên:	24/01/2014
Ngày tái bổ nhiệm lần 1:	26/04/2017
Sinh ngày:	25/07/1974
Học vấn:	Cử nhân Quản trị kinh doanh thương mại - Đại học Thương mại Hà Nội Cử nhân tiếng Anh - Đại học Ngoại ngữ Hà Nội
Đại diện:	6.127.000 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 6,127%) của Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T
Sở hữu:	44 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,000044%)

Kinh nghiệm làm việc

1997 - 1999	Chuyên viên Phòng Kinh doanh - Công ty Siêu Thanh Hà Nội
2000 - 2004	Chuyên viên Phòng Xuất - Nhập - Khẩu - Công ty TNHH T&T
2005 - 2009	Trưởng Phòng Đăng kiểm - Công ty CP Tập đoàn T&T
2010 - nay	Phó Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT - Công ty CP Tập đoàn T&T
2005 - nay	Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần XNK Thủ công Mỹ nghệ - Artexport Việt Nam
2015 - nay	Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Thủy sản Hà Nội - Cần Thơ
	Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà
2011 - nay	Giám đốc - Công ty TNHH T&T Motor

Các chức vụ hiện tại tại các công ty khác**Tại các công ty niêm yết:**

Không

Tại các công ty khác:

Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD - Công ty CP Tập đoàn T&T
Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần XNK Thủ công Mỹ nghệ - Artexport Việt Nam
Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Thủy sản Hà Nội - Cần Thơ
Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà
Giám đốc - Công ty TNHH T&T Motor

**ÔNG NGUYỄN VĂN HƯNG**

Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT không độc lập, không điều hành

Ngày bổ nhiệm đầu tiên:	11/04/2018
Sinh ngày:	30/11/1979
Học vấn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Đại học Ngoại Thương Hà Nội Cử nhân Quản trị Kinh doanh - Đại học Bách Khoa Hà Nội Cử nhân Hóa hữu cơ - Đại học Bách Khoa Hà Nội
Đại diện:	6.127.000 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 6,127%) của Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T phần Tập đoàn T&T
Sở hữu:	0 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0%)

Kinh nghiệm làm việc

2002 - 2007	Kỹ sư Phòng Kỹ thuật - TCT Thực phẩm Miền Bắc & Tổng Công ty Mía Đường I
2007 - 2009	Chuyên viên - Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn
2009 - 2013	Giám đốc kinh doanh, Trợ lý Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán Phố Wall
2014 - 2016	Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Mekong Land
2016 - 2018	Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần KPF IB
2018 - nay	Phó Giám đốc Ban Đầu tư - Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T
2018 - nay	Thành viên HĐQT - Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Các chức vụ hiện tại tại các công ty khác**Tại các công ty niêm yết:**

Không

Tại các công ty khác:

Phó Giám đốc Ban Đầu tư - Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T

THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT TRONG NĂM

DHĐCĐ thường niên năm 2018 của Công ty tổ chức vào ngày 24/04/2018 đã thông qua Nghị quyết số 01-2018/NQ-DHĐCĐ về việc thay đổi thành viên HĐQT từ ngày 11/04/2018 như sau:

- Bổ nhiệm: ông **Nguyễn Văn Hưng**.

- Miễn nhiệm: ông **Nguyễn Anh Tú**.

BAN KIỂM SOÁT



BÀ PHẠM THỊ BÍCH HỒNG

Trưởng Ban Kiểm soát (chuyên trách)

Ngày bổ nhiệm lần đầu:	15/01/2008
Ngày tái bổ nhiệm lần 1:	06/04/2012
Ngày tái bổ nhiệm lần 2:	26/04/2017
Sinh ngày:	08/02/1968
Học vấn:	Thạc sỹ và cử nhân tài chính kế toán Đại học Tài chính Kế toán (nay là Học viện Tài chính) Chứng chỉ hành nghề môi giới chứng khoán - UBCKNN cấp
Sở hữu:	21.740 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,02%)

Thành viên Ban Kiểm soát SHS

tính đến ngày 31/12/2018 gồm 3 thành viên như sau:

Kinh nghiệm làm việc

1989 - 1995	Chuyên viên kế toán - Xí nghiệp sản xuất dịch vụ Dệt Tổng Công ty Dệt May VN
1995 - 1999	Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán Công ty Dịch vụ Thương mại số 1-Tổng Công ty Dệt May Việt Nam
1999 - 2006	Phó phòng Tài chính Kế toán - Công ty Dịch vụ Thương mại số 1 Tổng Công ty Dệt May VN
2006 - 2007	Phó phòng Tài chính Kế toán - Công ty SX - Xuất nhập khẩu dệt may Tập đoàn Dệt May VN
2007 - 2008	Kế toán trưởng - Công ty CP Chứng khoán Hà Nội
2008 - nay	Trưởng Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
2017 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát - Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội

Các chức vụ hiện tại tại các công ty khác

Tại các công ty niêm yết:

Thành viên Ban Kiểm soát
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội

Tại các công ty khác:

Không



ÔNG VŨ ĐỨC TRUNG

Trưởng Ban Kiểm soát (không chuyên trách)

Ngày bổ nhiệm lần đầu:	06/04/2012
Ngày tái bổ nhiệm lần 1:	26/04/2017
Sinh ngày:	25/12/1980
Học vấn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Đại học Edith Cowan-Úc Cử nhân Kế toán Kiểm toán - Đại học Kinh tế quốc dân Chứng chỉ hành nghề kiểm toán viên Hiệp hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam cấp Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ - UBCKNN cấp
Sở hữu:	560.000 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,56%)

Kinh nghiệm làm việc

2002 - 2007	Kiểm toán viên - Công ty Kiểm toán Deloitte
2007 - 2009	Phó phòng Tư vấn tài chính và Bảo lãnh phát hành Công ty Cổ phần Chứng khoán Seabank
2009 - 2011	Trưởng phòng Tư vấn tài chính và Bảo lãnh phát hành Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
2011 - 2013	Trưởng phòng Đầu tư - Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T
2013 - nay	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội
2012 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
2014 - nay	Trưởng Ban Kiểm soát - Tổng Công ty Thăng Long - CTCP

Các chức vụ hiện tại tại các công ty khác

Tại các công ty niêm yết:

Không

Tại các công ty khác:

Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội
Trưởng Ban Kiểm soát
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP



BÀ LƯƠNG THỊ LỰU

Trưởng Ban Kiểm soát (không chuyên trách)

Ngày bổ nhiệm lần đầu:	27/04/2015
Ngày tái bổ nhiệm lần 1:	26/04/2017
Sinh ngày:	09/11/1983
Học vấn:	Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng - Đại học Kinh tế quốc dân Cử nhân Kế toán tổng hợp và Kinh tế bảo hiểm Đại học Kinh tế quốc dân
Sở hữu:	48 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,000048%).

Kinh nghiệm làm việc

2006 - 2008	Kế toán viên - Công ty TNHH T&T
2008 - 2011	Kế toán trưởng - Công ty Phát triển Công nghệ T&T
2008 - nay	Kế toán viên, Kế toán tổng hợp - Công ty CP Tập đoàn T&T
2013 - nay	Thành viên BKS - Công ty XNK Thủ Công Mỹ Nghệ
2015- nay	Thành viên BKS - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Các chức vụ hiện tại tại các công ty khác

Tại các công ty niêm yết:

Không

Tại các công ty khác:

Thành viên BKS - Công ty XNK Thủ Công Mỹ Nghệ

THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM

- **Bổ nhiệm:** Không.
- **Miễn nhiệm:** Không.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Tổng Giám đốc SHS

tính đến ngày 31/12/2018 gồm 6 thành viên như sau:



ÔNG VŨ ĐỨC TIẾN

Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

Ngày bổ nhiệm đầu tiên: 01/11/2014

Ngày tái bổ nhiệm lần 1: 01/11/2017

(Các thông tin khác vui lòng xem lại mục Hội đồng quản trị)



ÔNG TRẦN SỸ TIẾN

Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

Ngày bổ nhiệm: 16/04/2014 đối với chức vụ Phó Tổng Giám đốc

20/09/2011 đối với chức vụ Kế toán trưởng

Ngày tái bổ nhiệm lần 1: 16/04/2017 đối với chức vụ Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 06/05/1973

Học vấn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng - Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội

Cử nhân Tín dụng - Học viện Ngân hàng

Chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính - UBCK cấp

Sở hữu: 0 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0%)

Kinh nghiệm làm việc

1994 - 1999	Chuyên viên Kế toán Tài chính - Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam
2000 - 2011	Kế toán trưởng - Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam
2011	Kế toán trưởng - Công ty CP Chứng khoán Maritime Bank
2014 - 2017	Trưởng Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa
2011 - nay	Kế toán trưởng - Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
2014 - nay	Phó Tổng Giám đốc - Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
2014 - nay	Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Bảo hiểm hàng không

Các chức vụ hiện tại tại các công ty khác

Tại các công ty niêm yết:

Không

Tại các công ty khác:

Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Bảo hiểm hàng không



ÔNG NGUYỄN CHÍ THÀNH

Phó Tổng Giám đốc

Ngày bổ nhiệm: 05/05/2014

Ngày tái bổ nhiệm lần 1: 05/05/2017

Sinh ngày: 13/11/1980

Học vấn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Đại học Tổng hợp Boston (Mỹ)

Cử nhân Kinh tế đối ngoại - Đại học Ngoại thương Hà Nội

Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ - UBCKNN cấp

Sở hữu: 0 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0%)

Kinh nghiệm làm việc

2003 - 2005	Chuyên viên dự án Trung tâm Hợp tác chuyên gia và Kỹ thuật với nước ngoài
2007 - 2009	Chuyên viên cao cấp Phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp Công ty CP Chứng khoán Bản Việt - Chi nhánh Hà Nội
2009 - 2011	Trợ lý Tổng Giám đốc - Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
2011 - 2014	Phó Tổng Giám đốc - Công ty Chứng khoán Đại Dương
2014 - nay	Phó Tổng Giám đốc - Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Các chức vụ hiện tại tại các công ty khác

Tại các công ty niêm yết:

Không

Tại các công ty khác:

Không



BÀ TRẦN THỊ THU THANH

Phó Tổng Giám đốc

Ngày bổ nhiệm: 01/08/2018
 Sinh ngày: 8/04/1975
 Học vấn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng - Học viện Ngân hàng
 Cử nhân tiếng Anh - Đại học Sư phạm Ngoại ngữ
 Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ - UBCKNN cấp
 Sở hữu: 0 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0%)

Kinh nghiệm làm việc

1995 - 2000 Chuyên viên tín dụng - Ngân hàng VPBank
 2000 - 2003 Chuyên viên tín dụng - Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - Sở Giao dịch 1
 2003 - 2005 Phó Trưởng phòng Phòng Thẩm định và Quản lý tín dụng
 Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - Sở Giao dịch 1
 2005 - 2007 Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng Phòng Thẩm định và Quản lý tín dụng -
 Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung
 2007 - 2008 Trưởng phòng Phòng Đầu tư và Tư vấn tài chính
 Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam
 2008 - 2017 Phó Tổng Giám đốc - Công ty CP Chứng khoán
 Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam
 2018 - nay Phó Tổng Giám đốc - Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Các chức vụ hiện tại tại các công ty khác

Tại các công ty niêm yết:
 Không
Tại các công ty khác:
 Không



BÀ TRẦN PHƯỚC HẠ NHI

Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng

Ngày bổ nhiệm: 09/08/2011
 Sinh ngày: 29/03/1982
 Học vấn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học Columbia Southern
 Cử nhân Kế toán - Đại học Kinh tế Đà Nẵng
 Chứng chỉ hành nghề môi giới chứng khoán - UBCKNN cấp
 Sở hữu: 9.400 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,00094%)

Kinh nghiệm làm việc

2006 - 2009 Trưởng phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp
 Công ty CP Chứng khoán Đà Nẵng
 2009 - 2010 Trưởng phòng Môi giới chứng khoán Chi nhánh Đà Nẵng
 Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
 2010 - 2011 Phó Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng
 Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
 2011- nay Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Các chức vụ hiện tại tại các công ty khác

Tại các công ty niêm yết:
 Không
Tại các công ty khác:
 Không



ÔNG NGUYỄN HỒNG ĐIỆP

Giám đốc Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

Ngày bổ nhiệm: 19/04/2017
 Sinh ngày: 07/10/1965
 Học vấn: Tiến sỹ kinh tế - Đại học công nghiệp Moscow, Liên ban Nga
 Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ - UBCKNN cấp
 Sở hữu: 0 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0%)

Kinh nghiệm làm việc

1992 - 1995 Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Effect-co, Liên bang Nga
 1997 - 2006 Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc - Trường Âm nhạc Sài Gòn
 2006 - 2008 Thành viên HĐQT - Công ty CP Đầu tư Năm Ngôi Sao
 2008 - 2013 Tổng Giám đốc - Công ty CP Đầu tư Chỉ số An Pha
 2013 - 2017 Công ty CP Chứng khoán VNDirect
 2017 - nay Giám đốc Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh
 Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Các chức vụ hiện tại tại các công ty khác

Tại các công ty niêm yết:
 Không
Tại các công ty khác:
 Không

THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TRONG NĂM

- **Bổ nhiệm:** Bà Trần Thị Thu Thanh - Phó TGB từ ngày 01/08/2018.
- **Miễn nhiệm:** Không.

➤ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

➤ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

HĐQT đã thành lập 5 tiểu ban và phân công nhiệm vụ phụ trách các tiểu ban cho các thành viên HĐQT như sau:

Tiểu ban	Người phụ trách	Nhiệm vụ
Quản trị chung và chính sách phát triển	Ông Đỗ Quang Hiến - Chủ tịch HĐQT	Đề ra phương hướng và giải pháp phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty. Giám sát việc tuân thủ pháp luật và việc thực hiện kế hoạch hoạt động, kinh doanh do ĐHCĐ thông qua hàng năm.
Kế toán tài chính và kiểm soát nội bộ	Ông Lê Đăng Khoa và Ông Nguyễn Văn Hưng - Thành viên HĐQT	Tham mưu cho HĐQT ban hành các văn bản nội bộ liên quan đến kế toán tài chính và kiểm soát nội bộ. Trực tiếp giám sát và quản lý các hoạt động kế toán tài chính và kiểm soát nội bộ. Thẩm định các báo cáo của Bộ phận Kế toán và Kiểm soát nội bộ. Tham mưu cho HĐQT các biện pháp xử lý thích hợp đối với các vấn đề liên quan đến kế toán tài chính và kiểm soát nội bộ.
Quản trị hệ thống, nhân sự và lương thưởng	Ông Vũ Đức Tiến - Thành viên HĐQT	Nghiên cứu và đề xuất với HĐQT ban hành các văn bản nội bộ liên quan đến nhân sự, lương, thưởng. Trực tiếp giám sát và quản lý các hoạt động, báo cáo của Bộ phận nhân sự, lương, thưởng. Tham mưu cho HĐQT các biện pháp xử lý thích hợp đối với các vấn đề liên quan nhân sự, lương, thưởng.
Phụ trách tiểu ban quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ	Ông Mai Xuân Sơn - Thành viên HĐQT	Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các văn bản nội bộ liên quan đến quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ. Trực tiếp giám sát và quản lý các hoạt động, báo cáo của Bộ phận quản trị rủi ro và Bộ phận kiểm toán nội bộ. Tham mưu cho HĐQT các biện pháp xử lý thích hợp đối với các vấn đề liên quan đến quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ. Tham mưu cho HĐQT về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm kiểm toán độc lập.

Bên cạnh các tiểu ban nói trên, HĐQT còn thành lập thêm các bộ phận hỗ trợ sau thuộc HĐQT:

Văn phòng HĐQT	➤	Đây là ban thư ký và cố vấn cho HĐQT về các vấn đề liên quan đến cổ đông và HĐQT. Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT trong việc tổ chức ĐHCĐ, tổ chức công tác của HĐQT. Quản lý cổ đông của Công ty và hỗ trợ cổ đông thực hiện các quyền của mình. Soạn thảo và lưu trữ các văn bản liên quan đến HĐQT nhưngị quyết, quyết định, báo cáo, tờ trình...
Bộ phận Kiểm toán nội bộ	➤	Thực hiện kiểm toán nội bộ các hoạt động quản lý điều hành và kinh doanh của Công ty báo cáo trực tiếp HĐQT. Kiến nghị và đề xuất hướng tới giải quyết triệt để các tồn tại và rủi ro của Công ty góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động kinh doanh của Công ty.

HĐQT đã bố trí Thư ký Công ty đồng thời là Người phụ trách quản trị Công ty như sau:

BÀ **DOÃN THỊ NHƯ QUỲNH**

• Học vấn:	Cử nhân Đại học Ngoại giao
• Kinh nghiệm làm việc:	10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán.
• Chức vụ tại SHS:	Phó Chánh văn phòng phụ trách Văn phòng HĐQT
• Điện thoại liên hệ:	02439413616 (312)
• Email:	quynh.dtn@shs.com.vn

CÁC CUỘC HỌP CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Tiểu ban	Số lượng các cuộc họp	Nội dung họp	Kết quả họp
Quản trị chung	08	<p>Xây dựng định hướng chiến lược phát triển Công ty và kế hoạch hoạt động kinh doanh hàng năm trình ĐHĐCĐ phê duyệt.</p> <p>Triển khai thực hiện chiến lược phát triển và kế hoạch hoạt động kinh doanh hàng năm theo Nghị quyết ĐHĐCĐ.</p> <p>Xây dựng và triển khai hoạt động chỉ đạo, giám sát của HĐQT đối với BTGD.</p> <p>Xác định vai trò và giới hạn thẩm quyền của HĐQT đối với các hoạt động kinh doanh của Công ty và đối với BTGD.</p>	<p>Thành viên HĐQT tham gia nhất trí 100%.</p> <p>Ban hành các Nghị quyết, quyết định liên quan đến chiến lược phát triển của Công ty, kế hoạch hoạt động kinh doanh toàn Công ty và từng mảng hoạt động kinh doanh chính trong năm 2018.</p>
Chính sách phát triển	04	<p>Xây dựng và triển khai chính sách phát triển các hoạt động kinh doanh của Công ty, tập trung vào hoạt động môi giới, nguồn vốn, đầu tư, tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành trên cơ sở khai thác thế mạnh của Công ty và thuận lợi từ chính sách kinh tế vĩ mô và xu hướng đi lên của TTCK Việt Nam.</p>	
Nhân sự, lương thưởng và quản trị hệ thống	04	<p>Rà soát chính sách thù lao, lương, thưởng, phúc lợi và đào tạo của Công ty đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, thành viên BTGD để điều chỉnh và hoàn thiện nhằm khai thác tối đa nguồn lực con người.</p> <p>Tim kiếm, đánh giá và đề xuất tuyển dụng PTGD phụ trách mảng trái phiếu.</p> <p>Xem xét tăng, giảm quy mô tuyển dụng và đào tạo ở một số vị trí cán bộ cấp trung để đảm bảo hệ thống vận hành thông suốt và hiệu quả.</p>	<p>Thành viên HĐQT tham gia nhất trí 100%.</p> <p>Ban hành các Nghị quyết, quyết định liên quan đảm bảo xây dựng và duy trì được đội ngũ có trình độ, kinh nghiệm, phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.</p>
Kế toán tài chính và Kiểm soát nội bộ	04	<p>Đánh giá tính tuân thủ, phù hợp của hệ thống kế toán tài chính và các báo cáo tài chính do BTGD và đơn vị kiểm toán lập.</p> <p>Rà soát và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và hệ thống quy chế, quy trình, quy định nội bộ đảm bảo hệ thống tuân thủ pháp luật và vận hành đồng bộ, quy chuẩn.</p>	<p>Thành viên HĐQT tham gia nhất trí 100%.</p> <p>Phê chuẩn các Tờ trình, báo cáo liên quan đến hoạt động kế toán tài chính và kiểm soát nội bộ.</p>
Quản trị rủi ro và Kiểm toán nội bộ	07	<p>Xây dựng, triển khai và điều chỉnh kế hoạch quản trị rủi ro và kế hoạch kiểm toán nội bộ phù hợp với điều kiện hoạt động kinh doanh của SHS.</p> <p>Đánh giá sự phù hợp của chính sách, khẩu vị rủi ro cũng như sự tuân thủ hạn mức rủi ro.</p> <p>Kiểm tra hệ thống quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ đảm bảo hiệu năng, hiệu quả.</p> <p>Khuyến nghị về bổ nhiệm, miễn nhiệm kiểm toán độc lập.</p>	<p>Thành viên HĐQT tham gia nhất trí 100%.</p> <p>Phê chuẩn chính sách, khẩu vị, hạn mức, kế hoạch quản trị rủi ro cũng như kế hoạch kiểm toán nội bộ.</p>

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Các tiểu ban thuộc HĐQT đã làm tốt vai trò, trách nhiệm của mình trong việc tư vấn cho HĐQT ban hành các nghị quyết, quyết định quan trọng ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo,

định hướng, tư vấn cho BTGD trong các hoạt động kinh doanh của Công ty. Thông qua hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT, các vấn đề trọng yếu của Công ty phát sinh trong từng lĩnh vực được bàn bạc, trao đổi và thống nhất hướng giải quyết.

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ CÁC THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Trong năm 2018, HĐQT đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và trên cơ sở phân công nhiệm vụ và kế hoạch công tác năm 2018.

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2018

HĐQT đã phát huy tốt vai trò chỉ đạo, định hướng và tư vấn cho BTGD trong quản trị, điều hành mọi mặt hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong năm 2018, hoạt động của HĐQT tập trung vào các công việc như sau:

Định hướng hoạt động của HĐQT

HĐQT tập trung vào việc tổng kết, rút kinh nghiệm trong hoạt động của HĐQT năm 2017 và triển khai hoạt động của năm 2018 theo định hướng hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022 và theo kế hoạch hoạt động, kinh doanh năm 2018 đã được ĐHĐCĐ phê duyệt; tập trung phân công công việc cho các thành viên và triển khai thực hiện hiệu quả.

Thảo luận và thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên và bất thường

HĐQT đã thảo luận và thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên 2018 như:

Báo cáo về hoạt động của SHS sau khi nhận sáp nhập SHBS;

Báo cáo về việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức, tăng vốn điều lệ và ESOP;

Kế hoạch phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2017;

Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập năm 2018;

Quy thù lao HĐQT, BKS năm 2018; kế hoạch triển khai hoạt động liên quan đến chứng khoán phái sinh và chứng quyền có bảo đảm ...

Chỉ đạo, giám sát và định hướng toàn diện các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty

HĐQT nhận thấy năm 2018 là một năm có rất nhiều nguy cơ và rủi ro từ các biến động thị trường và kinh tế thế giới nhưng cũng là năm có nhiều cơ hội lớn để SHS tăng tốc, bứt phá và mở rộng nguồn vốn kinh doanh trong bối cảnh thuận lợi của kinh tế vĩ mô, chính trị và thị trường chứng khoán. Do đó, HĐQT đã tăng cường định hướng, chỉ đạo BTGD trong việc quản trị rủi ro, bảo đảm an toàn và bền vững nguồn tài chính. HĐQT cũng tăng cường giám sát hoạt động dịch vụ tài chính, tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành, kiểm soát chi phí quản lý doanh nghiệp, cơ cấu danh mục chứng khoán tồn kho và nợ xấu...

Đồng thời, HĐQT theo dõi chặt chẽ chiến lược đầu tư, danh mục cổ phiếu, biến động thị trường và chính sách vĩ mô để chỉ đạo BTGD, Phòng Đầu tư và Phòng Nguồn vốn triển khai thực hiện. Ngoài ra, HĐQT đã chỉ đạo BTGD phải tiếp tục chú trọng giữ vững thị phần môi giới trong top đầu song song với việc đảm bảo an toàn nguồn vốn của Nhà đầu tư và của Công ty, phát triển sản phẩm môi giới và dịch vụ tài chính đa dạng đáp ứng nhu cầu của Nhà đầu tư nhưng vẫn phải tuân thủ các quy định của pháp luật.

Xem xét và phê duyệt các khoản mục đầu tư chiến lược của Công ty, các vấn đề lương thưởng, các vấn đề về cơ cấu nhân sự quản lý cấp cao thuộc thẩm quyền của HĐQT

HĐQT xem xét và phê duyệt hạn mức, danh mục đầu tư cổ phiếu niêm yết, chưa niêm yết và trái phiếu theo định kỳ và giám sát, chỉ đạo BTGD, Phòng Đầu tư triển khai đầu tư theo xu hướng thị trường và môi trường kinh doanh đồng thời quản trị rủi ro và tuân thủ Quy chế Đầu tư của Công ty, kế hoạch được ĐHĐCĐ phê duyệt và các quy định pháp luật.

HDQT xem xét thông qua việc xây dựng chính sách quản lý nhân sự, chính sách lương, thưởng của Công ty theo hệ thống quản trị mới có áp dụng KPI và xem xét lại theo định kỳ 6 tháng/lần; xem xét việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển, tăng lương và các quyền lợi liên quan của các nhân sự thuộc thẩm quyền HDQT tuyển dụng, bổ nhiệm và quản lý, trên cơ sở định hướng phát triển đội ngũ nhân sự của Công ty, ngân sách do ĐHĐCĐ phê chuẩn, Quy chế Tiền lương Công ty và quy định pháp luật có liên quan.

Rà soát hệ thống quản lý, các chốt kiểm tra, kiểm soát trọng yếu và hệ thống quản trị rủi ro

Trong năm 2018, HDQT và các tiểu ban Kế toán tài chính và Kiểm soát nội bộ; Quản trị rủi ro và Kiểm toán nội bộ đã định kỳ phối hợp với BKS và Bộ phận Kiểm toán nội bộ tiến hành rà soát hệ thống quản lý, các chốt kiểm tra, kiểm soát quan trọng cũng như hệ thống quản trị rủi ro của Công ty từ đó chỉ đạo BTGD xem xét thực hiện các biện pháp hoàn thiện hệ thống.

CÁC CUỘC HỌP CỦA HDQT

Trong năm 2018, HDQT đã thực hiện 15 cuộc họp, tập trung vào các vấn đề trọng yếu của Công ty như sau:

STT	Ngày họp	Nội dung	Tỷ lệ TVHDQT tham dự
1	18/01/2018	Thông qua một số phương án hoạt động đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu do BTGD đề xuất	100%
2	20/03/2018	Thông qua phương án phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đợt 1.2018. Xây dựng và triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2018 Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên	100%
3	03/04/2018	Thông qua phát hành trái phiếu đợt 2/2018 Tổng hợp báo cáo hoạt động của HDQT, BTGD năm 2017 Thông qua kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2018 Xem xét báo cáo tình hình triển khai hoạt động quý 1/2018, rà soát và phân công nhiệm vụ cho các thành viên HDQT.	100%
4	07/05/2018	Rà soát, thực hiện triển khai tổ chức ĐHĐCĐ năm 2018 và việc nhận sáp nhập SHBS Triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2018 sau khi được ĐHĐCĐ thường niên thông qua Phát triển nguồn vốn, khai thác và huy động vốn; hoạt động môi giới và dịch vụ tài chính	100%
5	26/06/2018	Triển khai hoạt động đầu tư, tư vấn tài chính, thông qua các vấn đề về tín dụng, phát triển nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh Triển khai tìm kiếm Phó Tổng Giám đốc phụ trách mảng môi giới, kinh doanh và tư vấn liên quan đến trái phiếu	100%

Thẩm định và phê duyệt các đề xuất kinh doanh khác của BTGD

HDQT đã ban hành 06 Nghị quyết, 25 Quyết định, ký phê duyệt 35 Tờ trình của BTGD liên quan đến nhiều vấn đề trọng yếu của Công ty, làm cơ sở và định hướng cho BTGD triển khai nhiệm vụ.

Giám sát hoạt động của BTGD

HDQT chỉ đạo, định hướng và giám sát hoạt động của BTGD theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty đồng thời xem xét báo cáo của Bộ phận kiểm toán nội bộ và ý kiến của Ban Kiểm soát để tăng cường hiệu quả công tác chỉ đạo, định hướng, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động kinh doanh của Công ty và đảm bảo an toàn tài chính, hệ thống quản trị bền vững và tuân thủ pháp luật.

6	09/08/2018	Triển khai hoạt động đầu tư, tư vấn tài chính Thông qua các vấn đề về tín dụng và phát triển nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh.	100%
7	15/08/2018	Triển khai hoạt động đầu tư, tư vấn tài chính, thông qua các vấn đề về tín dụng và phát triển nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh và thông qua phương án phát hành trái phiếu đợt 3/2018	100%
8	21/08/2018	Triển khai hoạt động đầu tư trái phiếu, cổ phiếu, tư vấn tài chính, tư vấn niêm yết, phát hành cổ phiếu	100%
9	23/08/2018	Triển khai hoạt động đầu tư, tư vấn tài chính, thông qua các vấn đề về tín dụng và phát triển nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh	100%
10	16/10/2018	Triển khai hoạt động đầu tư, tư vấn tài chính, thông qua các vấn đề về tín dụng và phát triển nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh	100%
11	19/11/2018	Triển khai hoạt động đầu tư, tư vấn tài chính, quản trị rủi ro, thông qua các vấn đề về tín dụng và phát triển nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh.	100%
12	15/11/2018	Họp HDQT thường kỳ quý 4/2018 để thông qua việc phát hành trái phiếu đợt 4/2018 và thảo luận một số vấn đề về nhân sự, tổ chức bộ máy	100%
13	28/11/2018	Triển khai hoạt động đầu tư, tư vấn tài chính, thông qua các vấn đề về tín dụng và phát triển nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh, triển khai lập báo cáo kết quả kinh doanh năm 2018 và xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2019	100%
14	28/11/2018	Họp và thảo luận về hoạt động nguồn vốn, tín dụng và tư vấn tài chính, bảo lãnh phát hành. Sơ kết hoạt động kinh doanh năm 2018	100%
15	12/12/2018	Rà soát dự thảo báo cáo kết quả kinh doanh năm 2018 và dự thảo kế hoạch kinh doanh năm 2019 Thông qua việc bảo lãnh phát hành trái phiếu ngân hàng	100%

CÁC NỘI DUNG ĐÃ ĐƯỢC HĐQT THÔNG QUA TRONG NĂM 2018

	Số hiệu	Ngày	Nội dung
I NGHỊ QUYẾT			
1	01-2018/NQ-HĐQT	29/01/2018	Thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ đợt 1 năm 2018.
2	02-2018/NQ-HĐQT	28/03/2018	Thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ đợt 2 năm 2018.
3	03-2018/NQ-HĐQT	30/03/2018	Triển khai nhận sáp nhập SHBS.
4	04-2018/NQ-HĐQT	18/05/2018	Triển khai nhận sáp nhập SHBS (Tăng vốn điều lệ, hoán đổi cổ phiếu và sửa đổi Điều lệ).
5	05-2018/NQ-HĐQT	17/05/2018	Thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ đợt 3 năm 2018.
6	06-2018/NQ-HĐQT	12/12/2018	Thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ đợt 4 năm 2018.
II QUYẾT ĐỊNH			
1	01-2018/QĐ-HĐQT	28/01/2018	Thành lập Ban Tổ chức ĐHCĐ thường niên 2018.
2	02-2018/QĐ-HĐQT	08/03/2018	Cử cán bộ đi công tác nước ngoài.
3	03-2018/QĐ-HĐQT	03/04/2018	Thành lập Ban Kiểm tra tư cách cổ đông tại ĐHCĐ thường niên 2018.
4	04-2018/QĐ-HĐQT	11/04/2018	Thay đổi Thành viên HĐQT.
5	05-2018/QĐ-HĐQT	03/04/2018	Vay vốn tại ngân hàng.
6	06-2018/QĐ-HĐQT	26/04/2018	Chi thù lao HĐQT, BKS năm tài chính 2018.
7	07-2018/QĐ-HĐQT	08/05/2018	Vay vốn tại ngân hàng.
8	08-2018/QĐ-HĐQT	27/06/2018	Vay vốn tại ngân hàng.
9	09-2018/QĐ-HĐQT	01/08/2018	Tuyển dụng và bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Trần Thị Thu Thanh.
10	10-2018/QĐ-HĐQT	01/08/2018	Xếp lương Phó Tổng Giám đốc Trần Thị Thu Thanh.
11	11-2018/QĐ-HĐQT	08/08/2018	Cam kết khi nhận sáp nhập SHBS.
12	12-2018/QĐ-HĐQT	09/08/2018	Vay vốn tại ngân hàng.
13	13-2018/QĐ-HĐQT	22/08/2018	Đầu tư trái phiếu SHB.
14	14-2018/QĐ-HĐQT	27/08/2018	Vay vốn tại ngân hàng.
15	15-2018/QĐ-HĐQT	24/09/2018	Phương án chi tiết triển khai chào bán cổ phiếu ra công chúng.
16	16-2018/QĐ-HĐQT	24/09/2018	Thông qua Hồ sơ chào bán cổ phiếu ra công chúng.
17	17-2018/QĐ-HĐQT	24/09/2018	Phương án phân phối cổ phiếu trong Chương trình lựa chọn cho Người lao động SHS.
18	18-2018/QĐ-HĐQT	22/10/2018	Vay vốn tại ngân hàng.
19	19-2018/QĐ-HĐQT	23/10/2018	Vay vốn tại ngân hàng.

20	20-2018/QĐ-HĐQT	19/11/2018	Vay vốn tại ngân hàng.
21	21-2018/QĐ-HĐQT	26/11/2018	Xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu còn dư khi phát hành.
22	22-2018/QĐ-HĐQT	28/11/2018	Thay đổi địa điểm đặt Trụ sở SHB - Chi nhánh Đà Nẵng.
23	23-2018/QĐ-HĐQT	28/11/2018	Vay vốn tại ngân hàng.
24	24-2018/QĐ-HĐQT	29/11/2018	Vay vốn tại ngân hàng.
25	25-2018/QĐ-HĐQT	12/12/2018	Bảo lãnh phát hành trái phiếu.

III BIÊN BẢN HỢP

1	01-2018/BBH-HĐQT	18/01/2018	Hợp HĐQT quý 1/2018 và thông qua phát hành Trái phiếu SHS đợt 1/2018.
2	02-2018/BBH-HĐQT	20/03/2018	Phát hành Trái phiếu SHS đợt 2/2018.
3	03-2018/BBH-HĐQT	03/04/2018	Hợp HĐQT quý 2/2018.
4	04-2018/BBH-HĐQT	07/05/2018	Vay vốn tại ngân hàng.
5	05-2018/BBH-HĐQT	26/06/2018	Vay vốn theo hạn mức tín dụng năm 2018.
6	06-2018/BBH-HĐQT	09/08/2018	Hợp HĐQT quý 3/2018.
7	07-2018/BBH-HĐQT	15/08/2018	Phát hành Trái phiếu SHS đợt 3/2018.
8	08-2018/BBH-HĐQT	21/08/2018	Đầu tư Trái phiếu SHB.
9	09-2018/BBH-HĐQT	23/08/2018	Vay vốn hạn mức.
10	10-2018/BBH-HĐQT	16/10/2018	Vay vốn hạn mức.
11	11-2018/BBH-HĐQT	19/11/2018	Vay vốn hạn mức.
12	12-2018/BBH-HĐQT	15/11/2018	Hợp HĐQT quý 4/2018 và thông qua phát hành trái phiếu đợt 4/2018
13	13-2018/BBH-HĐQT	28/11/2018	Vay vốn hạn mức.
14	14-2018/BBH-HĐQT	28/11/2018	Vay vốn hạn mức.
15	15-2018/BBH-HĐQT	12/12/2018	Bảo lãnh phát hành trái phiếu ngân hàng.

TÌNH HÌNH THAM GIA CÁC CUỘC HỌP CỦA THÀNH VIÊN HĐQT

Báo cáo tình hình tham dự các cuộc họp của thành viên HĐQT trong năm 2018 như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian là Thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự/UQ tham dự
1	Ông Đỗ Quang Hiển	Chủ tịch HĐQT	03/12/2007-nay	15/15
2	Ông Lê Đăng Khoa	Thành viên HĐQT	22/03/2013-nay	15/15
3	Ông Vũ Đức Tiến	Thành viên HĐQT kiêm TGD	10/09/2014-nay	15/15
4	Ông Mai Xuân Sơn	Thành viên HĐQT	24/01/2014-nay	15/15
5	Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên HĐQT	11/04/2018-nay	12/15
6	Ông Nguyễn Anh Tú	Thành viên HĐQT	26/04/2017 - 11/04/2018	03/15

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Trong cơ cấu HĐQT năm 2018, SHS có 1/5 số thành viên HĐQT là độc lập và 4/5 số thành viên HĐQT là không điều hành. Do đó, các chỉ đạo của HĐQT luôn đảm bảo tính khách quan và kịp thời, bám sát các hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, đảm bảo lợi ích chung của cổ đông và của Công ty.

Công ty không có sự phân biệt nào giữa thành viên HĐQT độc lập và thành viên HĐQT thông thường. Các thành viên HĐQT độc lập đều chủ động, tích cực trong việc thực thi trách nhiệm của mình, đã đóng góp tích cực vào việc ra các quyết định chung của HĐQT.

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tất cả các thành viên HĐQT, thành viên BKS, thành viên BTGD, Thư ký Công ty và Người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty đều đã từng tham gia các khóa đào tạo, các buổi hội thảo về quản trị Công ty, công bố thông tin, lập Báo cáo thường niên, lập Báo cáo phát triển bền vững do IFC, UBCKNN, các Sở Giao dịch Chứng khoán... tổ chức.



KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2019

Với vai trò quản trị và định hướng chiến lược, HĐQT vẫn ưu tiên đồng thời hai việc là xây dựng và triển khai chiến lược phát triển với tầm nhìn xa, hiệu quả và bền vững, song song với kiểm soát, quản trị rủi ro, duy trì thành quả, bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư và các cổ đông, HĐQT định hướng hoạt động của HĐQT trong năm 2019 như sau:

HĐQT tiếp tục giữ vai trò chủ đạo trong việc định hướng toàn bộ chiến lược hoạt động kinh doanh của Công ty.

HĐQT duy trì việc họp và thảo luận thường xuyên các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT và các vấn đề mang tính chiến lược đối với sự phát triển của Công ty.

Tất cả các thành viên HĐQT đều phải tham gia tích cực vào hoạt động của HĐQT và các Tiểu ban thuộc HĐQT để nắm bắt kịp thời các biến động của thị trường và hoạt động của Công ty.

Các Tiểu ban thuộc HĐQT chủ động tăng cường các hoạt động; cập nhật, tham mưu và báo cáo cho HĐQT thực trạng các hoạt động của Công ty để đề xuất giải pháp và hướng xử lý kịp thời.

HĐQT giám sát, thúc đẩy quá trình đổi mới và cải tổ toàn diện các hoạt động của SHS nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và đưa Công ty lên một tầm cao mới cả về quy mô và chiều sâu của các mảng kinh doanh cốt lõi.

HĐQT hỗ trợ, tư vấn và tham mưu cho BTGD trong việc tìm kiếm, tiếp cận và khai thác các nguồn lực từ bên ngoài, từ các đối tác, khách hàng, doanh nghiệp để tăng vốn, mở rộng hoạt động kinh doanh, gia tăng khách hàng và phát triển sản phẩm.

BAN KIỂM SOÁT

CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2018

CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018

Ban Kiểm soát đã tiến hành 4 cuộc họp theo quý trong năm 2018 để thực hiện kiểm tra định kỳ và triển khai công việc trong các quý tiếp theo. Chi tiết như sau:

TT	Ngày họp	Phiên họp	Số thành viên tham dự	Nội dung họp
1.	15/1/2018	Phiên họp thường kỳ quý 1/2018	3/3	<ul style="list-style-type: none"> - Phân công công việc cho các thành viên BKS. - Kiểm tra tình hình hoạt động kinh doanh quý 4/2017 và tổng hợp tình hình hoạt động kinh doanh năm 2017. - Thẩm định báo cáo tài chính năm 2017 để trình ĐHĐCĐ thường niên 2018. - Lập báo cáo thường niên của BKS để trình ĐHĐCĐ thường niên 2018.
2.	22/4/2018	Phiên họp thường kỳ quý 2/2018	3/3	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá hoạt động của BKS quý 1/2018 và triển khai hoạt động quý 2/2018. - Lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ và năm 2018 trên cơ sở đó để xuất HĐQT phê duyệt.
3.	10/7/2018	Phiên họp thường kỳ quý 3/2018	3/3	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá hoạt động của BKS trong 6 tháng đầu năm 2018 và triển khai kế hoạch hoạt động quý 3/2018. - Thực hiện kiểm tra tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2018. - Tham dự các cuộc họp sơ kết, tổng kết hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm của Công ty, tổng hợp kết quả tham dự các cuộc họp của HĐQT.
4.	10/10/2017	Phiên họp thường kỳ quý 4/2018	3/3	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá hoạt động của BKS trong 9 tháng đầu năm 2018 và triển khai kế hoạch hoạt động quý 4/2018. - Thực hiện kiểm tra tình hình kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty trong quý 3/2018 và 9 tháng đầu năm thông qua việc kiểm tra trực tiếp hoặc thông qua các báo cáo của kiểm toán nội bộ và kiểm soát nội bộ. - Xem xét việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT trong năm 2018, đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch của Công ty.

CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2018

Giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ Công ty và thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên

Trong năm 2018, BKS đã thực hiện giám sát tuân thủ pháp luật và Điều lệ Công ty của các thành viên HĐQT, BTGD, KTT đảm bảo Công ty thực hiện đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong quá trình hoạt động.

BKS cũng giám sát chặt chẽ việc thực hiện Nghị quyết số 01-2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2018 của ĐHĐCĐ thường niên. Các vấn đề nêu ra trong Nghị quyết đã được HĐQT, BTGD thực hiện đầy đủ, nghiêm túc.

BKS đã tham gia kiểm phiếu tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 và đưa ra các ý kiến đóng góp trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

BKS cũng đã giám sát chặt chẽ việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đối với nghĩa vụ công ty niêm yết, công ty chứng khoán, nghĩa vụ công bố thông tin của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ và người có liên quan. Trong năm 2018, tại Công ty không có vi phạm nào nghiêm trọng liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin.

Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị

BKS đã tham gia một số cuộc họp định kỳ của HĐQT, kiểm tra kết quả các đợt lấy ý kiến Thành viên HĐQT về các vấn

đề quan trọng của Công ty cũng như các Biên bản họp, Nghị quyết, Quyết định đã ban hành của HĐQT.

Giám sát hoạt động Công ty

BKS đã thực hiện giám sát hoạt động Công ty thông qua việc kiểm tra định kỳ, trực tiếp tại Hội sở Công ty và các Chi nhánh hoặc kiểm tra gián tiếp thông qua các báo cáo của BTGD, Bộ phận kiểm soát nội bộ và Bộ phận kiểm toán nội bộ. Hoạt động kiểm tra, giám sát tập trung vào các lĩnh vực trọng yếu sau:

Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, công tác tổ chức quản trị điều hành của Công ty.

Kiểm tra, đánh giá việc quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh.

Kiểm tra việc tuân thủ các quy trình, quy chế tại hầu hết các phòng ban của Công ty cũng như hiệu quả của hoạt động kiểm tra, kiểm soát.

Kiểm tra, đánh giá tính hiệu quả của hoạt động kinh doanh.

Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập và thẩm định BCTC được kiểm toán

BKS đã tổ chức thẩm định và xác nhận sự khớp đúng số liệu của Báo cáo tài chính năm 2018 đồng thời với việc xem

xét Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. BKS thống nhất số liệu của AASC, xác nhận Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý xét trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2018 đã phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Giải quyết các kiến nghị của cổ đông đối với Công ty

Trong năm 2018, BKS không nhận được bất cứ yêu cầu nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% cổ phần có quyền biểu quyết trở lên yêu cầu xem xét về hoạt động của Công ty, về việc điều hành của HĐQT và BTGD.

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Về việc thực hiện quy định của pháp luật và chế độ kế toán

Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật hiện hành trong hoạt động kinh doanh và tuân thủ chế độ kế toán hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Về việc điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

HDQT đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty trong công tác chỉ đạo, giám sát hoạt động của BTGD. HDQT đã tiến hành các cuộc họp, ban hành các Nghị quyết, quyết định phù hợp, kịp thời, ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động kinh doanh của Công ty.

BTGD đã đoàn kết, chủ động, sáng tạo, quyết đoán và linh hoạt trong công tác điều hành, đã nắm bắt tốt các cơ hội kinh doanh, đã nỗ lực thực hiện tương đối tốt kế hoạch kinh doanh mà ĐHĐCĐ thường niên 2018 đã thông qua.

Các cán bộ quản lý đã tận tâm, chuyên nghiệp, nỗ lực nhiều trong công tác quản lý cũng như hoàn thành tốt công việc được giao.

BKS không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu

bất thường, không tuân thủ pháp luật và các quy định của Công ty trong công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý của HDQT, BTGD và các cán bộ quản lý.

Về kết quả hoạt động của Công ty

Trong năm 2018, HDQT, BTGD cùng toàn thể cán bộ, nhân viên của Công ty vẫn giữ được kết quả kinh doanh tốt. Bên cạnh đó, Công ty đã quản trị tốt rủi ro, không phát sinh thêm nợ xấu, tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động kinh doanh, công tác tài chính kế toán và công bố thông tin. BKS kiến nghị Công ty tiếp tục phát huy những kết quả đạt được trong năm 2018.

Về sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát và Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông

BKS đã duy trì được mối quan hệ công tác tốt với HDQT, BTGD trên cơ sở nguyên tắc bảo vệ lợi ích cổ đông, tuân thủ pháp luật và quy định của Công ty.

Trong năm 2018, BKS đã duy trì tốt các quan hệ với cổ đông và không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại nào từ cổ đông liên quan đến hoạt động chỉ đạo, điều hành, quản lý của HDQT, BTGD, cán bộ quản lý của Công ty cũng như các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Về hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong phạm vi quyền hạn của mình, BKS đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Kiến nghị của Ban Kiểm soát về hoạt động kinh doanh của Công ty

BTGD cần chỉ đạo sát sao các phòng ban, đặc biệt là TTMGCK, Phòng Đầu tư, Phòng Dịch vụ Tài chính, Phòng Nguồn vốn tăng cường công tác giám sát, quản trị rủi ro ngay trong hoạt động của Phòng để thực hiện tốt các quy trình, quy định đã được ban hành.

Đối với các công nợ chậm thanh toán đã được trích lập dự phòng, đề nghị Công ty vẫn tiếp tục nghiên cứu, theo dõi sát sao để có biện pháp thu hồi nợ cho Công ty trong thời gian sớm nhất.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

Để hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, BKS đề ra kế hoạch làm việc trong năm 2019 như sau:

Kế hoạch chung

Tiếp tục nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản trị của HDQT, BTGD, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính tuân thủ, tính trung thực và cẩn trọng trong quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh, quản lý vốn, vật tư, tài sản ... của Công ty.

Xem xét kế hoạch, báo cáo của Công ty về: Tình hình tài chính, tình hình kinh doanh, các phương án phát triển, các công tác quản lý về tổ chức, lao động, tiền

lương, tiền thưởng, các chế độ khác liên quan đến Công ty và tập thể người lao động trong Công ty.

Xem xét kết quả kiểm tra, kiểm soát của Bộ phận Kiểm soát nội bộ và ý kiến phản hồi của HDQT và TGD Công ty.

Phối hợp với BTGD tìm hiểu các khó khăn, vướng mắc trong các lĩnh vực hoạt động để cùng giải quyết, tháo gỡ.

Duy trì sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động với HDQT, BTGD và các phòng ban trong Công ty.

Kế hoạch cụ thể

Lập Báo cáo thường niên của BKS để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

Tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2019.

Xem xét việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2019, các nghị quyết, quyết định của HDQT trong năm.

Kiểm toán Báo cáo tài chính hàng quý và năm.

Kiểm toán hoạt động toàn bộ Công ty.

Kế hoạch nhân sự

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Dự kiến phân công công việc
1	Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng BKS	Phụ trách chung Phụ trách công tác kiểm tra kiểm soát các phòng: Đầu tư, Nguồn vốn, Tài chính kế toán, Kiểm toán nội bộ, Pháp chế và Quản trị rủi ro, các chi nhánh, phòng giao dịch
2	Vũ Đức Trung	Thành viên BKS	Phụ trách công tác kiểm tra kiểm soát các phòng: Tư vấn tài chính và Bảo lãnh phát hành, Công nghệ thông tin, PR&Marketing, Tổ chức hành chính, Ban xử lý nợ
3	Lương Thị Lụa	Thành viên BKS	Phụ trách công tác kiểm tra kiểm soát các phòng: Trung tâm Môi giới, Dịch vụ Tài chính.

➤ KIỂM TOÁN NỘI BỘ

➤ HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ NĂM 2018

Công ty đã thiết lập Bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT từ năm 2014 theo quy định của Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán. Bộ phận kiểm toán nội bộ là tầng kiểm soát thứ hai sau hệ

thống kiểm soát nội bộ nhằm phát hiện các rủi ro, sai sót mà hệ thống kiểm soát nội bộ không hoặc chưa phát hiện được đồng thời đánh giá tính hiệu quả của các hoạt động trong Công ty. Bộ phận kiểm toán nội bộ có trách nhiệm báo cáo trực tiếp cho HĐQT.

Hoạt động kiểm toán nội bộ được thực hiện theo kế hoạch (hàng quý) và bất thường theo yêu cầu của HĐQT nhằm thực hiện các mục tiêu cụ thể sau:

Đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Công ty, các quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.

Đánh giá việc tuân thủ của các hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ, từ đó tham mưu cho HĐQT thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ phù hợp.

Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc BTGD nhằm tư vấn, góp ý hoàn thiện hệ thống này.

Đánh giá việc kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản và đánh giá hiệu quả của các hoạt động kinh doanh của Công ty...

Thông qua kết quả kiểm toán, Bộ phận kiểm toán nội bộ sẽ thông báo, khuyến nghị, tham mưu, đề xuất cho HĐQT, BTGD nhiều vấn đề trọng yếu liên quan đến hoạt động của Công ty cũng như biện pháp để sửa chữa, khắc phục.

Trong năm 2018, Bộ phận kiểm toán nội bộ đã thực hiện kiểm toán nội bộ theo kế hoạch trên cơ sở Tờ trình được HĐQT phê duyệt, cụ thể như sau:



STT	Nội dung kiểm toán	Đối tượng kiểm toán	Kết quả
1.	Kiểm toán hoạt động quý 1/2018	Phòng KTTC, DVTC, ĐT, TTMGCK, TVTC&BLPH, NV.	Phát hành Báo cáo kiểm toán quý 1/2018
2.	Kiểm toán hoạt động quý 2/2018 và 6 tháng đầu năm 2018	Toàn bộ các phòng ban tại Hội sở	Phát hành Báo cáo kiểm toán 6 tháng đầu năm 2018
3.	Kiểm toán hoạt động quý 3/2018	Phòng KTTC, DVTC, ĐT, TTMGCK, TVTC&BLPH, NV.	Phát hành Báo cáo kiểm toán quý 3/2018
4.	Kiểm toán hoạt động quý 4/2018	Toàn bộ các phòng ban tại Hội sở và các chi nhánh, phòng giao dịch.	Phát hành Báo cáo kiểm toán năm 2018
5.	Đánh giá hiệu quả hoạt động DVTC	Phòng DVTC	Phát hành Báo cáo đánh giá hiệu quả một số sản phẩm tài chính.
6.	Đánh giá hiệu quả cơ chế lương	Lương, thưởng của toàn bộ cán bộ, nhân viên Công ty.	Phát hành Báo cáo so sánh, đánh giá lương, thưởng của cán bộ, nhân viên trong toàn Công ty và so với các công ty chứng khoán đứng đầu.
7.	Đánh giá hiệu quả cơ chế lương khoán	Lương môi giới và phí môi giới chia sẻ.	Phát hành Báo cáo so sánh, đánh giá lương và phí môi giới chia sẻ so với các công ty chứng khoán đứng đầu.

Quá trình kiểm toán nội bộ năm 2018 phát hiện một số vấn đề trọng yếu liên quan đến hoạt động tín dụng và việc chưa tuân thủ đúng chế độ kế toán hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của hoạt động kế toán tài chính.

Tuy nhiên, sau khi có ý kiến của Bộ phận kiểm toán nội bộ, các phòng ban liên quan đã thực hiện chỉnh sửa theo ý kiến của kiểm toán nội bộ.

➤ KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN NỘI BỘ NĂM 2019

Năm 2019, bên cạnh việc hoàn thành kế hoạch kiểm toán nội bộ được HĐQT phê duyệt thì trọng tâm trong kế hoạch hoạt động của bộ phận là tìm kiếm và tuyển dụng được Trưởng bộ phận phù hợp, có kiến thức, kinh nghiệm, độc lập, khách quan do thiếu chức danh này từ năm 2018.

▶ QUẢN TRỊ RỦI RO

Quản trị rủi ro là quá trình tiếp cận rủi ro một cách khoa học và có hệ thống nhằm nhận diện, kiểm soát, phòng ngừa và giảm thiểu những ảnh hưởng bất lợi của rủi ro đến việc thực hiện các mục tiêu của doanh nghiệp đồng thời biến rủi ro thành những cơ hội thành công.

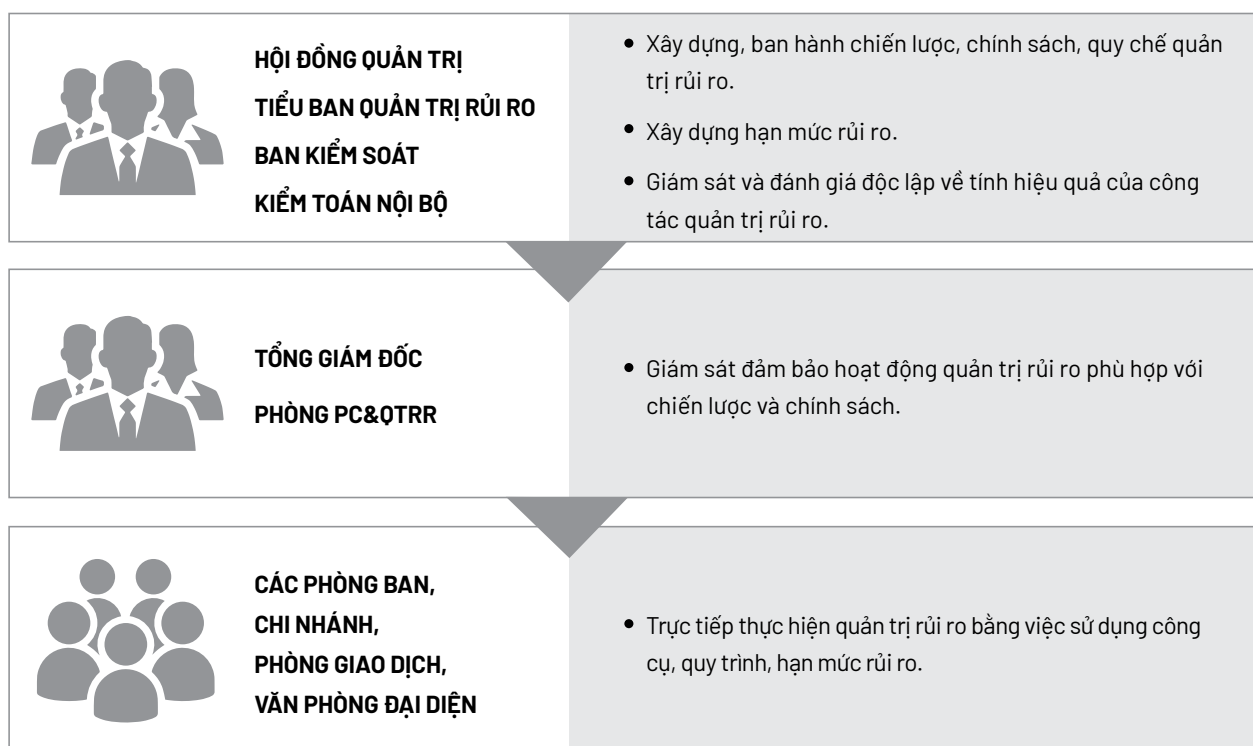
▶ MỤC TIÊU VÀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO

MỤC TIÊU

- ▶ Nhận diện đầy đủ, kịp thời rủi ro.
- ▶ Đo lường đầy đủ tác động của rủi ro.
- ▶ Ra quyết định xử lý rủi ro kịp thời.
- ▶ Xây dựng cơ chế giám sát và báo cáo rủi ro đầy đủ, liên tục.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO

Mô hình quản trị rủi ro theo 3 tuyến.



▶ CÁC RỦI RO VÀ BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO

Có 6 loại rủi ro chính được nhận diện và quản trị bao gồm: rủi ro pháp lý, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thương hiệu.

RỦI RO PHÁP LÝ

Rủi ro pháp lý là rủi ro được nhận diện từ việc:

Công ty không tuân thủ, tuân thủ không đầy đủ, không đúng các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình hoạt động.

Công ty hoạt động và cung cấp sản phẩm, dịch vụ khi chưa có quy định của pháp luật.

Công ty ký kết hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá thẩm quyền, thiếu sót các điều khoản quan trọng.

Tranh chấp, khiếu kiện...liên quan đến các Hợp đồng kinh tế mà Công ty đã ký kết với khách hàng, đối tác, người lao động...

Rủi ro pháp lý tại SHS được Công ty đánh giá ở mức độ trung bình.

Các biện pháp được Công ty áp dụng để thực hiện giảm thiểu rủi ro pháp lý như:

Thường xuyên cập nhật, phổ biến và đánh giá mức độ ảnh hưởng của các chế độ, chính sách.

Tăng cường chất lượng nhân sự và năng lực tư vấn pháp lý của Bộ phận pháp chế.

Tất cả các thỏa thuận, hợp đồng, quy trình, quy chế.. đều phải qua Bộ phận pháp chế soát xét và có ý kiến.

Tăng cường trao đổi, đào tạo về kiến thức, kinh nghiệm pháp lý giữa Bộ phận pháp chế và Ban lãnh đạo, các phòng ban.

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Là rủi ro xảy ra trong một số trường hợp sau đây:

Do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống của hệ thống công nghệ thông tin.

Do quy trình nghiệp vụ và thủ tục không đầy đủ, không cập nhật, không phù hợp.

Do lỗi của con người thực hiện không đúng hoặc cố tình làm sai.

Do kiểm soát tài chính và báo cáo trộm chễ, có sai sót.

Do thiếu vốn kinh doanh.

Do các nguyên nhân khách quan từ bên ngoài khác.

Rủi ro hoạt động được Công ty đánh giá ở mức độ trung bình.

Các biện pháp được Công ty áp dụng để thực hiện giảm thiểu rủi ro hoạt động như:

Ban hành Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp và giám sát việc tuân thủ bộ quy tắc này.

Thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung, cập nhật quy chế, quy trình, quy định nội bộ.

Tăng cường tự động hóa trong việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ, hạn chế tối đa thao tác thủ công.

Nâng cấp các phần mềm bảo mật, phối hợp chặt chẽ, thường xuyên, liên tục với đối tác cung cấp phần mềm để đảm bảo tính ổn định, bảo mật của hệ thống phần mềm giao dịch.

Phân công, phân nhiệm rõ ràng, tăng cường cơ chế kiểm tra chéo, giám sát lẫn nhau giữa các bộ phận, cá nhân.

Tăng cường các hoạt động kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ quy chế, quy trình, quy định nội bộ.

Xây dựng cơ chế dự phòng để đối phó với các rủi ro phát sinh.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro phát sinh trong các hoạt động như: đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, tiền gửi, cho vay ... làm giảm giá trị các khoản đầu tư của Công ty và giá trị tài sản đảm bảo của Khách hàng gây nên những ảnh hưởng bất lợi cho Công ty.

Rủi ro thị trường được Công ty đánh giá ở mức độ khá.

Các biện pháp được Công ty áp dụng để thực hiện giảm thiểu rủi ro thị trường như:

- Thực hiện tốt công tác phân tích, dự báo.
- Theo dõi sát diễn biến thị trường, giá cổ phiếu và mặt bằng lãi suất tiền gửi.
- Áp dụng các công cụ đánh giá rủi ro.
- Ra quyết định nhanh chóng, kịp thời.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro khách hàng, đối tác không thanh toán, thanh toán không kịp thời cho SHS các khoản tiền cho vay và các khoản tiền gửi liên quan đến việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính, đầu tư các công cụ nợ dưới dạng trái phiếu... và các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Rủi ro tín dụng được Công ty đánh giá ở mức độ cao.

Để phòng ngừa rủi ro tín dụng liên quan đến việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính, Công ty áp dụng các biện pháp quản trị sau:

Phân loại khách hàng để cung cấp hạn mức cho vay và các chính sách tín dụng phù hợp với độ tín nhiệm, khả năng thanh toán và tài sản ký quỹ của khách hàng.

Xây dựng danh mục chứng khoán cho vay và tỷ lệ cho vay, tỷ lệ duy trì, tỷ lệ giải chấp phù hợp với quy định pháp luật và quy định Công ty.

Làm tốt công tác giải chấp, gọi bổ sung tài sản đảm bảo và thu hồi nợ.

Để phòng ngừa rủi ro tín dụng liên quan đến việc đầu tư trái phiếu bao gồm cả trái phiếu Chính phủ và trái phiếu Doanh nghiệp, Công ty áp dụng các biện pháp quản trị sau:

Tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và tờ trình được HĐQT phê duyệt.

Đánh giá cẩn thận mức độ tín nhiệm, khả năng thanh toán, tài sản đảm bảo của tổ chức phát hành.

Xây dựng chính sách cụ thể để xử lý tài sản đảm bảo của tổ chức phát hành trong trường hợp phải đối diện với rủi ro không có khả năng thanh toán của tổ chức phát hành.

Để phòng ngừa rủi ro tín dụng liên quan đến việc gửi tiền có kỳ hạn, Công ty áp dụng các biện pháp quản trị sau:

Tuân thủ hạn mức tiền gửi hàng năm được HĐQT phê duyệt (nếu có).

Lựa chọn gửi tiền tại các tổ chức tín dụng được các tổ chức xếp hạng đánh giá có độ tín nhiệm cao.

Đa dạng kỳ hạn gửi.

RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro xảy ra khi Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi kịp thời các loại tài sản thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn.

Rủi ro thanh khoản được Công ty đánh giá ở mức độ trung bình khá.

Các biện pháp được Công ty áp dụng để thực hiện giảm thiểu rủi ro tín dụng như:

Mở rộng hình thức và quy mô vốn huy động như sáp nhập, tăng vốn, phát hành trái phiếu doanh nghiệp...

Mở rộng số lượng tổ chức tín dụng cho Công ty vay vốn kinh doanh.

Mở rộng số lượng và hình thức tổ chức tín dụng cho khách hàng vay tiền đầu tư chứng khoán để giảm áp lực lên việc sử dụng vốn tự có để cho vay.

Cân đối hợp lý kỳ hạn các khoản đi vay và cho vay.

Phân bổ hợp lý nguồn vốn cho các hoạt động đầu tư và cho vay.

Tận dụng tiền gửi nhàn rỗi để tối đa hóa hiệu quả sử dụng nguồn cũng như góp phần ổn định thanh khoản.

RỦI RO THƯƠNG HIỆU

Rủi ro thương hiệu là những tổn thất, thiệt hại về hình ảnh, thương hiệu của Công ty do sự thay đổi trong quan niệm của khách hàng, đối tác về Công ty, có thể ảnh hưởng lớn đến nhu cầu sử dụng sản phẩm, dịch vụ của Công ty cũng như ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động của Công ty.

Rủi ro thương hiệu được Công ty đánh giá ở mức độ thấp.

Các biện pháp được Công ty áp dụng để thực hiện giảm thiểu rủi ro thương hiệu như:

Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ.

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và bộ máy hoạt động.

Không ngừng xây dựng mối quan hệ tốt với cổ đông, khách hàng, đối tác.

Truyền thông nội bộ và ra bên ngoài hiệu quả thông qua việc đa dạng hóa các kênh thông tin, truyền thông mang tính chủ động, nhất quán, duy trì tần suất xuất hiện trên các phương tiện truyền thông. Ngoài ra đẩy mạnh thông tin chính thống bằng tiếng Anh đều đặn nhằm tăng cường thông tin cho các nhà đầu tư và đối tác quốc tế.

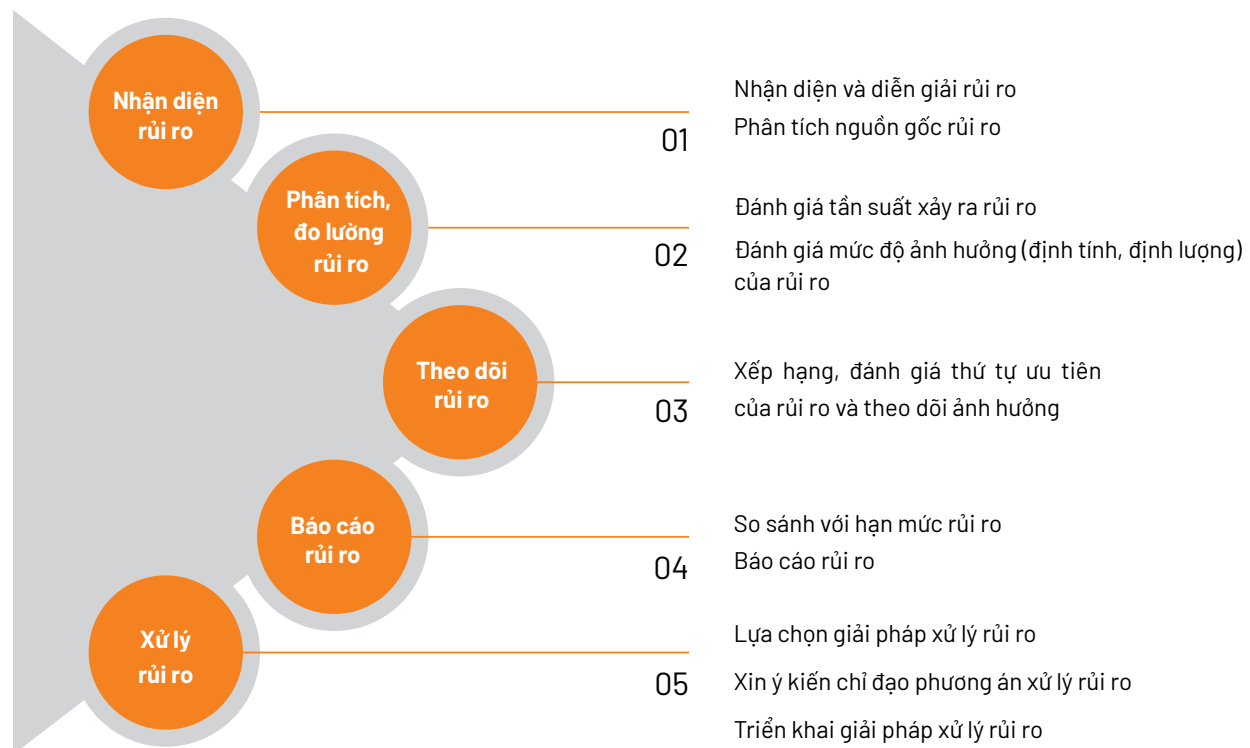
Cử cán bộ chuyên trách phụ trách công tác truyền thông và công tác báo cáo, công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch...

Chủ động lập các kế hoạch dự phòng để quản trị rủi ro thương hiệu.

Bên cạnh 6 loại rủi ro chính trên, một số rủi ro khác cũng được Công ty xem xét, đánh giá trong quá trình hoạt động như rủi ro môi trường, rủi ro chiến lược, rủi ro cạnh tranh....

STT	Rủi ro	Mức độ	Mô tả rủi ro	Biện pháp kiểm soát
1.	Rủi ro môi trường kinh doanh	Trung bình	Công ty cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực tài chính, không sử dụng tài nguyên thiên nhiên nên rủi ro về môi trường là không đáng kể. Tuy nhiên, rủi ro từ môi trường kinh doanh (chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa...) tác động không nhỏ đến hoạt động của SHS.	Thường xuyên cập nhật những thay đổi của môi trường kinh doanh và đánh giá các tác động đến mọi mặt hoạt động của SHS. Triển khai lập báo cáo phát triển bền vững để đánh giá tác động 2 chiều của môi trường kinh doanh với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Từ đó đưa ra biện pháp ứng phó kịp thời.
2.	Rủi ro chiến lược	Thấp	Rủi ro không có chiến lược kinh doanh phù hợp, hiệu quả. Rủi ro không thực hiện đúng chiến lược kinh doanh.	Tập trung nguồn lực xây dựng chiến lược phù hợp, hiệu quả. Thường xuyên rà soát, đánh giá tính hiệu quả của chiến lược và việc thực hiện chiến lược để ra.
3.	Rủi ro cạnh tranh	Cao	Rủi ro không giữ vững vị trí và thị phần.	Kiên trì chiến lược đã đề ra. Ứng biến linh hoạt theo diễn biến phát triển của thị trường và đối thủ cạnh tranh.

QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO



HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2019

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO NĂM 2018

Theo kế hoạch, trong năm 2018, Công ty sẽ tập trung hơn vào việc nhận diện, đo lường và xử lý các rủi ro nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty, đảm bảo cho Công ty phát triển an toàn, hiệu quả. Bộ phận quản trị rủi ro phối hợp chặt chẽ với Phòng CNTT để xây dựng các công cụ theo dõi và đo lường rủi ro tự động. Ngoài ra, Công ty sẽ tiếp tục chú trọng phát triển văn hóa quản trị rủi ro sâu rộng đến từng cán bộ, nhân viên, phòng ban trong Công ty để mỗi cá nhân, bộ phận đều góp sức vào việc quản trị tốt các rủi ro của Công ty. Tuy vậy, việc xây dựng các công cụ đo lường, theo dõi rủi ro một cách tự động vẫn chưa thực hiện được tốt. Công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện công việc này trong năm 2019.

Đánh giá việc thực hiện kế hoạch quản trị rủi ro năm 2018 cho thấy, Công ty đã làm tốt việc nhận diện và xử lý rủi ro góp phần tận dụng tốt các cơ hội kinh doanh và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Văn hóa quản trị rủi ro đã được phát triển sâu rộng đến từng cán bộ, nhân viên, phòng ban trong Công ty. Mỗi cá nhân, bộ phận đều góp sức vào việc quản trị tốt các rủi ro của Công ty. Tuy vậy, việc xây dựng các công cụ đo lường, theo dõi rủi ro một cách tự động vẫn chưa thực hiện được tốt. Công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện công việc này trong năm 2019.

KẾ HOẠCH QUẢN TRỊ RỦI RO NĂM 2019

Do diễn biến thế giới nhiều bất ổn, thị trường chứng khoán trong nước và quốc tế có nhiều biến động bất thường do đó năm 2019 được Công ty xác định là năm mà hoạt động quản trị rủi ro tiếp tục được chú trọng bên cạnh các hoạt động kinh doanh chính. Kế hoạch công tác này được triển khai cụ thể như sau:

	Hoạt động	Thời hạn thực hiện
Thực hiện quản trị rủi ro	Triển khai chiến lược, chính sách rủi ro đã xây dựng.	Trong năm 2019
	Xác định khẩu vị rủi ro.	Tháng 12/2018
	Xây dựng và theo dõi hạn mức rủi ro.	Tháng 12/2018
	Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và ban hành các quy trình quản trị rủi ro.	Định kỳ quý
	Đăng ký, rà soát và hoàn thiện hồ sơ danh mục rủi ro.	Quý 1/2019
	Theo dõi, đánh giá trạng thái tập trung rủi ro.	Hàng ngày
	Đánh giá, đo lường và xử lý các rủi ro phát sinh (Tập trung vào 6 loại rủi ro chính).	Trong năm 2019
Phối hợp xây dựng hệ thống	Phối hợp với Phòng DVTC và CNTT xây dựng công cụ quản trị rủi ro tin dụng tự động.	Quý 1+2/2019
	Phối hợp với Phòng NV và CNTT xây dựng công cụ quản trị rủi ro thanh khoản tự động.	Quý 2+3/2019
Đào tạo quản trị rủi ro	Phối hợp với Phòng Đầu tư và CNTT xây dựng công cụ quản trị rủi ro thị trường tự động.	Quý 3+4/2019
	Đào tạo quản trị rủi ro pháp lý cho các trưởng phòng.	Quý 2/2019
Báo cáo quản trị rủi ro	Đào tạo quản trị rủi ro tin dụng cho Phòng Dịch vụ tài chính.	Quý 3/2019
	Báo cáo gửi Ban Tổng Giám đốc về việc triển khai thực hiện quản trị rủi ro.	Định kỳ tháng
	Báo cáo gửi Hội đồng quản trị về việc triển khai thực hiện quản trị rủi ro, đánh giá tính phù hợp của chính sách, hạn mức và quy trình quản trị rủi ro.	Định kỳ tháng và năm
	Báo cáo gửi UBCKNN về việc triển khai thực hiện quản trị rủi ro.	Bán niên Hàng năm
	Báo cáo gửi UBCKNN về chính sách quản trị rủi ro.	Hàng năm

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

LƯƠNG, THƯỞNG VÀ THÙ LAO

NGUYÊN TẮC CHI TRẢ

Đối với thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Việc chi trả thù lao và thưởng cho các thành viên HĐQT, BKS tuân thủ theo các quy định tại Điều lệ Công ty. ĐHCĐ thường niên 2018 quyết định tổng mức thù lao và thưởng chi trả cho các thành viên HĐQT và BKS năm 2018 là 1,5% lợi nhuận sau thuế nhưng không thấp hơn Quỹ thù lao năm 2017 (Năm 2017 là 3,9 tỷ đồng). Mức phân bổ chi tiết cho từng thành viên HĐQT, BKS sẽ do HĐQT quyết định.

Đối với thành viên Ban Tổng Giám đốc

Việc chi trả tiền lương cho các thành viên BTGD tuân thủ theo Điều lệ Công ty, Quy chế tiền lương và Hợp đồng lao động. Ngoài ra, HĐQT sẽ quyết định các khoản tiền thưởng cho các thành viên BTGD căn cứ theo kết quả kinh doanh và hiệu quả hoạt động của Công ty.

Đối với các cán bộ quản lý (bao gồm Thư ký công ty)

Các cán bộ quản lý được chi trả lương theo Quy chế tiền lương của Công ty và Hợp đồng lao động. Ngoài ra, BTGD sẽ quyết định các khoản tiền thưởng cho cán bộ quản lý căn cứ vào kết quả kinh doanh và việc đánh giá hiệu quả làm việc trong năm.

LƯƠNG, THƯỞNG VÀ THÙ LAO ĐÃ THỰC HIỆN TRONG NĂM

Thu, chi quỹ thù lao HĐQT, BKS

(Đối với 5 thành viên HĐQT và 3 thành viên BKS)

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1.	Số dư quỹ thù lao tại 01/01/2018	7.784.306
2.	Trích lập quỹ năm 2018 theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2018	4.653.708.028
3.	Chi quỹ thù lao năm 2018 (*)	4.661.492.334
4.	Số dư quỹ thù lao đến 31/12/2018	0
(*) Trong đó:		
	Chi thù lao:	3.674.045.282 đồng
	Chi thưởng:	987.447.052 đồng

Chi tiết, chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS

STT	Chức danh	Chức danh	Thù lao	Thưởng
I. THÀNH VIÊN HĐQT				
1.	Đỗ Quang Hiển	Chủ tịch HĐQT	v	v
2.	Lê Đăng Khoa	Thành viên HĐQT	v	v
3.	Vũ Đức Tiến	Thành viên HĐQT	v	v
4.	Mai Xuân Sơn	Thành viên HĐQT	v	v
5.	Nguyễn Anh Tú	Thành viên HĐQT (01/01/2018-11/04/2018)	v	x
6.	Nguyễn Văn Hưng	Thành viên HĐQT (11/04/2018-31/12/2018)	v	v
II. THÀNH VIÊN BKS				
	Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng ban	v	v
2.	Vũ Đức Trung	Thành viên	v	v
3.	Lương Thị Lựu	Thành viên	v	v

Lương, thưởng của BTGD

Thu nhập từ lương:	3.403.757.279	đồng
Thu nhập theo kết quả kinh doanh:	2.804.241.819	đồng
Phụ cấp và các khoản trích theo lương:	169.556.704	đồng

STT	Chức danh	Chức danh	Lương	Thưởng	Phụ cấp và các khoản trích theo lương
1.	Vũ Đức Tiến	Tổng Giám đốc	v	v	v
2.	Trần Sỹ Tiến	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	v	v	v
3.	Trần Thị Thu Thanh	Phó Tổng Giám đốc	v	v	v
4.	Nguyễn Chí Thành	Phó Tổng Giám đốc	v	v	v
5.	Nguyễn Hồng Điệp	Giám đốc CN Tp.HCM	v	v	v
6.	Trần Phước Hạ Nhi	Giám đốc CN Đà Nẵng	v	v	v

Lương, thưởng của cán bộ quản lý

Số lượng cán bộ quản lý: 18 người
 Tổng lương, thưởng của cán bộ quản lý: 11.182.024.776 đồng

CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC

Chế độ nghỉ phép

Thành viên HĐQT không điều hành và thành viên BKS không chuyên trách: do làm việc kiêm nhiệm nên hưởng chế độ nghỉ phép theo quy định của pháp luật và quy định của đơn vị công tác.

Thành viên HĐQT điều hành, thành viên BKS chuyên trách, thành viên BTGD và cán bộ quản lý: được hưởng chế độ nghỉ phép theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty. Theo đó, họ có 12 ngày nghỉ phép trong một năm. Cứ mỗi 3 năm công tác thì được có thêm 1 ngày nghỉ phép trong năm. Công ty tạo điều kiện để họ được nghỉ phép đầy đủ số ngày trong năm theo quy định. Chế độ nghỉ phép hàng năm được tính đến 31/03 năm sau. Trong trường hợp không nghỉ hết phép, họ sẽ không được lĩnh tiền bằng cách quy đổi ngày phép chưa nghỉ.

Chế độ khám sức khỏe định kỳ

Thành viên HĐQT không điều hành và thành viên BKS không chuyên trách: do làm việc kiêm nhiệm nên hưởng các chế độ khám sức khỏe định kỳ tại đơn vị công tác (nếu có).

Thành viên HĐQT điều hành, thành viên BKS chuyên trách, thành viên BTGD và cán bộ quản lý: được khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm tại Bệnh viện Bưu điện.

Chế độ xăng xe, điện thoại, công tác phí

Theo quy chế tài chính của Công ty.

Chế độ bảo hiểm (BHXH, BHYT, BHTN)

Thành viên HĐQT không điều hành và thành viên BKS không chuyên trách: do làm việc kiêm nhiệm nên hưởng các chế độ bảo hiểm tại đơn vị công tác.

Thành viên HĐQT điều hành, thành viên BKS chuyên trách, thành viên BTGD và cán bộ quản lý: được hưởng các chế độ bảo hiểm theo chính sách của Công ty.

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Với mục tiêu xuyên suốt là “Hoàn thiện mô hình quản trị Công ty trên cơ sở có sự định hướng chiến lược xuyên suốt theo các thông lệ quản trị hiện đại tốt nhất” về trong năm 2018, Công ty tiếp tục tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật hiện hành về quản trị Công ty quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty đại chúng, Thông tư số 95/2017/TT-BTC hướng dẫn Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Thông tư số 210/2012/TT-BTC hướng dẫn về thành lập, hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 210/2012/TT-BTC... Bên cạnh đó, SHS cũng dẫn hướng đến các thông lệ tốt nhất về quản trị Công ty của OECD và ASEAN. Cụ thể:



Công ty đã bố trí Thư ký Công ty đồng thời là Người phụ trách quản trị Công ty. Công ty cũng công bố công khai thông tin về họ để cổ đông, nhà đầu tư quan tâm có thể liên hệ. Thư ký Công ty có trách nhiệm:

- + Rà soát các quy định pháp luật hiện hành và các thông lệ tốt nhất về quản trị Công ty để đề xuất cho HĐQT, BTGD sửa đổi, bổ sung, ban hành Điều lệ, quy chế quản trị và các văn bản khác liên quan đến quản trị Công ty.

- + Tư vấn cho HĐQT trình tự, thủ tục tổ chức ĐHĐCĐ thường niên và bất thường.

- + Tham gia các cuộc họp của HĐQT và là thư ký lập các nghị quyết, quyết định của HĐQT

- + Cung cấp thông tin, số liệu cho các cuộc họp của HĐQT và bản sao các tài liệu họp, nghị quyết, quyết định... của HĐQT theo yêu cầu.

- + Giám sát và tư vấn cho thành viên HĐQT, BKS và người có liên quan công khai lợi ích và tránh xung đột lợi ích với Công ty.

- + Giám sát và báo cáo HĐQT về tình hình quản trị và công bố thông tin của Công ty.

- + Giải đáp và là cầu nối giải đáp các vấn đề liên quan đến quản trị Công ty.

Từ năm 2011, Công ty bố trí Người phụ trách công bố thông tin nhằm thực hiện tốt nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin của Công ty. Công ty cũng công bố công khai thông tin về họ để cổ đông có thể liên hệ. Người phụ trách công bố thông tin của Công ty có trách nhiệm:

- + Rà soát các quy định pháp luật hiện hành để đề xuất BTGD sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy chế, quy định nội bộ về công bố thông tin.

- + Lập và đôn đốc các phòng ban liên quan lập các báo cáo và

công văn công bố thông tin để trình TGD ban hành đầy đủ, kịp thời.

- + Giải đáp và là cầu nối giải đáp cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan quản lý Nhà nước...liên quan đến báo cáo và thông tin công bố của Công ty.

Công ty đã rà soát, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị nội bộ đảm bảo tuân thủ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC hướng dẫn Nghị định số 71/2017/NĐ-CP. Điều lệ và quy chế quản trị công ty mới đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên 2018 tổ chức vào ngày 24/04/2018 và đưa lên website của Công ty.

Công ty đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2018 trong đó đảm bảo đầy đủ các quyền và lợi ích của cổ đông như quyền tiếp cận thông tin, quyền tham gia, quyền có ý kiến, quyền biểu quyết...

HĐQT, BKS, BTGD đã thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành về quản trị Công ty trong quá trình họp, chỉ đạo, điều hành, giám sát các hoạt động của Công ty.

Công ty đã duy trì website hoạt động 24/24 giờ cập nhật đầy đủ, kịp thời hoạt động Công ty, các thông báo dành cho khách hàng, cổ đông... cũng như các thông tin công bố.

Công ty đã thực hiện báo cáo và công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch đối với tất cả các nghĩa vụ báo cáo định kỳ (tuần, tháng, quý, bán niên, năm) và các nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin bất thường.

Công ty đã thực hiện đôn đốc, hỗ trợ thực hiện công bố thông tin cho cổ đông lớn, cổ đông nội bộ và tổ chức/người có liên quan cũng như giám sát các giao dịch của người nội bộ, tổ chức/người có liên quan trong năm 2018.

Để chủ động nâng cao năng lực và hiệu quả quản trị Công ty, Công ty đã tự đánh giá quản trị Công ty theo quy chế Camel ban hành kèm theo Quyết định số 617/QĐ-UBCK ngày 9/10/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và theo Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN nhằm thực hiện các mục tiêu:

- + Tìm phương hướng cải thiện, nâng cao thực tiễn hoạt động quản trị Công ty.

- + Nhà đầu tư có thể đánh giá tình hình quản trị Công ty của SHS để có cái nhìn tổng quát về tình hình quản trị Công ty của SHS.

- + Nâng cao nhận thức và hiểu biết chung về thông lệ quản trị Công ty tốt nhất.

(Chi tiết kết quả đánh giá việc thực hiện các quy định quản trị của Công ty trong năm 2018 theo Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN và Quy chế Camel xin vui lòng xem tại mục “Đánh giá quản trị Công ty tham chiếu thẻ điểm ASEAN và quy chế Camel”).

Mặc dù đã có nhiều nỗ lực trong việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty, tuy nhiên, Công ty nhận thấy: hoạt động quản trị của Công ty tốt nhưng chưa hoàn toàn đạt chuẩn theo thông lệ quốc tế do đó cần phải hoàn thiện hơn nữa góp phần tạo ra lợi nhuận bền vững cho Công ty. Một số vấn đề cần hoàn thiện như:

Mặc dù đã bố trí Thư ký Công ty đồng thời là Người phụ trách quản trị Công ty tuy nhiên Công ty chưa ban hành Quyết định bổ nhiệm và công bố thông tin về việc này. Do đó, trong năm 2019, Công ty sẽ thực hiện.

Năm 2018, Công ty chậm trễ trong việc thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu do Công ty phải hoàn thành xong việc nhận sáp nhập SHBS và xin UBCKNN thông qua việc phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, phát hành cổ phiếu ESOP đồng thời với việc trả cổ tức bằng cổ phiếu của năm 2017. Công ty sẽ rút kinh nghiệm xử lý tách biệt các sự kiện này từ các năm sau để đảm bảo thực hiện đầy đủ, kịp thời quyền nhận cổ tức của cổ đông.

Năm 2018, Công ty chưa thực hiện cung cấp thông tin về lương, thưởng của BTGD, KTT trên Báo cáo tài chính được kiểm toán và báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên. Do đó, năm 2019 Công ty sẽ lưu ý thực hiện.

THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG

CỔ PHIẾU

MÃ CỔ PHIẾU: SHS

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại **31/12/2018**: **105.395.674** cổ phiếu

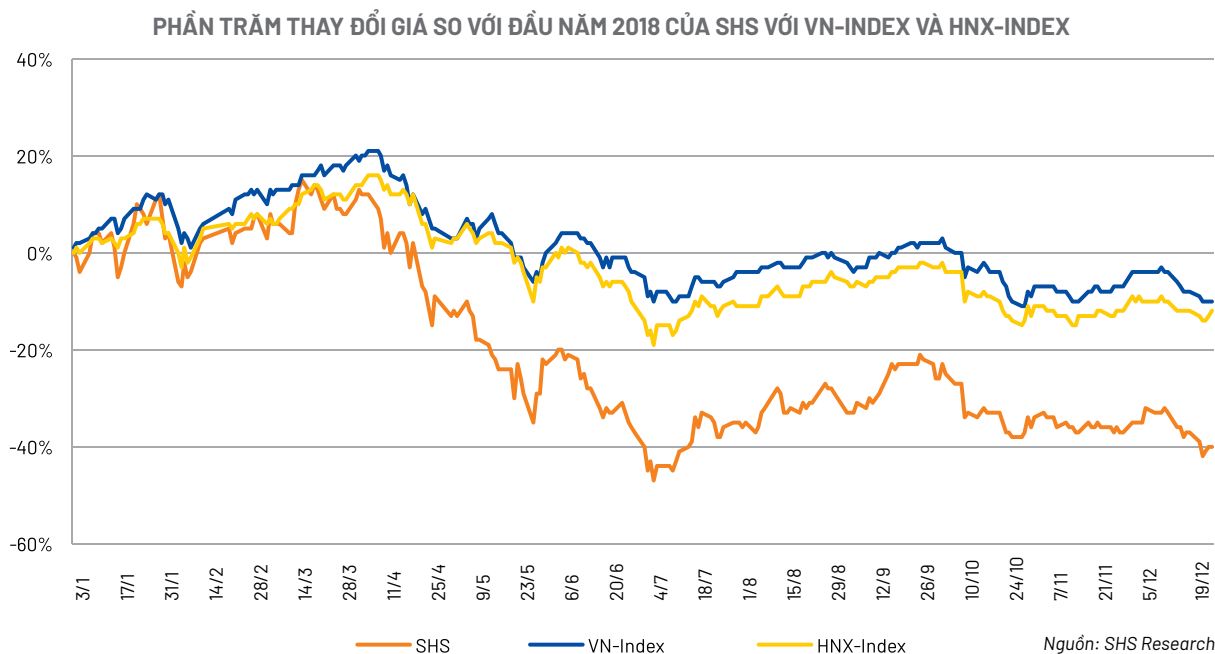
Giá trị vốn hóa thị trường tại **31/12/2018**: **1.222, 6** tỷ đồng

Mức	Mức giá cổ phiếu giao dịch		Khối lượng cổ phiếu giao dịch	
	Ngày	Giá (đ/cp) (*)	Ngày	Khối lượng (cp)
Thấp nhất	06/07/2018	10.500	21/11/2018	471.900
Cao nhất	04/04/2018	25.000	01/03/2018	5.718.701
Đóng cửa	28/12/2018	11.600	28/12/2018	622.630
Trung bình (**)		17.141		1.761.815

(*) Tính theo giá điều chỉnh. Năm 2018, SHS không chia cổ tức.

(**) Tính bằng phương pháp bình quân gia quyền giá cổ phiếu đóng cửa, với số ngày giao dịch trong năm 2018 (250 ngày).

Biểu đồ diễn biến giá cổ phiếu năm 2018



So sánh biến động giá của SHS với các chỉ số VN-Index và HNX-Index cho thấy, từ tháng 01/2018 đến cuối tháng 03/2018, giá cổ phiếu SHS biến động tăng cùng chiều với các chỉ số này. Tuy vậy, từ cuối tháng 03/2018 trở đi, giá cổ phiếu SHS vẫn biến động giảm theo xu hướng thị trường nhưng giảm sâu hơn các

chỉ số. Nguyên nhân là do giá cổ phiếu SHS đã tăng mạnh hơn các cổ phiếu khác trên thị trường trong năm 2017 do đó sẽ có xu hướng giảm sâu hơn trong năm 2018. Ngoài ra, trong năm 2018, các chỉ số VN-Index và HNX-Index được hỗ trợ bởi các cổ phiếu vốn hóa lớn nên có diễn biến tốt hơn.

CỔ PHẦN

TỔNG SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN PHÁT HÀNH (105.395.674)		
Cổ phần phổ thông (105.395.674)	Cổ phần ưu đãi (0)	
Cổ phần tự do chuyển nhượng (105.395.674)	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	
Cổ phần đang lưu hành (105.395.674)	Cổ phần quỹ (0)	(0)

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

(Số liệu tại ngày 15/01/2019 theo Thông báo chốt danh sách cổ đông của TTLCKVN)

STT	Danh mục	Năm 2018			Năm 2017			Tăng/Giảm		
		Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông (%)
1.1	Cổ đông lớn	11.346.700	10,8	2	17.922.766	17,9	3	-36,7	-7,2	-33,3
1.2	Cổ đông nhỏ	94.048.974	89,2	4.208	82.077.234	82,1	3.102	14,6	0,8	35,7
2.1	Cổ đông tổ chức	30.912.640	29,3	55	21.237.017	21,2	37	45,6%	21,2	48,7
2.2	Cổ đông cá nhân	74.483.034	70,7	4.155	78.762.983	78,8	3.068	-5,4	78,8	35,4
3.1	Cổ đông trong nước	78.847.478	74,8	4.128	82.667.774	82,7	3.062	-4,6	82,7	34,8
3.2	Cổ đông nước ngoài	26.548.196	25,2	82	17.332.226	17,3	43	53,2	17,3	90,7
4.1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4.2	Cổ đông khác	105.395.674	100,0	4.210	100.000.000	100,0	3.105	5,4	100,0	35,6
Tổng cộng		105.395.674	100,0	4.210	100.000.000	100,0	3.105	5,4	100,0	35,6

Số lượng **cổ đông năm 2018 là 4.210, tăng 1.105 cổ đông, tương đương tăng 35,6% trong khi số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty chỉ tăng 5,4%. Điều đó cho thấy, so với năm trước, cổ đông của SHS có xu hướng bị pha loãng. Trong đó:**

Đối với cổ đông lớn: Số lượng cổ phiếu nắm giữ giảm 36,7%, tỷ lệ nắm giữ giảm 7,2%, số lượng cổ đông giảm 33,3%.

Đối với cổ đông tổ chức: Số lượng cổ phiếu nắm giữ tăng 45,6%, tỷ lệ nắm giữ tăng 21,2%, số lượng cổ đông tăng 48,7%.

Đối với cổ đông nước ngoài: Số lượng cổ phiếu nắm giữ tăng 53,2%, tỷ lệ nắm giữ tăng 17,3%, số lượng cổ đông tăng 90,2%.

Như vậy, mặc dù cổ đông lớn (nắm giữ từ 5% trở lên số lượng cổ phiếu đang lưu hành) giảm xuống nhưng cổ đông tổ chức và cổ đông nước ngoài đã tăng lên đáng kể và tăng cường nắm giữ cổ phiếu SHS. Điều đó cho thấy SHS ngày càng có mức độ hấp dẫn hơn đối với tổ chức và cổ đông nước ngoài.

THAY ĐỔI TRONG NĂM

Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:	Tăng từ 1.000 tỷ đồng lên 1.054,0 tỷ đồng từ ngày 29/08/2018.
Giao dịch cổ phiếu quỹ:	Không có.
Các chứng khoán khác:	Không có.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN

SỞ HỮU CỔ PHIẾU SHS CỦA CỔ ĐÔNG LỚN

TT	Tên cổ đông lớn	CMND/ Giấy CNĐKKD	31/12/2018		31/12/2017	
			Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Công ty CP Tập đoàn T&T	0103020950 Ngày 09/12/2008	6.127.000	5,8%	6.127.000	6,1%
2	Pyn Elite Fund (Non Ucits)	CA5604 ngày 15/12/2011	7.656.100	7,3%	5.972.500	6,0%
3	Citigroup Global Markets Limited	23/11/2004	4.522.266	4,3%	5.823.266	5,8%

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU SHS CỦA CỔ ĐÔNG LỚN

TT	Họ và tên/ Tên công ty	Số giấy CMND/số Giấy CNĐKKD	Ngày thực hiện	Mua	Bán
1	Pyn Elite Fund (Non Ucits)	CA5604 ngày 15/12/2011	24/04/2018	500,000	-
2	Pyn Elite Fund (Non Ucits)	CA5604 ngày 15/12/2011	18/10/2018	380,600	-
3	Citigroup Global Markets Limited	23/11/2004	26/01/2018		910,000

HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG LỚN

Trong năm 2018, SHS không ký Hợp đồng, giao dịch với cổ đông lớn trừ Hợp đồng, giao dịch với Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T. Đây là Công ty vừa là cổ đông lớn và vừa là Tổ chức có liên quan của SHS (Xin vui lòng xem Báo cáo tài chính năm 2018 được kiểm toán).

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ TỔ CHỨC/NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

SỞ HỮU CỔ PHIẾU SHS CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng CP nắm giữ tại 31/12/2018	Tỷ lệ sở hữu (%)
I. THÀNH VIÊN HĐQT NHIỆM KỲ 2017-2022				
1.	Đỗ Quang Hiển	Chủ tịch HĐQT	25.000	0,024
2.	Lê Đăng Khoa	Thành viên HĐQT	0	0
3.	Vũ Đức Tiến	Thành viên HĐQT kiêm TGD	79.400	0,075
4.	Mai Xuân Sơn	Thành viên HĐQT	40	0,000
5.	Nguyễn Văn Hưng	Thành viên HĐQT	0	0,000
II. THÀNH VIÊN BKS NHIỆM KỲ 2017-2022				
1.	Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng ban	21.740	0,021
2.	Vũ Đức Trung	Thành viên	560.000	0,531
3.	Lương Thị Lựu	Thành viên	0	0,000
III. THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG				
1.	Vũ Đức Tiến	Tổng Giám đốc	79.400	0,075
2.	Trần Sỹ Tiến	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	0	0,000
3.	Trần Thị Thu Thanh	Phó Tổng Giám đốc	0	0,000
4.	Nguyễn Chí Thành	Phó Tổng Giám đốc	0	0,000
5.	Nguyễn Hồng Điệp	Giám đốc CN Hồ Chí Minh	0	0,000
6.	Trần Phước Hạ Nhi	Giám đốc CN Đà Nẵng	9.400	0,009
V. THƯ KÝ CÔNG TY				
1.	Doãn Thị Như Quỳnh	Phó Chánh văn phòng HĐQT	0	0,000
IV. NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN				
1.	Nguyễn Thủy Hạnh Mai	Trưởng phòng PC&QTRR	25.676	0,024

SỞ HỮU CỔ PHIẾU SHS CỦA TỔ CHỨC/NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phần nắm giữ tại 31/12/2018	Tỷ lệ sở hữu (%)
I. NGƯỜI/TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN CỦA THÀNH VIÊN HĐQT NHIỆM KỲ 2017-2022				
1.	Đỗ Thị Thu Hà	Người có liên quan Ông Đỗ Quang Hiển - Chủ tịch HĐQT	26.400	0,025
2.	Công ty CP Tập đoàn T&T	Tổ chức có liên quan Ông Đỗ Quang Hiển - Chủ tịch HĐQT	6.127.000	5,813
3.	Uông Văn Hạnh	Người có liên quan Ông Vũ Đức Tiến - Thành viên HĐQT	31.980	0,030
III. NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC				
1.	Uông Văn Hạnh	Người có liên quan Ông Vũ Đức Tiến - Tổng Giám đốc	31.980	0,030

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU SHS CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ TỔ CHỨC/NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Trong năm 2018 không có phát sinh giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ (bao gồm thành viên HĐQT, thành viên BKS, thành viên BTGD, Kế toán trưởng, Thư ký công ty, Người công bố thông tin, các cán bộ quản lý) và tổ chức/người có liên quan.

HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ TỔ CHỨC/NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

(Xin vui lòng xem Báo cáo tài chính năm 2018 được kiểm toán)

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG NĂM 2018

"SHS vừa là công ty cổ phần đại chúng niêm yết, vừa là công ty chứng khoán do đó SHS đặc biệt chú trọng đảm bảo quyền và lợi ích của cổ đông. Mục tiêu xuyên suốt của quan hệ cổ đông là đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông và đối xử công bằng với cổ đông".



ĐẢM BẢO QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN CỦA CỔ ĐÔNG

Công ty bố trí trên website một thư mục "Quan hệ cổ đông" riêng để cung cấp và cập nhật thông tin kịp thời cho cổ đông và để giúp cổ đông nhanh chóng tiếp cận các thông tin do SHS cung cấp một cách nhanh chóng.

Công ty cũng bố trí Thư ký công ty và Người công bố thông tin để kịp thời trả lời các thắc mắc của cổ đông.

Ngày 24/04/2018, SHS tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2018. Thư mời họp, chương trình nghị sự, các báo cáo, tài liệu dự kiến thông qua tại đại hội đều được gửi trực tiếp đến tất cả cổ đông bằng thư đảm bảo, chuyển phát nhanh. Đồng thời, các tài liệu này cũng được công bố bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt trên website của Công ty trước ngày tổ chức đại hội theo đúng quy định pháp luật. Công ty bố trí phiên dịch trực tiếp phục vụ cổ đông nước ngoài tham dự đại hội. Kiểm toán độc lập cũng được mời tham dự đại hội để có thể trả lời

các thắc mắc của cổ đông về ý kiến kiểm toán nếu có. Toàn bộ nghị quyết, biên bản họp, biên bản kiểm phiếu đều được đọc trước toàn thể cổ đông trước khi lấy ý kiến biểu quyết thông qua. Sau đó, các tài liệu này cũng được công bố thông tin kịp thời trong 24 giờ và đăng tải đầy đủ trên website của Công ty.

Cũng tại ĐHĐCĐ, cổ đông có quyền đặt câu hỏi chấp vấn tại ĐHĐCĐ và được Chủ tịch HĐQT, TGD đại diện cho Công ty trả lời thỏa đáng. Nội dung câu hỏi chấp vấn và câu trả lời được ghi vào Biên bản đại hội và được công bố rộng rãi.

Trong năm, cổ đông có quyền gửi thư, email, gọi điện thoại... đến Trưởng ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Thư ký công ty, Người phụ trách công bố thông tin để được trả lời về tình hình hoạt động công ty cũng như các vấn đề về quản trị công ty và đều được trả lời kịp thời, thỏa đáng.



ĐẢM BẢO CÁC QUYỀN LỢI KHÁC CỦA CỔ ĐÔNG

Để đảm bảo quyền lợi của cổ đông, ĐHĐCĐ thường niên 2018 đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2017 cho cổ đông với tỷ lệ 25%.

Các quyền lợi khác của cổ đông như quyền tham dự ĐHĐCĐ, quyền bầu cử, ứng cử, biểu quyết tại đại hội... đều được Công ty đảm bảo theo quy định của pháp luật. Mọi cổ đông có quyền biểu quyết đều được mời tham dự đại hội và bầu cử, biểu quyết tại đại hội. Tại ĐHĐCĐ thường niên 2018, cổ đông đã biểu quyết các vấn đề sau:

- Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT.
- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 đã được kiểm toán.
- Thông qua Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2018.
- Thông qua Báo cáo thẩm tra BCTC kiểm toán và Báo cáo hoạt động của BKS.
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ
- Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ
- Thay đổi thành viên HĐQT
- Triển khai các nghiệp vụ liên quan đến TTCK phái sinh
- Phát hành, niêm yết chứng quyền có bảo đảm
- Tăng vốn điều lệ thông qua chi trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 25%, phát hành cho cổ đông hiện hữu, phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

- Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2017.
- Thông qua Quỹ thù lao HĐQT và BKS năm 2018.
- Lựa chọn công ty kiểm toán năm 2018.

Bên cạnh việc đảm bảo các quyền lợi của cổ đông tại Đại hội, SHS luôn đảm bảo các quyền lợi khác của cổ đông. Đối với cổ đông chưa nhận sổ và chưa lưu ký, Công ty đã thông báo bằng nhiều hình thức cho các cổ đông về việc liên hệ với Công ty để nhận sổ và đưa cổ phần vào lưu ký.

Với vai trò đầu mối, Văn phòng HĐQT đã là cầu nối giữa cổ đông và Nhà đầu tư tiềm năng với Ban lãnh đạo của Công ty. Trong năm 2018, HĐQT, BTGD đã có nhiều cuộc họp với các đối tác tiềm năng, nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức đầu tư... quan tâm đến hoạt động của Công ty cũng như đăng ký tài khoản giao dịch, hợp tác hoạt động với SHS trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán.

Một số cuộc tiếp xúc với các Nhà đầu tư tiềm năng trong năm 2018 như sau:

Thời gian	Nhà đầu tư tiềm năng	Nội dung tiếp xúc
2/2018	Quỹ đầu tư PYN (Phần Lan)	Cập nhật và thảo luận tình hình kinh doanh năm 2017, định hướng chiến lược kinh doanh năm 2018
5/2018	Quỹ đầu tư Bảo Việt (Việt Nam)	Tìm hiểu mô hình kinh doanh và cơ hội đầu tư vào SHS
10/2018	Quỹ đầu tư PYN (Phần Lan)	Cập nhật tình hình hoạt động 9 tháng đầu năm 2018 của SHS và dự báo kết quả kinh doanh cả năm 2018
11/2018	Quỹ đầu tư Barca Capital (Mỹ)	Tìm hiểu mô hình kinh doanh và cơ hội đầu tư vào SHS
12/2018	Quỹ đầu tư SSI (Việt Nam)	Cập nhật triển vọng doanh nghiệp, tiến độ tăng vốn, và định giá doanh nghiệp

ĐỐI XỬ CÔNG BẰNG VỚI CỔ ĐÔNG

Tại ĐHĐCĐ thường niên và bất thường, mọi cổ đông có quyền biểu quyết không phân biệt trong nước hay nước ngoài, cá nhân hay tổ chức, sở hữu nhiều hay ít cổ phiếu, giới tính nam hay nữ... đều được gửi giấy mời tham dự và biểu quyết tại đại hội. Cổ đông không thể tham dự có thể ủy quyền cho người khác một cách dễ dàng. Quy trình, thủ tục tổ chức đại hội cũng như quy chế bầu cử, biểu quyết tại đại hội được công khai và thực

hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Tại đại hội cổ đông, các câu hỏi được các nhà đầu tư nêu lên chi tiết. SHS không phân biệt cổ đông lớn hay nhỏ, luôn quan tâm và cố gắng hết sức đưa thông tin làm rõ các bản khoản của nhà đầu tư hiện hữu cũng như nhà đầu tư tiềm năng, và cam kết mạnh mẽ có những điều chỉnh sửa đổi các mặt còn hạn chế để các cổ đông yên tâm gắn bó lâu dài với công ty.

➤ KẾ HOẠCH QUAN HỆ CỔ ĐÔNG NĂM 2019

Có thể nói Công ty đã đáp ứng tương đối đầy đủ các quy định pháp luật về quản trị công ty. Không có nội dung trọng yếu nào về quản trị công ty mà Công ty chưa thực hiện được. Có được kết quả đó là sự nỗ lực của toàn thể HĐQT, BKS, BTGD trong việc rà soát, áp dụng các thông lệ tốt nhất về quản trị công ty cũng như các quy định của pháp luật Việt Nam về quản trị Công ty.

Việc các thành viên HĐQT của Công ty chưa có các chứng chỉ về quản trị Công ty do UBCKNN cấp là do khóa đào tạo này UBCKNN đã tổ chức từ rất lâu và không tổ chức lại. Tuy vậy, các thành viên HĐQT của Công ty đều đã từng tham gia rất nhiều các khóa đào tạo khác nhau về quản trị Công ty do các tổ chức quốc tế, các Hiệp hội, các Cơ quan quản lý Nhà nước... tổ chức.

Trong năm 2019, Công ty vẫn đặt mục tiêu tiếp tục hoàn thiện công tác quản trị, điều hành, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, đối xử công bằng với các cổ đông, đáp ứng các quy định pháp luật của Việt Nam về quản trị Công ty cũng như các thông lệ tốt nhất về quản trị Công ty trên thế giới trong đó có việc tiếp tục hoàn thiện việc tổ chức ĐHĐCĐ, thực hiện đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, phối hợp với UBCKNN và/hoặc Viện thành viên HĐQT Việt Nam tổ chức lớp đào tạo và cấp chứng chỉ quản trị Công ty cho các thành viên HĐQT, BKS, BTGD, Thư ký Công ty, tăng cường các hoạt động kết nối với cộng đồng các nhà đầu tư tiềm năng cũng như các nhà đầu tư hiện tại thông qua nhiều kênh khác nhau để chia sẻ thông tin về định hướng và kết quả hoạt động, tiềm năng của SHS để từ đó tìm kiếm cơ hội hợp tác, mang lợi ích cho cả đôi bên.

➤ BỘ PHẬN QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Bộ phận quan hệ cổ đông trực thuộc HĐQT luôn là cầu nối giữa Công ty và các cổ đông, nhà đầu tư tiềm năng. Trong năm 2018, bộ phận quan hệ cổ đông của Công ty đã làm tốt vai trò của mình trong việc thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông như quyền tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên, quyền nhận cổ tức, quyền được cập nhật thông tin và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, quyền được cấp lại sổ cổ đông khi bị mất...

Bộ phận quan hệ cổ đông đã truyền đạt những mong muốn, nguyện vọng của cổ đông tới các thành viên HĐQT, BKS cũng như sắp xếp các lịch hẹn giữa cổ đông, nhà đầu tư tiềm năng với Ban Tổng Giám đốc của Công ty. Bộ phận QHCD cũng cam kết cung cấp thông tin bằng Tiếng Anh với tần suất đều đặn hơn, nhằm tránh việc cổ đông nước ngoài chịu thiệt thòi nhất định về việc tiếp nhận thông tin.

Thông tin về Người phụ trách bộ phận quan hệ cổ đông như sau

Bà DOÃN THỊ NHƯ QUỲNH

- Học vấn: Cử nhân Đại học Ngoại giao
- Kinh nghiệm làm việc: 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán.
- Chức vụ tại SHS: Phó Chánh văn phòng phụ trách Văn phòng HĐQT
- Điện thoại liên hệ: 024.3941.3616 (312)
- Email: quynh.dtn@shs.com.vn

➤ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

➤ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN NĂM 2018

SHS luôn đảm bảo gửi báo cáo và công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch. Đối với việc lập và gửi báo cáo, SHS tuân thủ các quy định của Chính phủ, Các bộ, UBCKNN, 2 SGDCK, TTLKCKVN, UBGSTCQG, NHNN, Cơ quan thuế, Cơ quan thống kê... liên quan đến lĩnh vực chứng khoán. Đối với việc lập và công bố thông tin, SHS tuân thủ Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên TTCKVN, quy chế về công bố thông tin của UBCKNN và 2 SGDCK.

Website Công ty là phương tiện công bố thông tin chính thống, hiệu quả trong đó SHS dành hẳn một chuyên mục Quan hệ cổ đông để cập nhật đầy đủ, kịp thời thông tin, số liệu cho cổ đông. Tất cả các báo cáo và thông tin được gửi đi dưới dạng bản cứng, bản mềm (trừ khi có quy định khác). Trong năm 2018, không có Cơ quan quản lý Nhà nước nào ban hành văn bản nhắc nhở hay xử phạt vi phạm hành chính SHS về nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin.

➤ BỘ PHẬN BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Bộ phận Báo cáo và công bố thông tin của SHS trực thuộc Phòng PC&QTRR. Bộ phận có trách nhiệm rà soát các quy định pháp luật để cập nhật danh mục báo cáo định kỳ. Trên cơ sở đó, bộ phận có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các phòng ban lập và nộp báo cáo đúng hạn sau đó là đầu mối gửi báo cáo cho các Cơ quan quản lý Nhà nước.

Thông tin về Người phụ trách báo cáo và công bố thông tin như sau:

Bà NGUYỄN THỦY HẠNH MAI

- Học vấn: Cử nhân Đại học KTQD
- Kinh nghiệm làm việc: 11 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán, chứng khoán.
- Chức vụ tại SHS: Trưởng phòng PC&QTRR
- Điện thoại liên hệ: 024.38181888 (318)
- Email: mai.nth@shs.com.vn

DANH MỤC THÔNG TIN CÔNG BỐ NĂM 2018 CỦA CÔNG TY

Tháng	Ngày	Nội dung công bố
Tháng 1	16/01/2018	Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2017
	19/01/2018	Báo cáo tài chính quý 4/2017
	23/01/2018	Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán (do thay đổi địa chỉ Trụ sở chính)
	23/01/2018	Báo cáo cung cấp thông tin về quản trị Công ty năm 2017
	23/01/2018	Báo cáo danh sách cổ đông lớn, cổ đông Nhà nước năm 2017
Tháng 2	29/01/2018	Nghị quyết HĐQT phát hành trái phiếu doanh nghiệp đợt 1/2018
	08/02/2018 14/02/2018	Báo cáo kết quả phát hành trái phiếu doanh nghiệp đợt 1/2018 Thông báo ĐNKCC để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2018
Tháng 3	23/03/2018	Quyết định của UBCKNN về việc sáp nhập SHS-SHBS
	28/03/2018	Nghị quyết HĐQT phát hành trái phiếu doanh nghiệp đợt 2/2018
	30/03/2018	Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được kiểm toán năm 2017
	30/03/2018	Quyết định của HĐQT về việc nhận triển khai sáp nhập SHBS
Tháng 4	11/04/2018	Thay đổi thành viên HĐQT (bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Hưng, miễn nhiệm ông Nguyễn Anh Tú)
	11/04/2018	Thông báo về việc họp ĐHĐCĐ thường niên 2018
	19/04/2018	Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực CK và TTCK
	19/04/2018	Báo cáo thường niên năm 2017
	20/04/2018	Báo cáo tài chính quý 1/2018
	24/04/2018	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2018
	17/04/2018	Báo cáo kết quả phát hành trái phiếu doanh nghiệp đợt 2/2018
Tháng 5	18/05/2018	Nghị quyết HĐQT thông qua phát hành cổ phiếu để hoán đổi thực hiện sáp nhập SHBS vào SHS và thông qua Điều lệ sửa đổi, bổ sung

	18/05/2018	Thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành
Tháng 6	Không có	
Tháng 7	02/07/2018	Ký hợp đồng soát xét và kiểm toán BCTC, BCATTC bán niên và năm 2018
	20/07/2018	Báo cáo tài chính quý 2/2018
	31/07/2018	Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng đầu năm 2018
Tháng 8	01/08/2018	Tuyển dụng và bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Trần Thị Thu Thanh
	15/08/2018	Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được soát xét 6 tháng đầu năm 2018
	16/08/2018	Nghị quyết của HĐQT thông qua phương án phát hành trái phiếu đợt 3/2018
	29/08/2018	Báo cáo kết quả sáp nhập SHBS vào SHS
	29/08/2018	Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động CTCK của SHS và Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán của SHBS
Tháng 9	Không có	
Tháng 10	05/10/2018	Báo cáo kết quả phát hành trái phiếu doanh nghiệp đợt 3/2018
	19/10/2018	Báo cáo tài chính quý 3/2018
Tháng 11	Không có	
Tháng 12	12/12/2018	Nghị quyết của HĐQT thông qua phương án phát hành trái phiếu đợt 4/2018
	20/12/2018	Chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền trả cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu và quyền mua cổ phiếu chào bán ra công chúng.
	21/12/2018	Thông báo phát hành cổ phiếu ra công chúng

KẾ HOẠCH BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN NĂM 2019

Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế và làn sóng đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực chứng khoán trong thời gian gần đây, để nâng cao hình ảnh, thương hiệu, tăng cường thu hút Nhà đầu tư, bên cạnh việc thực hiện báo cáo và công bố thông tin đầy đủ, kịp thời như hiện nay, năm 2019, Công ty lập kế hoạch tăng cường công tác báo cáo và công bố thông tin theo hướng các thông tin công bố của Công ty được lập bằng cả tiếng Anh và Bộ phận báo cáo và công bố thông tin của Công ty có thể cung cấp các dịch vụ công bố thông tin cho Nhà đầu tư tổ chức, cá nhân có nhu cầu và ủy quyền cho Công ty.

ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY THAM CHIẾU THẺ ĐIỂM ASEAN VÀ QUY CHẾ CAMEL

ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY THAM CHIẾU THẺ ĐIỂM ASEAN

STT	Nội dung câu hỏi	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2017	Đánh giá
A.	QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG			
A.1.	Quyền cơ bản của cổ đông			
A1.1.	Công ty có trả cổ tức bình đẳng, kịp thời cho cổ đông trong vòng 30 ngày sau khi công bố đối với cổ tức giữa kỳ và sau khi được thông qua tại ĐHĐCĐ đối với cổ tức cuối năm và trong vòng 60 ngày kể từ ngày công bố đối với cổ tức bằng cổ phiếu?	Chưa tốt	Tốt	- ĐHĐCĐ thường niên 2018 (24/04/2018) thông qua chia cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu tỷ lệ 25%, ngày chốt 15/01/2019. Chậm do nguyên nhân khách quan: phải hoàn thành sáp nhập SHBS trước khi trả cổ tức và thực hiện đồng thời phát hành thêm cổ phiếu ESOP và cho cổ đông hiện hữu.
A.2.	Quyền tham gia vào các quyết định liên quan đến những thay đổi quan trọng của Công ty			
A.2.1.	Sửa đổi quy chế công ty	Tốt	Không đánh giá do không sửa.	Năm 2018: Sửa đổi điều lệ, quy chế quản trị nội bộ và được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên 2018.
A.2.2.	Biểu quyết phát hành thêm cổ phiếu	Tốt	Không đánh giá do không phát hành.	Năm 2018: Phát hành thêm cổ phiếu và được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên 2018.
A.2.3.	Chuyển nhượng toàn bộ hay phần lớn tài sản của Công ty dẫn đến việc bán Công ty?	Không đánh giá	Không đánh giá	Năm 2018: Không có hoạt động chuyển nhượng nào
A.3.	Quyền tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết tại ĐHĐCĐ và phải được thông tin về quy định họp ĐHĐCĐ, bao gồm các thủ tục biểu quyết			
A.3.1.	Cổ đông có cơ hội, thể hiện bởi nội dung trên chương trình nghị sự, thông qua thủ lao (phí, thù lao, các hình thức quyền lợi hiện vật hoặc các bổng lộc khác) hoặc mọi khoản tặng thù lao cho thành viên HĐQT không điều hành?	Tốt	Tốt	Năm 2018: Cổ đông thông qua Tờ trình 09-2018/TTr-HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên 2018.
A.3.2.	Công ty có cho phép cổ đông không có quyền kiểm soát để cử thành viên HĐQT?	Tốt	Tốt	Tất cả các cổ đông đều có quyền để cử thành viên HĐQT trong năm 2018.
A.3.3.	Công ty có cho phép cổ đông bầu chọn từng thành viên HĐQT?	Tốt	Tốt	Tất cả các cổ đông đều có quyền bầu chọn thành viên HĐQT trong năm 2018.
A.3.4.	Công ty có công bố thủ tục biểu quyết được sử dụng trước khi ĐHĐCĐ tiến hành?	Tốt	Tốt	Công ty có công bố trước trên website và trong thư mời họp ĐHĐCĐ thường niên 2018 gửi cho cổ đông.
A.3.5.	Biên bản họp ĐHĐCĐ mới nhất có ghi nhận rằng cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi và câu hỏi cùng câu trả lời có được ghi nhận?	Tốt	Tốt	Năm 2018: Biên bản họp ghi rõ câu hỏi của từng cổ đông và câu trả lời.
A.3.6.	Công ty có công bố kết quả bầu chọn bao gồm số phiếu thông qua, phản đối và phiếu trắng cho mỗi nội dung lấy ý kiến của ĐHĐCĐ gần nhất?	Tốt	Tốt	Năm 2018: Nghị quyết ĐHĐCĐ đã được công bố thông tin thể hiện các nội dung cần này.
A.3.7.	Công ty có công bố danh sách thành viên HĐQT tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	Tốt	Tốt	Có
A.3.8.	Công ty có công bố tất cả thành viên HĐQT và TGD điều hành có tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	Tốt	Tốt	Có
A.3.9.	Công ty có cho phép biểu quyết vắng mặt?	Tốt	Tốt	Cho phép biểu quyết vắng mặt thông qua Người được ủy quyền.
A.3.10.	Công ty sử dụng hình thức biểu quyết căn cứ theo số phiếu biểu quyết của cổ đông (không phải bằng cách giơ tay) đối với mọi Nghị quyết tại ĐHĐCĐ mới nhất?	Tốt	Tốt	Công ty chỉ sử dụng hình thức biểu quyết bằng văn bản đối với mọi Nghị quyết tại ĐHĐCĐ.
A.3.11.	Công ty có công bố việc đã bổ nhiệm một bên độc lập (kiểm tra, giám sát viên) tham gia ban kiểm phiếu để đếm và hoặc thẩm định phiếu bầu tại ĐHĐCĐ?	Tốt	Tốt	Tham gia Ban Kiểm phiếu có Thành viên Ban Kiểm soát và Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ.

A.3.12.	Công ty có công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo kết quả biểu quyết đối với tất cả Nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất?	Tốt	Tốt	Ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2018 là 24/04/2018, ngày công bố 24/04/2018.
A.3.13.	Công ty có thông báo ĐHĐCĐ thường niên và ĐHĐCĐ bất thường trước tối thiểu 21 ngày?	Tốt	Tốt	Ngày thông báo 2/4/2018, ngày họp 24/4/2018.
A.3.14.	Công ty có cung cấp cơ sở, thông tin và giải trình cho mỗi mục trong dự thảo nghị quyết cần được cổ đông thông qua trong thông báo về ĐHĐCĐ/tài liệu ĐHĐCĐ/Dự thảo và/hoặc các báo cáo đính kèm?	Tốt	Tốt	Mỗi vấn đề trong Nghị quyết cần được thông qua tại ĐHĐCĐ được thể hiện bằng 1 Tờ trình của HĐQT đi kèm. Tờ trình thể hiện cơ sở, thông tin và giải trình cho các vấn đề trong Nghị quyết.
A.3.15.	Cổ đông có được cho cơ hội để đóng góp vấn đề thảo luận vào trong chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ?	Tốt	Tốt	Có. Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên ghi rõ các câu hỏi của cổ đông tại Đại hội.
B	Thị trường giao dịch đầu tư công ty phải được phép hoạt động một cách hiệu quả và minh bạch			
A.4.1.	Trong các trường hợp sáp nhập, mua lại và/hoặc đầu tư cần được cổ đông thông qua, thành viên HĐQT của công ty được đề nghị có bổ nhiệm một bên độc lập đánh giá sự hợp lý của giá giao dịch sáp nhập, mua lại?	Tốt	Tốt	Năm 2017: ĐHĐCĐ SHS thông qua việc sáp nhập SHBS vào SHS vào năm 2018. SHS đã thuê công ty định giá và công ty kiểm toán độc lập đánh giá tính hợp lý của giá giao dịch.
A.5.	Cần tạo điều kiện thực hiện quyền sở hữu cho mọi cổ đông, bao gồm cả các nhà đầu tư tổ chức			
A.5.1.	Công ty có công bố công khai chính sách/thực hành nhằm khuyến khích tham gia của cổ đông bên ngoài khuôn khổ ĐHĐCĐ?	Tốt	Tốt	Điều lệ Công ty quy định. Cổ đông có quyền đóng góp ý kiến cho HĐQT, BTGD bằng cách gửi thư, email, gặp trực tiếp...
B.	ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG VỚI CỔ ĐÔNG			
B.1.	Cổ phiếu và quyền biểu quyết			
B.1.1.	Mỗi cổ phiếu phổ thông của Công ty có một phiếu biểu quyết?	Tốt	Tốt	Có
B.1.2.	Trong trường hợp Công ty có nhiều hơn một loại cổ phiếu, Công ty có công bố số phiếu biểu quyết gắn với mỗi loại cổ phiếu?	Tốt	Tốt	Năm 2018, Công ty chỉ có một loại cổ phiếu phổ thông.
B.2.	Thông báo ĐHĐCĐ			
B.2.1.	Mỗi Nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất chỉ liên quan đến một nội dung của dự thảo nghị quyết, nghĩa là không gộp nhiều nội dung vào trong cùng một nghị quyết?	Tốt	Tốt	Công ty chỉ ban hành 1 Nghị quyết ĐHĐCĐ nhưng mỗi nội dung trong Nghị quyết được thể hiện bằng 1 Tờ trình riêng.
B.2.2.	Thông báo và tài liệu ĐHĐCĐ gần nhất có được dịch đầy đủ sang tiếng Anh và công bố cùng ngày với tài liệu theo ngôn ngữ địa phương?	Tốt	Tốt	Có dịch sang tiếng Anh.
	Thông báo về ĐHĐCĐ có những chi tiết sau không:			
B.2.3.	Có cung cấp tiểu sử của thành viên HĐQT sẽ được bầu chọn/bầu chọn lại?	Tốt	Tốt	Có
B.2.4.	Kiểm toán viên/Công ty kiểm toán chuẩn bị được bầu chọn/bầu chọn lại có được xác định rõ ràng?	Tốt	Tốt	ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định. HĐQT quyết định trên cơ sở đề xuất của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát đề xuất dựa trên Báo giá của ít nhất 3 công ty kiểm toán.
B.2.5.	Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ được cung cấp dễ dàng?	Tốt	Tốt	Cổ đông có thể in trực tiếp tại website của SHS.
B.3.	Phải ngăn cấm giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân			
B.3.1.	Công ty có chính sách và/hoặc quy định cấm thành viên HĐQT và nhân viên không được kiếm lợi từ những kiến thức không được công bố ra bên ngoài?	Tốt	Tốt	Điều lệ Công ty quy định.
B.3.2.	Thành viên HĐQT có được yêu cầu phải báo cáo giao dịch cổ phiếu công ty trong vòng 3 ngày làm việc?	Tốt	Tốt	Có. Tuân thủ Điều 28 của Thông tư 155 về công bố thông tin trên TTCK.
B.4.	Giao dịch bên liên quan của thành viên HĐQT và các bộ quản lý cấp cao			
B.4.1.	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT công bố lợi ích có liên quan trong các giao dịch và mọi xung đột lợi ích với Công ty không?	Tốt	Tốt	Điều lệ Công ty quy định.
B.4.2.	Công ty có chính sách yêu cầu một tiểu ban bao gồm thành viên HĐQT độc lập rà soát GDBLQ trọng yếu/quan trọng để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của Công ty và cổ đông không?	Tốt	Tốt	Điều lệ Công ty quy định.
B.4.3.	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT không tham gia họp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích?	Tốt	Tốt	Điều lệ Công ty quy định.

B.4.4.	Công ty có chính sách về khoản vay cho thành viên HĐQT, trong đó quy định cấm hoạt động này hoặc đảm bảo rằng các khoản vay được thực hiện trên cơ sở giao dịch hợp lý theo lãi suất thị trường?	Tốt	Tốt	Điều lệ Công ty quy định.
B.5.	Bảo vệ cổ đông thiểu số trước các hành vi lạm dụng			
B.5.1.	Công ty có công bố về việc GDBLQ được thực hiện theo cách đảm bảo rằng những giao dịch đó là hợp lý và theo cơ chế thị trường?	Tốt	Tốt	Có
B.5.2.	Trong trường hợp cần có phê duyệt của cổ đông thông qua các giao dịch với bên liên quan, việc biểu quyết phê duyệt phải được biểu quyết bởi các cổ đông không liên quan lợi ích.	Tốt	Tốt	Có
C.	VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN			
C.1.	Quyền của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương phải được tôn trọng			
	Công ty có công bố chính sách và các thực hành về:			
C.1.1.	Công bố chính sách và các thực hành nhằm bảo vệ quyền lợi khách hàng?	Tốt	Tốt	Trên Báo cáo phát triển bền vững.
C.1.2.	Công bố chính sách và các thực hành, quy trình và thủ tục lựa chọn nhà cung cấp/nhà thầu?	Tốt	Tốt	Có. Trên quy trình mua sắm, đầu tư và quản lý tài sản.
C.1.3.	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của Công ty nhằm bảo đảm chuỗi giá trị của Công ty thân thiện với môi trường hoặc phù hợp với việc thúc đẩy phát triển bền vững?	Tốt	Tốt	Có. Trên Báo cáo phát triển bền vững.
C.1.4.	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của Công ty trong việc tương tác với cộng đồng nơi Công ty hoạt động?	Tốt	Tốt	Có. Trên Báo cáo phát triển bền vững.
C.1.5.	Công bố chính sách và các thực hành phòng chống tham nhũng của Công ty?	Tốt	Tốt	Có. Trên Báo cáo phát triển bền vững.
C.1.6.	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả cách thức bảo vệ quyền lợi của chủ nợ?	Tốt	Tốt	Có. Trên Báo cáo phát triển bền vững.
C.1.7.	Công ty có viết báo cáo/nội dung riêng mô tả các nỗ lực về các vấn đề về môi trường/kinh tế và xã hội?	Tốt	Tốt	Có. Trên Báo cáo phát triển bền vững.
C.2.	Khi lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật bảo vệ, các bên có quyền lợi liên quan phải có cơ hội được khiếu nại hiệu quả khi quyền lợi của họ bị vi phạm			
C.2.1.	Công ty có cung cấp thông tin liên hệ trên Website của Công ty hay Báo cáo thường niên để các bên có quyền lợi liên quan có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ?	Tốt	Tốt	Có. Trên Báo cáo phát triển bền vững
C.3.	Các cơ chế nâng cao hiệu quả tham gia của người lao động cần được phép xây dựng			
C.3.1.	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho nhân viên?	Tốt	Tốt	Có. Trên Báo cáo phát triển bền vững.
C.3.2.	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên?	Tốt	Tốt	Có. Trên Báo cáo phát triển bền vững.
C.3.3.	Công ty có chính sách khen thưởng gắn với hiệu quả hoạt động của Công ty trong dài hạn hơn là trong ngắn hạn?	Tốt	Tốt	Có. Trên quy chế lương, thưởng của Công ty.
C.4.	Các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm cả người lao động và tổ chức đại diện cho họ, phải được tự do truyền đạt những lo ngại của họ về những việc làm không hợp pháp hoặc không phù hợp đạo đức lên HĐQT và việc này không được ảnh hưởng tới quyền lợi của họ			
C.4.1.	Công ty có chính sách tố giác bao gồm quy trình khiếu nại dành cho nhân viên và các bên liên quan về hành vi không hợp pháp (kể cả tham nhũng) hoặc không phù hợp đạo đức và cung cấp thông tin liên hệ khiếu nại chi tiết được để cập trên Website Công ty hoặc Báo cáo thường niên?	Tốt	Tốt	Có. Trên Bộ Quy tắc đạo đức nghề nghiệp và Quy trình khiếu nại và tố cáo.
C.4.2.	Công ty có chính sách hay thủ tục để bảo vệ nhân viên/cá nhân khỏi bị trả đũa vì đã tiết lộ hành vi không hợp pháp/không phù hợp đạo đức?	Tốt	Tốt	Có. Trên Bộ Quy tắc đạo đức nghề nghiệp và Quy trình khiếu nại và tố cáo.

D. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH					
D.1. Cấu trúc sở hữu minh bạch					
D.1.1.	Thông tin về cổ đông có tiết lộ danh tính của các chủ sở hữu nắm giữ 5% cổ phần trở lên?	Tốt	Tốt	Có. Trên Báo cáo thường niên...	
D.1.2.	Công ty có công bố việc sở hữu trực tiếp và gián tiếp của cổ đông lớn?	Tốt	Tốt	Có. Trên Báo cáo thường niên...	
D.1.3.	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và gián tiếp của thành viên HĐQT?	Tốt	Tốt	Có. Trên Báo cáo thường niên...	
D.1.4.	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và gián tiếp của Ban Điều hành?	Tốt	Tốt	Có. Trên Báo cáo thường niên...	
D.1.5.	Công ty có công bố chi tiết về công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và doanh nghiệp/công ty có mục đích đặc biệt?	Tốt	Tốt	Có. Trên Báo cáo thường niên...	
D.2. Chất lượng của Báo cáo thường niên					
Báo cáo thường niên của Công ty có công bố những nội dung sau:					
D.2.1.	Mục tiêu của Công ty	Tốt	Tốt	Có	
D.2.2.	Chỉ số hiệu quả tài chính	Tốt	Tốt	Có	
D.2.3.	Chỉ số hiệu quả phi tài chính	Tốt	Tốt	Có	
D.2.4.	Chính sách cổ tức	Tốt	Tốt	Có	
D.2.5.	Chi tiết tiểu sử của thành viên HĐQT	Tốt	Tốt	Có	
D.2.6.	Chi tiết về việc tham gia của mỗi thành viên HĐQT trong các cuộc họp HĐQT đã thực hiện trong năm.	Tốt	Tốt	Có	
D.2.7.	Tổng thù lao của mỗi thành viên HĐQT Tuyên bố khẳng định về quản trị Công ty	Tốt	Tốt	Có	
D.2.8.	Báo cáo thường niên có công bố phát biểu, tuyên bố khẳng định sự tuân thủ đầy đủ của Công ty với quy tắc quản trị Công ty và trong trường hợp có tình trạng không tuân thủ, có xác định rõ và giải thích lý do cho mỗi vấn đề đó không?	Tốt	Tốt	Có	
D.3. Công bố giao dịch bên liên quan					
D.3.1.	Công ty có công bố chính sách về rà soát và phê duyệt GDBLQ trọng yếu/ quan trọng?	Tốt	Tốt	Có. Trên Báo cáo thường niên	
D.3.2.	Công ty có công bố tên của Bên liên quan, mối quan hệ, bản chất và giá trị của mỗi GDBLQ trọng yếu/quan trọng?	Tốt	Tốt	Có. Trên Báo cáo thường niên	
D.4. Thành viên HĐQT giao dịch cổ phiếu của Công ty					
D.4.1.	Công ty có công bố giao dịch cổ phiếu của Công ty do người nội bộ của Công ty thực hiện?	Tốt	Tốt	Có. Trên Báo cáo thường niên	
D.5. Kiểm toán độc lập và Báo cáo kiểm toán					
D.5.1.	Phí kiểm toán và phí kiểm toán có được công bố công khai?	Chưa tốt	Chưa tốt	Nguyên nhân do yêu cầu bảo mật thông tin và đảm bảo sự cạnh tranh giữa các công ty kiểm toán.	
D.5.2.	Phí dịch vụ phí kiểm toán có cao hơn phí dịch vụ kiểm toán?	Không đánh giá	Không đánh giá	Công ty không thuê dịch vụ phí kiểm toán	
D.6. Phương tiện truyền thông					
Công ty có sử dụng các hình thức truyền thông sau đây:					
D.6.1.	Báo cáo quý	Tốt	Tốt	Có	
D.6.2.	Trang thông tin điện tử của Công ty	Tốt	Tốt	Có	
D.6.3.	Đánh giá của chuyên gia phân tích	Tốt	Tốt	Có	
D.6.4.	Thông tin trên phương tiện truyền thông/hợp báo	Tốt	Tốt	Có	
D.7. Nộp/công bố Báo cáo thường niên/Báo cáo tài chính đúng hạn					
D.7.1.	Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán có được công bố công khai trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính?	Tốt	Tốt	Có	

D.7.2.	Báo cáo thường niên có được công bố công khai trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính?	Tốt	Tốt	Có
D.7.3.	Sự trung thực và hợp lý của Báo cáo tài chính năm có được thành viên HĐQT và/hoặc thành viên Ban Điều hành có thẩm quyền của Công ty khẳng định?	Tốt	Tốt	Có
D.8.	Trang thông tin điện tử của Công ty			
	Công ty có trang thông tin điện tử công bố thông tin cập nhật về:			
D.8.1.	Báo cáo tài chính (quý gần nhất)	Tốt	Tốt	Có
D.8.2.	Tài liệu của chuyên gia phân tích và cơ quan truyền thông	Tốt	Tốt	Có
D.8.3.	Báo cáo thường niên có thể được tải về	Tốt	Tốt	Có
D.8.4.	Thông báo và tài liệu họp ĐHĐCĐ và/hoặc ĐHĐCĐ bất thường	Tốt	Tốt	Có
D.8.5.	Biên bản họp ĐHĐCĐ và hoặc ĐHĐCĐ bất thường	Tốt	Tốt	Có
D.8.6.	Điều lệ Công ty có thể được tải về	Tốt	Tốt	Có
D.9.	Quan hệ Nhà đầu tư			
D.9.1.	Công ty có công bố thông tin liên hệ của cán bộ/bộ phận trách nhiệm về quan hệ Nhà đầu tư?	Tốt	Tốt	Có. Trên báo cáo thường niên.
E.	TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT			
E.1.	Vai trò và trách nhiệm của thành viên HĐQT			
E.1.1.	Công ty có công bố quy chế quản trị công ty/điều lệ hoạt động của HĐQT?	Tốt	Tốt	Có. Trên website.
E.1.2.	Các loại quyết định phải có phê duyệt của thành viên HĐQT có được công bố công khai?	Tốt	Tốt	Có. Trên website, Báo cáo thường niên, Báo cáo quản trị...
E.1.3.	Vai trò và trách nhiệm của thành viên HĐQT có được quy định và công bố rõ ràng?	Tốt	Tốt	Có
	Tầm nhìn và sứ mệnh Công ty			
E.1.4.	Công ty có công bố tầm nhìn và sứ mệnh được xem xét, cập nhật?	Tốt	Tốt	Có
E.1.5.	Thành viên HĐQT có đóng vai trò lãnh đạo trong quá trình xây dựng/theo dõi chiến lược của Công ty ít nhất một năm?	Tốt	Tốt	Có
E.1.6.	Thành viên HĐQT có quy trình xem xét, giám sát, theo dõi việc thực hiện chiến lược của Công ty?	Tốt	Tốt	Có
E.2.	Cơ cấu HĐQT			
E.2.1.	Chi tiết của Bộ quy tắc Đạo đức hoặc ứng xử có được công bố công khai?	Tốt	Tốt	Có. Trên website.
E.2.2.	Công ty có công bố về việc tất cả thành viên HĐQT, lãnh đạo cấp cao và nhân viên phải tuân thủ bộ quy tắc?	Tốt	Tốt	Có
E.2.3.	Công ty có công bố cách thực hiện và giám sát việc tuân thủ Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử?	Tốt	Tốt	Có
E.2.4.	Thành viên HĐQT độc lập có chiếm tối thiểu 1/3 số thành viên HĐQT?	Tốt	Tốt	Có
E.2.5.	Công ty có giới hạn về nhiệm kỳ tối đa 9 năm hoặc ít hơn hoặc tối đa 2 nhiệm kỳ 5 năm đối với mỗi thành viên HĐQT độc lập?	Tốt	Tốt	Có
E.2.6.	Công ty có đặt ra giới hạn tối đa 5 vị trí HĐQT mà 1 thành viên HĐQT độc lập/ không điều hành có thể nắm giữ đồng thời tại những Công ty khác không?	Tốt	Tốt	Có
E.2.7.	Công ty có thành viên HĐQT điều hành nào phục vụ tại hơn 2 HĐQT của các công ty niêm yết ngoài tập đoàn?	Tốt	Tốt	Không.
	Tiểu ban Nhân sự			
E.2.8.	Công ty có Tiểu ban Nhân sự không?	Tốt	Tốt	Có
E.2.9.	Tiểu ban Nhân sự có bao gồm đa số thành viên HĐQT độc lập?	Chưa tốt	Chưa tốt	Tiểu ban Nhân sự là thành viên HĐQT không độc lập
E.2.10.	Chủ tịch của Tiểu ban Nhân sự có phải là thành viên HĐQT độc lập?	Chưa tốt	Chưa tốt	Tiểu ban Nhân sự là thành viên HĐQT không độc lập

E.2.11.	Công ty có công bố quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/điều lệ của Tiểu ban Nhân sự?	Chưa tốt	Chưa tốt	Không
E.2.12.	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Nhân sự có được công bố công khai, nếu có, Tiểu ban Nhân sự có họp tối thiểu 2 lần/năm?	Tốt	Tốt	Có
Tiểu ban Thù lao/Lương thưởng				
E.2.13.	Công ty có Tiểu ban Thù lao không?	Tốt	Tốt	Có
E.2.14.	Tiểu ban Thù lao có bao gồm đa số thành viên HĐQT độc lập?	Chưa tốt	Chưa tốt	Tiểu ban Thù lao là thành viên HĐQT không độc lập
E.2.15.	Chủ tịch của Tiểu ban thù lao có phải là thành viên HĐQT độc lập?	Chưa tốt	Chưa tốt	Tiểu ban Thù lao là thành viên HĐQT không độc lập
E.2.16.	Công ty có công bố quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/điều lệ của Tiểu ban Thù lao?	Chưa tốt	Chưa tốt	Không
E.2.17.	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Thù lao có được công bố công khai, nếu có, Tiểu ban Thù lao có họp tối thiểu 2 lần/năm?	Tốt	Tốt	Có
Tiểu ban Kiểm toán				
E.2.18.	Công ty có Tiểu ban Kiểm toán không?	Tốt	Tốt	Có
E.2.19.	Tiểu ban Kiểm toán có bao gồm toàn bộ thành viên HĐQT không điều hành với đa số thành viên HĐQT độc lập?	Tốt	Tốt	Có
E.2.20.	Chủ tịch của Tiểu ban Kiểm toán có phải là thành viên HĐQT độc lập?	Chưa tốt	Chưa tốt	Không
E.2.21.	Công ty có công bố quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/điều lệ của Tiểu ban Kiểm toán?	Chưa tốt	Chưa tốt	Không
E.2.22.	Tối thiểu 1 thành viên HĐQT độc lập của Tiểu ban Kiểm toán có chuyên môn về kế toán không?	Không đánh giá	Không đánh giá	Thành viên HĐQT tiểu ban kiểm toán là không độc lập.
E.2.23.	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Kiểm toán có được công bố công khai, nếu có, Tiểu ban Kiểm toán có họp tối thiểu 4 lần/năm?	Tốt	Tốt	Có
E.2.24.	Tiểu ban Kiểm toán có trách nhiệm chính trong việc đưa ra khuyến nghị về bổ nhiệm và miễn nhiệm kiểm toán độc lập?	Tốt	Tốt	Có
E.3. Quy trình HĐQT				
Họp và tham dự họp HĐQT				
E.3.1.	Họp HĐQT có được lập kế hoạch trước khi bắt đầu năm tài chính?	Tốt	Tốt	Có
E.3.2.	Thành viên HĐQT có họp tối thiểu 6 lần/năm?	Tốt	Tốt	Có
E.3.3.	Mỗi thành viên HĐQT có tham dự tối thiểu 75% số cuộc họp HĐQT trong năm?	Tốt	Tốt	Có
E.3.4.	Công ty có yêu cầu về số đại biểu tham dự tối thiểu phải đạt 2/3 số thành viên HĐQT đối với các cuộc họp cần ra quyết định của HĐQT?	Tốt	Tốt	Có
E.3.5.	Thành viên HĐQT không điều hành của Công ty có họp riêng tối thiểu 1 lần trong năm mà không có mặt các thành viên điều hành?	Tốt	Tốt	Không họp riêng. Nguyên nhân: Thành viên HĐQT chỉ chiếm 1/5 số lượng thành viên HĐQT nên không ảnh hưởng trọng yếu đến nghị quyết, quyết định HĐQT. Do đó, thành viên HĐQT không điều hành không cần họp riêng.
Tiếp cận thông tin				
E.3.6.	Văn bản cho các cuộc họp HĐQT có được cung cấp cho HĐQT tối thiểu 5 ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp HĐQT?	Tốt	Tốt	Có
E.3.7.	Thư ký Công ty có đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ HĐQT thực hiện trách nhiệm của mình?	Tốt	Tốt	Có
E.3.8.	Thư ký Công ty có được đào tạo về pháp lý, kế toán hay thực hành công tác thư ký công ty và được cập nhật các vấn đề mới có liên quan các nội dung trên?	Tốt	Tốt	Có
Bổ nhiệm và tái cử thành viên HĐQT				
E.3.9.	Công ty có công bố các tiêu chí sử dụng để lựa chọn thành viên HĐQT mới?	Tốt	Tốt	Có . Trên website.

E.3.10.	Công ty có mô tả quy trình được áp dụng trong việc bổ nhiệm thành viên HĐQT mới?	Tốt	Tốt	Có
E.3.11.	Tất cả các thành viên HĐQT có được bầu lại tối thiểu 5 năm đối với công ty niêm yết ở những quốc gia có pháp luật quy định nhiệm kỳ 5 năm/lần?	Tốt	Tốt	Có
Các vấn đề thù lao				
E.3.12.	Công ty có công bố chính sách/thực hành về thù lao đối với thành viên HĐQT điều hành và TGD?	Tốt	Tốt	Có. Trên Báo cáo thường niên.
E.3.13.	Cơ cấu thù lao cho thành viên HĐQT không điều hành có được công bố công khai?	Tốt	Tốt	Có. Trên Báo cáo thường niên.
E.3.14.	Cổ đông hay HĐQT có thông qua thù lao của thành viên HĐQT và/hoặc lãnh đạo cấp cao?	Tốt	Tốt	Có. ĐHĐCĐ thường niên thông qua.
E.3.15.	Công ty có các chính sách, tiêu chuẩn có thể đo lường để gắn mức thù lao chi trả dựa trên thành tích của các thành viên HĐQT điều hành hoặc Ban Điều hành với lợi ích lâu dài của Công ty, chẳng hạn như áp dụng điều khoản thu hồi, chính sách khoản thưởng hoãn lại?	Tốt	Tốt	Có
Kiểm toán nội bộ				
E.3.16.	Công ty có bộ phận kiểm toán nội bộ riêng biệt?	Tốt	Tốt	Có
E.3.17.	Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ có được công bố, hoặc nếu được thuê ngoài, tên của Công ty thuê ngoài có được công bố công khai?	Tốt	Tốt	Có
E.3.18.	Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm kiểm toán nội bộ có phải được Tiểu ban Kiểm toán thông qua?	Tốt	Tốt	Có
Giám sát rủi ro				
E.3.19.	Công ty có công bố quy trình kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro và định kỳ xem xét tính hiệu quả của hệ thống mà Công ty đang thực hiện?	Tốt	Tốt	Có. Trên báo cáo thường niên.
E.3.20.	Báo cáo thường niên/Báo cáo quản trị Công ty có công bố rằng thành viên HĐQT đã rà soát các chốt kiểm soát trọng yếu của Công ty và các hệ thống quản lý rủi ro?	Tốt	Tốt	Có. Trên Báo cáo thường niên.
E.3.21.	Công ty có công bố cách thức quản lý các rủi ro quan trọng?	Tốt	Tốt	Có. Trên Báo cáo thường niên.
E.3.22.	Báo cáo thường niên/Báo cáo quản trị Công ty có trình bày tuyên bố của thành viên HĐQT hay Tiểu ban Kiểm toán về sự đầy đủ của các chốt kiểm toán nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro của Công ty?	Tốt	Tốt	Có. Trên Báo cáo thường niên.
E.4. Nhân sự trong HĐQT				
Chủ tịch HĐQT				
E.4.1.	Hai người khác nhau đảm nhiệm vị trí Chủ tịch HĐQT và TGD?	Tốt	Tốt	Có
E.4.2.	Chủ tịch có phải là thành viên HĐQT độc lập không?	Chưa tốt	Chưa tốt	Không
E.4.3.	Cổ bất kỳ thành viên HĐQT là nguyên Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành của Công ty trong 2 năm trước?	Tốt	Tốt	Không
E.4.4.	Vai trò và trách nhiệm của Chủ tịch có được công bố công khai?	Tốt	Tốt	Có. Trên Điều lệ Công ty.
Trưởng thành viên HĐQT độc lập				
E.4.5.	Nếu Chủ tịch không phải là thành viên HĐQT độc lập, HĐQT có bầu chọn Trưởng thành viên HĐQT độc lập và vai trò của vị trí này có được xác định rõ ràng?	Tốt	Tốt	Công ty chỉ có 1 thành viên HĐQT nên người đó đồng thời là Trưởng thành viên HĐQT độc lập.
Kỹ năng và năng lực				
E.4.6.	Công ty có tối thiểu 1 thành viên HĐQT không điều hành có kinh nghiệm làm việc trước đó trong lĩnh vực chính mà Công ty đang hoạt động?	Tốt	Tốt	Có
E.5. Hiệu quả HĐQT				
Phát triển thành viên HĐQT				
E.5.1.	Công ty có chương trình định hướng cho thành viên HĐQT mới?	Tốt	Tốt	Có

E.5.2.	Công ty có chính sách khuyến khích thành viên HĐQT tham gia các chương trình đào tạo liên tục hay đào tạo chuyên môn?	Tốt	Tốt	Có
Bổ nhiệm và hiệu quả của Ban Điều hành/TGD				
E.5.3.	Công ty có công bố cách thức thành viên HĐQT xây dựng quy hoạch kế nhiệm cho vị trí TGD/Giám đốc điều hành/Quản lý chủ chốt?	Tốt	Tốt	Có
E.5.4.	Thành viên HĐQT có thực hiện đánh giá hiệu quả hàng năm đối với TGD/Giám đốc điều hành/Quản lý chủ chốt?	Tốt	Tốt	Có
Đánh giá HĐQT				
E.5.5.	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hàng năm đối với HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	Tốt	Tốt	Có đánh giá và công bố quy trình đánh giá trong nội bộ HĐQT.
Đánh giá thành viên HĐQT				
E.5.6.	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hàng năm đối với từng thành viên HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	Tốt	Tốt	Có đánh giá và công bố quy trình đánh giá trong nội bộ HĐQT.
Đánh giá Tiểu ban HĐQT				
E.5.7.	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hàng năm đối với các Tiểu ban của HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	Tốt	Tốt	Có đánh giá và công bố quy trình đánh giá trong nội bộ HĐQT.

ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY THAM CHIẾU QUY CHẾ CAMEL

Quyết định số 617/QĐ-UBCK ngày 09/10/2013 của UBCKNN ban hành quy chế xếp loại công ty chứng khoán nhằm mục đích đánh giá, xếp loại công ty chứng khoán tại Việt Nam trên hai phương diện tài chính và quản trị. Quyết định này sử dụng các yếu tố quản trị để đánh giá hoạt động quản trị của Công ty.

Dựa trên Quyết định này, SHS tự thực hiện đánh giá quản trị của Công ty trong năm 2018 đồng thời so sánh với năm trước để thấy được mức độ thay đổi về quản trị Công ty, từ đó đưa ra các giải pháp quản lý phù hợp. Kết quả tự đánh giá như sau:

STT	Tên tiêu chí	Điểm	Trọng số	Tổng điểm 2018	Tổng điểm 2017
1	Số năm làm lãnh đạo (thuộc Ban Tổng Giám đốc/Tổng Giám đốc) trong lĩnh vực tài chính/chứng khoán của Chủ tịch HĐQT	100	4%	4	4
2	Số năm làm lãnh đạo (thuộc Ban Tổng Giám đốc/Tổng Giám đốc) trong lĩnh vực chứng khoán của Giám đốc/Tổng Giám đốc	100	6%	6	3,6
3	Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính/chứng khoán của Chủ tịch HĐQT	100	4%	4	4
4	Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán của Giám đốc/Tổng giám đốc	100	6%	6	6
5	Tính ổn định của các vị trí lãnh đạo chủ chốt (Giám đốc (CEO, CFO), Phó giám đốc, Trưởng các bộ phận nghiệp vụ) trong 3 năm gần đây. Tính bằng tổng số thay đổi nhân sự các vị trí này (rời khỏi công ty)/tổng số các vị trí này	30	4%	1,2	0
6	Sự đầy đủ của các Quy trình nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chứng khoán và quy chế của Sở giao dịch, Trung tâm lưu ký chứng khoán	100	5%	5	5
7	Chính sách quản lý rủi ro đối với tất cả các hoạt động	100	5%	5	5
8	Đánh giá năng lực hoạt động của bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ	100	5%	5	5
9	Đánh giá chất lượng kiểm soát các khoản tiền gửi của nhà đầu tư để giao dịch chứng khoán	100	5%	5	5

10	Mức độ minh bạch của thông tin tài chính	100	6%	6	6
11	Số năm hoạt động	100	6%	6	6
12	Tỷ trọng doanh số giao dịch cổ phiếu thực hiện qua công ty (trên hai sở)/ Tổng Doanh số giao dịch của thị trường (tổng cộng doanh số giao dịch của hai sở)	100	8%	8	8
13	Tính hiện đại của hệ thống công nghệ thông tin	100	5%	5	5
14	Quy mô vốn chủ sở hữu của công ty so với mặt bằng chung của các công ty CK trên thị trường	70	5%	3,5	3,5
15	Tính ổn định và khả năng tăng trưởng (hoặc giảm)vốn chủ sở hữu trong 2 năm tới (có kế hoạch tăng vốn, có lợi nhuận hoặc có lỗ).	100	4%	4	4
16	Tính ổn định, bền vững của tăng trưởng, thể hiện qua tỷ lệ tăng trưởng doanh thu trung bình trong 3 kỳ báo cáo (6 tháng) gần nhất.	100	6%	6	6
17	Sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm lưu ký chứng khoán do thiếu tiền thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	100	5%	5	5
18	Tình hình tuân thủ (vi phạm) các quy định pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong 6 tháng gần nhất	0	6%	0	6
19	Số lượng nghiệp vụ được cấp phép của công ty	100	5%	5	5
Tổng cộng				89,7	91,1

Chỉ tiêu quản trị: Giảm nhẹ từ 91,1 điểm xuống 89,7 điểm. Kết quả tự đánh giá quản trị Công ty theo quy chế Camel cho thấy chỉ tiêu quản trị của Công ty giảm nhẹ gần 2 điểm chủ yếu do năm nay Công ty bị xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến

giao dịch và nghiệp vụ cho vay chứng khoán. Tuy vậy, Công ty đã khắc phục những sai sót này ngay sau khi có ý kiến của Đoàn kiểm tra của UBCKNN.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Mục tiêu phát triển bền vững ●
- Báo cáo phát triển bền vững năm 2018 ●
- Kế hoạch hành động năm 2019 ●
- Đánh giá phát triển bền vững của
Công ty theo tiêu chuẩn GRI ●

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Nhận thức được tầm quan trọng của việc phát triển bền vững nên ngay từ khi thành lập, SHS đã đặt mục tiêu phát triển bền vững mà theo đó sự tồn tại, phát triển của SHS song hành cùng với các bên liên quan.

Cụ thể, các mục tiêu phát triển bền vững của SHS như sau:

- Trở thành công ty chứng khoán hoạt động đa năng theo mô hình ngân hàng đầu tư hàng đầu Việt Nam.
- Là thương hiệu công ty chứng khoán có uy tín trên thị

trường chứng khoán Châu Á.

- Đóng góp, xây dựng và phát triển TTCK Việt Nam an toàn, hiệu quả.
- Tạo ra lợi nhuận tối đa cho các cổ đông.
- Cung cấp những dịch vụ tài chính, chứng khoán đa dạng, chất lượng cho khách hàng và đối tác.
- Tạo môi trường làm việc tốt, an toàn, thu nhập cao và cơ hội thăng tiến cho cán bộ nhân viên.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2018

PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO

SHS lập Báo cáo phát triển bền vững năm nay dựa trên sự tổng hợp thông tin, số liệu từ hoạt động thực tế của toàn Công ty trong năm tài chính 2018. Báo cáo được thực hiện bởi Nhóm lập Báo cáo Phát triển bền vững của Công ty và đến từ nhiều phòng ban khác nhau nhằm cung cấp các thông tin, số liệu một cách đầy đủ, trung thực nhất. Đối tượng báo cáo được hướng đến là toàn bộ cán bộ, nhân viên

Công ty cũng như các bên liên quan quan tâm đến hoạt động của SHS như đối tác, khách hàng, nhà cung cấp, nhà đầu tư, cổ đông, cộng đồng địa phương, xã hội...

Trong khuôn khổ báo cáo này, SHS tập trung đánh giá việc thực hiện một số tiêu chí điển hình, phù hợp với đặc điểm ngành nghề và hoạt động kinh doanh của SHS theo Bộ tiêu chuẩn GRI Standards, cụ thể như sau:

NHÓM TIÊU CHUẨN CHUNG

GRI 101 - TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

GRI 102 - THÔNG TIN CHUNG

NHÓM TIÊU CHUẨN CỤ THỂ

NHÓM TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG

- GRI 301** - VẬT LIỆU
- GRI 302** - NĂNG LƯỢNG
- GRI 303** - NƯỚC
- GRI 306** - CHẤT THẢI VÀ NƯỚC THẢI
- GRI 307** - TUẦN THỦ QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

NHÓM TIÊU CHUẨN KINH TẾ

- GRI 201** - HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ
- GRI 202** - SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG

NHÓM TIÊU CHUẨN XÃ HỘI

- GRI 401** - VIỆC LÀM
- GRI 403** - AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP
- GRI 404** - GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
- GRI 405** - SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG
- GRI 407** - TỰ DO LẬP HỘI VÀ THƯƠNG LƯỢNG TẬP THỂ
- GRI 413** - CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG
- GRI 418** - QUYỀN BẢO MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

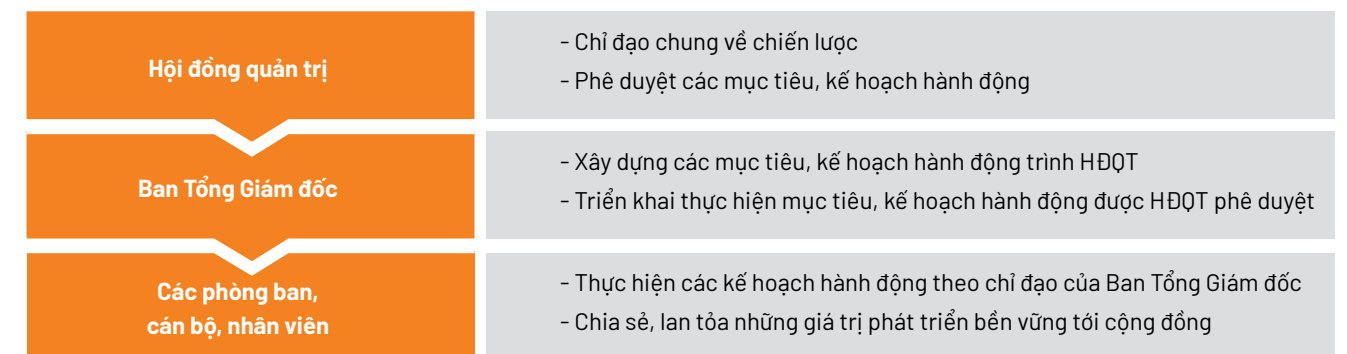
GRI 101 TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Báo cáo Phát triển bền vững được xây dựng nhằm tổng hợp những công bố và hoạt động của SHS trong năm 2018 hướng tới việc phát triển bền vững Công ty. Đây là năm thứ tư SHS thực hiện báo cáo này theo Hướng dẫn lập báo cáo phát triển bền vững dành cho lĩnh vực Tài chính của Tổ chức Báo cáo sáng kiến toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI). Theo đó, SHS lựa chọn các nguyên tắc: "Sự tham gia của các bên" và "Tính trọng yếu" để xác định nội dung báo cáo. Đồng thời, SHS cũng lựa chọn các nguyên tắc: "Tính rõ ràng" và "Tính đáng tin cậy" để xác định chất lượng của Báo cáo phát triển bền vững năm nay.

GRI 102 THÔNG TIN CHUNG

GRI 102 - 14: CHIẾN LƯỢC

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



QUY TRÌNH QUẢN TRỊ THÔNG TIN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Quy trình quản trị thông tin phát triển bền vững của SHS gồm sáu bước nhằm đảm bảo độ tin cậy, đầy đủ, kịp thời của thông tin.



Địa chỉ nhận phản hồi liên quan đến báo cáo phát triển bền vững của SHS:	Bà:	NGUYỄN THỊ LAN ANH
	Học vấn:	Cử nhân ĐHQG
	Kinh nghiệm:	7 năm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán
	Chức vụ tại SHS:	Phó phòng PR & Marketing
	Điện thoại:	0243 8181 888
	Email:	anh.ntl@shs.com.vn

GRI 102 - 40, 42, 44: NHẬN DIỆN CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC MỐI QUAN TÂM

Thông qua điều tra bằng các kênh khác nhau, SHS xác định được các bên liên quan, các mối quan tâm của họ đối với vấn đề phát triển bền vững của SHS cũng như đưa ra các giải pháp để đáp ứng kỳ vọng của các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Chi tiết bên liên quan	Kênh tiếp cận thông tin và ghi nhận phản hồi	Mối quan tâm		Giải pháp đáp ứng kỳ vọng	Kết quả đạt được năm 2018
Bên trong doanh nghiệp	Cổ đông Nhà đầu tư	Tại ĐHĐCĐ Thông qua website của SHS Gặp gỡ trực tiếp Nhà đầu tư Cổ đông gọi điện thoại, gửi thư, email, facebook	Hoạt động kinh doanh hiệu quả Đầy đủ, minh bạch, kịp thời về thông tin công bố Đảm bảo cổ tức và các quyền lợi hợp pháp của cổ đông Giá cổ phiếu ổn định và tăng		Hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh được ĐHĐCĐ thông qua Chuyên nghiệp hóa hoạt động của Văn phòng HĐQT, Bộ phận công bố thông tin và Bộ phận PR&Marketing. Thực hiện đúng các cam kết đối với cổ đông về việc chi trả cổ tức và các quyền lợi hợp pháp khác Hoàn thiện và không ngừng nâng cao hệ thống quản trị Công ty theo quy định pháp luật và các thông lệ quản trị tốt nhất	Đứng thứ 2 tại HNX và thứ 6 tại HSX trong top 10 thị phần môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết Hoàn thành 89,2% kế hoạch lợi nhuận trước thuế ROE (19,2%), ROA (7,9%), EPS (3.442), tỷ lệ an toàn tài chính (344,8%), trả cổ tức 25% bằng cổ phiếu cho năm 2017 Ngày càng hoàn thiện hệ thống quản trị công ty theo quy chế Camel và thông lệ quản trị tốt nhất của OECD, ASEAN Hỗ trợ đầy đủ cổ đông thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của mình Công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch
	Người lao động	Thông qua bộ phận nhân sự, công đoàn Thông qua hội nghị sơ kết, tổng kết Thông qua trao đổi trực tiếp, gọi điện thoại, gửi thư, email, facebook Thông qua các chương trình đào tạo nội bộ	Môi trường làm việc tốt Công việc ổn định Cơ hội thăng tiến, phát triển Trả lương, thưởng, phúc lợi cạnh tranh, đầy đủ, minh bạch. Chính sách đào tạo và phát triển đội ngũ tốt		Không ngừng mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh nhằm tạo công việc ổn định và thu nhập ngày càng cao cho cán bộ, nhân viên. Không ngừng hoàn thiện văn hóa công ty nhằm tạo dựng môi trường làm việc hiệu quả, cạnh tranh. Lên kế hoạch và thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo phù hợp trong và ngoài Công ty. Thường xuyên tổ chức đánh giá nhân sự, để bạt, khen thưởng cán bộ, nhân viên làm tốt	Tăng thêm 12,4% công ăn việc làm, góp phần đưa số lượng cán bộ, nhân viên lên 235 người năm 2018 Lương trung bình đạt 28.868.633 đồng/người Bổ trí cho 71 cán bộ, nhân viên tham gia học và thi chứng chỉ phái sinh (chiếm 30,2% tổng số cán bộ, nhân viên của Công ty) Bổ nhiệm 15 người, nâng lương 12 người, đánh giá lại hợp đồng lao động cho 20 người và khen thưởng nhiều cán bộ, nhân viên xuất sắc theo quý, năm Trích và nộp đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ cho 100% cán bộ nhân viên. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 100% cán bộ, nhân viên tại Bệnh viện Giao thông. - ...
Bên ngoài doanh nghiệp	Khách hàng	Thông qua ý kiến của đội ngũ môi giới và nhân viên tiếp xúc khách hàng Trực tiếp tiếp xúc tại Sàn giao dịch, hội thảo, hội nghị tri ân khách hàng... Tổng đài chăm sóc khách hàng Khách hàng gọi điện thoại, gửi thư, email, facebook	Đáp ứng số lượng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ tốt, cạnh tranh với giá phí hợp lý Ứng dụng CNTT nhanh, hiện đại trong việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ Đảm bảo quy mô và sự ổn định nguồn vốn cho vay Trình độ và sự chuyên nghiệp của đội ngũ nhân sự		Chuyên nghiệp hóa bộ phận nghiên cứu phát triển sản phẩm Thường xuyên nghiên cứu, cập nhật và nâng cấp hệ thống CNTT Chủ động nguồn vốn tự có cũng như liên kết với nhiều tổ chức, cá nhân để đảm bảo quy mô nguồn vốn cho vay ngày càng lớn và đa dạng Thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nội bộ, đào tạo trong công việc cũng như cử cán bộ, nhân viên tham gia các khóa đào tạo bên ngoài để nâng cao trình độ và kỹ năng chăm sóc khách hàng	Cung cấp các gói sản phẩm, dịch vụ đa dạng, linh hoạt, đi đầu thị trường và có khả năng cạnh tranh tốt (về tốc độ đặt lệnh, quy mô vốn cho vay, lãi suất cho vay...) Chuyển Trụ sở chính về trung tâm (phố Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội) nhằm hỗ trợ Nhà đầu tư giao dịch tốt hơn. Hàng tuần (chiều thứ 5, 6) tổ chức đào tạo môi giới và chia sẻ thông tin thị trường và kiến thức, kinh nghiệm môi giới.

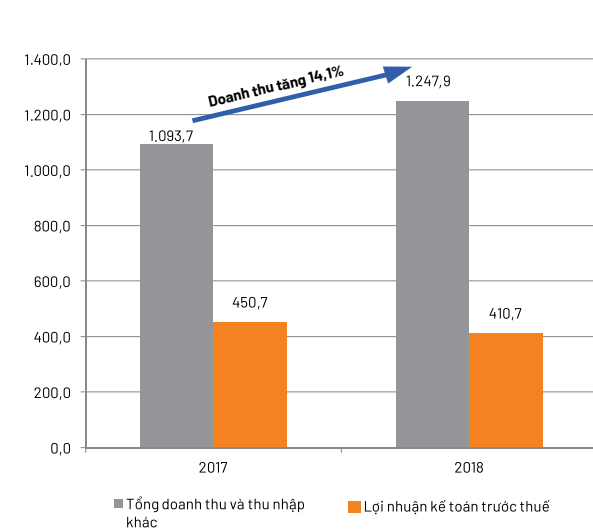
	Nhà cung cấp	Gặp gỡ, đàm phán trực tiếp Thông qua website, hồ sơ đánh giá năng lực, tài liệu	Quy trình lựa chọn nhà cung cấp đảm bảo công bằng, minh bạch Uy tín trong thanh toán		Xây dựng quy trình đánh giá, lựa chọn nhà cung cấp Thành lập Hội đồng xét chọn nhà thầu gồm nhiều phòng ban, bộ phận đảm bảo có sự phản biện Đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, kiểm soát đối với quy trình mua sắm cũng như hoạt động pháp chế, kế toán đối với hoạt động rà soát hợp đồng	Mua sắm với tài sản lớn: thành lập Tổ chấm thầu với các thành viên đến từ nhiều phòng ban liên quan và tổ chức đấu thầu theo đúng quy trình nội bộ của Công ty. Mua sắm với tài sản có giá trị nhỏ: thực hiện lựa chọn nhà cung cấp trên cơ sở ít nhất 3 báo giá. BKS, Bộ phận Kiểm toán nội bộ và Bộ phận Kiểm soát nội bộ định kỳ kiểm tra quy trình mua sắm.
	Cơ quan quản lý Nhà nước trực tiếp và cơ quan truyền thông	Tiếp xúc trực tiếp Qua hội thảo, hội nghị, chương trình đào tạo	Tuân thủ pháp luật Hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty Quản trị doanh nghiệp và quản trị rủi ro Đóng góp ngân sách NN Chia sẻ ý kiến, quan điểm về thị trường và góp ý hoàn thiện		Đẩy mạnh các hoạt động quản trị Công ty, pháp chế, kiểm tra, kiểm soát nội bộ Hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh được ĐHĐCĐ thông qua Chủ động gửi báo cáo, cung cấp thông tin, chia sẻ ý kiến góp ý và kinh nghiệm chuyên môn	Luôn tuân thủ tốt quy định pháp luật hiện hành trong hoạt động kinh doanh Năm 2018 được UBCKNN, HNX, HSX, VSD và nhiều cơ quan, tổ chức khác vinh danh Đã tham gia đầy đủ các buổi hội thảo, đóng góp ý kiến xây dựng văn bản pháp luật... của UBCKNN, HNX, HSX... Đã đóng góp đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ tài chính theo quy định của cơ quan quản lý Nhà nước (phí thành viên, phí niêm yết, phí đường truyền, phí cung cấp thông tin...) Chủ động, kịp thời cung cấp hàng trăm tin, bài cho cơ quan truyền thông
	Hiệp hội	Tham gia các cuộc họp của thành viên hiệp hội, hội thảo, diễn đàn	Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hiệp hội Đóng góp ý kiến xây dựng và phát triển hoạt động của Hiệp hội Đóng góp đầy đủ nghĩa vụ tài chính cho Hiệp hội		Theo dõi và bố trí nhân sự tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hiệp hội Chủ động góp ý kiến và bố trí nhân sự tham gia đầy đủ các đợt góp ý kiến do Hiệp hội khởi xướng Thực hiện đóng góp đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ tài chính theo thông báo của Hiệp hội	Đã tham gia đầy đủ các buổi hội thảo, đóng góp ý kiến xây dựng văn bản pháp luật... do Hiệp hội đầu tư chứng khoán và nhiều hiệp hội khác tổ chức Đã đóng góp đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ tài chính theo thông báo của Hiệp hội đầu tư chứng khoán, Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam...
	Cơ quan thuế	Thông qua trao đổi trực tiếp, gọi điện thoại, email, các cuộc thanh kiểm tra định kỳ	Đóng góp đầy đủ vào Ngân sách Nhà nước		Phối hợp các phòng ban rà soát thường xuyên các hoạt động và các quy định pháp luật để đảm bảo tính và nộp đầy đủ nghĩa vụ thuế, phí vào ngân sách nhà nước	177,9 tỷ đồng/190,5 tỷ đồng vào ngân sách Nhà nước Phối hợp với cơ quan thuế quyết toán, đóng mã số thuế SHBS phục vụ sáp nhập vào SHS
	Thế hệ trẻ	Thông qua facebook, điện thoại	Các chương trình, hoạt động tài trợ phát triển thế hệ trẻ		Xây dựng hạn mức tối thiểu hàng năm tham gia ủng hộ, tài trợ phát triển thế hệ trẻ	Là nhà tài trợ Kim cương hàng năm của cuộc thi "Bản lĩnh nhà đầu tư" của Học viện Ngân hàng Tạo cơ hội thực tập và làm việc ngắn hạn cho nhiều sinh viên đang học và mới ra trường
	Cộng đồng địa phương và xã hội	Thông qua chính quyền địa phương, cơ quan sở tại Tiếp xúc trực tiếp	Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường Triển khai các hoạt động nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng Triển khai các hoạt động thiện nguyện Triển khai các hoạt động đầu tư, hỗ trợ đầu tư vào các lĩnh vực phát triển bền vững		Thực hiện các chương trình, giải pháp tiết kiệm năng lượng và tài nguyên nước tại văn phòng Dành hạn mức tối thiểu hàng năm tham gia đóng góp, ủng hộ, tài trợ cho các chương trình an sinh xã hội Dành hạn mức tối thiểu hàng năm đầu tư vào các cổ phiếu, trái phiếu xanh	Thường xuyên truyền thông nội bộ về chương trình "tiết kiệm nước và năng lượng, giữ gìn môi trường xanh, sạch, đẹp, giảm thiểu tác hại môi trường vì hành tinh xanh của chúng ta" Năm 2018, tăng mạnh đầu tư và cổ phiếu, trái phiếu xanh.

GRI 201 HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA SHS

Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2018, SHS đã phát huy mọi nguồn lực, thực hiện đồng bộ các giải pháp, tận dụng mọi cơ hội của thị trường để phấn đấu hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đề ra. Tuy vậy, diễn biến TTCK Việt Nam năm 2018 có nhiều bất lợi, không đạt được như kỳ vọng của SHS. Do đó, các chỉ tiêu đã đề ra SHS chỉ gần hoàn thành kế hoạch. Tuy vậy, các mặt hoạt động khác đều có sự đổi mới toàn diện, góp phần định hướng phát triển bền vững Công ty.

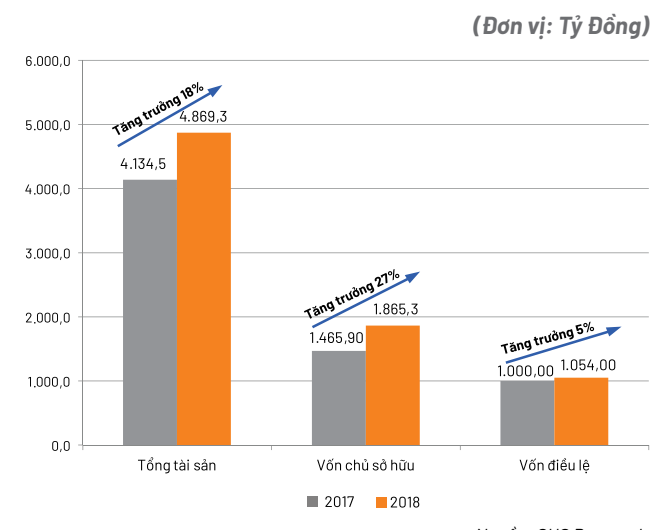
VỀ DOANH THU, LỢI NHUẬN

Doanh thu và thu nhập khác đạt 1247,9 tỷ đồng, hoàn thành 91,1% kế hoạch. Tuy vậy so với năm trước, doanh thu và thu nhập khác đã tăng 14,1%



VỀ TỔNG TÀI SẢN VÀ VỐN

Tổng tài sản của Công ty đã tăng 18% so với năm trước, đạt 4.869,0 tỷ đồng trong đó riêng vốn chủ sở hữu đã tăng 27,2%, đạt 1.865,3 tỷ đồng, vốn điều lệ đã tăng 5%, đạt 1.054,0 tỷ đồng.



Đơn vị: Tỷ Đồng

VỀ THỊ PHẦN MÔI GIỚI

Thị phần môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ trên sàn HNX là 8,4% đứng thứ 4. Thị phần môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ trên sàn HSX là 4,0% đứng thứ 6, tiến 1 bậc so với năm trước.

Tuy vậy, một số chỉ tiêu SHS không đạt kế hoạch kinh doanh trong năm 2018 như thị phần môi giới trên sàn UPCOM và thị phần môi giới trái phiếu Chính phủ nhưng SHS đã đạt được kết quả rất tốt. Tính chung cả năm, thị phần môi giới SHS trên sàn UPCOM là 5,1% đứng thứ 7 trong đó đạt kết quả tốt nhất vào Quý III/2018 với 6,2% đứng thứ 4. Thị phần môi giới trái phiếu Chính phủ trên HSX đạt 1,3% đứng thứ 7 trong đó đạt kết quả tốt nhất vào Quý IV/2018 với 2,9% đứng thứ 3. Trên thị trường môi giới trái phiếu Chính phủ của HNX, SHS cũng nằm trong top đạt thị phần dưới 5% và đứng thứ 8 toàn thị trường.

4 TÀI SẢN HNX - NIÊM YẾT
6 TÀI SẢN HSX - NIÊM YẾT
7 TÀI SẢN UPCOM

8 TÀI SẢN HNX - TRÁI PHIẾU CP
7 TÀI SẢN HSX - TRÁI PHIẾU TPCP

VỀ QUẢN LÝ AN TOÀN TÀI SẢN CHO KHÁCH HÀNG

Đứng trước sự cạnh tranh gay gắt trên TTCKVN, bên cạnh việc nâng cao hiệu quả kinh doanh, SHS luôn nỗ lực giữ uy tín với khách hàng bằng việc giữ an toàn tuyệt đối cho tài sản của khách hàng dưới dạng thông tin, tiền và chứng khoán. Với chiến lược kinh doanh tập trung vào “chất lượng tăng trưởng” hơn là “tốc độ tăng trưởng”, trong năm 2018, SHS tiếp tục tập trung vào việc nâng cao chất lượng môi giới, chất lượng tư vấn đầu tư, chất lượng sản phẩm, dịch vụ và đặc biệt là nâng cao chất lượng quản trị rủi ro tài khoản khách hàng nhờ đó giá trị tài sản ròng của khách hàng không ngừng được nâng lên. Tính đến 31/12/2018:

- Công ty đang quản lý hơn 42.655 tài khoản, tăng 56,8% so với năm trước.

- Số lượng tài khoản hoạt động là 13.895 tài khoản, tăng 122,2% với năm trước.

- Công ty cũng đang quản lý gần 1.100 tỷ đồng tiền gửi và khoảng 24.900 tỷ đồng giá trị chứng khoán của khách hàng tăng 30,4% so với năm trước một cách an toàn, minh bạch.

Số lượng tài khoản đạt hơn

42.655 tài khoản
▲ 56,8 % so với 2017

Số lượng tài khoản đang hoạt động đạt

13.895 tài khoản
▲ 122,2 % so với 2017

Giá trị chứng khoán của khách hàng đạt

24.900 tỷ đồng
▲ 30,4 % so với 2017

Trong năm 2018, không có khách hàng nào khiếu kiện SHS về thông tin, số liệu, cách thức quản lý tiền và chứng khoán của khách hàng. Không có khoản nợ xấu nào phát sinh thêm tại Công ty.

VỀ THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Riêng trong năm 2018, tại SHS phát sinh các loại thuế, phí của SHS và Nhà đầu tư là 190,5 tỷ đồng trong đó SHS đã nộp vào Ngân sách Nhà nước 177,9 tỷ đồng.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Tăng/Giảm
1.	Tổng số thuế, phí phát sinh	190,5	150,1	26,9%
2.	Thuế, phí đã nộp	177,9	100,8	76,3%

VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Quản trị Doanh nghiệp nói chung

Hệ thống quản trị doanh nghiệp của SHS được xây dựng dựa trên các quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam về quản trị công ty đại chúng niêm yết, công ty chứng khoán và những thông lệ tốt nhất về quản trị nhằm mục tiêu phát triển dài hạn, cân bằng lợi ích của doanh nghiệp và các bên liên quan. Việc thiết lập hệ thống quản trị Doanh nghiệp bền vững chính là sự đảm bảo cho việc thực hiện mục tiêu xuyên suốt là kinh doanh tập trung vào “chất lượng tăng trưởng” hơn là “tốc độ tăng trưởng”, chú trọng phát triển “chiều sâu” hơn là “chiều

rộng”. Chi tiết đề nghị xem thêm phần “Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty”.

Quản trị tài chính

Tỷ lệ an toàn tài chính trung bình trong năm 2018 của Công ty đạt 291,8%, tăng 12,4% so với năm trước. Tỷ lệ an toàn tài chính cao nhất đạt được trong năm 2018 là 351,6%, tăng 19,5% so với mức cao nhất đạt được trong năm 2017. Điều đó cho thấy Công ty đã thực hiện tốt các giải pháp để nâng cao năng lực tài chính của Công ty, góp phần phát triển bền vững.

Tỷ lệ an toàn tài chính trung bình

291,8%

▲ 12,4 % so với 2017

Tỷ lệ an toàn tài chính cao nhất

351,6%

▲ 19,5 % so với 2017

Quản trị tốt các loại rủi ro trọng yếu

Công ty đã xây dựng và vận hành hệ thống quản trị rủi ro theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành bao gồm nhân sự, chính sách, quy chế, quy trình.... nhằm mục tiêu ngăn ngừa, hạn chế và xử lý các rủi ro trọng yếu phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Chính sách quản trị rủi ro của SHS được xây dựng thành văn bản theo đó mọi cán bộ, nhân viên trong Công ty đều được quyền tiếp cận bộ chính sách này và nắm vững để thực hiện. Trong năm 2018, SHS đã chủ động phòng tránh các loại rủi ro, đặc biệt là các rủi ro thanh toán và rủi ro thị trường nhờ đó đã không phát sinh thêm các khoản nợ xấu nào cho Công ty, danh mục đầu tư của Công ty đã sinh lời một cách hiệu quả. Chi tiết các loại rủi ro trọng yếu và cách thức phòng ngừa/xử lý rủi ro đề nghị xem thêm phần “Quản trị rủi ro”.

Tăng cường các hoạt động kiểm soát

Bộ phận pháp chế được thành lập tại Hội sở, trực thuộc Phòng Pháp chế và Quản trị rủi ro là bộ phận có nhiệm vụ tư vấn và hỗ trợ pháp lý cho Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban, chi nhánh, phòng giao dịch của Công ty, khách hàng, đối tác. Trong năm 2018, bộ phận đã đóng góp hàng trăm ý kiến tư vấn; soạn thảo, soát xét hàng trăm tài liệu khác nhau... Đây là khâu quan trọng nhằm góp phần ngăn ngừa rủi ro pháp lý cho Công ty.

Trong năm 2018, hoạt động kiểm soát tiếp tục được tăng cường trên cả 3 tuyến. Theo đó:

Các chốt kiểm soát tại chỗ tại từng phòng ban, nghiệp vụ được rà soát, hoàn thiện, hoặc được bổ trí thêm nhân sự để đảm bảo không một chốt kiểm soát quan trọng nào trong Công ty không có người phụ trách. Trong năm 2018, một số chốt kiểm soát tại TT-MGCK, Phòng DVTC và 2 chi nhánh đã được rà soát và hoàn thiện.

Bộ phận kiểm soát nội bộ được thành lập tại Hội sở, trực thuộc TGD và là bộ phận đầu mối chịu trách nhiệm giám sát tuân thủ trên phạm vi toàn Công ty. Hoạt động kiểm soát được thực hiện theo kế hoạch (hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm) nhằm giám sát việc tuân thủ quy định pháp luật của Công ty và người hành nghề chứng khoán; giám sát việc thực hiện các quy chế, quy trình, quy định nội bộ; giám sát các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên; giám sát việc thực hiện ủy quyền của những người được ủy quyền; giám sát các tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty; giám sát việc tách bạch tài khoản và đảm bảo an toàn tiền và chứng khoán của khách hàng. Ngoài ra, hoạt động kiểm soát còn được thực hiện bất thường theo yêu cầu của BTGD hoặc theo đánh giá về khả năng xảy ra sai sót, rủi ro của chính bộ phận. Thông qua quá trình kiểm soát, bộ phận kiểm soát nội bộ đã tham mưu cho BTGD và các phòng ban xử lý nhiều vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh, quản trị doanh nghiệp và kiểm soát.

Hoạt động kiểm toán nội bộ cũng được thực hiện theo kế hoạch (thông thường hàng quý) và bất thường theo yêu cầu của HĐQT nhằm đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật của Nhà nước, Điều lệ, các quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc BTGD nhằm hoàn thiện hệ thống này; đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ; tham mưu cho HĐQT thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ; đánh giá việc kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản; đánh giá hiệu quả các hoạt động kinh doanh của Công ty... Thông qua kết quả kiểm toán, bộ phận kiểm toán nội bộ sẽ thông báo, khuyến nghị, tham mưu, đề xuất cho HĐQT, BTGD nhiều vấn đề có thể ảnh hưởng xấu đến hoạt động của Công ty cũng như biện pháp để sửa chữa, khắc phục.

**GRI 202
SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG**

Trong năm 2018, SHS tiếp tục củng cố sự hiện diện trên TTCK Việt Nam thông qua một số sự kiện quan trọng sau:

- Ngày 23/01/2018, Công ty chuyển Trụ sở chính về số 41, Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội – một trong những con phố sầm uất, đắt đỏ nhất của thủ đô Hà Nội và được coi là con phố dành cho giới tài chính, đầu tư.
- SHS tiếp tục giữ vững vị trí trong top các công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất Việt Nam trong năm 2018.
- Nhận sáp nhập SHBS vào SHS góp phần tăng năng lực tài chính, tăng hàng chục nghìn tài khoản giao dịch.
- SHS tiếp tục nhận được nhiều bằng khen của UBCKNN, 2

SGDCK, TTLKCKVN, Hiệp hội Doanh nhỏ và vừa cho những thành tích trong hoạt động kinh doanh cũng như những đóng góp cho TTCKVN.

- SHS nằm trong top 30 công ty niêm yết vốn hóa vừa có báo cáo thường niên tốt nhất và top 20 công ty niêm yết vốn hóa vừa có báo cáo quản trị tốt nhất.
- SHS tiếp đón hàng chục đối tác tiềm năng, nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức đầu tư ...quan tâm đến hoạt động kinh doanh của SHS và có mong muốn hợp tác với SHS trong nhiều lĩnh vực như góp vốn trở thành cổ đông chiến lược, đầu tư, tư vấn, dịch vụ tài chính...

GRI 301 - VẬT LIỆU

Với đặc thù của công ty chứng khoán, vật liệu chủ yếu Công ty sử dụng là giấy in, mực in, biểu mẫu, sách báo tài liệu, văn phòng phẩm các loại với số lượng sử dụng hàng năm không lớn nên không có ảnh hưởng đáng kể đến môi trường. Tuy vậy công ty vẫn nỗ lực thực hiện các biện pháp hiệu quả để giảm chi phí vật liệu, do đó chi phí vật liệu năm 2018 đã giảm 22,5% so với năm trước.

(Đơn vị: Triệu đồng)

	VPP	Biểu mẫu	Mực	Tài liệu sách báo	Tổng cộng
Năm 2018	197,4	123,3	224,0	238,2	782,9
Năm 2017	207,0	321,4	280,9	200,3	1.010,6
Tăng/giảm (%)	-5,1%	-61,6%	-20,2%	18,9%	-22,5%

Đối với vật liệu dưới dạng giấy in, mực in, văn phòng phẩm các loại, để quản lý hiệu quả, đầu năm Công ty ban hành định mức tiêu dùng vật liệu theo phòng, ban nghiệp vụ dựa trên mức tiêu hao phổ biến của các năm trước và thông báo cho các Trưởng phòng biết để theo dõi trong suốt năm. Hàng tháng, phòng, ban nghiệp vụ phải gửi đề xuất vật liệu sử dụng trong tháng để Phòng TC-HC cấp phát theo yêu cầu. Trong trường hợp trong tháng phát sinh vật liệu đột biến thì Trưởng phòng phải gửi giải trình thỏa đáng mục đích sử dụng có phát sinh đột biến đó. Riêng giấy in, Công ty khuyến khích in hai mặt. Trong trường hợp phải in một mặt thì những giấy bỏ đi sẽ được tận dụng để in

nháp...Đối với Hợp đồng, Công ty hầu như chỉ lưu 1 bản tại SHS. Các phòng ban liên quan lưu bản scan. Mực in và các văn phòng phẩm khác được cấp phát sử dụng một lần. Biểu mẫu được cấp phát theo tiến độ sử dụng thực tế.

Đối với tài liệu sách báo, Công ty luôn khuyến khích cán bộ, nhân viên đọc báo mạng. Tuy vậy, đối với một số loại tài liệu, sách báo không có trên mạng, đầu năm phòng ban đăng ký các loại sách, báo cần thiết cho hoạt động của phòng ban mình. Phòng TC-HC có trách nhiệm tổng hợp trình Ban Tổng Giám đốc xem xét, phê duyệt. Trong năm, Phòng TC-HC cấp phát theo loại và số lượng phê duyệt.

GRI 302 VÀ 303 NĂNG LƯỢNG VÀ NƯỚC

Tương tự vật liệu, Công ty không sử dụng nhiều điện, nước do đặc thù là công ty cung cấp dịch vụ. Báo cáo chi phí điện, nước năm 2018 của Công ty vào khoảng hơn 1,2 tỷ đồng, tăng 64,6% so với năm trước. Nguyên nhân là do đầu năm 2018, Công ty thực hiện chuyển trụ sở về địa chỉ mới 41 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội làm phát sinh chi phí hoàn thiện, sửa chữa văn phòng trước khi đi vào hoạt động. Tuy nhiên, Công ty luôn gắn kết mục tiêu bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh cũng như nâng cao nhận thức của cán bộ, nhân viên trong việc bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng và tài nguyên nước.

Đối với vấn đề tiết kiệm năng lượng

- Chuyển sang trụ sở mới, với chủ trương tiết kiệm năng lượng, Công ty lắp đặt toàn bộ hệ thống chiếu sáng bằng các thiết bị tiết kiệm điện.

- Các phòng ban đều được thiết kế có nhiều cửa sổ để tăng cơ hội sử dụng ánh sáng mặt trời và gió tự nhiên.

- Hệ thống điều hòa tổng luôn duy trì nhiệt độ 25-26 độ C, tránh chênh lệch nhiệt độ quá nhiều so với bên ngoài.

- Công ty không khuyến khích cán bộ nhân viên làm việc ngoài giờ hành chính để đảm bảo tái sản xuất sức lao động cũng như tiết kiệm điện năng cho Công ty. Muốn làm việc thêm giờ, cán bộ nhân viên phải đăng ký trước. 19h hằng ngày, Phòng TC-HC có trách nhiệm đi kiểm tra, tắt các thiết bị điện chiếu sáng,

điều hòa ở hành lang và ở các phòng nếu bị bỏ quên.

- Công ty ký Hợp đồng bảo dưỡng định kỳ hệ thống điều hòa và máy móc (máy tính, máy in...) để đảm bảo duy trì công suất máy, hạn chế thất thoát điện năng.

Đối với vấn đề tiết kiệm nước

- Phòng TC-HC được phân công thường xuyên kiểm tra các vòi nước đảm bảo không bị rò rỉ nước, bỏ quên không tắt vòi nước...

- Nước uống đóng bình được cấp cho từng tầng theo hạn mức.

Bên cạnh thực hiện các chính sách, thủ tục tiết kiệm điện năng và nước, Công ty cũng ban hành các chế tài đối với các phòng ban, cán bộ, nhân viên vi phạm quy định về sử dụng điện, nước như bỏ quên không tắt điện chiếu sáng, điều hòa, vòi nước hoặc sử dụng nước không tiết kiệm.

GRI 306 CHẤT THẢI VÀ NƯỚC THẢI

Để giảm thiểu ô nhiễm môi trường, Công ty cũng thực hiện nhiều biện pháp để giảm thiểu phát thải và chất thải ra môi trường. Cụ thể:

Đối với hệ thống điều hòa

- Sử dụng hệ thống điều hòa với công nghệ mới và thường xuyên kiểm tra để tránh rò rỉ, phát thải chất khí gây hại cho môi trường.

Đối với rác thải

- Rác thải từ văn phòng được phân loại thành các loại rác hữu cơ, rác có thể tái chế, rác thải độc hại. Nhân viên thu dọn rác được yêu cầu phân loại rác trước khi bàn giao cho Công ty thu gom rác.

- Đối với rác thải hữu cơ: tại mỗi phòng ban và hành lang, nhà vệ sinh đều có đặt thùng rác đậy kín. Nhân viên vệ sinh được yêu cầu thu dọn rác hàng ngày để tránh gây ô nhiễm văn phòng làm việc.

- Đối với rác thải có thể tái chế như giấy, bia, chai, lọ nhựa, thủy tinh: nhân viên vệ sinh sẽ gom riêng để bán hoặc tái sử dụng.

- Đối với rác thải độc hại như mực in, pin, bóng đèn: được gom riêng để bàn giao cho bên cung cấp mực in hoặc Công ty thu gom rác.

GRI 307 TUÂN THỦ QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Để góp phần giữ gìn môi trường xanh, sạch, đẹp, nhân viên vệ sinh được yêu cầu quét dọn 2 lần/ngày các khu vực chung và 1 lần/ngày đối với các khu vực riêng. Cán bộ, nhân viên được yêu cầu thường xuyên lau bàn làm việc và các thiết bị sử dụng đồng thời sắp xếp tài liệu gọn gàng, khoa học. Công ty cũng thuê một công ty chuyên nghiệp cung cấp và bảo dưỡng định kỳ cây cảnh trong toàn bộ văn phòng làm việc.

Trong năm 2018, Công ty không ghi nhận có trường hợp nào vi phạm quy định về bảo vệ môi trường.

GRI 401 VIỆC LÀM

Cơ cấu nguồn nhân lực của SHS

Tổng số lao động tại SHS tính đến 31/12/2018 là 235 người, tăng 12,4% so với năm 2017. Biểu đồ cơ cấu nhân sự của SHS dưới đây cho thấy lực lượng lao động của SHS đa phần còn rất trẻ, có trình độ chuyên môn cao, cân bằng về giới tính, đạt tỷ lệ vàng về cơ cấu nhân sự theo thâm niên, trình độ và khối nghiệp vụ.

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
Theo quốc gia		
Việt Nam	235	100,0 %
Nước ngoài	0	0,0 %
Theo giới tính		
Nam	118	50,2 %
Nữ	117	49,8 %
Theo độ tuổi		
Dưới 25	13	5,5 %
Từ 25-dưới 40	200	85,1 %
Trên 40	22	9,4 %
Theo trình độ học vấn		
Trên Đại học	44	18,7 %
Đại học	175	74,5 %
Dưới đại học	16	6,8 %
Theo hành nghề chứng khoán		
Có chứng chỉ hành nghề	115	48,9 %
Không có chứng chỉ hành nghề	120	51,1 %
Theo khu vực địa lý		
Miền Bắc	177	75,3 %
Miền Trung	13	5,5 %
Miền Nam	45	19,2 %
Theo trình độ		
Quản lý cấp cao	6	2,6 %
Quản lý cấp trung	32	13,6 %
Nhân viên	197	83,8 %
Theo thâm niên công tác tại SHS		
Dưới 3 năm	108	46,0 %
Từ 3 năm đến dưới 10 năm	101	43,0 %
Từ 10 năm trở lên	26	11,0 %
Theo khối nghiệp vụ		
Khối kinh doanh	147	62,6 %
Khối hỗ trợ	66	28,1 %
Khối quản trị	22	9,4 %

Tuyển dụng nhân sự tài năng, đam mê cống hiến và phù hợp với chiến lược kinh doanh, văn hóa Công ty

Quy trình tuyển dụng của SHS được xây dựng một cách khoa học và linh hoạt. Ngoài nguồn nhân sự được thông báo tuyển dụng trên phương tiện thông tin đại chúng, website Công ty, qua giới thiệu, SHS còn hợp tác chặt chẽ với các tổ chức giáo dục đào tạo trong và ngoài nước, các trường đại học có uy tín và một số tổ chức cung ứng nhân sự chuyên nghiệp để tuyển dụng nhân sự. Do đó, SHS có nhiều cơ hội tiếp cận và thu hút được đội ngũ nhân viên có trình độ cao, giàu kinh nghiệm. Tất cả các nhân sự ứng tuyển đều phải trải qua một số vòng thi tuyển và phỏng vấn nhằm lựa chọn ra những ứng viên có kinh nghiệm và phù hợp nhất với chiến lược kinh doanh và văn hóa Công ty. Công ty tuyệt đối không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức.

Tính đến ngày 31/12/2018, Công ty có 235 cán bộ, nhân viên làm việc tại 5 địa điểm kinh doanh của Công ty. Như vậy, số lượng nhân sự của Công ty đã tăng 26 người, tương đương tăng 12,4% so với cuối năm 2017 thể hiện sức hút của Công ty đối với thị trường lao động.

Quản lý nhân sự chuyên nghiệp

Mọi cán bộ, nhân viên của Công ty đều được phổ biến đầy đủ Nội quy lao động ngay từ khi bắt đầu vào làm việc tại Công ty nhằm giúp cán bộ, nhân viên hiểu và nắm rõ các quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình thực hiện công việc.

Công ty quản lý nhân sự theo địa điểm kinh doanh và theo phòng làm việc. BTGD có trách nhiệm quản lý các Trưởng phòng. Các Trưởng phòng có trách nhiệm quản lý nhân viên do mình phụ trách. Giám đốc các chi nhánh, phòng giao dịch và Trưởng văn phòng đại diện có trách nhiệm quản lý cán bộ, nhân viên của chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện. Cán bộ, nhân viên đi làm có nghĩa vụ chấm công bằng vân tay. Cuối tháng, cán bộ, nhân viên có nghĩa vụ hoàn thiện Bảng chấm công bổ sung, Phiếu nghỉ phép... cho những ngày không chấm công bằng vân tay trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và chuyển cho

Phòng Tổ chức Hành chính.

Công ty cũng đã trang bị phần mềm quản lý nhân sự chuyên nghiệp và nhiều tiện ích. Cán bộ, nhân viên có thể khai thác thông tin về lương, thưởng, phụ cấp, trợ cấp, nghỉ phép, tình hình chấm công...trên hệ thống. Bộ phận Nhân sự có thể quản lý trực tiếp nhân sự của Công ty trên phần mềm với nhiều phần hành khác nhau như tính lương, thưởng và các khoản trích trên lương, quản lý chấm công, nghỉ phép...

Bổ nhiệm, chuyển đổi đáp ứng chiến lược kinh doanh của Công ty

Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện bổ nhiệm 15 người đồng, nâng lương 12 người, đánh giá lại hợp đồng lao động cho 20 người dựa trên nguyện vọng cá nhân, đánh giá khả năng cá nhân và sự phù hợp nhằm phát huy tốt nhất khả năng của mỗi nhân sự từ đó góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

Chế độ lương, thưởng hấp dẫn

Quy chế lương, thưởng của Công ty được ban hành dựa trên nguyên tắc thỏa thuận đảm bảo sự cạnh tranh, minh bạch, khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với Công ty và tạo động lực nâng cao chất lượng và tinh thần trách nhiệm trong công việc.

Thu nhập của người lao động tại SHS là thu nhập thuần hàng tháng. Công ty trích, nộp các khoản Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, thuế Thu nhập cá nhân cho người lao động trước khi chi trả thu nhập. Cơ cấu thu nhập của Người lao động bao gồm lương cơ bản trả hàng tháng, lương theo kết quả kinh doanh trả hàng tháng, lương tháng thứ 13, thưởng theo kết quả kinh doanh, lương làm thêm giờ, lương cho những ngày nghỉ phép nhưng chưa nghỉ, tiền ăn ca và các khoản thu nhập khác... Riêng đối với Khối môi giới và các phòng ban, cá nhân hỗ trợ, Công ty có chính sách chia sẻ phí môi giới với các Môi giới và lương theo Doanh thu môi giới cho Bộ phận hỗ trợ.

Chỉ tiêu	Năm 2017 (đồng)	Năm 2018 (đồng)	Tăng trưởng
Chi phí lương, thưởng, làm thêm giờ	77.275.806.982	78.564.275.086	1,7%
Các khoản trích theo lương (KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN)	2.353.806.190	2.845.270.120	20,9%
Tổng chi phí	79.629.613.172	81.409.545.206	2,2%
Chi phí lương, thưởng bình quân đầu người /tháng	30.811.725	28.868.633	-6,3%
Số lượng CBNV tại thời điểm cuối năm	209 (Người)	235 (Người)	12,4%

Hàng quý và hàng năm, Công ty đều tổ chức bình bầu và khen thưởng cán bộ, nhân viên xuất sắc, có những thành tích đóng góp tích cực cho hoạt động của Công ty. Trong năm 2018, Chủ tịch HĐQT đã khen thưởng 2 tập thể, 2 cá nhân, TGD đã khen thưởng 3 tập thể, 12 cá nhân với tổng giá trị giải thưởng là 270

Hỗ trợ đầy đủ chế độ phụ cấp, phúc lợi cho người lao động và thân nhân

Ngoài tiền lương, tiền thưởng, người lao động còn được hưởng các khoản phụ cấp, trợ cấp khác tùy thuộc theo đặc thù công việc, vị trí công tác, năng lực làm việc của mỗi người và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty (như phụ cấp điện thoại, xăng xe, ăn ca, công tác phí, sinh nhật, ngày 8/3, ngày 20/10, trợ cấp đối với cán bộ, nhân viên đã từng tham gia quân ngũ ...).

Lao động nữ được nghỉ đủ 6 tháng khi sinh con và được giảm 1 giờ làm khi mang thai từ tháng thứ 7 và sau khi sinh con trong vòng 1 năm. Lao động nam được nghỉ từ 5-14 ngày khi vợ sinh con. Trong năm, Công ty đã giải quyết chế độ thai sản có 8 trường hợp nữ, và 2 trường hợp nam nghỉ do vợ sinh con. Ngoài

GRI 403 AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

Bên cạnh các chính sách đãi ngộ về mặt tài chính, Công ty chú trọng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả, bình đẳng, thân thiện, cởi mở.

Công ty đảm bảo các điều kiện làm việc tốt nhất cho CBNV. Trụ sở làm việc của Công ty và các Chi nhánh, Phòng Giao dịch được thiết kế khang trang, thoáng mát; trang bị máy tính cá nhân và các công cụ, dụng cụ làm việc khác đầy đủ, tạo cảm giác thoải mái, tiện nghi nhất cho người lao động. Phòng TC-HC chịu trách nhiệm thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở CBNV duy trì môi trường làm việc chuyên nghiệp.

Các hoạt động thể thao như đá bóng, luyện tập yoga...được

triệu đồng. Chế độ khen thưởng bằng cả tinh thần và vật chất đã tạo ra phong trào thi đua liên tục giữa các cán bộ, nhân viên và giữa các phòng ban. Nhờ đó, tăng năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

ra, Công ty cũng thực hiện đầy đủ các chế độ khác như nghỉ ốm, nghỉ dưỡng thai, dưỡng sức, nghỉ phép....đảm bảo tối đa quyền lợi cho người lao động và không có phát sinh khiếu nại nào về việc thực hiện chính sách cho người lao động trong năm 2018.

Công ty không chỉ quan tâm trực tiếp đến cán bộ, nhân viên mà còn quan tâm đến thân nhân, gia đình của cán bộ, nhân viên. Hàng năm, Công ty đều tổ chức khen thưởng các cháu có thành tích học tập tốt trong năm; tổ chức tặng quà các cháu nhân ngày Tết thiếu nhi, Rằm trung thu; hỗ trợ những gia đình có người thân đau ốm, cưới xin, ma chay... với mức chi từ 300 nghìn đồng đến 2 triệu đồng/trường hợp.

quan tâm và tổ chức thường xuyên nhằm giúp cán bộ, nhân viên rèn luyện sức khỏe để làm việc và cống hiến tốt hơn. Năm 2018, lần đầu tiên SHS tổ chức giải bóng đá nữ đã tạo ra bầu không khí sôi nổi, gắn kết, được sự ủng hộ nhiệt tình của các cán bộ, nhân viên nam. Tổng chi phí tài trợ cho giải bóng đá nam và nữ trong năm 2018 là 93 triệu đồng.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động luôn được quan tâm. Hằng năm cán bộ, nhân viên đều được khám sức khỏe định kỳ, tối thiểu 1 năm/lần với chi phí trung bình 1 triệu đồng/người/năm. Năm 2018 đã có 219 cán bộ, nhân viên tham gia khám chữa bệnh định kỳ với tổng chi phí hơn 217 triệu đồng.

GRI 404 GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

SHS đặc biệt coi trọng vấn đề đào tạo vì cán bộ, nhân viên được coi là nội lực quan trọng của Công ty. Công ty chỉ có thể phát triển nếu nội lực được thường xuyên quan tâm và bồi dưỡng. Việc đào tạo được định hướng để phát triển được đội ngũ nhân sự kế cận, tạo sự chủ động về vấn đề nhân sự của Công ty.

Trong năm 2018, để hướng tới việc triển khai nghiệp vụ chứng khoán phái sinh, Công ty đã bố trí cho 71 cán bộ, chiếm 30,2% số lượng nhân sự công ty tham gia học và thi chứng chỉ chứng khoán phái sinh với tổng chi phí đào tạo là 154 triệu đồng. Bên cạnh đó, Công ty cũng cử nhiều lượt cán bộ tham gia các khóa

đào tạo, tập huấn, huấn luyện của UBCKNN, các Sở về công bố thông tin, lập báo cáo thường niên và báo cáo phát triển bền vững, cập nhật các quy định mới của pháp luật liên quan đến lĩnh vực chứng khoán, quản trị công ty và lấy các chứng chỉ hành nghề chứng khoán khác. Các đợt đào tạo nội bộ vẫn được duy trì thường xuyên giúp nâng cao trình độ chuyên môn, khả năng giao tiếp, phục vụ khách hàng của đội ngũ cán bộ, nhân viên. Riêng khối môi giới duy trì đều đặn 2 ngày trong tuần (vào chiều thứ 5 và 6) để đánh giá thị trường và rút kinh nghiệm từ vấn đề đầu tư cho khách hàng.

GRI 405 SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG

Công ty luôn đảm bảo sự công bằng trong môi trường làm việc cũng như cơ hội phát triển cho lao động nữ của Công ty. Tỷ lệ nữ giới trong Công ty là 49,8% và tỷ lệ nữ giới giữ các vị trí quản lý trong Công ty đã tăng lên đáng kể so với năm 2017 (tăng gần 10%). Chế độ lương, thưởng dành cho nữ giới của Công ty không

có sự phân biệt nào so với lao động nam. Nữ giới luôn được khuyến khích đưa ý kiến và tham gia vào các vị trí quản lý của Công ty. Ngoài ra, Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về chính sách dành cho nữ giới như thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi khi mang bầu, sinh con...

GRI 407 TỰ DO LẬP HỘI VÀ THƯƠNG LƯỢNG TẬP THỂ

Công ty thực hiện chế độ lao động theo Luật Lao động và các quy định hiện hành của Pháp luật. Thỏa ước lao động tập thể được toàn thể CBNV của Công ty thông qua và được đăng ký với Sở Lao động và Thương binh Xã hội. Toàn thể người lao động trong Công ty được hưởng lợi ích từ Thỏa ước lao động tập thể. Đời sống của cán bộ, nhân viên được chăm lo thông qua tổ chức công đoàn của Công ty và quỹ khen thưởng, phúc lợi. Bất

kỳ sự xung đột lợi ích nào giữa Công ty và cán bộ, nhân viên (nếu có) đều được tổ chức công đoàn đứng ra giải quyết nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

Cán bộ, nhân viên được tự do lập hội để nâng cao tinh thần, sức khỏe. Một số hội đã được lập mới hoặc duy trì hoạt động thường xuyên trong năm 2018 như hội yoga, hội đá bóng, hội chạy...

GRI 413 CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Là thành viên tiêu biểu, có trách nhiệm của Cơ quan quản lý trực tiếp và các Hiệp hội

Năm 2018, SHS tham gia tích cực vào các hoạt động do các cơ quan quản lý trực tiếp và các Hiệp hội tổ chức. Cụ thể:

- Đã đóng góp nhiều ý kiến quan trọng cho cơ quan quản lý Nhà nước (như UBCKNN, SGDK, VSD, VCCI....) và Hiệp hội đầu tư chứng khoán, Hiệp hội Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ, Hiệp hội trái phiếu trong việc nâng cao chất lượng hoạt động của các công ty chứng khoán, quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước.... góp phần xây dựng TTCKVN an toàn, hiệu quả và nâng cao chất lượng hoạt động, năng lực cạnh tranh của các Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ ở Việt Nam.

- Tham gia tất cả các hội thảo sửa đổi văn bản pháp luật do UBCKNN tổ chức, tham gia tất cả các hội thảo phổ biến văn bản pháp luật, phổ biến quy định về quản trị công ty, quy định về lập báo cáo thường niên và báo cáo phát triển bền vững.

- Tham gia tất cả các lần đóng góp ý kiến sửa đổi văn bản pháp luật do UBCKNN, SGDK, Hiệp hội đầu tư kinh doanh chứng khoán... yêu cầu như dự thảo Luật Chứng khoán, dự thảo sửa đổi quy chế giao dịch kỳ quỹ, khảo sát đánh giá chất lượng quản trị công ty nhiệm yết...

- Đã gửi các báo cáo và công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch cho nhiều cơ quan quản lý khác nhau như UBCKNN, 2 Sở GDCK, VSD, UBGSTCQG, Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan thuế, Cơ quan thống kê, Cơ quan bảo hiểm...

- Đã giải trình đầy đủ, hợp lý về tình hình kinh doanh, tình hình tài chính và tình hình khách hàng theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước khi được yêu cầu.

- Là nhà đầu tư có trách nhiệm trên TTCKVN thể hiện thông qua các hoạt động môi giới, tư vấn, phân tích, đầu tư cổ phiếu, trái phiếu niêm yết và chưa niêm yết, ...trên thị trường vốn xanh.

- Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác truyền thông với nhiều cơ quan, báo, đài nhằm cung cấp thông tin chủ động, đầy đủ, kịp thời và có trách nhiệm đến công chúng.

Chính vì những đóng góp tích cực của mình, trong năm 2018, Công ty đã vinh dự được nhận nhiều bằng khen, giấy khen của Hiệp hội Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ, Bộ Kế hoạch Đầu tư, UBCKNN, SGDK Hà Nội và HCM, VSD... *(Vui lòng xem tại mục Giải thưởng đạt được)*

Đóng góp tích cực vào Thị trường vốn xanh

Năm 2018, SHS tiếp tục kiên định chiến lược kinh doanh theo hướng sử dụng hiệu quả hơn các nguồn lực hiện có để nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững. Một trong những nội dung ưu tiên của chiến lược phát triển bền vững đó là dành một phần quan trọng nguồn lực để đầu tư và hỗ trợ thị trường vốn xanh thông qua các hoạt động môi giới, cung cấp dịch vụ tài chính, đầu tư, tư vấn....

Đối với hoạt động đầu tư

Trong năm 2018, Công ty đã đầu tư khoảng hơn 15.200 tỷ đồng vào trái phiếu Chính phủ đầu thầu, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh phát hành, trái phiếu doanh nghiệp được Chính phủ bảo lãnh... chiếm 51% tổng vốn đầu tư năm 2018, tăng 153% so với năm trước nhằm gián tiếp tài trợ cho các mục tiêu, chương trình, dự án xanh của Chính phủ.

Công ty cũng đã dành hàng trăm tỷ đồng đầu tư vào các cổ phiếu xanh (các cổ phiếu của các công ty niêm yết có nền tảng cơ bản, có xu hướng đầu tư vào các lĩnh vực xanh, sản xuất các sản phẩm bảo vệ sức khỏe con người, nâng cao sức khỏe con người, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường hoặc triển khai áp dụng các giải pháp công nghệ thân thiện với môi trường như SKV, REE, KDC, SAB, LIX...

Đối với hoạt động môi giới và dịch vụ tài chính

SHS đã cung cấp đa dạng các dịch vụ môi giới và dịch vụ tài chính cho các Nhà đầu tư vào cổ phiếu xanh niêm yết như: VIC, VNM, DHG, BVH, PAN, FPT, REE, DQC, GTN, SHI, DVN, BWE, SKV, AAA, DQC... ; các cổ phiếu xanh chưa niêm yết như: Công ty cổ phần Dược Trung ương Mediplantex (MED), Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dệt may 29/3 (HCB), Cổ phiếu CTCP Ô tô Trường Hải (THA), Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam – CTCP (VEA)...

Công ty cũng cung cấp đa dạng các dịch vụ môi giới và dịch vụ tài chính cho chính các Doanh nghiệp xanh nhằm góp phần nâng

cao năng lực tài chính, quản trị của các Doanh nghiệp xanh, giúp hỗ trợ giao dịch và cải thiện tính thanh khoản của các cổ phiếu xanh, giúp Nhà đầu tư biết nhiều hơn đến các cổ phiếu xanh như SHI, SKV...

SHS cũng là đơn vị nhận ủy thác đầu giá cổ phần và đại lý đầu giá cổ phần của rất nhiều cổ phiếu xanh thông qua Sở giao dịch chứng khoán và thông qua công ty chứng khoán như Công ty CP Cấp thoát nước Quảng Nam, Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu, Trung tâm Dịch vụ Đô thị Bạc Liêu, Công ty Môi trường Đô thị Quy Nhơn, Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa Hoạt động của SHS đã góp phần làm cho quá trình thoái vốn, bán bớt phần vốn, cổ phần hóa các Doanh nghiệp xanh được hiệu quả hơn.

Đối với hoạt động phân tích và tư vấn đầu tư

Công ty thường xuyên khuyến nghị Nhà đầu tư ưu tiên đầu tư vào các mã chứng khoán xanh thông qua các bản tin phân tích và các báo cáo tư vấn đầu tư do nhận thấy tính bền vững và hiệu quả đầu tư vào các mã chứng khoán này. SHS sẵn sàng chia sẻ thông tin và cơ hội đầu tư vào cổ phiếu xanh với Khách hàng. Trong năm 2018, SHS đã cung cấp nhiều khuyến nghị đầu tư vào cổ phiếu xanh như SHI, SKH...

Đối với hoạt động tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành

Công ty đã cung cấp đa dạng các dịch vụ tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành cho các doanh nghiệp xanh như tư vấn cổ phần hóa, thoái vốn, niêm yết, phát hành... Một số khách hàng tư vấn điển hình trong năm 2018 của Công ty như:

STT	Doanh nghiệp	Lĩnh vực hoạt động
1	Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam (VINAFOR)	Tham gia trong lĩnh vực nghiên cứu phát triển giống cây lâm nghiệp. Bên cạnh đó còn thực hiện trồng rừng kinh tế cung ứng nguyên liệu, trồng rừng thâm canh, trồng cây gỗ lớn...
2	Ngân hàng TMCP Á Châu	Tham gia lĩnh vực cung cấp nguồn vốn cho các doanh nghiệp, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh, tiêu dùng...tạo động lực phát triển kinh tế.
3	Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Rau quả	Tham gia vào lĩnh vực xuất nhập khẩu rau quả góp phần đưa hoa quả sạch của Việt Nam ra thế giới
4	Tập đoàn Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam	Chuyên đầu tư, sản xuất, hoặc kinh doanh trong lĩnh vực bưu chính và viễn thông góp phần cải thiện và mở rộng thông tin tới người dân
5	Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội	Sản xuất nước sạch góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống người dân khu vực Hà Nội
6	Công ty Cổ phần Năng lượng Nhựa Châu Âu	Sản xuất điện thông qua các dạng năng lượng mới: năng lượng mặt trời, năng lượng gió, góp phần hạn chế hủy hoại tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững
7	Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang	Sản xuất nước sạch góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống người dân Bắc Giang
8	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 3	Sản xuất điện góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống
9	Công ty Cổ phần Phát triển công viên cây xanh và đô thị Vũng Tàu	Tham gia vào lĩnh vực phát triển cây xanh, không gian xanh giúp cải thiện chất lượng môi trường công cộng
10	Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	Sản xuất máy nước nóng năng lượng mặt trời thân thiện với môi trường, an toàn trước nguy cơ cháy nổ, tiết kiệm điện
11	Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	Sản xuất và cung cấp lương thực như gạo, lúa, các nông sản... phục vụ nhu cầu dân sinh
...		

Đóng góp tích cực vào hoạt động của cộng đồng công ty chứng khoán phía Bắc

Năm 2018, lần đầu tiên SHS đứng ra đăng cai tổ chức và tài trợ 20 triệu đồng cho giải bóng đá các công ty chứng khoán miền Bắc góp phần tạo ra sân chơi bổ ích, tăng cường giao lưu, chia sẻ, hợp tác giữa các công ty chứng khoán. Giải đấu đã quy tụ nhiều công ty chứng khoán tham gia và sẽ là tiền đề cho các giải đấu năm sau.

Góp phần phát triển thế hệ trẻ

Để đóng góp vào sứ mệnh phát triển thế hệ trẻ, trong năm 2018, SHS tiếp tục tạo cơ hội thực tập và làm việc cho nhiều sinh viên đang học tập hoặc vừa mới tốt nghiệp ra trường ở một số phòng ban, nghiệp vụ của Công ty như Môi giới, Tư vấn, Nhân sự, Phân tích... Các sinh viên có cơ hội được làm việc thực tế như cán bộ, nhân viên của Công ty, được đào tạo và hòa mình vào các hoạt động văn hóa của Công ty. Đối với các sinh viên làm việc tốt còn được trả một khoản phụ cấp nhỏ khoảng 2 triệu đồng/tháng và được xem xét tuyển dụng sau đó.

Cụ thể mức tài trợ của SHS trong năm 2018 như sau:

STT	Hạng mục tài trợ	Đơn vị phát động	Kinh phí tài trợ (triệu đồng)
1	Tài trợ cho Hội người mù Quận Hoàn Kiếm	Hội người mù Quận Hoàn Kiếm	1
2	Chương trình từ thiện Thắp sáng niềm tin cho em	Hội cứu trợ trẻ em tàn tật Việt Nam	50
3	Tài trợ cho Chương trình Nghệ thuật Tết cho trẻ em nghèo	Bộ Lao động & Thương binh xã hội phối hợp Tạp chí Gia đình và Trẻ em tổ chức	100
Tổng cộng			151

Bên cạnh đó, trong năm 2018, Cán bộ nhân viên Công ty tiếp tục tổ chức nhiều hoạt động thiện nguyện như quyên góp tiền và vật chất hỗ trợ trẻ em nghèo gặp khó khăn, bệnh tật tại các bệnh viện lớn ở Hà Nội.... Công ty luôn khuyến khích, nhắc nhở cán bộ, nhân viên có tinh thần tương thân tương ái, chia sẻ với những mảnh đời bất hạnh và coi đó là một phần trong văn hóa Công ty.

**GRI 418
QUYỀN BẢO MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG**

Là công ty chứng khoán quản lý hàng vạn tài khoản bao gồm tiền và chứng khoán của khách hàng do đó yêu cầu bảo mật thông tin của khách hàng luôn được Công ty ưu tiên và chú trọng hàng đầu. Công ty đã ban hành các quy định nội bộ về bảo mật thông tin khách hàng cũng như chế tài xử lý nếu làm lộ thông tin khách hàng. Các phần mềm giao dịch chứng khoán và kế toán của Công ty đều được mua từ các đối tác uy tín, phân quyền sử dụng và khai thác thông tin, số liệu dựa trên sự đề xuất bằng văn bản của trưởng phòng, sự phê duyệt của Ban lãnh đạo và sự thực hiện phân quyền của Phòng CNTT. Công ty cũng mua các phần mềm để bảo mật, chống truy cập bất hợp pháp cho hệ thống website, phần mềm của công ty. Các hợp đồng, hồ sơ, giấy tờ liên quan đến thông tin khách hàng đều được các phòng liên quan quản lý trong các tủ có khóa, khi không còn sử dụng thì được tiêu hủy theo đúng quy định của Công ty.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2019

Trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động phát triển bền vững năm 2018 và đối chiếu với mục tiêu, phương hướng hành động, SHS đề ra kế hoạch hành động cho năm 2019 như sau:

Tiêu chí	Mục tiêu
NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH DOANH	Hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh năm 2019 đã được ĐHCĐ thông qua.
	Duy trì top 5, phần đầu lọt vào top 3 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất Việt Nam.
ĐẢM BẢO CAM KẾT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN	Hoàn thành các mục tiêu phi tài chính khác.
	<p>Với Người lao động</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tăng thu nhập, phúc lợi tối thiểu 10% + Tạo môi trường làm việc bình đẳng, chuyên nghiệp và cơ hội thăng tiến <p>Với cổ đông</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đảm bảo cổ tức và quyền lợi khác của cổ đông tối thiểu 20% + Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, minh bạch <p>Với khách hàng, Nhà cung cấp</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hoàn thiện và tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp với giá phí cạnh tranh + Là đối tác thường xuyên, tin cậy và cùng chia sẻ lợi ích <p>Với cơ quan quản lý, hiệp hội và truyền thông</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước + Là thành viên tích cực và đóng góp hiệu quả cho sự phát triển của TTCKVN và các Hiệp hội + Hợp tác trong báo cáo, công bố thông tin và truyền thông
TĂNG CƯỜNG TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI	<p>Xây dựng chiến lược dài hạn về bảo vệ môi trường và thiện nguyện</p> <p>Với môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường + Thực hiện các giải pháp để tiết kiệm hơn nữa năng lượng, tài nguyên nước, hạn chế hơn nữa ảnh hưởng xấu đến môi trường... <p>Với thế hệ trẻ</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tạo thêm nhiều cơ hội việc làm và học tập + Tăng cường tài trợ tài chính cho thế hệ trẻ <p>Với xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tăng cường công tác thiện nguyện, làm tốt các chương trình an sinh xã hội

ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA CÔNG TY THEO TIÊU CHUẨN GRI

GRI	Mô tả	Tham chiếu	Ghi chú
1. CHIẾN LƯỢC VÀ PHÂN TÍCH			
G4-1	Tuyên bố của Lãnh đạo cấp cao doanh nghiệp	BCPTBV- Thông điệp của Tổng Giám đốc	
G4-2	Mô tả các tác động, rủi ro và cơ hội chính	BCTN- Quản trị rủi ro	
2. HỒ SƠ TỔ CHỨC			
G4-3	Tên doanh nghiệp	BCTN-Thông tin về Công ty	
G4-4	Sản phẩm, dịch vụ	BCTN-Các lĩnh vực hoạt động	
G4-5	Trụ sở chính	BCTN-Mạng lưới hoạt động	
G4-6	Số lượng quốc gia nơi doanh nghiệp hoạt động	BCTN- Mạng lưới hoạt động	
G4-7	Loại hình sở hữu, mô hình quản lý	BCTN-Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức bộ máy	
G4-8	Thị trường phục vụ	BCTN-Mạng lưới hoạt động	
G4-9	Quy mô doanh nghiệp	BCTN-Thông tin về Công ty	
G4-10	Thống kê về lực lượng lao động	BCPTBV-Báo cáo phát triển bền vững năm 2018	
G4-11	Tỷ lệ % người lao động được hưởng thỏa ước lao động tập thể	BCPTBV-Báo cáo phát triển bền vững năm 2018	
G4-12	Chuỗi cung ứng của doanh nghiệp	BCTN- Các lĩnh vực hoạt động	
G4-13	Báo cáo thay đổi quy mô, cấu trúc, sở hữu và chuỗi cung ứng	BCTN-Thông tin dành cho cổ đông	
G4-14	Báo cáo về việc doanh nghiệp có đưa ra phương pháp hoặc nguyên tắc phòng ngừa	BCTN- Quản trị rủi ro BCPTBV-Báo cáo phát triển bền vững năm 2018	
G4-15	Liệt kê các điều khoản, nguyên tắc về kinh tế, môi trường và xã hội được phát triển bên ngoài tổ chức hoặc các sáng kiến khác mà tổ chức tán thành hoặc ủng hộ	BCPTBV-Báo cáo phát triển bền vững năm 2018	
G4-16	Hội viên hiệp hội:	BCPTBV-Báo cáo phát triển bền vững năm 2018	Hội viên: Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ Hiệp hội trái phiếu Hiệp hội đầu tư kinh doanh chứng khoán

3. XÁC ĐỊNH CÁC RANH GIỚI VÀ LĨNH VỰC TRỌNG YẾU

G4-17	Các đơn vị bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc các tài liệu tương đương	BCTN-Báo cáo tài chính kiểm toán
G4-18	Quy trình xác định nội dung báo cáo và ranh giới lĩnh vực	BCPTBV- Báo cáo phát triển bền vững năm 2018
G4-19	Liệt kê các lĩnh vực trọng yếu đã xác định	BCPTBV- Báo cáo phát triển bền vững năm 2018
G4-20	Với từng lĩnh vực trọng yếu, báo cáo ranh giới lĩnh vực bên trong tổ chức	BCPTBV- Báo cáo phát triển bền vững năm 2018
G4-21	Với từng lĩnh vực trọng yếu, báo cáo ranh giới lĩnh vực bên ngoài tổ chức	BCPTBV- Báo cáo phát triển bền vững năm 2018
G4-22	Báo cáo tác động của bất kỳ việc trình bày lại thông tin đã cung cấp nào đó trong báo cáo trước đó và những nguyên nhân của việc trình bày lại đó	BCPTBV - Báo cáo phát triển bền vững năm 2018
G4-23	Thay đổi lớn so với kỳ báo cáo trước	BCPTBV - Báo cáo phát triển bền vững năm 2018

4. SỰ THAM VẤN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

G4-24	Danh sách Bên liên quan	BCPTBV - Báo cáo phát triển bền vững năm 2018
G4-25	Cơ sở lựa chọn và xác định Bên liên quan	BCPTBV- Báo cáo phát triển bền vững năm 2018
G4-26	Phương pháp tiếp cận đối với Bên liên quan	BCPTBV - Báo cáo phát triển bền vững năm 2018
G4-27	Các chủ đề và mối quan tâm chính được nêu ra trong quá trình tham gia của Bên liên quan và phản hồi của doanh nghiệp	BCPTBV- Báo cáo phát triển bền vững năm 2018

5. HỒ SƠ BÁO CÁO

G4-28	Giải đoạn báo cáo	BCPTBV- Báo cáo phát triển bền vững năm 2018
G4-29	Thời gian báo cáo gần nhất	BCPTBV- Báo cáo phát triển bền vững năm 2018
G4-30	Chu kỳ báo cáo	BCPTBV- Báo cáo phát triển bền vững năm 2018
G4-31	Địa chỉ liên hệ (nếu có)	BCPTBV- Báo cáo phát triển bền vững năm 2018

6. DANH MỤC NỘI DUNG GRI

G4-32	Phương án lựa chọn báo cáo của doanh nghiệp	BCPTBV- Báo cáo phát triển bền vững năm 2018
G4-33	Đầu mối liên hệ cho các câu hỏi liên quan đến nội dung báo cáo	BCPTBV- Báo cáo phát triển bền vững năm 2018
G4-34	Bộ máy quản trị	BCPTBV- Báo cáo phát triển bền vững năm 2018

7. ĐẠO ĐỨC VÀ TÍNH CHÍNH TRỰC

G4-56	Các giá trị, nguyên tắc, tiêu chuẩn và chuẩn mực hành vi của tổ chức	BCTN- Tổng quan về SHS BCPTBV- Báo cáo phát triển bền vững năm 2018
-------	--	--

8. CÁC NỘI DUNG BÁO CÁO CỤ THỂ**Các tác động về mặt kinh tế**

G4-EC1	Các giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra	BCPTBV- Báo cáo phát triển bền vững năm 2018
--------	---	--

Các tác động về mặt môi trường

G4-EN2	Sử dụng vật liệu tái chế	BCPTBV- Báo cáo phát triển bền vững năm 2018
G4-EN6	Giảm tiêu thụ năng lượng	BCPTBV- Báo cáo phát triển bền vững năm 2018
G4-EN27	Phạm vi giảm nhẹ tác động môi trường của sản phẩm, dịch vụ	BCPTBV- Báo cáo phát triển bền vững năm 2018
G4-EN 29	Giá trị bằng tiền của các khoản tiền do không tuân thủ pháp luật môi trường	BCPTBV- Báo cáo phát triển bền vững năm 2018

Các tác động về mặt xã hội

G4-LA1	Tổng số lực lượng lao động, tỷ lệ các loại	BCPTBV- Báo cáo phát triển bền vững năm 2018
G4-LA2	Phúc lợi cho người lao động	BCPTBV- Báo cáo phát triển bền vững năm 2018
G4-LA10	Các chương trình đào tạo	BCPTBV- Báo cáo phát triển bền vững năm 2018
G4-LA12	Báo cáo chi tiết về lao động	BCPTBV- Báo cáo phát triển bền vững năm 2018

Các tác động liên quan đến quyền con người

G4-HR5	Sử dụng lao động trẻ em	SHS không sử dụng lao động trẻ em
G4-HR6	Sử dụng lao động cưỡng bức	SHS không sử dụng lao động cưỡng bức

Các chỉ số theo lĩnh vực

G4-S01	Tỷ lệ phần trăm các hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương	BCPTBV- SHS không sử dụng lao động cưỡng bức
G4-S08	Giá trị bằng tiền của các khoản phạt	BCPTBV- SHS không sử dụng lao động cưỡng bức
G4-PR3	Thông tin về sản phẩm dịch vụ	BCTN - Tổng quan SHS



BÁO CÁO ĐƯỢC KIỂM TOÁN

- Báo cáo tài chính được kiểm toán
- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được kiểm toán

➤ BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 68/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 08 năm 2018.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyển, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Đỗ Quang Hiến	Chủ tịch	
Ông	Vũ Đức Tiến	Phó Chủ tịch	
Ông	Lê Đăng Khoa	Ủy viên	
Ông	Mai Xuân Sơn	Ủy viên	
Ông	Nguyễn Văn Hưng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 11/04/2018
Ông	Nguyễn Anh Tú	Ủy viên	Từ nhiệm ngày 11/04/2018

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Vũ Đức Tiến	Tổng Giám đốc
Ông	Trần Sỹ Tiến	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Ông	Nguyễn Chí Thành	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Trần Thị Thu Thanh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà	Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng ban
Bà	Lương Thị Lựu	Ủy viên
Ông	Vũ Đức Trung	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác:

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Vũ Đức Tiến

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2019

Số: 250319.506/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được lập ngày 12 tháng 03 năm 2019, từ trang 06 đến trang 49, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 6 - "Các khoản phải thu ngắn hạn" phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, theo đó số liệu được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi dựa trên phán quyết cuối cùng của Tòa án nhân dân tối cao.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**Vũ Xuân Biển**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán Số: 0743-2018-002-1

Trương Thị Hoài Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán Số: 2446-2018-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.773.903.146.557	4.104.810.267.573
110	I. Tài sản tài chính		4.769.306.051.715	4.074.632.507.349
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	838.785.387.863	85.945.680.803
111.1	1.1 Tiền		838.785.387.863	85.945.680.803
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	1.006.453.343.406	680.217.968.490
114	3. Các khoản cho vay	5	2.051.008.965.835	2.322.600.119.143
115	4. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	-	217.474.875.700
117	5. Các khoản phải thu	6	93.173.312.756	26.880.749.385
117.1	5.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		50.807.500.000	-
117.2	5.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		42.365.812.756	26.880.749.385
117.3	5.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		42.365.812.756	26.880.749.385
118	6. Trả trước cho người bán	7	741.970.854	87.511.060.597
119	7. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	6	1.152.128.250.233	868.247.102.221
122	8. Các khoản phải thu khác	6	59.862.400.297	52.438.794.592
129	9. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	7	(432.847.579.529)	(266.683.843.582)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		4.597.094.842	30.177.760.224
131	1. Tạm ứng		3.041.944.389	26.454.280.223
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	9	237.121.841	237.001.918
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	1.315.278.612	3.483.728.083
134	4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11	2.750.000	2.750.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		95.057.343.675	29.672.809.347
220	II. Tài sản cố định		2.911.082.500	2.314.428.536
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	2.874.075.323	2.136.641.055
222	- Nguyên giá		31.459.531.443	17.141.060.068
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(28.585.456.120)	(15.004.419.013)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	37.007.177	177.787.481
228	- Nguyên giá		31.196.229.207	20.970.056.987
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(31.159.222.030)	(20.792.269.506)
250	V. Tài sản dài hạn khác		92.146.261.175	27.358.380.811
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	11	897.532.343	2.168.295.918
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	10	74.761.131.339	11.386.494.423
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	14	16.487.597.493	13.803.590.470
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.868.960.490.232	4.134.483.076.920

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.003.646.101.986	2.668.547.244.457
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		1.271.429.315.273	2.134.186.799.064
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	546.980.000.000	1.040.710.706.528
312	1.1 Vay ngắn hạn		546.980.000.000	1.040.710.706.528
316	2. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	20	150.000.000.000	308.600.000.000
318	3. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16	1.933.932.035	13.665.035
320	4. Phải trả người bán ngắn hạn	17	22.644.494.436	12.000.000.000
321	5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.655.600.000	1.768.500.000
322	6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	45.588.288.300	44.590.321.946
323	7. Phải trả người lao động		2.998.902.021	14.003.255.135
324	8. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		296.220.507	236.240.745
325	9. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	65.489.100.310	61.158.472.728
328	10. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	21	405.561.401.617	632.153.245.804
329	11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	24	9.412.507.681	12.148.222.777
331	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		18.868.868.366	6.804.168.366
340	II. Nợ phải trả dài hạn		1.732.216.786.713	534.360.445.393
346	1. Trái phiếu phát hành dài hạn	20	1.721.000.000.000	523.000.000.000
347	2. Phải trả người bán dài hạn	17	14.025.690	14.025.690
352	3. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	21	25.000.000	25.000.000
356	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	42	11.177.761.023	11.321.419.703
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.865.314.388.246	1.465.935.832.463
410	I. Vốn chủ sở hữu	25	1.865.314.388.246	1.465.935.832.463
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.125.489.636.800	1.000.310.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		1.053.956.740.000	1.000.000.000.000
411.1a	1.1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.053.956.740.000	1.000.000.000.000
411.2	1.2 Thặng dư vốn cổ phần		71.532.896.800	310.000.000
412	2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý		-	68.882.003.841
414	3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		29.901.717.464	12.387.297.555
415	4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		29.901.717.464	12.387.297.555
417	5. Lợi nhuận chưa phân phối		680.021.316.518	371.969.233.512
417.1	5.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		681.893.377.170	352.689.749.293
417.2	5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(1.872.060.652)	19.279.484.219
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		4.868.960.490.232	4.134.483.076.920

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
002	1. Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		1.500.000.000	1.500.000.000
003	2. Tài sản nhận thế chấp		6.903.330.000	6.903.330.000
006	3. Cổ phiếu đang lưu hành		105.395.674	100.000.000
008	4. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	26	572.659.310.000	423.463.740.000
009	5. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán	27	1.501.490.000	1.500.600.000
010	6. Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán	28	8.025.000.000	-
012	7. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	29	108.924.040.000	108.022.300.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	30	23.818.185.330.000	18.289.981.360.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		18.635.568.100.000	15.269.053.790.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		2.836.585.260.000	1.442.161.060.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		2.012.928.610.000	1.252.255.380.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		50.000.000.000	32.000.000.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		283.103.360.000	294.511.130.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	31	836.895.610.000	258.101.840.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		631.803.410.000	52.713.640.000
022.2	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		205.092.200.000	205.388.200.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	32	277.880.837.800	649.145.274.500

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
026	4. Tiền gửi của khách hàng	33	558.016.415.263	902.803.138.674
027	4.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		264.543.388.401	252.206.200.535
028	4.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		277.880.837.800	649.145.274.500
030	4.3. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		15.592.189.062	1.451.663.639
031	5. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	34	542.424.226.201	901.351.475.035
031.1	5.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		536.854.311.664	901.298.767.265
031.2	5.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		5.569.914.537	52.707.770
035	6. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	35	15.592.189.062	1.451.663.639



Nguyễn Thị Thủy

Người lập



Trần Sỹ Tiến

Kế toán trưởng



Vũ Đức Tiến

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
I.	DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	484.647.097.181	416.841.861.900
01.1	a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	457.894.267.236	280.838.243.343
01.2	b.	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	(718.293.399)	56.607.098.515
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	27.471.123.344	79.396.520.042
03	1.2	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	375.127.431.396	337.484.027.134
06	1.3	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	245.847.834.316	248.423.336.378
07	1.4	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	50.150.000.000	3.042.000.000
08	1.5	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	59.661.895.628	58.233.691.490
09	1.6	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	18.710.377.182	13.294.048.180
10	1.7	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	8.325.280.304	11.343.996.818
11	1.8	Thu nhập hoạt động khác	1.122.704.304	896.351.114
20		Cộng doanh thu hoạt động	1.243.592.620.311	1.089.559.313.014
II.	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	148.479.403.879	170.741.820.115
21.1	a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	126.713.145.150	131.940.848.172
21.2	b.	Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	20.433.251.472	37.327.614.296
21.3	c.	Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	1.333.007.257	1.473.357.647
24	2.2	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	196.710.033.029	68.691.731.058
26	2.3	Chi phí hoạt động tự doanh	6.053.535.290	4.648.059.955
27	2.4	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	176.783.367.079	184.593.496.554
28	2.5	Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	646.863
29	2.6	Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	2.686.919.122	3.117.069.719
30	2.7	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	14.615.129.488	11.222.962.613
31	2.8	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	12.574.063.869	15.560.279.559
32	2.9	Chi phí các dịch vụ khác	23.223.489.731	(5.749.401.472)
40		Cộng chi phí hoạt động	581.125.941.487	452.826.664.964

III.	DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	39		
42	3.1	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	3.247.133.001	3.673.273.216
50		Cộng doanh thu hoạt động tài chính	3.247.133.001	3.673.273.216
IV.	CHI PHÍ TÀI CHÍNH	40		
52	4.1	Chi phí lãi vay	202.726.366.390	148.927.809.300
55	4.2	Chi phí tài chính khác	-	80.000.000
60		Cộng chi phí tài chính	202.726.366.390	149.007.809.300
62	VI.	CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	41	53.102.391.889
70	VII.	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		409.885.053.546
	VIII.	THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC		
71	8.1	Thu nhập khác	1.070.955.752	466.657.927
72	8.2	Chi phí khác	268.175.227	219.784
80		Cộng kết quả hoạt động khác	802.780.525	466.438.143
90	IX.	TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	410.687.834.071	450.702.786.310
91	9.1	Lợi nhuận đã thực hiện	431.839.378.942	431.423.302.091
92	9.2	Lợi nhuận chưa thực hiện	(21.151.544.871)	19.279.484.219
100	X.	CHI PHÍ THUẾ TNDN	42	52.606.911.247
100.1	10.1	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	52.750.569.927	69.813.484.217
100.2	10.2	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(143.658.680)	11.321.419.703
200	XI.	LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	358.080.922.824	369.567.882.390
300	XII.	THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN		-
301	12.1	Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	68.882.003.841
400		Tổng thu nhập toàn diện	-	68.882.003.841
500	XIII.	THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG		
501	13.1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	2.746	2.925

Nguyễn Thị Thủy

Người lập

Trần Sỹ Tiến

Kế toán trưởng



Vũ Đức Tiến

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ NĂM 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		410.687.834.071	450.702.786.310
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		214.998.070.378	14.321.342.704
03	- Khấu hao tài sản cố định		834.803.386	1.250.621.522
04	- Các khoản dự phòng		14.994.124.513	(132.183.814.902)
06	- Chi phí lãi vay		202.726.366.390	148.927.809.300
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.557.223.911)	(3.673.273.216)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		3.432.336.472	37.327.614.296
11	- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		3.432.336.472	37.327.614.296
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		718.293.399	(56.607.098.515)
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		718.293.399	(56.607.098.515)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(431.375.024.374)	(1.093.865.876.365)
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(295.884.917.661)	108.585.671.720
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		276.663.430.487	(608.214.636.464)
34	- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS		148.592.871.859	(148.592.871.859)
35	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		(50.769.008.700)	(89.750.850.000)
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(117.806.186.160)	(145.034.898.523)
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		(7.110.105.705)	(51.397.133.312)
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		29.938.006.489	(18.550.946.937)
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(50.354.427.448)	30.755.317.076
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		11.563.250.022	(12.515.651.558)
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(49.388.864.829)	(21.499.043.097)
44	- Lãi vay đã trả		(161.853.763.241)	(162.539.170.313)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		97.397.904.179	9.807.418.153
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		59.979.762	143.507.445
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		(4.998.872.811)	115.991.297
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		(11.004.353.114)	9.028.953.910

49	-	Tăng, (giảm) phải trả về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	-	-
50	-	Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác	(229.270.367.707)	16.329.773.183
51	-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	1.444.689.115	-
52	-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(3.109.225.540)	(464.555.320)
60		Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	198.461.509.946	(648.121.231.570)
		II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
61	1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	(1.431.457.350)	(43.287.100)
62	2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	310.090.910	-
65	3.	Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	3.247.133.001	3.673.273.216
70		Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	2.125.766.561	3.629.986.116
		III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
71	1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	6.598.972.811	-
73	2.	Tiền vay gốc	7.298.763.174.874	4.091.936.909.375
73.2	2.1	Tiền vay khác	7.298.763.174.874	4.091.936.909.375
74	3.	Tiền chi trả nợ gốc vay	(6.753.093.881.402)	(3.643.126.202.847)
74.3	3.1	Tiền chi trả gốc nợ vay khác	(6.753.093.881.402)	(3.643.126.202.847)
75	5.	Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	-	-
76	4.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(15.835.730)	(79.926.577.520)
80		Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	552.252.430.553	368.884.129.008
90	IV.	Tăng (giảm) tiền thuần trong năm	752.839.707.060	(275.607.116.446)
101	V.	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	85.945.680.803	361.552.797.249
101.1	-	Tiền	85.945.680.803	361.552.797.249
103	VI.	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	838.785.387.863	85.945.680.803
103.1	-	Tiền	838.785.387.863	85.945.680.803



Nguyễn Thị Thủy

Người lập



Trần Sỹ Tiến

Kế toán trưởng



Vũ Đức Tiến

Tổng Giám đốc

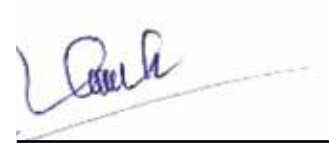
Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2019

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI,
ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG NĂM 2018**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		75.390.478.761.848	76.675.858.599.010
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(74.036.533.162.612)	(74.006.473.733.750)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(1.674.059.684.917)	(2.403.929.021.196)
11	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(10.532.112.307)	(8.168.674.759)
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		3.353.754.320.333	618.547.236.146
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(3.367.894.845.756)	(617.310.499.407)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong năm		(344.786.723.411)	258.523.906.044
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng				
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		902.803.138.674	644.279.232.630
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		902.803.138.674	644.279.232.630
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		252.206.200.535	372.305.181.230
33	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		649.145.274.500	271.759.124.500
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		1.451.663.639	214.926.900
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng		558.016.415.263	902.803.138.674
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		558.016.415.263	902.803.138.674
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		264.543.388.401	252.206.200.535
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		277.880.837.800	649.145.274.500
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		15.592.189.062	1.451.663.639

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU NĂM 2018

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm			
		Năm 2017		Năm 2018		31/01/2017		31/01/2018	
		Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	VND	VND	VND	VND
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.000.310.000.000	-	125.179.636.800	-	1.000.310.000.000	1.000.310.000.000	1.125.489.636.800	
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.000.000.000.000	-	53.956.740.000	-	1.000.000.000.000	1.053.956.740.000		
1.2 Thặng dư vốn cổ phần		310.000.000	-	71.222.896.800	-	310.000.000	71.532.896.800		
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		8.057.812.432	-	17.514.419.909	-	12.387.297.555	29.901.717.464		
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		8.057.812.432	-	17.514.419.909	-	12.387.297.555	29.901.717.464		
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		-	-	-	-	68.882.003.841	-		
5. Lợi nhuận chưa phân phối		97.060.321.368	371.969.233.512	358.080.922.824	50.028.839.818	371.969.233.512	680.021.316.518		
5.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		97.060.321.368	352.689.749.293	350.288.398.171	50.028.839.818	352.689.749.293	681.893.377.170		
5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		-	19.279.484.219	(21.151.544.871)	-	19.279.484.219	(1.872.060.652)		
II. Thu nhập toàn diện khác		1.113.485.946.232	1.485.935.832.463	447.108.856.477	94.658.970.246	1.485.935.832.463	1.865.314.386.246		
1. Lãi/lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		-	68.882.003.841	66.882.003.841	-	68.882.003.841	-		
TỔNG CỘNG		-	68.882.003.841	68.882.003.841	-	68.882.003.841	-		


Nguyễn Thị Thủy

Người lập


Trần Sỹ Tiến

Kế toán trưởng


Vũ Đức Tiến

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thủy
Người lập

Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởng

Vũ Đức Tiến
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2019

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 68/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 08 năm 2018.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyển, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 1.053.956.740.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 1.053.956.740.000 đồng; tương đương 105.395.674 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngày 18/05/2018, theo Nghị quyết số 04-2018/NQ-HDQT, Công ty đã công bố kết quả phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần của Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB trên tỷ lệ hoán đổi của phương án sáp nhập hai công ty: tổng số cổ phiếu phát hành thực tế là 5.395.674 cổ phiếu, số cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước chấp thuận kết quả chào bán cổ phiếu.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) theo Quyết định số 245/QĐ-TTGDHN từ ngày 17 tháng 06 năm 2009 với mã giao dịch là SHS.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại thành phố Hồ Chí Minh	Tầng 3, tòa nhà Artex Sài Gòn, số 236-238 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại thành phố Đà Nẵng	Số 97 Lê Lợi, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác.

1.3. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

"Trong tình hình khởi sắc chung của Thị trường Chứng khoán Việt Nam trong thời gian qua, các hoạt động kinh doanh chung của Công ty đều đạt kết quả tốt, doanh thu hoạt động tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, do thời gian cuối năm thị trường chứng khoán sụt giảm liên tục dẫn đến chi phí do đánh giá lại tài sản tài chính, chi phí dự phòng thâm hụt các khoản phải thu tăng nhiều so với năm trước.

Ngày 01/04/2018, Công ty chính thức thực hiện sáp nhập với Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB theo phương án hoán đổi cổ phiếu. Báo cáo tài chính sau sáp nhập được lập dựa trên kết quả cộng ngang Báo cáo tình hình tài chính của hai công ty tại ngày 31/03/2018, do đó các khoản mục trên Báo cáo tình hình tài chính đều tăng lên so với đầu kỳ."

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành là khoản tiền gửi thu được do bán chứng khoán bảo lãnh phát hành tại ngân hàng thương mại chỉ định do Công ty thực hiện chức năng - Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán (bảo lãnh chính hoặc phụ) (kể cả tiền thu được từ các Đại lý bán chứng khoán) và tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC như sau:

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm

yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên, Công ty cũng chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của các chứng khoán này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

Đối với các cổ phiếu chưa niêm yết nhận sáp nhập từ Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB, cơ sở để đánh giá lại là báo giá được cung cấp tại thời điểm sáp nhập 31/03/2018. Tại thời điểm 31/12/2018, Công ty không thu thập được báo giá của các cổ phiếu này nên vẫn giữ nguyên giá trị đánh giá lại tại thời điểm sáp nhập.

Số chênh lệch đánh giá lại theo giá thị trường hoặc theo giá trị xác thực nhất (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK ở thời điểm cuối kỳ kế toán được theo dõi riêng trên Tài khoản cấp 2 “Chênh lệch đánh giá lại” của Tài khoản 121 - “Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ” mà không ghi tăng, giảm giá mua của các tài sản tài chính trên Tài khoản “Giá mua” và được xác định cụ thể cho từng lần đánh giá lại như sau:

- Ở kỳ đánh giá lại lần đầu, giá trị hợp lý đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK được phản ánh vào Tài khoản 1212 “Chênh lệch đánh giá lại” là số chênh lệch giữa giá trị đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL tại thời điểm đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý và giá mua ban đầu của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK.

- Ở kỳ đánh giá lại lần thứ hai trở đi, giá trị đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK được phản ánh vào Tài khoản 1212 “Chênh lệch đánh giá lại” là số chênh lệch giữa giá mua của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL và giá đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý kỳ này. Chênh lệch giữa các kỳ đánh giá được hạch toán vào Tài khoản 51112 “Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL” hoặc Tài khoản 63213 “Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL”.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động, theo 2 chỉ tiêu:

- Chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL phản ánh vào Chỉ tiêu “Lỗ” và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh FVTPL, chi tiết “Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ” FVTPL.

- Chênh lệch tăng do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL phản ánh vào Chỉ tiêu “Thu nhập”, chi tiết “Chênh lệch tăng về đánh giá lại - Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ”.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK xác định lợi nhuận hoặc lỗ chưa thực hiện của kỳ (kỳ tính giá trị tài sản ròng hoặc kỳ kế toán).

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại AFS được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính tại chỉ tiêu “Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính theo giá trị hợp lý”.

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

2.6. Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

2.7. Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị 03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải 06 năm
- Thiết bị văn phòng 04 - 05 năm
- Phần mềm giao dịch, phần mềm kế toán 03 - 05 năm

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản vay: phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán: phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

2.11. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí lãi hợp đồng môi giới chứng khoán... được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý được phản ánh khi đánh giá lại các tài sản tài chính theo giá trị hợp lý. Tài sản được đánh giá lại bao gồm: tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.13. Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh

Doanh thu được ghi nhận theo điều khoản quy định trong Hợp đồng.

2.14. Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.15. Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm

- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Cổ phiếu thường hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí tài chính khác (phí chuyển tiền, ...).

2.16. Các khoản thuế

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Báo cáo tình hình tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với toàn bộ thu nhập tính thuế cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018.

2.17. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.19. Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm
		VND
Của Công ty Chứng khoán	410.409.875	35.934.152.430.503
- Cổ phiếu	136.811.369	2.642.222.672.200
- Trái phiếu	273.598.506	33.291.929.758.303
Của nhà đầu tư	8.976.456.525	152.160.347.429.033
- Cổ phiếu	8.942.053.996	148.304.270.130.418
- Trái phiếu	34.339.879	3.855.167.817.315
- Chứng khoán khác	62.650	909.481.300
	9.386.866.400	188.094.499.859.536

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	48.231.185	111.256.467
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	838.465.832.700	85.383.266.506
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	271.323.978	451.157.830
	838.785.387.863	85.945.680.803

5. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	767.061.797.970	765.189.214.610	521.801.348.271	7541.081.687.490
Cổ phiếu chưa niêm yết	116.138.367.248	96.264.128.796	139.137.136.000	139.136.281.000
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	145.000.000.000	145.000.000.000	-	-
	1.028.200.165.218	1.006.453.343.406	660.938.484.271	680.217.968.490

(*) Tại ngày 31/12/2018, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 376 ngày, được gửi tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với lãi suất 6,4%/năm.

b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	-	-	148.592.871.859	217.474.875.700
	-	-	148.592.871.859	217.474.875.700

c) Các khoản cho vay

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Hoạt động margin	1.793.602.615.403	2.020.697.650.394
Hoạt động ứng trước tiền bán	257.406.350.432	301.902.468.749
	2.051.008.965.835	2.322.600.119.143

d). Bảng tình hình biến động giá trị thị trường (Theo phương pháp hạch toán tài sản tài chính đánh giá lại)

	Giá mua		Giá thị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Chênh lệch đánh giá lại	
	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	1.028.200.165.218	660.938.484.271	1.006.453.343.406	680.217.968.490	57.644.708.101	56.607.098.515	(79.391.529.913)	(37.327.614.296)	1.006.453.343.406	680.217.968.490
- Cổ phiếu niêm yết	767.061.797.970	521.801.348.271	765.189.214.610	541.081.687.490	55.894.208.101	56.607.098.515	(57.766.791.461)	(37.326.759.296)	765.189.214.610	541.081.687.490
- SHB	137.065.831.349	137.065.831.349	133.824.787.200	160.797.232.500	-	23.731.401.151	(3.241.044.149)	-	133.824.787.200	160.797.232.500
- PVS	-	75.321.869.744	-	96.918.120.000	-	21.596.250.256	-	-	-	96.918.120.000
- VGP	17.781.752.779	17.781.752.779	13.943.275.700	17.882.407.400	-	100.654.621	(3.838.477.079)	-	13.943.275.700	17.882.407.400
- ITD	12.011.825.712	19.898.190.500	5.420.522.000	11.774.829.000	-	-	(6.591.303.712)	(8.123.361.500)	5.420.522.000	11.774.829.000
- GVR	83.461.934.417	-	100.907.040.000	-	17.445.105.583	-	-	-	100.907.040.000	-
- RCC	52.895.611.009	-	62.100.000.000	-	9.204.388.991	-	-	-	62.100.000.000	-
- BSI	36.574.984.000	-	36.394.265.000	-	-	-	(180.719.000)	-	36.394.265.000	-
- VGC	63.327.791.251	-	65.945.880.000	-	2.618.088.749	-	-	-	65.945.880.000	-
- HPX	34.593.663.478	-	42.669.432.000	-	8.075.748.522	-	-	-	42.669.432.000	-
- VRC	47.203.703.389	-	39.987.220.000	-	-	-	(7.216.483.389)	-	39.987.220.000	-
- KTL	-	18.651.784.800	-	15.079.008.000	-	-	-	(3.572.776.800)	-	15.079.008.000
- EIB	-	15.713.951.112	-	15.812.500.000	-	-	-	-	-	15.812.500.000
- GVD	-	32.556.546.018	-	33.561.023.650	-	-	-	-	-	33.561.023.650
- Các cổ phiếu khác	282.144.680.586	204.811.421.969	263.996.792.710	189.256.566.940	18.550.876.256	10.075.765.967	(36.698.764.132)	(25.630.620.996)	263.996.792.710	189.256.566.940
Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	116.138.367.248	139.137.136.000	96.264.128.796	139.136.281.000	1.750.500.000	-	(21.624.738.452)	(855.000)	96.264.128.796	139.136.281.000
- Công ty CP Đầu tư Hải Phát	-	75.000.000.000	-	75.000.000.000	-	-	-	-	-	75.000.000.000
- Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nhà Trang	22.458.332.000	14.572.310.000	22.458.332.000	14.572.310.000	-	-	-	-	22.458.332.000	14.572.310.000
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	29.949.990.000	29.949.990.000	29.949.990.000	29.949.990.000	-	-	-	-	29.949.990.000	29.949.990.000
- Các cổ phiếu khác	63.730.045.248	19.614.836.000	43.855.806.796	19.613.981.000	-	-	(21.624.738.452)	(855.000)	43.855.806.796	19.613.981.000
Tiền gửi có kỳ hạn	145.000.000.000	-	145.000.000.000	-	-	-	-	-	145.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	145.000.000.000	-	145.000.000.000	-	-	-	-	-	145.000.000.000	-
AFS	148.592.871.859	148.592.871.859	148.592.871.859	217.474.875.700	68.882.003.841	68.882.003.841	-	-	217.474.875.700	68.882.003.841
Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- HDG	-	29.603.920.300	-	34.926.626.700	-	-	-	-	-	34.926.626.700
- VGC	-	95.613.140.693	-	146.058.000.000	-	-	-	-	-	146.058.000.000
- Các cổ phiếu khác	-	23.375.810.866	-	36.490.249.000	-	-	-	-	-	36.490.249.000
	1.028.200.165.218	808.531.356.130	1.006.453.343.406	897.692.844.190	57.644.708.101	125.489.102.356	(79.391.529.913)	(37.327.614.296)	1.006.453.343.406	897.692.844.190

(*)

Các cổ phiếu đang được đánh giá lại theo giá trị thị trường thuộc danh mục này là các cổ phiếu nhận sáp nhập từ Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB, cơ sở để đánh giá lại là báo giá được cung cấp tại thời điểm sáp nhập 31/03/2018. Tại thời điểm 31/12/2018, Công ty không thu thập được báo giá của các cổ phiếu này nên vẫn nắm giữ nguyên giá trị đánh giá lại tại thời điểm sáp nhập.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

Các khoản phải thu ngắn hạn	31/12/2018	31/12/2018
	VNĐ	VNĐ
Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	50.807.500.000	-
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	820.000.000	1.106.279.451
Các khoản phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.440.876.714	-
Phải thu lãi hoạt động Margin	36.104.936.042	25.774.469.934
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	1.128.450.150.233	857.104.853.721
- Phải thu các hợp đồng hợp tác kinh doanh	424.095.886.615	311.986.154.303
- Phải thu lãi các hợp đồng hợp tác kinh doanh	61.963.493.316	22.783.491.137
- Phải thu về ứng trước để chi trả hộ cổ tức	10.000.000.000	10.000.000.000
- Phải thu về hoạt động giao dịch chứng khoán khác	632.390.770.302	512.335.208.281
Phải thu dịch vụ tài chính khác	1.118.661.894.171	-
Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	4.909.175.378	-
Phải thu hoạt động nhận ủy thác đấu giá	58.549.935	-
Phải thu hoạt động tư vấn	23.678.100.000	11.142.248.500
Phải thu khác	59.862.400.297	52.438.794.592
- Phải thu hoạt động đấu giá tự doanh	9.855.820.000	7.432.214.295
- Công ty Cổ phần Vật tư Nông sản (*)	45.006.580.297	45.006.580.297
- Phải thu khác	5.000.000.000	-
	2.428.793.582.770	947.566.646.198

(*) Đây là khoản tiền phải thu liên quan đến vụ kiện giữa Công ty và Công ty Cổ phần Vật tư Nông sản về việc xử lý tài sản đảm bảo cho khoản cho vay ký quỹ. Ngày 11/09/2017, Công ty đã gửi đơn đề nghị theo thủ tục giám đốc thẩm và đang được Tòa án nhân dân tối cao giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngày 16/01/2019, Công ty nhận được thông báo của Tòa án nhân dân tối cao trả lời Tòa án đã nhận được đơn của Công ty về việc đề nghị xem xét thủ tục giám đốc thẩm và sẽ thông báo lại cho Công ty khi có kết luận cuối cùng. Với các hồ sơ tài liệu mà Công ty gửi lên Tòa án, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng kết quả vụ kiện có thể được thay đổi và số liệu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo đó có thể thay đổi dựa trên phán quyết cuối cùng của Tòa án nhân dân tối cao.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Các khoản phải thu ngắn hạn	31/12/2018	01/01/2018
	VNĐ	VNĐ
Ứng trước hợp đồng đầu tư xây dựng văn phòng	-	85.000.000.000
Công ty Cổ phần xây dựng và tư vấn kiến trúc nội thất T&D	-	1.271.974.700
Công ty Cổ phần dịch vụ lữ hành Thuận An- Ascend Travel	-	600.000.000
Các khoản ứng trước khác	741.970.854	639.085.897
	741.970.854	87.511.060.597

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Giá trị phải thu	Số đầu năm	Số trích lập	Năm nay			Số cuối năm	Năm trước
			Khó đòi	Tăng do sập nhập	Số hoàn nhập		
Dự phòng khó đòi phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi đến hạn	820.000.000	VNĐ	-	VNĐ	-	820.000.000	820.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8	820.000.000	-	-	-	-	820.000.000	820.000.000
Dự phòng khó đòi phải thu hợp đồng giao dịch ký quỹ (margin)	3.671.341.979	1.081.837.300	463.644.557	-	-	1.545.481.857	1.081.837.300
Dự phòng khó đòi nợ phải thu khác	491.034.718.006	264.782.006.282	17.283.792.705	151.169.611.434	(2.753.312.749)	430.482.097.672	264.782.006.282
Phải thu gốc và lãi các hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán	477.705.797.998	251.453.086.274	17.283.792.705	151.169.611.434	(2.753.312.749)	417.153.177.664	251.453.086.274
Phải thu về ứng trước để chi trả hộ cổ tức	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Phải thu hoạt động tư vấn	330.000.000	330.000.000	-	-	-	330.000.000	330.000.000
Phải thu dịch vụ tài chính khác	2.998.920.008	2.998.920.008	-	-	-	2.998.920.008	2.998.920.008
	495.526.059.985	266.683.843.582	17.747.437.262	151.169.611.434	(2.753.312.749)	432.847.579.529	266.683.843.582

9. VẬT TƯ VĂN PHÒNG, CÔNG CỤ DỤNG CỤ

	31/12/2018	01/01/2018
	VNĐ	VNĐ
Vật tư văn phòng	163.096.841	76.666.918
Công cụ, dụng cụ	74.025.000	160.335.000
	237.121.841	237.001.918

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
	VNĐ	VNĐ
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.414.165	275.008
Chi phí thuê nhà chờ phân bổ	134.085.000	148.585.000
Chi phí mạng viễn thông chờ phân bổ	12.320.000	211.422.500
Chi phí bảo trì máy móc, thiết bị chờ phân bổ	9.075.000	29.014.419
Chi phí quảng cáo chờ phân bổ	681.266.661	2.719.200.002
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	477.117.786	375.231.154
	1.315.278.612	3.483.728.083

b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VNĐ	VNĐ
Lợi thế thương mại khi sáp nhập (*)	64.972.712.024	-
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.695.994.359	806.819.042
Chi phí tư vấn chờ phân bổ	472.233.219	449.465.219
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	118.520.415	340.479.965
Chi phí mạng viễn thông chờ phân bổ	1.057.051.541	145.411.638
Chi phí thuê văn phòng (**)	4.368.367.796	9.530.984.270
Chi phí bảo trì chờ phân bổ	1.947.578.095	68.212.500
Chi phí trả trước dài hạn khác	128.673.890	45.121.789
	74.761.131.339	1.386.494.423

(*) Toàn bộ là lợi thế thương mại phát sinh khi sáp nhập với Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB, Công ty đã điều chỉnh phân bổ từ 10 năm thành 7 năm.

(**) Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng tại số 41 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội từ 29/11/2017 đến 29/11/2019.

11. CẤM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC**a) Ngắn hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
	VNĐ	VNĐ
Đặt cọc hình thức	2.750.000	2.750.000
	2.750.000	2.750.000

b) Dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VNĐ	VNĐ
Cấm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược khác	893.132.343	2.166.295.918
Đặt cọc khác	4.400.000	2.000.000
	897.532.343	2.168.295.918

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VNĐ	Thiết bị, dụng cụ quản lý VNĐ	Cộng VNĐ
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2018	11.218.025.988	5.714.096.582	208.937.498	17.141.060.068
Mua trong năm	210.870.000	935.040.000	285.547.350	1.431.457.350
Tăng do sáp nhập	13.978.964.871	85.894.715	90.475.000	14.155.334.586
Thanh lý, nhượng bán	(508.116.423)	(607.012.000)	(153.192.138)	(1.268.320.561)
Tại ngày 31/12/2018	24.899.744.436	6.128.019.297	431.767.710	31.459.531.443
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2018	10.896.024.941	3.899.456.574	208.937.498	15.004.419.013
Khấu hao trong năm	192.941.483	472.526.861	28.554.738	694.023.082
Tăng do sáp nhập	13.978.964.871	85.894.715	-	14.064.859.586
Thanh lý, nhượng bán	(508.116.423)	(607.012.000)	(62.717.138)	(1.177.845.561)
Tại ngày 31/12/2018	24.559.814.872	3.850.866.150	174.775.098	28.585.456.120
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2018	322.001.047	1.814.640.008	-	2.136.641.055
Tại ngày 31/12/2018	339.929.564	2.277.153.147	256.992.612	2.874.075.323

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 27.136.077.992 đồng.
Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm giao dịch, kế toán, nguyên giá của các tài sản này tại ngày 31/12/2018 là 31.196.229.207 VND, trong đó giá trị tài sản cố định vô hình nhận về do sáp nhập với Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB là 10.226.172.220 đồng; giá trị còn lại tại ngày 31/12/2018 là 37.007.177 VND trong đó khấu hao đã trích trong năm là 140.780.304 VND.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

14. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2018	01/01/2018
	VNĐ	VNĐ
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	14.554.583.700	11.870.576.677
Tiền lãi phân bổ trong năm	1.813.013.793	1.813.013.793
Số dư cuối năm	16.487.597.493	13.803.590.470

15. VAY NGẮN HẠN

	01/01/2018	Số vay trong năm	Số trả trong năm	31/12/2018
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
	1.040.710.706.528	5.498.763.174.874	(5.992.493.881.402)	546.980.000.000
Vay ngân hàng	1.040.710.706.528	5.498.763.174.874	(5.992.493.881.402)	546.980.000.000
	1.040.710.706.528	5.498.763.174.874	(5.992.493.881.402)	546.980.000.000

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VNĐ	VNĐ
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	276.980.000.000	890.710.706.528
Ngân hàng TMCP An Bình	70.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	100.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	100.000.000.000	-
Ngân hàng TNHH CTBC chi nhánh Hồ Chí Minh	100.000.000.000	-
	546.980.000.000	1.040.710.706.528

Tại thời điểm 31/12/2018, Công ty có các khoản vay ngắn hạn có kỳ hạn từ 13 ngày đến 12 tháng để bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay từ 8,2%/năm đến 10%/năm. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay này là các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết, được chi tiết theo từng hợp đồng tín dụng hoặc hợp đồng cầm cố thế chấp.

16. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2018	01/01/2018
	VNĐ	VNĐ
Phải trả về đặt cọc đấu giá cho tổ chức, cá nhân	1.930.913.100	10.646.100
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	3.018.935	3.018.935
	1.933.932.035	13.665.035

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**a) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán**

	31/12/2018	01/01/2018
	VNĐ	VNĐ
Phải trả người bán ngắn hạn	22.644.494.436	12.000.000.000
Phải trả người bán dài hạn	14.025.690	14.025.690
	22.658.520.126	12.014.025.690

b) Phải trả người bán chi tiết theo nội dung

	31/12/2018	01/01/2018
	VNĐ	VNĐ
Phải trả người bán ngắn hạn	22.458.332.000	12.000.000.000
Phải trả người bán dài hạn	200.188.126	14.025.690
	22.658.520.126	12.014.025.690

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	VNĐ	VNĐ
Thuế Giá trị gia tăng	341.517.342	821.950.495
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	40.054.737.086	36.125.992.590
Thuế Thu nhập cá nhân	5.192.033.872	7.642.378.861
	45.588.288.300	44.590.321.946

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

20. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH	Số tăng trong năm		Số giảm trong năm		31/12/2018
	01/01/2018	Số vay trong năm	Tăng khác	Số trả trong năm	
	VND	VND	VND	VND	VND
Nợ ngắn hạn	308.600.000.000	-	195.300.000.000	(308.600.000.000)	(45.300.000.000)
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	180.000.000.000	-	-	(180.000.000.000)	-
- Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	105.300.000.000	-	-	(89.300.000.000)	(16.000.000.000)
- Tổ chức, cá nhân khác	23.300.000.000	-	195.300.000.000	(39.300.000.000)	150.000.000.000
Nợ dài hạn	523.000.000.000	1.800.000.000.000	524.000.000.000	(452.000.000.000)	(674.000.000.000)
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	320.000.000.000	500.000.000.000	-	(320.000.000.000)	-
- Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	16.000.000.000	100.000.000.000	94.000.000.000	-	(210.000.000.000)
- FIDES XIN ZHAO PRIVATE INVESTMENT TRUST 1	-	700.000.000.000	100.000.000.000	-	-
- FIDES XIN MOI B&I PRIVATE INVESTMENT TRUST 3	-	300.000.000.000	-	-	(100.000.000.000)
- Tổ chức, cá nhân khác	187.000.000.000	200.000.000.000	330.000.000.000	(132.000.000.000)	(364.000.000.000)
	831.600.000.000	1.800.000.000.000	719.300.000.000	(760.600.000.000)	(719.300.000.000)
					1.871.000.000.000

- (*) Tăng/giảm khác do chuyển từ nợ dài hạn sang nợ dài hạn đến hạn trả và do chuyển nhượng trái phiếu giữa các cá nhân, tổ chức.
Số dư phân ánh các trái phiếu đã bán cho các tổ chức, cá nhân theo các đợt phát hành của Công ty, với các thông tin chi tiết sau:
- + Mệnh giá: 1.000.000.000 đồng/trái phiếu (với số lượng 1.871 trái phiếu);
 - + Kỳ hạn: 02 năm;
 - + Phương thức phát hành: Phát hành riêng lẻ thông qua đại lý phát hành;
 - + Tài sản đảm bảo: Không có tài sản đảm bảo;
 - + Lãi suất: Được quy định và điều chỉnh chi tiết trong từng đợt phát hành theo từng thời kỳ;
 - + Mục đích phát hành: Bổ sung nguồn vốn hoạt động cho vay kỳ quỹ chứng khoán.

	01/01/2018	31/12/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	1.194.094.542	12.746.026.268
Chi phí lãi hợp đồng môi giới chứng khoán	36.858.483.774	6.770.388.458
Chi phí lãi trái phiếu phải trả	10.064.750.000	39.385.421.423
Chi phí phải trả các sàn giao dịch	4.915.193.354	2.941.822.816
Chi phí giới thiệu thông tin sản phẩm	5.513.714.400	3.089.516.865
Chi phí thuê văn phòng năm 2017 tại số 1 Yết Kiêu - Hà Nội	1.292.694.731	-
Chi phí thuê văn phòng năm 2018 tại số 41 Ngô Quyền - Hà Nội	-	325.600.000
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.319.541.927	230.324.480
	61.158.472.728	65.489.100.310

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

21. NHẬN KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC

a) Ngắn hạn	31/12/2018	01/01/2018
	VNĐ	VNĐ
Nhận đặt cọc hợp đồng môi giới chứng khoán (*)	405.561.401.617	632.153.245.804
	405.561.401.617	632.153.245.804

b) Dài hạn	31/12/2018	01/01/2018
	VNĐ	VNĐ
Các khoản khác	25.000.000	25.000.000
	25.000.000	25.000.000

(*) Số dư phản ánh khoản nhận đặt cọc theo quy định tại các Hợp đồng môi giới mua chứng khoán giữa Công ty và các khách hàng. Theo đó, Công ty có trách nhiệm tìm kiếm các tổ chức, cá nhân có nhu cầu bán chứng khoán và thực hiện các thủ tục có liên quan để chuyển giao chứng khoán cho khách hàng. Trong trường hợp Hợp đồng không thực hiện được, Công ty có trách nhiệm hoàn trả tiền đã nhận đặt cọc và phí cơ hội tính trên số tiền đã nhận đặt cọc nhân với lãi suất quy định và số ngày nắm giữ thực tế.

24. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	VNĐ	VNĐ
Phải trả cổ tức cho cổ đông	354.974.799	354.974.799
Phải trả phí phát triển thị trường và tìm kiếm khách hàng	1.278.044.015	1.278.044.015
Cổ tức trả lại cho Tổng Công Ty Cổ Phần Bảo Hiểm Hàng Không	1.764.634.850	1.764.634.850
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.014.854.017	6.014.854.017
	9.412.507.681	9.412.507.681

25. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ	31/12/2018	Tỷ lệ	01/01/2018
	(%)	VNĐ	(%)	VNĐ
PYN Elite Fund	7,27%	76.561.000.000	5,97%	59.725.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	5,81%	61.270.000.000	6,13%	61.270.000.000
Các cổ đông khác	86,92%	916.125.740.000	87,90%	879.005.000.000
	100%	1.053.956.740.000	100%	1.000.000.000.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối	31/12/2018	01/01/2018
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	681.893.377.170	352.689.749.293
Lợi nhuận chưa thực hiện	(1.872.060.652)	19.279.484.219
	680.021.316.518	371.969.233.512

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn	Năm 2018	Năm 2017
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	352.689.749.293	97.060.321.368
Lỗ/Lãi chưa thực hiện tính đến cuối năm tài chính	(1.872.060.652)	19.279.484.219
Lỗ/Lãi đã thực hiện năm nay tính từ đầu năm	379.232.467.695	350.288.398.171
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm tài chính	731.922.216.988	447.348.719.539
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	(50.028.839.818)	(14.658.970.246)
- Quỹ dự trữ điều lệ	(17.514.419.909)	(4.329.485.123)
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	(17.514.419.909)	(4.329.485.123)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	(15.000.000.000)	(6.000.000.000)
Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn năm nay	-	(80.000.000.000)
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm tài chính	681.893.377.170	352.689.749.293

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01-2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2018, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VNĐ
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	350.288.398.171
Trích Quỹ dự trữ điều lệ	5,00%	17.514.419.909
Trích Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5,00%	17.514.419.909
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	4,28%	15.000.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 25% vốn điều lệ)	75,22%	263.489.190.000
Lợi nhuận chưa phân phối	10,50%	36.770.368.353

Tại ngày 31/12/2018, Công ty chưa thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu do chưa có thông báo chốt quyền của Trung tâm lưu ký chứng khoán.

d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2018	Năm 2017
	VNĐ	VNĐ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.125.489.636.800	1.000.310.000.000
- Vốn góp đầu năm	1.000.310.000.000	1.000.310.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	125.179.636.800	-
- Vốn góp cuối năm	1.125.489.636.800	1.000.310.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	(80.000.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	(80.000.000.000)
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm tài chính	263.489.190.000	-
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	263.489.190.000	-
e) Cổ phiếu	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	105.395.674	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	105.395.674	100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	105.395.674	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	105.395.674	100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	105.395.674	100.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000
26. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	31/12/2018	01/01/2018
	VNĐ	VNĐ
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	356.721.810.000	87.426.240.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	215.937.500.000	336.037.500.000
	572.659.310.000	423.463.740.000
27. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	31/12/2018	01/01/2018
	VNĐ	VNĐ
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	1.501.490.000	1.500.600.000
	1.501.490.000	1.500.600.000
28. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	31/12/2018	01/01/2018
	VNĐ	VNĐ
Tài sản tài chính chờ về của Công ty	8.025.000.000	-
	8.025.000.000	-

29. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	31/12/2018	01/01/2018
	VNĐ	VNĐ
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	108.924.040.000	108.022.300.000
	108.924.040.000	108.022.300.000
30. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	31/12/2018	01/01/2018
	VNĐ	VNĐ
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	18.635.568.100.000	15.269.053.790.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	2.836.585.260.000	1.442.161.060.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	2.012.928.610.000	1.252.255.380.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	50.000.000.000	32.000.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	283.103.360.000	294.511.130.000
	23.818.185.330.000	18.289.981.360.000
31. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	31/12/2018	01/01/2018
	VNĐ	VNĐ
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	631.803.410.000	52.713.640.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	205.092.200.000	205.388.200.000
	836.895.610.000	258.101.840.000
32. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	31/12/2018	01/01/2018
	VNĐ	VNĐ
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	277.880.837.800	649.145.274.500
	277.880.837.800	649.145.274.500
33. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	31/12/2018	01/01/2018
	VNĐ	VNĐ
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	264.543.388.401	252.206.200.535
1. Nhà đầu tư trong nước	258.973.473.864	252.153.492.765
2. Nhà đầu tư nước ngoài	5.569.914.537	52.707.770
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	277.880.837.800	649.145.274.500
Tiền gửi của tổ chức phát hành	15.592.189.062	1.451.663.639
1. Tiền gửi thanh toán cổ tức của tổ chức phát hành	15.592.189.062	1.451.663.639
	558.016.415.263	902.803.138.674

	31/12/2018	01/01/2018
34. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	264.543.388.401	252.206.200.535
1.1. Nhà đầu tư trong nước	258.973.473.864	252.153.492.765
1.2. Nhà đầu tư nước ngoài	5.569.914.537	52.707.770
2. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	277.880.837.800	649.145.274.500
2.1. Nhà đầu tư trong nước	277.880.837.800	649.145.274.500
	542.424.226.201	901.351.475.035
35. PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	15.592.189.062	1.451.663.639
	15.592.189.062	1.451.663.639
36. PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	1.829.707.551.445	2.046.472.120.328
1.1. Phải trả gốc margin	1.793.602.615.403	2.020.697.650.394
Nhà đầu tư trong nước	1.793.602.615.403	2.020.697.650.394
1.2. Phải trả lãi margin	36.104.936.042	25.774.469.934
Nhà đầu tư trong nước	36.104.936.042	25.774.469.934
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	257.406.350.432	301.902.468.749
2.1. Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	257.406.350.432	301.902.468.749
Nhà đầu tư trong nước	257.406.350.432	301.902.468.749
	2.087.113.901.877	2.348.374.589.077

37. THU NHẬP	a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước	
	Tổng giá trị bán	Tổng giá vốn	Lãi	Lỗ	Lãi	Lãi
Cổ phiếu niêm yết	3.343.703.838.000	3.305.213.687.548	164.788.828.875	126.298.678.423	127.483.831.398	96.577.467.549
Cổ phiếu chưa niêm yết	416.190.616.549	385.286.634.295	46.859.482.254	(1.045.415.000)	6.024.022.547	24.346.975.507
Trái phiếu niêm yết	15.729.683.231.419	15.494.313.946.354	237.416.146.786	73.272.727	146.944.630.000	10.674.000.000
Trái phiếu chưa niêm yết	2.308.648.664.749	2.303.363.218.000	6.672.055.749	1.366.609.000	55.068.492	-
Công cụ thị trường tiền tệ	4.963.472.822.072	4.961.315.068.500	2.157.753.572	-	330.690.906	342.405.116
	26.761.699.172.789	26.449.492.554.697	457.894.267.236	126.713.145.150	280.838.243.343	131.940.848.172
b) Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2018	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 01/01/2018	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán		
FVTPL	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	861.453.343.406	57.644.708.101	(79.391.529.913)	56.607.098.515	(37.327.614.296)	(718.293.399)
Cổ phiếu chưa niêm yết	765.189.214.610	55.894.208.101	(57.766.791.461)	56.607.098.515	(37.326.759.296)	(35.728.347.852)
Cổ phiếu chưa niêm yết	96.264.128.796	1.750.500.000	(21.624.738.452)	-	(855.000)	35.010.054.453
Tiền gửi có kỳ hạn	145.000.000.000	-	-	-	-	-
Loại AFS	-	-	-	68.882.003.841	(68.882.003.841)	(68.882.003.841)
Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	68.882.003.841	(68.882.003.841)	(68.882.003.841)
	1.006.453.343.406	57.644.708.101	(79.391.529.913)	125.489.102.356	(37.327.614.296)	(69.600.297.240)
						(20.433.251.472)

c) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS	Năm 2018	Năm 2017
	VNĐ	VNĐ
Từ tài sản tài chính FVTPL	27.471.123.344	79.396.520.042
Từ các khoản cho vay	375.127.431.396	337.484.027.134
	402.598.554.740	416.880.547.176

38. CHI PHÍ NGOÀI CHI PHÍ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH	Năm 2018	Năm 2017
	VNĐ	VNĐ
Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ khác	23.223.489.731	(5.749.401.472)
- Chi phí cho thuê tài sản	-	1.750.000
- Chi phí dịch vụ tài chính khác	8.229.343.218	7.866.686.332
- Chi phí từ trả hộ gốc, lãi trái phiếu và cổ tức của Tổ chức phát hành	22.000	-
	14.994.124.513	(13.617.837.804)
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và xử lý tổn thất phải thu khó đòi	23.223.489.731	(5.749.401.472)

39. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Năm 2018	Năm 2017
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	3.247.133.001	3.673.273.216
	3.247.133.001	3.673.273.216

40. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Năm 2018	Năm 2017
	VNĐ	VNĐ
Chi phí lãi vay	202.726.366.390	148.927.809.300
Chi phí đầu tư khác	-	80.000.000
	202.726.366.390	149.007.809.300

41. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	Năm 2018	Năm 2017
	VNĐ	VNĐ
Chi phí lương và các khoản theo lương	26.395.673.182	26.884.581.141
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	880.050.082	744.368.846
Chi phí vật tư văn phòng	657.864.527	542.836.491
Chi phí công cụ, dụng cụ	570.941.847	260.823.377
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	684.637.285	757.014.470
Chi phí thuế, phí và lệ phí	224.087.767	165.997.720
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.935.705.794	5.908.450.670
Chi phí khác	14.753.431.405	5.897.691.084
	53.102.391.889	41.161.763.799

42. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	Năm 2018	Năm 2017
	VNĐ	VNĐ
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	410.687.834.071	450.702.786.310
Các khoản điều chỉnh tăng	604.761.891	136.586.667
- Chi phí không hợp lệ	604.761.891	136.586.667
Các khoản điều chỉnh giảm	(147.539.746.329)	(101.771.951.890)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(22.030.246.630)	(45.164.853.375)
- Chuyển lỗ các năm trước (*)	(126.227.793.098)	-
- Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	718.293.399	(56.607.098.515)
Thu nhập chịu thuế TNDN	263.752.849.633	349.067.421.087
- Thu nhập tính thuế còn lại	263.752.849.633	349.067.421.087
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	52.750.569.927	69.813.484.217
Thuế TNDN từ công ty CP Chứng khoán SHB chuyển sang do sáp nhập	567.039.398	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	36.125.992.590	(12.188.448.530)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(49.388.864.829)	(21.499.043.097)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	40.054.737.086	36.125.992.590
(*) Toàn bộ số lỗ được chuyển là số lỗ lũy kế còn đủ điều kiện được chuyển của Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB trước thời điểm sáp nhập.		
	31/12/2018	01/01/2018
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	VNĐ	VNĐ
Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	(143.658.680)	11.321.419.703
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	11.321.419.703	-
	11.177.761.023	11.321.419.703
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả hoạt động	Năm 2018	Năm 2017
	VNĐ	VNĐ
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(143.658.680)	11.321.419.703
	(143.658.680)	11.321.419.703

43. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2018	Năm 2017
	VNĐ	VNĐ
Tổng lợi nhuận sau thuế	358.080.922.824	369.567.882.390
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	358.080.922.824	369.567.882.390
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	104.065.234	100.000.000
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bổ sung (*)	26.348.919	26.348.919
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.746	2.925

(*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01-2018/NQ-DHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2018, Công ty công bố việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu bằng 25% vốn điều lệ cho các cổ đông trong năm 2018. Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Trung tâm lưu ký chứng khoán thông báo ngày giao dịch không hưởng quyền đối với việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu là ngày 14/1/2019. Vì vậy, lãi cơ bản trên số cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi trên cổ phiếu.

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

44. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2018	Năm 2017
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận thuần sau thuế	358.080.922.824	369.567.882.390
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	358.080.922.824	369.567.882.390
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	104.065.234	100.000.000
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	70.263.783	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bổ sung từ việc chi trả cổ tức	26.348.919	26.348.919
Giá bình quân cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (*)	18.427	-
Giá phát hành dự kiến	12.000	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.311	2.925

(*) Giá giao dịch khớp lệnh bình quân của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm 2018 trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

45. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018	
	"Giá gốc/ Giá trị hợp lý" VNĐ	Dự phòng VNĐ	"Giá gốc/ Giá trị hợp lý" VNĐ	Dự phòng VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền	838.785.387.863	-	-	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	1.006.453.343.406	-	-	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.051.008.965.835	(1.545.481.857)	(1.081.837.300)	(1.081.837.300)
Các khoản cho vay	1.305.163.963.286	(431.302.097.672)	(265.602.006.282)	(265.602.006.282)
Các khoản phải thu	5.201.411.660.390	(432.847.579.529)	(266.683.843.582)	(266.683.843.582)

	31/12/2018	01/01/2017
	VNĐ	VNĐ
Vay và nợ	2.417.980.000.000	1.872.310.706.528
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, nhận ký quỹ ký cược và phải trả khác	439.591.361.459	656.354.159.306
Chi phí phải trả	65.489.100.310	61.158.472.728
	2.923.060.461.769	2.589.823.338.562

Theo quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC, Thông tư 146/2014/TT-BTC, và Thông tư 334/2016/TT-BTC, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Tại ngày 31/12/2018				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	861.453.343.406	145.000.000.000	-	1.006.453.343.406
	861.453.343.406	145.000.000.000	-	1.006.453.343.406
Tại ngày 01/01/2018				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	680.217.968.490	-	-	680.217.968.490
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	217.474.875.700	-	-	217.474.875.700
	897.692.844.190	-	-	897.692.844.190

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu các dịch vụ Công ty Chứng khoán cung cấp và phải thu khác) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Tại ngày 31/12/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	838.785.387.863	-	-	838.785.387.863
Các khoản cho vay	2.049.463.483.978	-	-	2.049.463.483.978
Các khoản phải thu	873.861.865.614	-	-	873.861.865.614
	3.762.110.737.455	-	-	3.762.110.737.455
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	85.945.680.803	-	-	85.945.680.803
Các khoản cho vay	2.321.518.281.843	-	-	2.321.518.281.843
Các khoản phải thu	681.964.639.916	-	-	681.964.639.916
	3.089.428.602.562	-	-	3.089.428.602.562

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Tại ngày 31/12/2018				
Vay và nợ	696.980.000.000	1.721.000.000.000	-	2.417.980.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, nhận ký quỹ ký cược và phải trả khác	439.552.335.769	39.025.690	-	439.591.361.459
Chi phí phải trả	65.489.100.310	-	-	65.489.100.310
	1.202.021.436.079	1.721.039.025.690	-	2.923.060.461.769
Tại ngày 01/01/2018				
Vay và nợ	1.349.310.706.528	523.000.000.000	-	1.872.310.706.528
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, nhận ký quỹ ký cược và phải trả khác	656.315.133.616	39.025.690	-	656.354.159.306
Chi phí phải trả	61.158.472.728	-	-	61.158.472.728
	2.066.784.312.872	523.039.025.690	-	2.589.823.338.562

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

46. BÁO CÁO BỘ PHẬN
Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Hoạt động kinh doanh nguồn vốn và dịch vụ khách hàng	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	264.558.211.498	484.647.097.181	375.127.431.396	119.259.880.236	1.243.592.620.311
Chi phí hoạt động	191.398.496.567	154.532.939.169	196.710.033.029	38.484.472.722	581.125.941.487
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	-	3.247.133.001
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	255.828.758.279
Kết quả hoạt động	73.159.714.931	330.114.158.012	178.417.398.367	80.775.407.514	409.885.053.546
Tài sản bộ phận trực tiếp	21.396.772.871	-	2.204.044.678.888	800.442.464.132	4.032.337.259.297
Tài sản không phân bổ	-	1.006.453.343.406	-	-	836.623.230.935
Tổng tài sản	21.396.772.871	1.006.453.343.406	2.204.044.678.888	800.442.464.132	4.868.960.490.232
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	9.982.364.508	-	2.725.672.849.308	-	2.735.655.213.816
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	267.990.888.170
Tổng nợ phải trả	9.982.364.508	-	-2.725.672.849.308	-	3.003.646.101.986
Theo khu vực địa lý					
	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam		
	VND	VND	VND		VND
Doanh thu hoạt động	1.074.302.851.339	18.866.980.035	150.422.788.937		1.243.592.620.311
Tài sản bộ phận	4.194.084.171.424	65.507.103.454	609.369.215.354		4.868.960.490.232
Nợ phải trả bộ phận	2.928.058.291.988	45.876.161.283	29.711.648.715		3.003.646.101.986

47. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01-2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2018, Công ty dự kiến phát hành 101.872.702 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Trong đó, số lượng cổ phiếu phát hành chào bán cho các cổ đông hiện hữu là 70.263.783 cổ phiếu; giá phát hành: 12.000 đồng/cổ phiếu; số lượng cổ phiếu được chia cổ tức năm 2017 là: 26.348.919 cổ phiếu và số lượng cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) theo mệnh giá là 5.260.000 cổ phiếu.

Theo giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 78/GCN-UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13/12/2018, thời gian đăng ký cuối cùng đối với việc nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2017 là ngày 15/01/2019; thời gian đăng ký, nộp tiền mua cổ phần mới phát hành ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và người lao động là từ ngày 21/01/2019 đến ngày 25/02/2019 và thời gian đăng ký, nộp tiền mua cổ phiếu ESOP từ ngày 21/01/2019 đến ngày 25/02/2019.

Đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu và chia cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu, tuy nhiên vẫn chưa có thông báo chấp thuận niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

48. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu môi giới			
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	-	26.360.512
Nhận tiền vay			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	2.317.763.174.874	2.232.000.000.000
Trả nợ vay			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	2.931.493.881.402	1.918.000.000.000
Chi phí lãi vay			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	45.910.738.060	54.301.532.707
Chi phí lãi kỳ quỹ			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	81.345.967.854	57.289.055.556

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2018 VNĐ	01/01/2018 VNĐ
Đầu tư cổ phiếu			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	137.065.831.349	137.065.831.349
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	29.949.990.000	29.949.990.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	Cùng chủ tịch HĐQT	-	46.281.010
Phải thu khác			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	-	480.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	Cùng chủ tịch HĐQT	-	25.000.000
Vay ngắn hạn			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	276.980.000.000	890.710.706.528
Nhận ký quỹ ký cược			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	-	250.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	-	130.000.000.000

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2018 VNĐ	Năm 2017 VNĐ
Thu nhập của Tổng Giám đốc	2.420.382.800	2.141.202.009
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	9.202.733.954	8.769.682.972

48. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Thị Thủy

Người lập



Trần Sỹ Tiến

Kế toán trưởng



Vũ Đức Tiến

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2019